

Số: 1998 /ĐA-UBND

Hà Nam, ngày 08 tháng 10 năm 2024

ĐỀ ÁN

**Thành lập thị xã Kim Bảng
và các phường thuộc thị xã Kim Bảng, tỉnh Hà Nam**

Tỉnh Hà Nam thuộc vùng đồng bằng sông Hồng, trong quy hoạch vùng Thủ đô Hà Nội; là cửa ngõ phía Nam thành phố Hà Nội, vị trí trung tâm kết nối các tỉnh đồng bằng sông Hồng. Địa bàn tỉnh có hệ thống giao thông rất phát triển, như: Quốc lộ 1, cao tốc Bắc - Nam, tuyến tránh Quốc lộ 1, Quốc lộ 21, 21B, Quốc lộ 38, đường nối cao tốc Hà Nội - Hải Phòng, Cầu Giẽ - Ninh Bình; đường sắt Bắc - Nam,... giúp kết nối thuận lợi giữa tỉnh Hà Nam với các tỉnh, thành phố vùng đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung bộ.

Là vùng đất có bề dày lịch sử - văn hóa, với kho tàng di sản văn hóa vật thể và phi vật thể đồ sộ, mang đậm bản sắc vùng đồng bằng Bắc bộ. Toàn tỉnh có gần 2.000 di tích các loại, trong đó có 02 di tích cấp quốc gia đặc biệt, 95 di tích xếp hạng cấp quốc gia và 133 di tích cấp tỉnh; 03 bảo vật quốc gia; 12 di sản văn hóa phi vật thể tiêu biểu được ghi vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia; hơn 100 lễ hội truyền thống, 40 làng nghề thủ công truyền thống,... Cùng với đó, hệ thống sông núi, hang động nổi tiếng như: hồ Tam Chúc, hồ Ba Hang, núi Đọi - sông Châu, núi Cấm - Ngũ Động Sơn,... đang là điểm đến hấp dẫn của du khách trong và ngoài nước.

Những năm qua, cùng với sự phát triển mạnh mẽ về kinh tế - xã hội, hệ thống đô thị của tỉnh cũng đang từng bước hình thành và ngày càng phát triển với 14 đô thị, gồm 1 loại II, 2 loại IV và 11 loại V. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, việc phát triển đô thị vẫn còn nhiều tồn tại, đó là hạ tầng khung giao thông vùng kết nối Hà Nam với các tỉnh trong vùng thủ đô Hà Nội, vùng đồng bằng sông Hồng vẫn đang trong quá trình đầu tư xây dựng; thành phố Phủ Lý có diện mạo đô thị chưa xứng tầm với một trung tâm đô thị lớn cửa ngõ phía Nam thủ đô Hà Nội. Vì vậy, Chương trình phát triển đô thị tỉnh Hà Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 1436/QĐ-UBND ngày 22/9/2016 và Quyết định số 3064/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 về việc điều chỉnh, bổ sung đô thị Kim Bảng vào chương trình phát triển đô thị tỉnh Hà Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã xác định mục tiêu đến năm 2030, toàn tỉnh có 17 đô thị; trong đó: 01 đô thị loại I (Thành phố Phủ Lý); 01 đô thị loại III (thị xã Duy Tiên); 03 đô thị loại IV (các thị trấn Vĩnh Trụ, Bình Mỹ, Ba Sao); 12 đô thị loại V. Tỷ lệ đô thị hóa toàn tỉnh đạt trên 55%. Đến nay, sau gần 10 năm thực hiện, hệ thống đô thị của tỉnh Hà Nam đã được đầu tư phát triển và hoàn thiện.

Thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm

2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quyết định số 1686/QĐ-TTg ngày 26/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hà Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Chương trình phát triển đô thị tỉnh Hà Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, UBND tỉnh Hà Nam kính trình Chính phủ Đề án thành lập thị xã Kim Bảng và các phường thuộc thị xã Kim Bảng, tỉnh Hà Nam với các nội dung như sau:

Phần thứ nhất

CĂN CỨ PHÁP LÝ, SỰ CẦN THIẾT THÀNH LẬP THỊ XÃ KIM BẢNG VÀ CÁC PHƯỜNG THUỘC THỊ XÃ KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Căn cứ chính trị

- Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;
- Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện và cấp xã;
- Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;
- Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030;
- Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hà Nam lần thứ XX, nhiệm kỳ 2020-2025; Nghị quyết số 16-NQ/TU của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng và phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh Hà Nam giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;
- Chỉ thị số 32-CT/TU ngày 23/02/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023-2030.

2. Căn cứ pháp lý

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;
- Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị; Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13;
- Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành

chính; Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13;

- Nghị định số 54/2018/NĐ-CP ngày 16/4/2018 của Chính phủ về hướng dẫn việc lấy ý kiến cử tri về thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới ĐVHC; Nghị định số 66/2023/NĐ-CP ngày 24/8/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 54/2018/NĐ-CP;

- Nghị quyết số 148/NQ-CP ngày 11/11/2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 07/4/2009 phê duyệt điều chỉnh Định hướng phát triển hệ thống đô thị Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch phân loại đô thị quốc gia giai đoạn 2021-2030;

- Quyết định 768/QĐ-TTg ngày 06/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch vùng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 1686/QĐ-TTg ngày 26/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hà Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 1128/QĐ-BXD ngày 08/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công nhận huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam đạt tiêu chí đô thị loại IV trực thuộc tỉnh Hà Nam;

- Quyết định số .../QĐ-BXD ngày ... của Bộ Xây dựng về việc công nhận khu vực dự kiến thành lập phường thuộc thị xã Kim Bảng, tỉnh Hà Nam đạt tiêu chuẩn trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị loại IV;

- Kế hoạch số 1677/KH-UBND ngày 28/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Hà Nam giai đoạn 2023-2025;

- Quyết định số 364/QĐ-UBND ngày 25/3/2011 của UBND tỉnh Hà Nam phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Hà Nam đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 1436/QĐ-UBND ngày 22/9/2016 của UBND tỉnh Hà Nam phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Hà Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 3064/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 về việc điều chỉnh, bổ sung đô thị Kim Bảng vào chương trình phát triển đô thị tỉnh Hà Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 2025/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 của UBND tỉnh Hà Nam về việc phê duyệt quy hoạch chung đô thị Kim Bảng đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 433/QĐ-UBND ngày 19/4/2023 của UBND tỉnh Hà Nam về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị Kim Bảng, tỉnh Hà Nam đến năm 2030.

II. SỰ CẦN THIẾT THÀNH LẬP THỊ XÃ VÀ CÁC PHƯỜNG THUỘC THỊ XÃ KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM

1. Sự cần thiết thành lập thị xã Kim Bảng

1.1. Về vị trí, tiềm năng và lợi thế

Huyện Kim Bảng nằm ở phía Tây Bắc tỉnh Hà Nam; giáp Thủ đô Hà Nội và tỉnh Hòa Bình, thị xã Duy Tiên, huyện Thanh Liêm và thành phố Phủ Lý của tỉnh Hà Nam. Huyện Kim Bảng có Khu du lịch Quốc gia Tam Chúc; có Khu Công nghiệp Đồng Văn 4 nằm trên Quốc lộ 38 có thể dễ dàng kết nối với Quốc lộ 1 đi Hà Nội, cao tốc Hà Nội - Hải Phòng đi cảng Đình Vũ; Khu Công nghiệp Kim Bảng I, được chấp thuận chủ trương đầu tư năm 2023, nằm trên địa bàn các xã Lê Hồ, Đại Cương và Đồng Hóa với quy mô 230 ha, tổng vốn đầu tư 2.653 tỷ đồng. Hệ thống giao thông có đường vành đai V - vùng Thủ đô Hà Nội, Quốc lộ 1 đoạn tránh thành phố Phủ Lý, Quốc lộ 21, Quốc lộ 21B, Quốc lộ 38 đi qua,... tạo được điều kiện thuận lợi trong giao lưu kinh tế - văn hóa - xã hội, thu hút vốn đầu tư trong nước và ngoài nước. Đồng thời, Kim Bảng có nhiều tiềm năng để phát triển các loại hình du lịch sinh thái, thám hiểm hang động, lễ hội, du lịch tâm linh,... với tài nguyên du lịch tương đối độc đáo đa dạng, trong đó nổi bật là hệ thống hang động như Ngũ Động Sơn (xã Thi Sơn), hồ Tam Chúc (thị trấn Ba Sao),... Ngoài ra còn có các di tích lịch sử, kiến trúc độc đáo như: chùa Bà Đanh (xã Ngọc Sơn), núi Ngọc (xã Ngọc Sơn), đền thờ nữ tướng Lê Chân (xã Thanh Sơn).

Đề khai thác hiệu quả vị trí, tiềm năng và lợi thế nêu trên cho mục đích phát triển kinh tế - xã hội của huyện Kim Bảng nói riêng và tỉnh Hà Nam nói chung, tại Quyết định số 1436/QĐ-UBND ngày 22/9/2016 của UBND tỉnh Hà Nam phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Hà Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quyết định số 3064/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 về việc điều chỉnh, bổ sung đô thị Kim Bảng vào chương trình phát triển đô thị tỉnh Hà Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hà Nam lần thứ XX, nhiệm kỳ 2020 - 2025 đã đề ra mục tiêu: “Phấn đấu, thành lập thị xã Kim Bảng trước năm 2025”.

Triển khai thực hiện chủ trương, chương trình phát triển huyện Kim Bảng, Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam đã ban hành Quyết định số 2025/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 phê duyệt quy hoạch chung đô thị Kim Bảng đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 433/QĐ-UBND ngày 19/4/2023 phê duyệt Chương trình phát triển đô thị Kim Bảng, tỉnh Hà Nam đến năm 2030, trong đó đã xác định: “Đô thị Kim Bảng là đô thị loại IV, hướng tới đô thị loại III vào năm 2030, là khu vực phát triển kinh tế - xã hội trọng điểm phía Tây của tỉnh gắn với Khu du lịch Quốc gia Tam Chúc, các công trình hạ tầng kỹ thuật đầu mối phía Nam thủ đô Hà Nội và khu công nghiệp tập trung quy mô lớn của tỉnh”.

Đồng thời, tại Quy hoạch tỉnh Hà Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 1686/QĐ-TTg ngày 26/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ cũng xác định Kim Bảng thuộc vùng đô thị - sinh thái - công nghiệp phía Tây của tỉnh Hà Nam; phương hướng phát triển hệ thống đô thị trên địa bàn tỉnh: “Đến năm 2030, tỉnh Hà Nam có 09 đô thị, gồm: Phấn đấu thành phố Phủ Lý đạt tiêu chí đô thị loại I, trong đó tập trung xây dựng phát triển đô thị Bắc Châu Giang là đô thị xanh, thông minh, có hạ tầng hiện đại, hạt nhân phát triển của thành phố Phủ Lý và đồng thời là trung tâm hành chính - chính trị của tỉnh. Thị xã Duy Tiên là đô thị loại III tiến tới thành lập thành phố Duy Tiên. Huyện Kim Bảng là thị xã, cơ bản đạt tiêu chí đô thị loại III. Tập trung đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng các đô thị loại V (Phố Cà, Nhân Mỹ, Hòa Hậu, Thái Hà) làm tiền đề xây dựng 02 đô thị loại IV cấp tỉnh: đô thị Thanh Liêm, đô thị Lý Nhân (tiến tới thành lập thị xã). Xây dựng 02 đô thị loại IV thuộc huyện Bình Lục: thị trấn Bình Mỹ (mở rộng theo phương án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã), đô thị Chợ Sông (thành lập thị trấn). Hoàn thiện cơ sở hạ tầng và phát triển các đô thị loại V (An Lão, Tiêu Động) hướng tới phát triển và nâng cấp đô thị trên địa bàn huyện Bình Lục”.

1.2. Về thực trạng phát triển kinh tế - xã hội

Để hoàn thành các mục tiêu, định hướng phát triển kinh tế - xã hội theo các chương trình, mục tiêu, kế hoạch,... đề ra. Thời gian qua, tỉnh Hà Nam đã huy động mọi nguồn lực, tập trung đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, và hệ thống cơ sở hạ tầng trên địa bàn huyện Kim Bảng. Đến nay, sau gần 10 năm nỗ lực thực hiện, kinh tế của huyện Kim Bảng luôn duy trì tốc độ tăng trưởng cao, cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng. Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân giai đoạn 2021-2023 đạt 13,30%. Năm 2023, tốc độ tăng trưởng đạt 11,57%, trong đó giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tăng 15,4%. Thu hút đầu tư tiếp tục được quan tâm, địa bàn huyện có 610 doanh nghiệp và 5.828 hộ kinh doanh, riêng Khu Công nghiệp Đồng Văn 4 đã thu hút được 48 doanh nghiệp đầu tư, giải quyết việc làm hơn 9.000 lao động. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, tỷ trọng công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và thương mại - dịch vụ - du lịch chiếm 95,15% trong cơ cấu kinh tế của huyện. Văn hóa - xã hội có nhiều chuyển biến tích cực, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ngày càng được cải thiện và nâng cao; giải quyết việc làm, an sinh xã hội, giảm nghèo đạt nhiều kết quả; đời sống vật chất và tinh thần người dân được nâng lên. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp chiếm 80,30%; tỷ lệ hộ nghèo trung bình 3 năm (2021-2023) giảm còn 1,88%; thu nhập bình quân đầu người đạt 76,8 triệu đồng, tăng 9,6% và gấp 1,3 lần so với trung bình của cả nước. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Tiếp tục đẩy mạnh chương trình xây dựng nông thôn mới, trọng tâm là hướng đến hoàn thiện các chỉ tiêu, tiêu chí xây dựng nông thôn mới nâng cao theo Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 của tỉnh. Đến nay, toàn huyện có 06 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 04 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

1.3. Về phát triển đô thị

Thực hiện Quy hoạch chung đô thị Kim Bảng đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050; Chương trình phát triển đô thị Kim Bảng, tỉnh Hà Nam đến năm 2030 và để thực hiện mục tiêu được công nhận đô thị loại IV năm 2023 và tiến tới thành lập thị xã trước năm 2025, huyện Kim Bảng đã chủ động khắc phục khó khăn, tháo gỡ những “điểm nghẽn”, triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp mang tính đột phá nhằm phát triển nhanh về kinh tế - xã hội và xây dựng hệ thống hạ tầng đô thị đồng bộ, hiện đại. Trong đó, tập trung thực hiện hiệu quả các chương trình phục hồi và phát triển kinh tế; huy động tối đa các nguồn lực, xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng, nhất là kết cấu hạ tầng các dự án trọng điểm như đầu tư, cải tạo mạng lưới các trục giao thông kết nối liên vùng, liên khu vực; đẩy nhanh tiến độ hoàn thành đưa vào khai thác các tuyến đường giao thông liên kết vùng (tuyến đường vành đai 5 vùng thủ đô Hà Nội, tuyến nối vành đai 4 - vành đai 5); xây dựng các tuyến giao thông liên mạch, kết nối Hương Sơn - Tam Chúc; Tam Chúc - Bái Đính thành cụm du lịch tâm linh Hương Sơn - Tam Chúc - Bái Đính và hoàn thành các dự án đầu tư công do huyện làm chủ đầu tư như: đường phía Đông, đường phía Tây thị trấn Quế; các dự án về chỉnh trang vỉa hè, thoát nước, chiếu sáng trên các tuyến Quốc lộ 21B, đường tỉnh 494, 494B. Cùng với đầu tư xây dựng trạm xử lý nước thải sinh hoạt tại các xã Đông Hóa, Lê Hồ và thị trấn Ba Sao, xây dựng nhà máy cung cấp nước sạch tại xã Tân Sơn và tại xã Ngọc Sơn (giai đoạn 1); trồng cây xanh trong giải phân cách giữa tạo cảnh quan đô thị trên Quốc lộ 38 đoạn từ nút giao Quốc lộ 1 đến Quốc lộ 21B. Đến nay các chỉ tiêu về hạ tầng cơ bản đạt và vượt tiêu chuẩn của đô thị loại IV, như: diện tích nhà ở bình quân đầu người đạt 36,39 m² sàn/người; tỷ lệ nhà ở kiên cố đạt 97,62%; mật độ đường giao thông đô thị đạt 8,90 km/km²; cấp điện sinh hoạt đạt 948,19 kwh/người/năm; tỷ lệ đường phố được chiếu sáng đạt 100%; tỷ lệ ngõ, ngách, hẻm được chiếu sáng đạt 58,99%; tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh đạt 100%; tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường đạt 98%; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom và tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường đạt 96,81%,... Kết quả của sự nỗ lực phấn đấu trong thời gian qua của chính quyền địa phương tỉnh Hà Nam nói chung và huyện Kim Bảng nói riêng đã được cấp có thẩm quyền ghi nhận. Theo đó, huyện Kim Bảng đã được công nhận đạt tiêu chí đô thị loại IV tại Quyết định số 1128/QĐ-BXD ngày 08/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

1.4. Về vai trò, động lực phát triển vùng

Điều chỉnh Quy hoạch vùng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 06/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ định hướng khai thác, chia sẻ và liên kết các chức năng lợi thế riêng của từng đô thị, đặc biệt là các đô thị trung tâm nhằm phát huy thế mạnh của đô thị; tập trung đầu tư nâng cao chất lượng đô thị; cấu trúc đô thị hài hòa với cảnh quan tự nhiên (núi, sông, suối, hồ,...), ưu tiên hình thành các vùng không gian xanh nông, lâm nghiệp; sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả, hạn chế phát triển theo

mô hình đô thị lan tỏa,... Huyện Kim Bảng nằm ở vị trí giáp Thủ đô Hà Nội, tỉnh Hòa Bình, trong vòng cung du lịch trọng điểm (sinh thái - tâm linh) Ba Vi - Hòa Bình - Hương Sơn - Tam Chúc - Tràng An; cận kề trung tâm giáo dục - đào tạo (Đại học Nam Cao) - y tế cấp vùng (bệnh viện cơ sở 2 Việt Đức và Bạch Mai); trong tam giác kinh tế Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh; trên vành đai công nghiệp vùng Bắc bộ và trong vùng phát triển đô thị trung tâm của vùng Thủ đô; chịu ảnh hưởng tích cực bởi các hành lang kinh tế - kỹ thuật - đô thị quan trọng của vùng Bắc bộ gồm: Cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình, cao tốc Chợ Bền - Yên Mỹ, đường vành đai 5 vùng Thủ đô Hà Nội, Quốc lộ 1, Quốc lộ 21, Quốc lộ 21B, Quốc lộ 38,... Như vậy, Kim Bảng hội tụ đủ yếu tố để trở thành khu vực phát triển kinh tế - xã hội trọng điểm phía Tây của tỉnh Hà Nam gắn với Khu du lịch Quốc gia Tam Chúc, các công trình hạ tầng kỹ thuật đầu mối phía Nam thủ đô Hà Nội và khu công nghiệp tập trung quy mô lớn của tỉnh Hà Nam. Sau khi được thành lập, thị xã Kim Bảng cùng với các đô thị khác trong vùng như Phủ Lý, Hòa Bình, Hưng Yên, Ninh Bình,... trở thành chuỗi đô thị có chức năng hỗ trợ phát triển phía Tây Nam của vùng Thủ đô Hà Nội.

Từ những lý do nêu trên, việc thành lập thị xã Kim Bảng trên cơ sở nguyên trạng huyện Kim Bảng là cần thiết; là cơ sở pháp lý cho việc thiết lập mô hình quản lý theo mô hình chính quyền đô thị, nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quản lý nhà nước; đồng thời, phù hợp với các quy hoạch, kế hoạch, chương trình phát triển được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đây cũng là động lực thúc đẩy kinh tế - xã hội của huyện tiếp tục phát triển, khai thác tối đa các tiềm năng và thế mạnh của huyện Kim Bảng, góp phần phát triển chung của tỉnh Hà Nam. Huyện Kim Bảng đáp ứng đủ các điều kiện và đạt đủ các tiêu chuẩn của thị xã thuộc tỉnh theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019), Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính (sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15).

2. Sự cần thiết sắp xếp, thành lập các phường thuộc thị xã Kim Bảng

2.1. Về vị trí, tiềm năng và lợi thế

Theo Quy hoạch chung đô thị Kim Bảng đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 2025/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 của UBND tỉnh Hà Nam thì phạm vi khu vực nội thị của đô thị Kim Bảng bao gồm: Thị trấn Quế, thị trấn Ba Sao và các xã Tượng Lĩnh, Nhật Tân, Thi Sơn, Đông Hóa, Ngọc Sơn, Nhật Tựu, Đại Cường, Lê Hồ, Tân Sơn. Là khu vực có diện tích tự nhiên rộng, địa hình tương đối bằng phẳng; có hệ thống giao thông kết nối thuận lợi đến các trung tâm trong vùng, như: Quốc lộ 21B - kết nối quần thể du lịch tâm linh Tam Chúc với Chùa Hương, Ba Vi - Hòa Bình - Hương Sơn - Tràng An; Quốc lộ 38 - kết nối với vành đai công nghiệp Hà Nam (Đông Văn) - Hưng Yên; Quốc lộ 21 - kết nối với các khu kinh tế biên Đình Vũ (Hải Phòng), Thái Bình (Thái Bình),... nên có nhiều tiềm năng và cơ hội phát triển tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ -

thương mại và du lịch, khu đô thị, là cơ sở cho việc hình thành các trung tâm thương mại - dịch vụ, lưu trú, vui chơi giải trí lớn.

2.2. Về phát triển kinh tế - xã hội

Cùng với sự phát triển chung huyện Kim Bảng, địa bàn các xã, thị trấn thuộc khu vực dự kiến nội thị thời gian qua đã có sự tăng trưởng nhanh về kinh tế, bình quân hằng năm tăng từ 11 đến 15%; cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng, thương mại, dịch vụ, giảm dần tỷ trọng nông nghiệp; kết cấu hạ tầng được đầu tư xây dựng từng bước đồng bộ; tỷ lệ lao động qua đào tạo và tỷ lệ lao động phi nông nghiệp ngày càng tăng (tỷ lệ lao động phi nông nghiệp khu vực dự kiến nội thị đạt 81,53%); thu ngân sách hằng năm của các xã, thị trấn hoàn thành dự toán và tăng dần tỷ lệ cân đối; lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội có nhiều chuyển biến tích cực; tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 1,82%; đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân không ngừng được nâng cao; thu nhập bình quân đầu người đạt từ 76,80 triệu đồng/người/năm.

2.3. Về phát triển đô thị

Nhằm cụ thể hóa Quy hoạch chung đô thị Kim Bảng, Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam đã ban hành Quyết định số 433/QĐ-UBND ngày 19/4/2023 phê duyệt Chương trình phát triển đô thị Kim Bảng, tỉnh Hà Nam đến năm 2030 và từng bước lập, phê duyệt quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết làm cơ sở cho việc triển khai đầu tư, phát triển hệ thống đô thị¹. Đến nay, địa bàn các xã, thị trấn đã hình thành và phát triển các Khu Công nghiệp, đô thị, trung tâm thương mại - dịch vụ - du lịch, tiểu thủ công nghiệp dọc trục Quốc lộ 21, 21B, Quốc lộ 38, đường tránh Quốc lộ 1 phía Đông Bắc huyện,... đáp ứng nhu cầu về nhà ở, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật trong khu vực. Tại Quyết định số .../QĐ-BXD ngày ... của Bộ Xây dựng về việc công nhận khu vực dự kiến thành lập phường thuộc thị xã Kim Bảng, tỉnh Hà Nam đạt tiêu chuẩn trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị loại IV. Theo đó, thị trấn Quế, thị trấn Ba Sao và các xã Tượng Lĩnh, Nhật Tân, Thi Sơn, Đồng Hóa, Ngọc Sơn, Nhật Tựu, Đại Cường, Lê Hồ, Tân Sơn đạt từ 10 đến 13 tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị loại IV để thành lập phường thuộc thị xã theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 (sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15).

2.4. Về công tác quản lý nhà nước trên địa bàn

Những năm gần đây, sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề truyền thống phát triển; quy mô, số lượng các doanh nghiệp, cơ sở hoạt động, sản xuất - kinh doanh có bước phục hồi sau dịch bệnh Covid-19; các

¹ Quyết định số 571/QĐ-UBND ngày 25/5/2023 phê duyệt quy hoạch Khu Công nghiệp, đô thị, dịch vụ phía Nam; Quyết định số 631/QĐ-UBND ngày 26/3/2023 phê duyệt quy hoạch Khu đô thị, dịch vụ, thương mại; Quyết định số 674/QĐ-UBND ngày 21/6/2023 phê duyệt quy hoạch Khu Công nghiệp, đô thị, dịch vụ phía Bắc; Quyết định số 1325/QĐ-UBND ngày 15/11/2023 phê duyệt quy hoạch Khu đô thị trung tâm; Quyết định số 1326/QĐ-UBND ngày 15/11/2023 phê duyệt quy hoạch Khu đô thị, du lịch, dịch vụ phía Tây,... thuộc Quy hoạch chung đô thị Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

doanh nghiệp chủ động đầu tư máy móc công nghệ hiện đại, nâng cao chất lượng, số lượng sản phẩm, gia tăng khả năng cạnh tranh, kết nối và mở rộng thị trường, tạo thêm việc làm cho người lao động; hạ tầng thương mại, dịch vụ, du lịch, đô thị, nông nghiệp, nông thôn từng bước được chú trọng đầu tư, hoàn thiện trên địa bàn các xã, thị trấn đã góp phần cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân, diện mạo đô thị của huyện ngày càng khang trang, khởi sắc. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được thì thực trạng phát triển kinh tế - xã hội và quá trình đô thị hóa diễn ra nhanh trên địa bàn đã tác động đến đời sống người dân, quan hệ giữa sản xuất với quản lý hành chính lãnh thổ cũng làm phát sinh những vấn đề mới, tạo áp lực trong công tác quản lý nhà nước về kinh tế, quy hoạch, xây dựng, kiến trúc, cơ sở hạ tầng kỹ thuật, dân cư, an ninh trật tự, cảnh quan môi trường,... cần thiết phải thành lập các phường để quản lý theo mô hình chính quyền đô thị cho phù hợp.

2.5. Về thực hiện sắp xếp ĐVHC để thành lập phường

Việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã để thành lập đơn vị hành chính đô thị cùng cấp thuộc thị xã Kim Bảng nhằm cụ thể hóa chủ trương của Đảng và quy định của Nhà nước về sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025; tổ chức hợp lý đơn vị hành chính cấp xã phù hợp với thực tiễn và xu thế phát triển của huyện Kim Bảng nói riêng và tỉnh Hà Nam nói chung theo quy hoạch tỉnh, quy hoạch chung đô thị và các quy hoạch khác đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đồng thời, sắp xếp đơn vị hành chính để thành lập đơn vị hành chính đô thị cùng cấp góp phần tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, tinh giản biên chế cán bộ, công chức cơ sở, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; góp phần phát huy mọi nguồn lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân; bảo đảm quốc phòng, an ninh; giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội.

Xã Nhật Tân và xã Nhật Tựu là đơn vị hành chính thuộc huyện Kim Bảng, đây là đơn vị có quy mô nhỏ đã ảnh hưởng trực tiếp tới việc huy động nguồn lực trong thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội, nhất là trong điều kiện Trung ương đang đẩy mạnh phân cấp, trao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho chính quyền địa phương.

Từ những lý do nêu trên, việc thành lập các phường thuộc thị xã Kim Bảng là cần thiết, nhằm chuyển đổi mô hình quản lý nhà nước từ chính quyền nông thôn sang mô hình chính quyền đô thị cho phù hợp; góp phần khai thác tốt hơn các tiềm năng, lợi thế của các xã, thị trấn; nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước của chính quyền địa phương; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức để phục vụ tốt hơn cho người dân và doanh nghiệp; đồng thời, đây cũng là nguyện vọng của Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân địa phương các xã, thị trấn nói riêng và huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam nói chung.

Phần thứ hai
LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN
HUYỆN KIM BẢNG VÀ CÁC XÃ THUỘC HUYỆN KIM BẢNG

A. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH, HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN HUYỆN KIM BẢNG

I. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH HUYỆN KIM BẢNG

Huyện Kim Bảng từ đời Trần trở về trước gọi là Cổ Bảng thuộc châu Lý Nhân. Huyện Kim Bảng đời Trần thuộc lộ Thiên Trường. Từ năm Quang Thái 10 (1397) thuộc trấn Thiên Trường. Năm Quang Thuận 7 (1446) triều đình bỏ trấn đặt thừa tuyên, huyện Kim Bảng thuộc thừa tuyên Thiên Trường. Sau đó vài năm, năm Quang Thuận 10 (1469) vua Lê Thánh Tông cho đổi Thiên Trường thành Sơn Nam, Kim Bảng thuộc thừa tuyên Sơn Nam. Năm Hồng Đức 21 (1490), triều đình bỏ thừa tuyên đặt xứ, Kim Bảng thuộc xứ Sơn Nam. Năm Cảnh Hưng 2 (1741) Triều đình bỏ xứ, đặt lộ, chia Sơn Nam thành hai lộ: Sơn Nam Thượng và Sơn Nam Hạ. Huyện Kim Bảng thuộc Sơn Nam Thượng. Đời Tây Sơn (1788 - 1802) Kim Bảng thuộc trấn Sơn Nam Thượng. Năm Gia Long 3 (1804) huyện Kim Bảng thuộc trấn Sơn Nam. Năm Minh Mệnh 13 (1832), Triều đình thành lập tỉnh Hà Nội, Kim Bảng, phủ Lý Nhân thuộc tỉnh Hà Nội. Năm 1890, phủ Lý Nhân được tách ra lập thành một tỉnh riêng lấy tên là Hà Nam, huyện Kim Bảng thuộc tỉnh Hà Nam.

Sau năm 1975, huyện Kim Bảng thuộc tỉnh Hà Nam Ninh, gồm 20 xã: Ba Sao, Châu Sơn, Đại Cương, Đồng Hóa, Hoàng Tây, Khả Phong, Kim Bình, Lê Hồ, Liên Sơn, Ngọc Sơn, Nguyễn Úy, Nhật Tân, Nhật Tựu, Phù Vân, Tân Sơn, Thanh Sơn, Thi Sơn, Thụy Lôi, Tượng Lĩnh, Văn Xá.

Ngày 23/2/1977, sáp nhập xã Ba Sao vào xã Khả Phong; Ngày 27/4/1977, huyện Kim Bảng hợp nhất với huyện Thanh Liêm và thị xã Hà Nam thành huyện Kim Thanh; đến ngày 9/4/1981, huyện Kim Bảng được tái lập.

Ngày 10/1/1984, chia xã Khả Phong thành hai xã Khả Phong và Ba Sao.

Ngày 1/4/1986, thành lập thị trấn Quế, thị trấn huyện lỵ huyện Kim Bảng trên cơ sở 15 ha diện tích của xã Kim Bình, 111,13 ha diện tích của xã Văn Xá và 62,05 ha diện tích của xã Ngọc Sơn.

Ngày 12/8/1991, tỉnh Hà Nam Ninh chia thành hai tỉnh Nam Hà và Ninh Bình, huyện Kim Bảng thuộc tỉnh Nam Hà.

Ngày 6/11/1996, tỉnh Nam Hà lại chia thành hai tỉnh Hà Nam và Nam Định, huyện Kim Bảng thuộc tỉnh Hà Nam vừa tái lập.

Cuối năm 1999, huyện Kim Bảng có 1 thị trấn Quế và 20 xã: Ba Sao, Châu Sơn, Đại Cương, Đồng Hóa, Hoàng Tây, Khả Phong, Kim Bình, Lê Hồ, Liên Sơn, Ngọc Sơn, Nguyễn Úy, Nhật Tân, Nhật Tựu, Phù Vân, Tân Sơn, Thanh Sơn, Thi Sơn, Thụy Lôi, Tượng Lĩnh, Văn Xá.

Ngày 25/9/2000, các xã Phù Vân và Châu Sơn được sáp nhập vào thị xã Phù Lý.

Huyện Kim Bảng còn lại thị trấn Quế và 18 xã: Ba Sao, Đại Cường, Đồng Hóa, Hoàng Tây, Khả Phong, Kim Bình, Lê Hồ, Liên Sơn, Ngọc Sơn, Nguyễn Úy, Nhật Tân, Nhật Tựu, Tân Sơn, Thanh Sơn, Thi Sơn, Thụy Lôi, Tượng Lĩnh, Văn Xá.

Ngày 27/8/2009, chuyển xã Ba Sao thành thị trấn Ba Sao; Ngày 23/7/2013, xã Kim Bình và một phần xã Thanh Sơn được sáp nhập vào thành phố Phù Lý. Theo đó, huyện Kim Bảng có 2 thị trấn và 16 xã như hiện nay. Ngày 8/11/2023, Bộ Xây Dựng ban hành Quyết định số 1128/QĐ-BXD về việc công nhận đô thị Kim Bảng đạt tiêu chí đô thị loại IV trực thuộc tỉnh Hà Nam.

II. VỊ TRÍ ĐỊA LÝ, ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN

1. Vị trí địa lý, địa giới hành chính và chức năng, vai trò

1.1. Về vị trí địa lý

Huyện Kim Bảng nằm ở phía Tây Bắc của tỉnh Hà Nam, trong tam giác kinh tế Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh; trên vành đai công nghiệp vùng Bắc bộ và trong vùng phát triển đô thị trung tâm của vùng Thủ đô. Huyện Kim Bảng chịu ảnh hưởng tích cực bởi các hành lang kinh tế - kỹ thuật - đô thị quan trọng của vùng Bắc bộ gồm: Cao tốc Hà Nội - Ninh Bình, cao tốc Chợ Bến - Yên Mỹ, đường vành đai 5 vùng Thủ đô Hà Nội, đường nối các đường vành đai 3, 4, 5, tuyến Quốc lộ 1 đoạn tránh thành phố Phù Lý, Quốc lộ 21, Quốc lộ 21B, Quốc lộ 38 nối Kim Bảng với Hà Nội và các tỉnh Hải Dương, Hải Phòng, Lạng Sơn, các cảng biển miền Bắc, cảng hàng không quốc tế Nội Bài, hệ thống cửa khẩu vùng Bắc bộ, vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc,... Vị thế như vậy tạo thuận lợi cho huyện Kim Bảng có thể liên kết phát triển kinh tế - xã hội với các địa phương khác trong cự ly từ 20 - 80 km, đặc biệt là thành phố Hà Nội, Hải Phòng và Hạ Long (tỉnh Quảng Ninh).

Kim Bảng có Khu du lịch Quốc gia Tam Chúc với quy mô lớn khoảng 5.100 ha; có vị trí thuận lợi trong việc kết nối các khu, điểm du lịch nổi tiếng như chùa Hương (Hà Nội); Tam Cốc Bích Động, Tràng An, Bái Đính, Cúc Phương (Ninh Bình); Khu du lịch chùa Tiên (Hòa Bình),... tạo thành một quần thể các khu du lịch sinh thái vùng ngập nước và góp phần hình thành nên tuyến du lịch tâm linh lớn nhất Việt Nam.

Kim Bảng là một địa bàn tiềm năng phát triển của tỉnh Hà Nam, nằm trong vùng đô thị hóa từ các khu, cụm công nghiệp quan trọng của tỉnh, huyện như: Khu công nghiệp Đồng Văn I, II, III, IV và các Cụm công nghiệp địa phương cận kề. Kim Bảng có quỹ đất rộng, liên hệ thuận lợi với các huyện và thành phố bằng các tuyến giao thông đường bộ và đường thủy.

1.2. Địa giới hành chính

- Đông giáp thành phố Phù Lý, thị xã Duy Tiên và huyện Thanh Liêm;
- Tây giáp tỉnh Hòa Bình và thành phố Hà Nội;

- Nam giáp huyện Thanh Liêm và tỉnh Hòa Bình;
- Bắc giáp thành phố Hà Nội.

1.3. Chức năng, vai trò của huyện Kim Bảng

Huyện Kim Bảng có vị trí nằm trong vòng cung du lịch trọng điểm (sinh thái - tâm linh) Ba Vì - Hòa Bình - Hương Sơn - Tam Chúc - Tràng An; cận kề trung tâm giáo dục - đào tạo (Đại học Nam Cao 12 vạn sinh viên) - y tế cấp vùng (Bệnh viện cơ sở 2 Việt Đức, Bạch Mai, 7.000 giường).

Huyện Kim Bảng có sức hút phát triển công nghiệp với giao thông thuận lợi, nằm trong vành đai công nghiệp Hà Nam - Hưng Yên, đồng thời kết nối thuận lợi với các KKT biển Đình Vũ (Hải Phòng), Thái Bình (Thái Bình).

Tại Quyết định số 2025/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 về việc phê duyệt quy hoạch chung đô thị Kim Bảng đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050, tỷ lệ 1/10.000, tính chất đô thị được xác định như sau:

- Là đô thị loại IV, hướng tới đô thị loại III vào năm 2030;
- Là khu vực phát triển kinh tế - xã hội trọng điểm phía Tây của tỉnh gắn với Khu du lịch Quốc gia Tam Chúc, các công trình hạ tầng kỹ thuật đầu mối phía Nam thủ đô Hà Nội và khu công nghiệp tập trung quy mô lớn của tỉnh.

2. Điều kiện tự nhiên

2.1. Địa hình

Kim Bảng nằm trong vùng tiếp xúc giữa vùng trũng Đồng bằng sông Hồng và dải đá trầm tích ở phía Tây nên có địa hình đa dạng. Phía Bắc sông Đáy là đồng bằng thấp với các dạng địa hình ô trũng, phía Tây Nam sông Đáy là vùng đồi núi có địa hình cao, tập trung nhiều đá vôi, sét.

Vùng tả ngạn sông Đáy bao gồm các xã Nguyễn Úy, Lê Hồ, Đại Cương, Nhật Tựu, Thụy Lôi, Đông Hóa, Nhật Tân, Ngọc Sơn, Văn Xá, Hoàng Tây và thị trấn Quế: Tổng diện tích 8.266,97 ha (chiếm 44,29% diện tích đất tự nhiên của huyện) bao gồm phần lớn diện tích 13 xã, thị trấn. Đây là vùng đồng bằng lớn nhưng địa hình thấp, nhiều ô trũng, độ cao trung bình +2 m nơi thấp nhất +1,5 m đến +1,7 m.

Vùng hữu ngạn sông Đáy và xã Tượng Lĩnh, Tân Sơn: Diện tích 10.395,65 ha (chiếm 55,71% tổng diện tích tự nhiên) bao gồm phần lớn diện tích 4 xã (Liên Sơn, Thanh Sơn, Thi Sơn, Khả Phong) và thị trấn Ba Sao. Đây là vùng bán sơn địa có những cánh đồng lớn nhỏ khác nhau nằm ven sông Đáy và xen kẽ thung lũng đá vôi nhưng diện tích nhỏ. Do đặc điểm riêng, dải đồi núi kéo dài suốt phía tây của huyện có nguồn gốc caxtơ nên đã tạo ra nhiều hang động, hồ đầm độc đáo có giá trị để phát triển du lịch.

2.2. Khí hậu

Khí hậu mang những đặc điểm của khí hậu đồng bằng sông Hồng: nhiệt đới gió mùa, mùa đông lạnh và mùa hè nóng ẩm, mưa nhiều. Nhiệt độ trung bình năm là 23,4°C, nhiệt độ trung bình thấp nhất vào tháng 1 là 16,3°C và cao

nhất vào tháng 7 là 29,8°C. Lượng mưa trung bình trong năm là 1.641 mm. Độ ẩm không khí trung bình năm 81,5%.

2.3. Thủy văn

Huyện Kim Bảng có 2 con sông lớn chảy qua là sông Đáy và sông Nhuệ với mạng lưới kênh mương tương đối dày đặc:

Sông Đáy có lượng nước khá dồi dào là nguồn cung cấp nước chính cho các xã thuộc huyện qua các trạm bơm, cống ven sông. Chiều dài sông chạy qua huyện 13,52 km (từ xã Tượng Lĩnh đến thị trấn Quế).

Sông Nhuệ là sông đào nối sông Hồng tại Hà Nội và hợp lưu với sông Đáy tại Phú Lý, đoạn qua huyện Kim Bảng dài 4,8 km. Sông có tác dụng tiêu nước nội vùng đổ ra sông Đáy vào mùa mưa và tiếp nước cho sản xuất vào mùa khô. Đê hữu sông Nhuệ dài 4,9 km, đê tả sông Nhuệ dài 2,2 km.

Ngoài 2 sông chính, huyện còn có mạng lưới các sông ngòi kênh mương nhỏ với các ao, hồ, đầm là nguồn bổ sung và dự trữ rất quan trọng khi mực nước các sông chính xuống thấp, đặc biệt vào mùa khô hạn.

Nhìn chung mật độ sông ngòi của huyện khá dày và đều chảy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam. Do địa hình bằng phẳng, độ dốc các sông nhỏ nên khả năng tiêu thoát nước chậm. Đặc biệt vào mùa lũ, mực nước các con sông chính lên cao cùng với mưa lớn tập trung thường gây ngập úng cục bộ cho vùng ven núi và vùng có địa hình thấp trũng, gây ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất nông nghiệp và đời sống sinh hoạt của nhân dân trong huyện.

2.4. Tài nguyên thiên nhiên

- Tài nguyên đất:

Tổng diện tích đất của huyện là 17.540 ha, trong đó đất nông nghiệp chiếm 64,5%; đất phi nông nghiệp 31,3%; đất chưa sử dụng 4,2%. Vùng đồng bằng có đất phù sa được bồi, đất phù sa không được bồi và đất phù sa gley. Vùng đồi có đất nâu vàng trên phù sa cổ, đất đỏ vàng trên đá phiến sét, đất nâu đỏ trên đá vôi. Đất vùng gò đồi còn nhiều tiềm năng để chuyển đổi cơ cấu nông nghiệp và phát triển công nghiệp vật liệu xây dựng.

- Tài nguyên rừng: Rừng ở Kim Bảng có cây tự nhiên thưa, không tốt, mọc trên đồi núi đá. Những năm gần đây, nhân dân đã đầu tư trồng các loại cây ăn quả như: nhãn, na,...

- Tài nguyên khoáng sản:

Kim Bảng có tài nguyên khoáng sản tương đối phong phú, cho phép khai thác và chế biến trên quy mô công nghiệp. Trữ lượng đá vôi lớn, tập trung ở các mỏ Hồng Sơn và Bút Phong, là nguồn nguyên liệu dồi dào cho sản xuất xi măng và vật liệu xây dựng. Ngoài ra, ở Tân Sơn, Thanh Sơn còn có mỏ đolômit; than bùn ở Ba Sao với diện tích 02 km² nằm dưới lớp sét dày 0,5 - 1,5 m, mỏ sét Trâm Tích trữ lượng hơn 30 triệu m³, nguồn nước khoáng lạnh vàng cốm.

III. QUY MÔ DÂN SỐ VÀ CƠ CẤU LAO ĐỘNG

1. Quy mô và mật độ dân số

1.1. Theo dữ liệu dân cư do cơ quan Công an cung cấp, tính đến ngày 31/12/2023, dân số của huyện là 145.744 người, trong đó dân số thường trú là 144.052 người, dân số tạm trú quy đổi là 1.692 người. Tỷ lệ tăng dân số năm 2023 là 0,52%, trung bình 3 năm 2021-2023 là 0,85%.

- Phạm vi khu vực nội thị bao gồm 11 đơn vị hành chính là: 02 thị trấn (Quế, Ba Sao) và 9 xã (Tượng Lĩnh, Nhật Tân, Thi Sơn, Đồng Hóa, Ngọc Sơn, Nhật Tựu, Đại Cường, Lê Hồ, Tân Sơn) có 98.269 người, trong đó dân số thường trú là 96.892 người, dân số tạm trú quy đổi là 1.377 người.

- Phạm vi khu vực ngoại thị bao gồm 07 đơn vị hành chính là: Khả Phong, Thụy Lôi, Văn Xá, Thanh Sơn, Nguyễn Úy, Liên Sơn, Hoàng Tây có 47.475 người, trong đó dân số thường trú là 47.160 người, dân số tạm trú quy đổi là 315 người.

1.2. Mật độ dân số toàn huyện đạt 831 người/km²; trong đó, khu vực nội thị trên diện tích đất xây dựng đạt 6146 người/km², khu vực ngoại thị đạt 604 người/km².

2. Lao động

Theo số liệu thống kê, tính đến ngày 31/12/2023, tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của huyện Kim Bảng là 77.828 người. Trong đó, lao động phi nông nghiệp là 62.495 người, chiếm 80,30%; lao động nông nghiệp là 15.332 người, chiếm 19,70%. Trong đó:

2.1. Tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế khu vực nội thị là 53.755 người. Trong đó, lao động phi nông nghiệp là 43.829 người, tỷ lệ 81,53%; lao động nông nghiệp là 9.926 người, tỷ lệ 18,47%.

2.2. Tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế khu vực ngoại thị là 24.073 người. Trong đó, lao động phi nông nghiệp là 18.666 người, tỷ lệ 77,54%; lao động nông nghiệp là 5.406 người, tỷ lệ 22,46%.

IV. DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN VÀ CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT

1. Diện tích tự nhiên

Tổng diện tích tự nhiên của huyện Kim Bảng là 175,40 km². Trong đó: Diện tích tự nhiên khu vực nội thị là 96,82 km²; diện tích tự nhiên khu vực ngoại thị là 78,58 km².

2. Cơ cấu sử dụng đất

2.1. Đất nông nghiệp là 101,33 km².

2.2. Đất phi nông nghiệp là 67,26 km².

2.3. Đất chưa sử dụng là 6,81 km².

3. Diện tích, dân số của đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc

3.1. Khu vực dự kiến nội thị có 96,82 km² diện tích tự nhiên; dân số là 98.269 người, trong đó dân số thường trú là 96.892 người, dân số tạm trú quy đổi là 1.377 người, gồm:

- Thị trấn Quế có 3,06 km² diện tích tự nhiên; dân số là 7.287 người (dân số thường trú là 7.287 người, dân số tạm trú là 0 người); mật độ dân số 2.381 người/km².

- Thị trấn Ba Sao có 31,42 km² diện tích tự nhiên; dân số là 5.866 người (dân số thường trú là 5.501 người, dân số tạm trú là 365 người); mật độ dân số 187 người/km².

- Xã Tượng Lĩnh có 8,00 km² diện tích tự nhiên; dân số 7.594 người (dân số thường trú là 7.584 người, dân số tạm trú là 10 người); mật độ dân số 949 người/km².

- Xã Nhật Tân có 4,69 km² diện tích tự nhiên; dân số là 12.463 người (dân số thường trú là 12.463 người, dân số tạm trú là 0 người); mật độ dân số 2.657 người/km².

- Xã Thi Sơn có 7,06 km² diện tích tự nhiên; dân số là 10.724 người (dân số thường trú là 10.513 người, dân số tạm trú là 211 người); mật độ dân số 1.519 người/km².

- Xã Đồng Hóa có 9,09 km² diện tích tự nhiên; dân số là 11.755 người (dân số thường trú là 11.755 người, dân số tạm trú là 0 người); mật độ dân số 1.293 người/km².

- Xã Ngọc Sơn có 6,03 km² diện tích tự nhiên; dân số là 6.272 người (dân số thường trú là 6.271 người, dân số tạm trú là 01 người); mật độ dân số 1.040 người/km².

- Xã Nhật Tựu có 3,96 km² diện tích tự nhiên; dân số là 5.915 người (dân số thường trú là 5.650 người, dân số tạm trú là 265 người); mật độ dân số 1.494 người/km².

- Xã Đại Cường có 5,69 km² diện tích tự nhiên; dân số là 8.824 người (dân số thường trú là 8.299 người, dân số tạm trú là 525 người); mật độ dân số 1.551 người/km².

- Xã Lê Hồ có 7,49 km² diện tích tự nhiên; dân số là 10.162 người (dân số thường trú là 10.162 người, dân số tạm trú là 0 người); mật độ dân số 1.357 người/km².

- Xã Tân Sơn có 10,34 km² diện tích tự nhiên; dân số là 11.407 người (dân số thường trú là 11.407 người, dân số tạm trú là 0 người); mật độ dân số 1.103 người/km².

3.2. Khu vực dự kiến ngoại thị có 78,58 km² diện tích tự nhiên; dân số là 47.475 người, trong đó dân số thường trú là 47.160 người, dân số tạm trú quy đổi là 315 người, gồm:

- Xã Khả Phong có 11,45 km² diện tích tự nhiên; dân số là 6.816 người; mật độ dân số 595 người/km².

- Xã Liên Sơn có 20,38 km² diện tích tự nhiên; dân số 3.960 người; mật độ dân số 194 người/km².

- Xã Hoàng Tây có 4,84 km² diện tích tự nhiên; dân số là 6.746 người; mật độ dân số 1.393 người/km².

- Xã Nguyễn Úy có 5,87 km² diện tích tự nhiên; dân số 8.192 người; mật độ dân số 1.396 người/km².

- Xã Thanh Sơn có 26,22 km² diện tích tự nhiên; dân số là 7.826 người (tạm trú là 315 người); mật độ dân số 298 người/km².

- Xã Văn Xá có 6,13 km² diện tích tự nhiên; dân số là 9.038 người; mật độ dân số 1.474 người/km².

- Xã Thụy Lôi có 3,69 km² diện tích tự nhiên; dân số là 4.897 người; mật độ dân số 1.327 người/km².

V. HIỆN TRẠNG KINH TẾ

1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế

Thời gian qua, Kim Bảng đã chủ động khắc phục khó khăn, tháo gỡ những “điểm nghẽn”, triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp mang tính đột phá. Trong đó, tập trung thực hiện hiệu quả các chương trình phục hồi và phát triển kinh tế sau đại dịch Covid-19; huy động tối đa các nguồn lực, xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, nhất là kết cấu hạ tầng các dự án trọng điểm; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số; đẩy mạnh cải cách hành chính (CCHC); nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo điều hành, thực thi pháp luật, phòng, chống tham nhũng, lãng phí; quản lý chặt chẽ đất đai, tài nguyên, khoáng sản, bảo vệ môi trường; tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, tạo sự đồng thuận xã hội. Do vậy, giai đoạn 2021-2023 Kim Bảng đã hoàn thành mục tiêu phát triển kinh tế- xã hội đã đề ra; môi trường đầu tư, kinh doanh được cải thiện, thu hút đầu tư vào địa bàn tăng nhanh; kinh tế tiếp tục ổn định và tăng trưởng với mức độ khá; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, từng bước xây dựng, điều chỉnh và phát triển các ngành phù hợp với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Tốc độ tăng trưởng giá trị sản phẩm bình quân giai đoạn 2021-2023 đạt 13,3%/năm (năm 2021 đạt 14%; năm 2022 đạt 14,3%; năm 2023 đạt 11,57%). Đây là tiền đề vững chắc, tạo đà cho sự phát triển bứt phá của huyện ở những năm tiếp theo. Giá trị sản xuất năm 2023 (giá so sánh 2010) đạt 28.806 tỷ đồng, tăng trưởng 11,57% so với năm 2022 (công nghiệp - xây dựng đạt 25.278 tỷ đồng; nông - lâm nghiệp, thủy sản đạt 1.396 tỷ đồng; thương mại - dịch vụ đạt 2.131 tỷ đồng). Tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng chiếm 87,75%; thương mại - dịch vụ chiếm 7,4%; nông - lâm nghiệp, thủy sản chiếm 4,85%.

2. Phát triển ngành, lĩnh vực

2.1. Về phát triển công nghiệp - xây dựng

Thực hiện Chương trình hành động cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh và nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2021-2025. Thời gian qua, Kim Bảng đã chú trọng các giải pháp đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính (TTHC), tiếp tục rà soát, cắt giảm thời gian giải quyết TTHC không cần thiết, liên quan trực tiếp đến doanh nghiệp. Cùng với đó, Kim Bảng cũng đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, công khai minh bạch các hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước. Trong đó, trọng tâm là hoàn thiện kết nối liên thông trong toàn tỉnh và thực hiện kết nối với cổng dịch vụ công quốc gia. Thực hiện công khai, minh bạch và công bố rộng rãi, đầy đủ, kịp thời thông tin trên trang thông tin điện tử của huyện về quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; quy hoạch xây dựng; quy hoạch, kế hoạch phát triển các khu, cụm công nghiệp; quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực; các chính sách ưu đãi, kêu gọi đầu tư; nâng cao chất lượng và cung cấp ổn định các dịch vụ cho doanh nghiệp về điện, nước, viễn thông, tín dụng, ngân hàng,... để các doanh nghiệp yên tâm sản xuất, kinh doanh; hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp trong việc tiếp cận thị trường, xúc tiến đầu tư thông qua các chương trình xúc tiến đầu tư của tỉnh, của huyện. Kết quả của những nỗ lực nêu trên, Kim Bảng đã trở thành địa bàn hấp dẫn trong thu hút đầu tư của tỉnh về dịch vụ - du lịch, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và xây dựng. Đến nay, trên địa bàn huyện có 788 doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh, giá trị sản xuất chiếm tới 87,75% giá trị trong cơ cấu kinh tế của huyện. Các cụm công nghiệp, làng nghề hoạt động ổn định với mức đóng góp trên 38% trong tổng giá trị phát triển chung ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp.

Giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và xây dựng đạt 25.278,1 tỷ đồng, đạt 101,9% kế hoạch đề ra và tăng 15,4% so với cùng kỳ năm 2022 (Trong đó, giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp phân tỉnh quản lý đạt 18.590,8 tỷ đồng, phân huyện quản lý đạt 6.687,3 tỷ đồng. Theo lĩnh vực: doanh nghiệp ngoài cụm 1.630,7 tỷ đồng; doanh nghiệp trong cụm công nghiệp (CCN): 4.261,9 tỷ đồng, khu vực dân doanh: 337,78 tỷ đồng; khu vực làng nghề: 456,9 tỷ đồng), góp phần vào sự phát triển chung của kinh tế địa phương.

Năm 2023, địa bàn huyện có 91 doanh nghiệp được thành lập mới, 04 doanh nghiệp khôi phục kinh doanh; có 635 hộ đăng ký kinh doanh mới đưa tổng số hộ kinh doanh lên 5.828 hộ. Địa bàn huyện có Khu Công nghiệp Đồng Văn IV đã thu hút 48 doanh nghiệp, trong đó 34 doanh nghiệp FDI với tổng vốn đầu tư 942,0 triệu USD, 14 doanh nghiệp trong nước với tổng số vốn đầu tư 7.049 tỷ đồng, tạo việc làm ổn định cho hơn 9.370 lao động. Có 03 cụm công nghiệp với diện tích khoảng 92,1 ha, gồm: CCN Thi Sơn diện tích 49 ha, mở rộng lên 74,1 ha; CCN Biên Hòa, diện tích quy hoạch 8,5 ha; CCN Nhật Tân, diện tích quy hoạch 10,5 ha; 03 cụm công nghiệp phát triển mới với diện tích khoảng 225 ha, gồm: CCN Lê Hồ diện tích khoảng 75 ha, CCN Đồng Hóa diện tích khoảng 75 ha, CCN Thi Sơn 1 diện tích khoảng 75 ha. Có 04 làng nghề tại thị trấn Quế, xã Nhật Tân, Đồng Hóa và Lê Hồ. Ngoài ra, một số khu vực trên địa bàn huyện còn phát triển vật liệu xây dựng, như: Sản xuất gạch, đá, xi măng

và khai thác đolômit ở khu vực Tân Sơn, Tượng Lĩnh, Thanh Sơn, Liên Sơn, Thi Sơn; 02 nhà máy xi măng là Bút Sơn, công suất 3 triệu tấn/năm và Long Thành có công suất 2,3 triệu tấn/năm đều tại xã Thanh Sơn.

2.2. Về phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch

Hoạt động thương mại - dịch vụ trên địa bàn huyện những năm qua có nhiều chuyển biến tích cực. Việc phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và xây dựng cùng với các điểm du lịch được tăng cường quảng bá, tạo sự kết nối, lan tỏa,... đã kéo theo sự phát triển của các hoạt động thương mại - dịch vụ. Các ngành dịch vụ chiếm tỷ trọng lớn như bán buôn, bán lẻ, dịch vụ ăn uống, lưu trú,... duy trì tốc độ tăng trưởng khá. Một số ngành dịch vụ có giá trị cao như: kinh doanh bất động sản, thông tin truyền thông, ngân hàng, tài chính chiếm tỷ trọng ngày càng lớn trong cơ cấu ngành. Hệ thống mạng lưới ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng hoạt động hiệu quả, thực hiện các giải pháp huy động, cho vay vốn, tập trung cho các lĩnh vực, đối tượng được ưu tiên; tích cực tiếp cận khách hàng, kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình vay vốn,... Hạ tầng thương mại được tăng cường đầu tư, một số cơ sở thương mại hiện đại bắt đầu đi vào hoạt động.

Toàn huyện có 15 chợ, 20 cửa hàng xăng dầu và nhiều điểm kinh doanh thương mại. Chợ quy mô cấp đô thị gồm chợ Quế, chợ Nhật Tân, chợ Thi Sơn. Ngoài ra, còn có Khu dịch vụ thương mại tổng hợp Tân Hoàng Lâm, Điện máy xanh Thi Sơn. Các loại hình trên cơ bản đáp ứng được nhu cầu trao đổi hàng hóa và tiêu thụ xăng dầu trên địa bàn. Hiện trên địa bàn huyện có 147 doanh nghiệp; có khoảng 4.876 cơ sở sản xuất kinh doanh thương mại - dịch vụ.

Năm 2023, Kim Bảng đã tập trung thu hút đầu tư, phối hợp, hỗ trợ hoàn thiện về thủ tục, giải phóng mặt bằng để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch. Tổ chức tốt hội nghị xúc tiến đầu tư phát triển du lịch tỉnh Hà Nam và các hoạt động Tuần Văn hóa, Du lịch Hà Nam năm 2023 tại Khu du lịch Tam Chúc Ba Sao; đưa vào sử dụng sân Golf Tượng Lĩnh giai đoạn 1; khởi công tuyến đường bộ song hành Quốc lộ 21; dự án xây dựng khu dân cư mới, chế biến nông sản kết hợp du lịch trải nghiệm tại xã Thụy Lôi...; rà soát, tháo gỡ khó khăn thực hiện khu vực quy hoạch dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới đồi Hoa Sen, Khu đô thị sinh thái nghỉ dưỡng cao cấp Đồng Sơn.

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 102,2 triệu USD, bằng 100,2% kế hoạch, tăng 11,1% so với cùng kỳ. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội đạt 5.940 tỷ đồng, bằng 100,7% kế hoạch, tăng 12,0% so với cùng kỳ. Các dịch vụ vận tải, bưu chính viễn thông, ngân hàng, điện, nước cơ bản đáp ứng nhu cầu cho sản xuất, kinh doanh và sinh hoạt của người dân. Tăng cường kiểm tra, kiểm soát thị trường, nhất là các mặt hàng thiết yếu, xử lý nghiêm đối với hàng giả, hàng kém chất lượng, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; hoàn thiện các thủ tục xây dựng chợ Thi Sơn đạt chợ hạng II tiêu chuẩn, hiện đại. Tiếp tục triển khai Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh Hà Nam giai đoạn 2021 - 2025.

Với truyền thống văn hóa lâu đời cùng nhiều di tích có giá trị cao về lịch sử, văn hóa, kiến trúc nghệ thuật đặc sắc, huyện Kim Bảng có nhiều tiềm năng phát triển du lịch. Hằng năm, huyện thường xuyên quan tâm, đầu tư nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, giao thông tại các làng nghề, các khu di tích; trùng tu, tôn tạo các di tích lịch sử, văn hóa đã xuống cấp; khôi phục và phát triển các hoạt động văn hóa dân gian truyền thống;... nhằm không chỉ bảo tồn, mà phát huy giá trị, tạo sức hút với du khách. Công tác quản lý, quảng bá các điểm di tích, danh lam thắng cảnh trên địa bàn huyện được thực hiện tốt. Năm 2023, tổng giá trị sản phẩm ngành thương mại - dịch vụ đạt 2.131 tỷ đồng; đón 2,6 triệu lượt khách đến thăm quan trên địa bàn huyện, trong đó tập trung chủ yếu tại Khu du lịch Quốc gia Tam Chúc Ba Sao, Chùa Bà Đanh, Đền Trúc - Ngũ Động Sơn, Đền thờ nữ tướng Lê Chân.

2.3. Về sản xuất nông - lâm nghiệp, thủy sản

Thời gian qua, huyện đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng phát triển cây, con chủ lực, hình thành vùng tập trung, quy mô lớn, gắn với ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, liên kết theo chuỗi giá trị và thị trường đầu tư, từng bước phát triển nông nghiệp hữu cơ nhằm nâng cao giá trị nông sản, thu nhập nông dân. Năm 2023, tổng giá trị sản phẩm ngành nông - lâm nghiệp, thủy sản đạt 1.396 tỷ đồng, tăng 13,82 tỷ đồng so với năm 2022; giá trị sản xuất/ha trồng trọt đạt 150 triệu đồng/ha/năm; giá trị sản xuất/ha chuyên dịch và thủy sản đạt 370 triệu/ha/năm.

Huyện tiếp tục tập trung đẩy mạnh công nghiệp hóa nông nghiệp gắn với sản xuất nông sản sạch, ứng dụng công nghệ cao giai đoạn 2020 - 2025; tích tụ, tập trung ruộng đất; thực hiện có hiệu quả các chương trình, đề án, mô hình trong sản xuất nông nghiệp, nông sản sạch gắn với sản xuất hàng hóa, nâng cao chất lượng và quảng bá sản phẩm OCOP của địa phương. Trong đó, duy trì 18 mô hình cánh đồng mẫu đạt 585 ha tại 14 xã; 33 mô hình sản xuất nông sản sạch đạt 534 ha (cây lúa 471 ha; rau củ quả 63 ha); chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa được 69,1 ha; có 08 sản phẩm được công nhận sản phẩm OCOP Hà Nam, trong đó 03 sản phẩm đạt hạng 4 sao, 05 sản phẩm đạt hạng 3 sao. Mô hình sản xuất cây ăn quả an toàn vùng chuyển đổi đất lúa đối với cây vải lai u trướng diện tích 23,92 ha đã được cấp GCN VietGap tháng 6 năm 2023.

Năm 2023, diện tích trồng cây hàng năm đạt 10.694,6 ha, trong đó cây lúa 7.615,8 ha, cây màu 3.078,8 ha; năng suất lúa cả năm đạt 126,7 tạ/ha (vụ xuân đạt 67,8 tạ/ha; vụ mùa đạt 58,9 tạ/ha), sản lượng lúa đạt 48.140,2 tấn/năm. Bên cạnh đó, huyện tập trung nâng cao chất lượng hoạt động của Trung tâm dịch vụ nông nghiệp, các Hợp tác xã, nhất là khâu dịch vụ khuyến nông, thú y, cung ứng giống, vật tư, liên kết tiêu thụ nông sản cho nhân dân. Công tác bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng; công tác phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn năm 2023 được chú trọng, các công trình thủy lợi được tu bổ, kênh mương được giải toả kịp thời phục vụ tốt nhất cho sản xuất nông nghiệp.

Chăn nuôi được duy trì ổn định, tăng quy mô trang trại, chăn nuôi tập trung, giảm dần chăn nuôi nhỏ lẻ trong khu dân cư. Làm tốt công tác phòng,

chống dịch bệnh cho đàn gia súc, gia cầm, không phát sinh dịch bệnh lớn trên địa bàn huyện; tổng đàn gia cầm ước đạt 1.625.000 con, tăng 1,0% so cùng kỳ; tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng đạt 25.368,5 tấn, tăng 1,5% so với cùng kỳ; nuôi trồng thủy sản phát triển tốt, tổng sản lượng thủy sản đạt 7.260 tấn, tăng 0,1% so với cùng kỳ.

Chương trình xây dựng nông thôn mới tiếp tục được triển khai mạnh mẽ, hiệu quả. Tập trung chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc các xã thực hiện các tiêu chí nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao gắn với tiêu chí đô thị. Năm 2023, có 03 xã Lê Hồ, Thụy Lôi, Liên Sơn đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao. Luy kế đến hết năm 2023, toàn huyện có 10 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu.

3. Thu, chi ngân sách

Thu ngân sách trên địa bàn huyện đạt được kết quả tích cực nhờ thực hiện đồng bộ các giải pháp nuôi dưỡng nguồn thu, tăng thu và chống thất thu. Năm 2023, thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt kết quả tốt, tăng cả về thu cân đối và thu để dành cho đầu tư phát triển. Kết quả thực hiện thu, chi ngân sách năm 2023 **cân đối dư**. Theo đó, thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt 3.035,23 tỷ đồng; trong đó, thu cân đối ngân sách trên địa bàn thực hiện 988 tỷ đồng. Căn cứ vào dự toán năm 2023 và số bổ sung có mục tiêu, chi ngân sách địa phương năm 2023 đạt 2.340,38 tỷ đồng; trong đó chi đầu tư phát triển là 909,63 tỷ đồng, chi thường xuyên là 607,20 tỷ đồng.

4. Thu nhập bình quân đầu người

Sự hình thành và phát triển mạnh mẽ của các cơ sở sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và thương mại - dịch vụ trên địa bàn huyện đã tạo ra không gian kinh tế thu hút đầu tư trong và ngoài nước vào địa phương, góp phần đáng kể trong quá trình dịch chuyển cơ cấu kinh tế; tạo ra động lực để hình thành và phát triển thị trường lao động; giải quyết được vấn đề việc làm, tạo nguồn thu nhập ổn định cho nhân dân. Năm 2023, thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn huyện là 76,80 triệu đồng/người/năm, tăng 14,5% so với năm 2022, gấp 1,29 lần so với thu nhập bình quân đầu người của cả nước (59,54 triệu đồng/người/năm).

VI. HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN VĂN HÓA - XÃ HỘI

1. Giáo dục - đào tạo

Trong những năm qua, ngành giáo dục huyện Kim Bảng luôn nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện trong việc cải tạo, nâng cấp, sửa chữa trường lớp, đáp ứng việc thực hiện chương trình giáo dục và các điều kiện để phát triển trong những năm tiếp theo. Huyện đã không ngừng tập trung xây dựng hệ thống trường lớp, môi trường sư phạm khang trang để có thể vừa đáp ứng nhu cầu học tập tốt nhất, vừa phát triển về cả thể chất và tinh thần cho học sinh. Trang thiết bị phục vụ cho việc dạy và học hiện nay ở các đơn vị trường học đều đảm bảo theo yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Trên địa bàn huyện Kim Bảng có tổng số 54 trường học các cấp, gồm 18 trường mầm non, 18 trường tiểu

học và 18 trường THCS. Ngoài ra, huyện còn có 04 trường Trung học phổ thông và 01 Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên. Công tác xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia của Kim Bảng đã đạt nhiều kết quả tích cực. Đến nay, toàn huyện đã có 100% trường học các cấp được công nhận đạt chuẩn; trong đó có tới 35 trường học đạt chuẩn mức độ 2 (với 12 trường mầm non, 15 trường tiểu học và 8 trường THCS), có 9/18 xã có cả 3 trường học đạt chuẩn mức 2.

Năm 2023, ngành GD và ĐT huyện Kim Bảng tập trung triển khai các nhiệm vụ, giải pháp hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học 2022-2023. Về giáo dục mầm non các trường trên địa bàn huyện đều thực hiện nghiêm túc chương trình giáo dục mầm non nhằm nâng cao chất lượng nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe cho trẻ, tỷ lệ trẻ 5 tuổi tới lớp đạt 100%. Về giáo dục tiểu học, tỷ lệ học sinh xét hoàn thành chương trình lớp học đạt tỉ lệ 99,61%; tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100%. Số học sinh được xét khen thưởng cuối năm học: Cấp trường đạt 48,43%; cấp trên đạt 0,33%. Về giáo dục THCS, ngành giáo dục Kim Bảng tiếp tục duy trì thành tích trong 3 đơn vị huyện, thành phố, thị xã dẫn đầu về chất lượng học sinh giỏi lớp 9 cấp tỉnh. Năm học 2022-2023, toàn ngành đã có 16 trường có học sinh dự thi và cả 16 trường có học sinh đạt giải; trong 5 năm gần đây mỗi năm đều có từ 14 đến 16 trường có học sinh đạt giải học sinh giỏi văn hóa lớp 9 cấp tỉnh. Đẩy mạnh công tác giáo dục hướng nghiệp, định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018-2025. Tổ chức kỳ thi vào lớp 10 THPT, kỳ thi tốt nghiệp THPT quốc gia đảm bảo theo quy định. Chỉ đạo các nhà trường rà soát cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên đảm bảo các điều kiện phục vụ tốt nhất cho năm học mới 2023-2024. Tổ chức tuyển dụng viên chức giáo dục năm 2023 (được 73/75 chỉ tiêu). Về công tác phổ cập giáo dục; giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi tiếp tục được duy trì; phổ cập giáo dục tiểu học đạt chuẩn mức độ 3; phổ cập giáo dục THCS đạt chuẩn mức độ 3; xóa mù chữ đạt chuẩn mức độ 2 đã được UBND tỉnh công nhận.

2. Về công tác y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân

Với mục tiêu bảo đảm cho người dân được chăm sóc sức khỏe cơ bản với chi phí thấp, những năm qua huyện Kim Bảng đã quan tâm đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, trang thiết bị phục vụ công tác khám, chữa bệnh (KCB) tại cơ sở; chú trọng nâng cao chất lượng KCB, thực hiện hiệu quả công tác phòng, chống dịch bệnh; chăm sóc, bảo vệ tốt sức khỏe nhân dân. Việc nâng cao chất lượng KCB còn được quan tâm đẩy mạnh ở các xã, thị trấn. Hiện, 100% các xã, thị trấn đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2020. Hệ thống cơ sở hạ tầng được quan tâm đầu tư, chất lượng nguồn nhân lực không ngừng được nâng lên, 100% trạm y tế có bác sĩ làm việc. Mạng lưới y tế xây dựng hoàn chỉnh từ huyện đến các xã, thị trấn đã cơ bản đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho người dân địa phương. Hiện Trung tâm Y tế huyện có 14 khoa phòng; trạm y tế gồm 18 trạm y tế xã, thị trấn. Về nhân lực số lượng người làm việc tại trung tâm và tuyến xã là 200 người; số cán bộ chuyên trách dân số xã, thị trấn là 18 người. Năm 2023, số lượt khám chữa bệnh tại cơ sở khám chữa

bệnh là 149.655 lượt người, trong đó: khám chữa bệnh tại cơ sở công lập là 102.234 lượt người, tại cơ sở tư nhân là 47.421 lượt người; tỷ lệ tham gia BHYT đạt 93,1%.

3. Văn hóa - thông tin, thể dục - thể thao

Thời gian qua, huyện đã đẩy mạnh các hoạt động thông tin, tuyên truyền, tổ chức phong phú các hoạt động vui chơi, giải trí, văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao trong nhân dân; đầu tư nâng cấp hệ thống thiết chế ở cơ sở nhằm nâng cao đời sống văn hóa, nhu cầu vui chơi giải trí, rèn luyện sức khỏe của người dân ở cả khu vực thành thị, nông thôn. Địa bàn huyện có 18 nhà văn hóa cơ sở, đây là nơi diễn ra các hoạt động văn hóa, thể thao cộng đồng, đáp ứng nhu cầu của nhân dân về hưởng thụ và sáng tạo văn hóa; đồng thời bảo tồn, phát huy những giá trị văn hóa truyền thống của mỗi địa phương, giữ vai trò nòng cốt trong tổ chức các hoạt động tuyên truyền cổ động chào mừng các ngày kỷ niệm, các sự kiện chính trị - xã hội của đất nước, địa phương; góp phần thúc đẩy sự nghiệp văn hóa, thể thao; là điều kiện quan trọng để thực hiện có hiệu quả phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" và nghị quyết chuyên đề về nâng cao chất lượng đời sống văn hóa cơ sở, bảo vệ môi trường bền vững đến năm 2025 và những năm tiếp theo mà huyện đã đề ra.

Năm 2023, huyện đã tổ chức tốt các hoạt động văn hóa, thể thao, các hoạt động tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị của huyện và nhu cầu hưởng thụ của nhân dân. Tổ chức đề cán bộ và nhân dân đón Tết Quý Mão 2023 vui tươi, lành mạnh, an toàn và tiết kiệm. Tăng cường quản lý hoạt động lễ hội, du lịch trên địa bàn; phối hợp tổ chức tốt Lễ hội Chùa Tam Chúc 2023, Tuần Văn hóa Việt Nam - Nhật Bản tại khu du lịch Tam Chúc; tổ chức lễ đón nhận Bằng di tích cấp Quốc gia Căn cứ địa Lạt Sơn và Lễ hội truyền thống Đền Nữ tướng Lê Chân. Chỉ đạo rà soát quản lý thu, chi công đức tại các di tích tín ngưỡng, tôn giáo.

Đẩy mạnh phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa cơ sở, có 26% gia đình và 34% dân số tập luyện thể thao, tỷ lệ hòa táng ước đạt 49%; tỷ lệ hộ gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa 91%. Tổ chức thành công Liên hoan thiêu nhi tuyên truyền giới thiệu sách cấp cụm xã, cấp huyện. Quan tâm chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc chính trang cấp viễn thông trên các tuyến đường QL21B, ĐT.494... Tiếp tục đẩy mạnh chuyên đổi số, nâng cao hiệu quả các tổ công nghệ số cộng đồng tại các địa phương.

4. Chính sách xã hội, giải quyết việc làm

Những năm qua, huyện Kim Bảng luôn chủ trương gắn phát triển kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; không ngừng nâng cao đời sống người dân; mọi người dân đều được hưởng thành quả phát triển, không ai bị bỏ lại phía sau. Thường xuyên quan tâm, thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với người có công, người nghèo, người cao tuổi, phụ nữ và trẻ em, nhất là người già cô đơn, trẻ em con gia đình nghèo, trẻ em khuyết tật,...

Công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho thanh niên luôn được huyện Kim Bảng đặc biệt quan tâm, góp phần tăng thu nhập, nâng cao đời sống

vật chất và tinh thần cho thanh niên, thúc đẩy kinh tế - xã hội địa phương phát triển. Trong đó, tập trung triển khai thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo quy định, phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; thực hiện quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn bảo đảm đúng mục đích và hiệu quả. Các nghề đào tạo thu hút lao động nông thôn tham gia học, có việc làm sau đào tạo hầu hết là những nghề phi nông nghiệp, như: may công nghiệp, kỹ thuật chế biến món ăn, nhân viên phục vụ phòng, hướng dẫn viên du lịch, Caddy (phục vụ sân golf), thiêu ren,... Đến nay, hàng vạn lao động nông thôn là những đối tượng người nghèo, cận nghèo, người bị thu hồi đất nông nghiệp, người có công,... được học nghề mới, có việc làm và cải thiện thu nhập.

Hưởng ứng phong trào thi đua “Vì người nghèo - không để ai bị bỏ lại phía sau”, cuộc vận động “Ngày vì người nghèo” gắn với thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia về giảm nghèo bền vững, huyện Kim Bảng đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, chăm lo, giúp đỡ người nghèo, góp phần thực hiện hiệu quả mục tiêu giảm nghèo bền vững.

Năm 2023, huyện đã giải quyết việc làm mới cho 4.494 lao động; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 80,5%, trong đó 60% có chứng chỉ, bằng nghề; tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 1,82%; thu nhập đạt 76,8 triệu đồng/người/năm; tỷ lệ lao động phi nông nghiệp đạt 80,30%.

VII. XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

Huyện Kim Bảng được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới từ năm 2017, đến nay huyện tiếp tục đẩy mạnh chương trình xây dựng nông thôn mới, trọng tâm là hướng đến hoàn thiện các chỉ tiêu, tiêu chí xây dựng nông thôn mới nâng cao theo Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025 của tỉnh. Các xã, thị trấn của huyện Kim Bảng đã tập trung thực hiện việc duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí, nhất là các tiêu chí về hạ tầng thiết yếu như cơ sở hạ tầng đường giao thông và hệ thống trung tâm y tế, trường học, nhà văn hóa... nhằm tạo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, tăng mức độ hưởng thụ trực tiếp cho người dân nông thôn. Đồng thời, điều đó giúp đẩy mạnh phát triển sản xuất gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập cho người dân,...

VIII. HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG XÃ HỘI

1. Công trình nhà ở

Ngoài các đô thị, điểm dân cư nông thôn mới được quy hoạch thì các khu dân cư, làng xóm được hình thành từ lâu đời. Do quá trình đô thị hóa và đời sống kinh tế thay đổi nên nhiều gia đình đã chuyển đổi từ các mẫu nhà truyền thống phong cách làng quê (nhà ngói, 3 gian) sang mẫu nhà hiện đại (nhà ống, cao tầng). Đến ngày 31/12/2023, địa bàn huyện Kim Bảng có 40.532 căn nhà các loại; trong đó, nhà kiên cố có 39.567 căn với diện tích sàn là 4.312.708 m², diện tích sàn nhà trung bình đạt 33,50 m²/người; tỷ lệ nhà kiên cố, bán kiên cố đạt 97,62%.

2. Công trình hành chính

Các công trình chủ yếu bố trí tập trung dọc theo đường các tuyến đường chính đô thị, quy mô từ 1 đến 4 tầng. Các công trình trụ sở cơ quan hành chính cơ bản đã được đầu tư cải tạo, nâng cấp, đảm bảo chất lượng sử dụng và đồng bộ về cơ sở vật chất trên địa bàn huyện.

3. Công trình Y tế - Giáo dục

Hệ thống công trình giáo dục, y tế đã được quan tâm đầu tư, nâng cấp trong giai đoạn gần đây. Chất lượng công trình giáo dục và y tế tương đối tốt, quy mô 2 - 3 tầng kiên cố, đã cơ bản đáp ứng được nhu cầu của nhân dân.

4. Công trình văn hóa - thể dục thể thao

Những năm qua Kim Bảng đã không ngừng nỗ lực tạo dựng môi trường văn hóa lành mạnh, góp phần nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân cũng như bảo tồn, gìn giữ, phát huy các giá trị truyền thống, góp phần xác lập đời sống văn hóa mới.

Để từng bước hoàn thiện các thiết chế văn hóa, huyện đã quy hoạch đất cho khu thể thao và công trình nhà văn hóa đa năng với các trang thiết bị đạt chuẩn. Các công trình văn hóa, thể dục - thể thao cơ bản bảo đảm cho việc tổ chức hoạt động văn hóa, thể dục - thể thao khu vực như: sân vận động, trung tâm văn hóa, thư viện, bưu điện...

Huyện triển khai nhiều chương trình, kế hoạch, tập trung chỉ đạo đẩy mạnh phát triển sự nghiệp TDTT tạo sự chuyên biến rõ nét về quy mô và chất lượng. Đồng thời, thực hiện có hiệu quả công tác xã hội hóa các hoạt động TDTT, góp phần phát triển phong trào TDTT quần chúng làm nền tảng cho thể thao thành tích cao. Từng bước đầu tư xây dựng đầy đủ các thiết chế TDTT đảm bảo cho phong trào TDTT quần chúng phát triển bền vững. Số người tập luyện TDTT thường xuyên so với dân số ngày một tăng, hàng trăm Câu lạc bộ TDTT, gia đình thể thao trong huyện đã và đang làm cho phong trào thể thao quần chúng ngày một sôi động, thiết thực và bổ ích.

5. Công trình thương mại dịch vụ

Những năm qua, hoạt động thương mại, dịch vụ (TM, DV) trên địa bàn được duy trì ổn định và có sự phát triển. Cơ sở kinh doanh TM, DV phát triển rộng khắp, không chỉ tập trung ở thị trấn mà hệ thống đại lý, cơ sở bán buôn, bán lẻ còn vươn tới mọi địa bàn dân cư, bảo đảm cung cấp hàng hóa, dịch vụ nhanh chóng, thuận lợi cho người tiêu dùng. Các hoạt động thương mại chủ yếu kinh doanh các mặt hàng tiêu dùng, kinh doanh các mặt hàng sản xuất nông nghiệp như phân bón, thuốc trừ sâu... Các chợ trên địa bàn đã đáp ứng nhu cầu của cư dân khu vực, với 03 chợ cấp đô thị gồm: chợ Quế, chợ Nhật Tân, chợ Thi Sơn. Ngoài ra trên địa bàn huyện còn có các Khu dịch vụ thương mại cấp đô thị như: Khu dịch vụ thương mại tổng hợp Tân Hoàng Lâm, Trung tâm dịch vụ Golden Hill Center, Cửa hàng Điện máy Xanh.

Hệ thống siêu thị, các cửa hàng bán lẻ cũng đã phủ khắp các địa bàn, bảo đảm đa dạng nguồn cung cấp hàng hóa phục vụ nhân dân trên địa bàn cũng như các vùng lân cận. Nhà hàng, khách sạn phát triển mạnh, đa dạng, bảo đảm đáp ứng nhu cầu ăn uống, lưu trú của người dân cũng như khách du lịch.

IX. HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

1. Về giao thông

1.1. Giao thông đối ngoại

Huyện Kim Bảng có hệ thống giao thông đối ngoại đặc biệt thuận lợi với nhiều tuyến giao thông cấp vùng và cấp Quốc gia như: Quốc lộ 1 đoạn tránh thành phố Phủ Lý, Quốc lộ 21, Quốc lộ 21B, Quốc lộ 38 và các hệ thống đường tỉnh gồm: ĐT.494, ĐT.494B, ĐT.498, ĐT.498B, ĐT.498C, tuyến đường T3. Đây là các tuyến giao thông chính giúp huyện Kim Bảng thuận lợi giao lưu phát triển với các trung tâm kinh tế - xã hội của tỉnh, vùng và cả nước.

1.2. Đường đô thị

Giao thông khu vực đô thị: Hệ thống đường đô thị trên địa bàn huyện có tổng chiều dài khoảng 41 km, tập trung tại khu vực thị trấn Ba Sao, thị trấn Quế, đô thị Nhật Tân, đô thị Tượng Lĩnh, khu vực phát triển đô thị Đại Cường, Thị Sơn... Kết cấu mặt đường chủ yếu là đường nhựa và đường bê tông xi măng chất lượng tốt. Bề rộng nền đường 13 - 20,5 m.

Hệ thống đường huyện có 08 tuyến với tổng chiều dài khoảng 47,5 km, bề rộng nền đường 7 - 13 m, chất lượng trung bình.

Giao thông nông thôn: Hệ thống đường xã trên địa bàn huyện có tổng chiều dài 72,5 km. Kết cấu mặt đường chủ yếu là đường bê tông nhựa, bê tông xi măng và đường cấp phối đá dăm. Bề rộng nền đường khoảng 3 - 10 m. Các trục đường xã cơ bản đã cải tạo nâng cấp để đáp ứng nhu cầu đi lại của nhân dân.

1.3. Giao thông đường thủy nội địa

Tuyến giao thông đường thủy trên sông Đáy và sông Nhuệ với tổng chiều dài khoảng 20 km hiện vẫn chưa phát triển. Hai bên sông có một số bến, bãi, đò ngang phục vụ nhu cầu đi lại và vận chuyển hàng hóa của nhân dân dọc 2 bên bờ sông.

2. Cấp điện, chiếu sáng đô thị

2.1. Hiện trạng cấp điện

- Nguồn cấp điện:

Huyện Kim Bảng hiện đang được cấp điện trực tiếp từ lưới điện Quốc gia thông qua các trạm biến áp:

+ TBA 220kV Phủ Lý (công suất 2x250MVA) tại xã Ngọc Sơn.

+ TBA 110 KV Châu Sơn (công suất 2x63MVA) thuộc phường Châu Sơn thành phố Phủ Lý cấp điện cho khu vực xã Thanh Sơn, khu TTCN Thị Sơn và khu khai thác chế biến đá thuộc xã Liên Sơn.

+ TBA 110 KV Phù Lý (110/35/22KV - 2x40MVA) cấp điện cho khu vực dân sinh và sản xuất tại các xã Thanh Sơn, Thi Sơn và Liên Sơn.

+ TBA 110 KV Đồng Văn (công suất 3x63MVA) cấp điện cho trạm trung gian Kim Bảng, trạm trung gian Lê Hồ và xã Hoàng Tây.

+ TBA 110KV Đồng Văn 4 công suất 2x63MVA.

- Lưới điện:

+ Lưới 500KV: Trên địa bàn huyện hiện có tuyến 500KV từ Nho Quan đi Thường Tín chạy ngang qua địa bàn các xã Lê Hồ, Tượng Lĩnh, Ba Sao với tổng chiều dài 10,2 km.

+ Lưới 220KV: Tuyến 220KV Nho Quan - Phù Lý - Ba La chạy qua địa bàn các xã Tượng Lĩnh, Lê Hồ, Tân Sơn, Khả Phong, Ba Sao với tổng chiều dài 20 km.

- Lưới trung thế: Lưới điện trung thế trên địa bàn huyện Kim Bảng hiện tại đang dùng cấp điện áp 35KV, 22KV và 10KV cấp điện đi nổi trên cột bê tông ly tâm, sử dụng dây dẫn trần AC 50, AC 70 và AC 95. Tổng số chiều dài các tuyến trung thế hiện có trên địa bàn Huyện trên 237 km.

- Lưới điện hạ thế 0,4KV trong khu vực trung tâm huyện, thị trấn cơ bản đã được hoàn thiện đi nổi trên cột bê tông ly tâm, sử dụng cáp vặn xoắn ABC bọc cách điện, tiết diện từ 50 mm² - 120 mm², Tại các xã và các khu vực còn lại lưới hạ thế loại 3 pha 4 đi nổi trên cột bê tông, sử dụng cáp nhôm bọc và cáp nhôm trần A35, A50, A70 và A95. Tổng chiều dài lưới hạ thế đang sử dụng khoảng 400 km.

- Trạm biến áp hạ thế: Hiện tại trên địa bàn huyện có tổng cộng 434 trạm biến áp hạ thế với tổng công suất 202.383 KVA. Nhu cầu sử dụng điện trên địa bàn huyện đạt 100%.

2.2. Chiếu sáng đô thị:

Hệ thống chiếu sáng đô thị đã được xây dựng hoàn chỉnh; các tuyến đường trung tâm, các tuyến đường chính đô thị; đường ngõ xóm cũng có hệ thống điện chiếu sáng do dân tự quản.

3. Hệ thống cấp nước đô thị

3.1. Nguồn nước

Nguồn nước sử dụng cho huyện Kim Bảng chủ yếu sử dụng nước mặt từ sông Hồng và sông Đáy.

Hiện nay mạng lưới cấp nước từ các nhà máy nước sạch tập trung đã cấp tới các xã trên địa bàn huyện, bao gồm:

+ Nhà máy nước sạch số 2 Phù Lý (công suất 30.000 m³/ngày.đêm);

+ Nhà máy nước Kim Bình (công suất 8.000 m³/ngày.đêm);

+ Nhà máy nước Khả Phong (công suất 3.800 m³/ngày.đêm).

Để đáp ứng đủ nguồn nước và bảo đảm chất lượng nước sạch, những năm qua các nhà máy nước luôn cập nhật việc ứng dụng công nghệ mới, bổ sung trang thiết bị tiên tiến, xây dựng trạm tăng áp tại các khu vực và hàng tháng duy trì việc xét nghiệm nước theo quy định.

3.2. Tính đến thời điểm hiện tại, tổng số 39.170 hộ dân trên địa bàn huyện được cấp nước sạch tập trung và sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh. Tỷ lệ hộ dùng nước sạch nước hợp vệ sinh đạt 100%.

4. Hệ thống thoát nước mưa

Hệ thống thoát nước mưa trong khu dân cư theo hệ thống cống, mương hoặc rãnh; một phần tự thấm; phần còn lại theo địa hình tự nhiên chảy ra các khu vực thấp trũng và được giữ lại làm nước tưới cho nông nghiệp. Khi mực nước nội đồng lên cao nước mưa trong các kênh mương thủy lợi sẽ được tiêu thoát ra sông Đáy, sông Nhuệ theo chế độ vận hành của hệ thống thủy nông huyện.

- Thị trấn Quế: Thuộc lưu vực tả Đáy, chế độ thoát tự chảy, chủng loại cống tròn, hộp, mương xây có nắp đan. Khả năng tiêu thoát trung bình.

- Thị trấn Ba Sao: Thuộc lưu vực hữu Đáy, chế độ thoát tự chảy, chủng loại cống tròn, hộp bê tông cốt thép, mương xây có nắp đan, mương hở. Khả năng tiêu thoát trung bình.

- Tại các khu vực khác, nước mưa được tiêu thoát tự nhiên dựa theo độ dốc nền địa hình và hệ thống kênh mương thủy lợi.

5. Hệ thống thoát nước thải đô thị

5.1. Khu vực dân cư

- Khu vực dân cư cũ: chưa có hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt. Nước thải chủ yếu tự thấm xuống đất hoặc theo các rãnh nước, vệt trũng chảy ra ao, hồ, ruộng đồng.

- Khu vực dân cư mới: một số khu đô thị, khu dân cư mới đã được xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải đồng bộ như: dự án khu nhà ở Đại Cường (nhà máy xử lý nước thải công suất 250 m³/ngày đêm), dự án khu nhà ở Trung Đông (nhà máy xử lý nước thải công suất 350 m³/ngày đêm).

5.2. Nước thải y tế

Trung tâm y tế huyện Kim Bảng đã có trạm xử lý nước thải, có giấy phép xả thải ra môi trường.

5.3. Về thoát nước thải công nghiệp

Khu công nghiệp Đồng Văn IV có trạm xử lý nước thải công suất giai đoạn 1 là 2.000 m³/ngày đêm.

6. Thông tin liên lạc, bưu điện, bưu chính - viễn thông

Hiện nay tỷ lệ bình quân hộ sử dụng điện thoại và điện thoại di động của đô thị đạt khá cao; 100% các khu vực trên địa bàn đô thị đã được phủ sóng thông tin di động.

7. Quản lý chất thải rắn và vệ sinh môi trường đô thị

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị xã hội của huyện đã tổ chức các mô hình phân loại rác thải trên địa bàn một số xã. Qua hoạt động của mô hình đã nâng cao ý thức của người dân về phân loại rác thải tại nguồn và thực hiện ủ rác hữu cơ thành phân hữu cơ để phục vụ sản xuất, góp phần làm giảm khối lượng rác thải ra môi trường, tận dụng được nguồn phân hữu cơ phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Năm 2023, tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt khu vực nội thị phát sinh khoảng 9.052 tấn/năm; lượng thu gom đạt 8.764 tấn, tỷ lệ thu gom xử lý đạt 96,82%.

Rác thải được xử lý tại Nhà máy xử lý rác thải tại thung Đám Gai, xã Thanh Thủy, huyện Thanh Liêm. Quy mô công suất: xử lý chất thải rắn sinh hoạt 300 tấn/ngđ; xử lý chất thải rắn công nghiệp và nguy hại đạt 70 - 100 tấn/ngđ.

Công tác thu gom rác thải sinh hoạt từ hộ gia đình đến điểm tập kết tại các xã thị trấn do các cá nhân trực tiếp đảm nhận. Riêng thị trấn Ba Sao do HTX dịch vụ nông nghiệp đảm nhận. Hiện nay có 07 xã, thị trấn (Quế, Thi Sơn, Thanh Sơn, Ngọc Sơn, Đại Cường, Tượng Lĩnh, Thụy Lôi) thực hiện phương thức thu gom, tập kết rác thải sinh hoạt bằng xe đẩy tay giúp giảm đáng kể kinh phí bốc xúc phải chi trả cho đơn vị dịch vụ môi trường.

8. Nghĩa trang, nhà tang lễ

Tại các khu vực dân cư tập trung có các nghĩa trang riêng. Các nghĩa trang phân bố rải rác theo đơn vị thôn xã, thị trấn. Công nghệ mai táng của các nghĩa trang chủ yếu hung táng và cát táng. Tổng diện tích đất nghĩa trang, nghĩa địa hiện có khoảng 84,8 ha. Các nghĩa trang đã được cải tạo, đầu tư xây dựng theo quy hoạch.

UBND tỉnh Hà Nam ban hành quyết định 03/2022/QĐ-UBND ngày 06/02/2022 về việc thực hiện chính sách hỗ trợ khuyến khích hỏa táng và di chuyển phần mộ riêng lẻ về nghĩa trang tập trung trên địa bàn tỉnh Hà Nam. Huyện Kim Bảng đã từng bước vận động các hộ gia đình sử dụng hình thức hỏa táng theo chính sách khuyến khích của tỉnh, đạt tỷ lệ cao 49%.

9. Về công viên cây xanh

Cây xanh đô thị trên địa bàn huyện tập trung chủ yếu tại thị trấn Quế và thị trấn Ba Sao với các khuôn viên cây xanh trong các công trình công cộng đảm bảo tiếp cận của người dân. Qua đánh giá hiện trạng cây xanh đô thị, huyện còn thiếu các công trình công cộng thiết yếu như công viên, cây xanh, khu vui chơi giải trí, các công trình văn hóa thể thao lớn đủ tầm phục vụ các chương trình thể dục thể thao của huyện.

Hiện nay, hệ thống cây xanh giao thông đã và đang được đầu tư, đảm bảo các tiêu chí mỹ quan và môi trường; Trong thời gian tới, tiếp tục đầu tư phát

triển hệ thống không gian xanh đô thị, các khu vui chơi giải trí, sinh hoạt cộng đồng, nâng cao đời sống tinh thần của người dân.

X. VỀ KIẾN TRÚC CẢNH QUAN

1. Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị

Huyện Kim Bảng luôn tăng cường công tác quản lý nhà nước về đất đai, quy hoạch, xây dựng, giao thông, đô thị. Tổ chức công bố công khai các đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng được duyệt. Hầu hết các trường hợp xây dựng đều được cấp phép xây dựng, kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm quy hoạch và không xin cấp phép xây dựng đúng quy định góp phần làm cho diện mạo đô thị ngày càng phát triển theo hướng trật tự, văn minh hiện đại.

Hiện nay Quy chế Quản lý kiến trúc đô thị Kim Bảng đã được lập. Định hướng trong thời gian tới việc thực hiện đầu tư xây dựng phát triển đô thị sẽ thực hiện theo Quy hoạch đô thị và Quy chế Quản lý kiến trúc đô thị được duyệt.

1.1. Khu đô thị mới

Khu đô thị nghỉ dưỡng và vui chơi giải trí cao cấp Ba Sao, có tổng mức đầu tư được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư khoảng 4.400 tỷ đồng. Đây là một khu đô thị cao cấp có hệ thống hạ tầng hoàn chỉnh, mang tính đặc thù và đột phá để phát triển các hình thái tương tự trong đô thị. Nhằm nâng cao giá trị cảnh quan, kinh tế trên cơ sở khai thác điều kiện thuận lợi về vị trí.

Các dự án khu đô thị, khu nhà ở đang đầu tư xây dựng thuộc địa bàn các xã Nhật Tân, Nhật Tựu, Đại Cường phục vụ nhu cầu ở cho nhân dân và chuyên gia, kỹ sư trong khu công nghiệp Đông Văn IV, cụ thể: Khu nhà ở đô thị tại xã Đại Cường, Khu nhà ở đô thị tại xã Nhật Tựu, Khu nhà ở Trung Đông, Khu nhà ở sinh thái Teelhomes,...

Các dự án khu đô thị, khu nhà ở đang được đầu tư và chuẩn bị đầu tư theo nhu cầu phát triển đô thị trên địa bàn góp phần tạo diện mạo mới cho huyện Kim Bảng, từng bước hình thành đô thị Kim Bảng khang trang, hiện đại trong tương lai.

1.2. Khu cải tạo chỉnh trang, phát triển đô thị

Đảng và chính quyền đang tiếp tục tăng cường công tác quản lý quy hoạch, quản lý trật tự xây dựng, chú trọng thực hiện các dự án theo đồ Quy hoạch chung đô thị Kim Bảng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt. Tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt các đồ án quy hoạch chi tiết, các dự án theo thẩm quyền tại xã theo lộ trình, tăng cường công tác quản lý chất lượng công trình và nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng. Duy trì tốt việc công khai Quy hoạch, tổ chức cắm mốc, bảo vệ mốc giới các đồ án quy hoạch xây dựng. Tổ chức lập đề án đặt tên đường, tên phố và gắn số nhà, chỉnh trang đô thị, chỉ đạo xây dựng tuyến phố văn minh đô thị.

Đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình xây dựng hạ tầng nông thôn như: trường học, trụ sở xã, nhà văn hóa thôn, hệ thống đường giao thông liên xã,

liên thôn kịp thời nghiệm thu ban giao đưa vào sử dụng các công trình xây dựng đã thi công xong, phục vụ tốt cho việc phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

2. Không gian công cộng đô thị

Khu vực thị trấn hiện có 03 không gian công cộng cấp đô thị bao gồm: Sân vận động trung tâm huyện, trung tâm văn hóa thể thao huyện, nhà văn hóa huyện. Ngoài ra trên địa bàn còn có nhiều các công trình thể dục thể thao, sân chơi, công trình công cộng khác, cơ bản đáp ứng các nhu cầu vui chơi, giải trí, sinh hoạt cộng đồng của người dân.

3. Công trình kiến trúc tiêu biểu

Huyện Kim Bảng được hình thành và phát triển từ lâu, có nhiều thành tích trong chiến đấu và trong lao động sản xuất. Có vị trí thuận lợi trong phát triển các tuyến du lịch tâm linh cấp vùng như: tuyến Khu thắng cảnh Chùa Hương (Hà Nội) - Khu du lịch Quốc gia Tam Chúc (Kim Bảng) - Khu du lịch Tràng An (Ninh Bình). Cùng với đó Kim Bảng có nhiều di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng cấp Quốc gia, cấp tỉnh với 12 công trình văn hóa lịch sử được xếp hạng cấp quốc gia gồm: Đình Phương Thượng, Đình Thượng Thanh Nộn, Chùa Bà Đanh, Đền Trúc, Chùa Quế Lâm, Đền Ba Dân, Đình Phương Lâm, Đình Nhật Tân, Đình Lạc Nhướ, Đình Trái, Đình Phù Thụy, Đình Mã Nảo.

XI. QUỐC PHÒNG, AN NINH

1. Công tác quốc phòng

Công tác giáo dục quốc phòng an ninh, tuyển quân, huấn luyện, hội thao, hội thi, xây dựng nề nếp chính quy, kỷ luật, công tác hậu cần kỹ thuật, chính sách hậu phương quân đội, công tác xây dựng Đảng... được thực hiện tốt; kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh trong từng chương trình, dự án của huyện. Chủ động quy hoạch, đầu tư các công trình trong khu vực phòng thủ huyện ngày càng đồng bộ. Hằng năm hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển quân; tổ chức thành công diễn tập chiến đấu phòng thủ; diễn tập phòng cháy, chữa cháy rừng; diễn tập phòng chống thiên tai - tìm kiếm cứu nạn. Lực lượng vũ trang huyện duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu; phối hợp hiệp đồng chặt chẽ với các ngành, địa phương, tích cực xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân, tham gia có hiệu quả công tác phòng, chống dịch bệnh.

Năm 2023, huyện đã tổ chức giao quân đảm bảo đủ chỉ tiêu, an toàn, đúng luật với 234 công dân lên đường nhập ngũ; đón nhận, tư vấn học nghề, giới thiệu việc làm cho 186 quân nhân xuất ngũ trở về địa phương; tổ chức thành công diễn tập khu vực phòng thủ huyện, xã đạt hiệu quả, an toàn; triển khai Kế hoạch tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ vào Quân đội và thực hiện nghĩa vụ quân sự tham gia công an nhân dân năm 2024.

2. Công tác bảo đảm an ninh trật tự

Thực hiện tốt công tác phòng, chống tội phạm; triển khai các đợt cao

điểm tấn công trấn áp tội phạm, phòng chống tội phạm công nghệ cao; triệt phá nhiều ổ nhóm tội phạm, điểm hoạt động ma túy, cờ bạc... góp phần từng bước xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an ninh, an toàn, lành mạnh trên địa bàn huyện. Đây mạnh cải cách thủ tục hành chính, triển khai quyết liệt dịch vụ công trực tuyến để thực hiện chuyên đổi số trong Công an nhân dân. Công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc có nhiều chuyển biến tích cực, thu hút đông đảo quần chúng nhân dân tham gia phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội, giữ gìn an ninh trật tự ở cơ sở. Năm 2023, tình hình an ninh chính trị, an ninh tôn giáo, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện được giữ vững, không để xảy ra vụ việc phức tạp; huyện đã đảm bảo tốt an ninh, trật tự trong dịp Tết Nguyên đán Quý Mão, bảo vệ tuyệt đối an toàn hoạt động của các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, các sự kiện quan trọng diễn ra trên địa bàn huyện, đặc biệt là bảo đảm an ninh, trật tự trong Tuần văn hóa, du lịch Hà Nam tại khu du lịch Tam Chúc. Tổ chức các đợt cao điểm tấn công trấn áp tội phạm và tệ nạn xã hội, vi phạm pháp luật về trật tự xã hội được kiểm chế; tai nạn giao thông giảm so với cùng kỳ; tăng cường kiểm tra, xử lý nghiêm phương tiện chở quá tải trọng, vi phạm nồng độ cồn. Công tác phòng, cháy chữa cháy được tăng cường, thành lập 112 tổ liên gia an toàn về phòng cháy chữa cháy, 03 điểm chữa cháy công cộng. Tăng cường quản lý, xử lý vi phạm pháp luật về vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ. Tập trung chỉ đạo thực hiện Đề án 06 “phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định dạng và xác thực điện tử phục vụ chuyên đổi số quốc gia giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030”. Duy trì hiệu quả 21 mô hình, triển khai mới 03 mô hình tại Nguyễn Úy, Liên Sơn, Thụy Lôi về phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

XII. TỔ CHỨC BỘ MÁY BIÊN CHẾ, CÁN BỘ CÔNG CHỨC TRONG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

1. Huyện ủy Kim Bảng

1.1. Thường trực Huyện ủy gồm 03 người: Bí thư Huyện ủy - Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện; Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy; Phó Bí thư Huyện ủy - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện.

1.2. Các cơ quan thuộc Huyện ủy: Văn phòng Huyện ủy, Ban Tổ chức Huyện ủy; Ban Tuyên giáo Huyện ủy, Ban Dân vận Huyện ủy, Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy; Trung tâm Chính trị huyện.

2. Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện nhiệm kỳ 2021-2026

2.1. Hội đồng nhân dân huyện: Có 29 đại biểu. Trình độ chuyên môn: thạc sỹ 16 người, chiếm 55,17%; đại học 9 người, chiếm 31,03%; trung cấp 02 người, chiếm 6,9%. Trình độ lý luận chính trị cao cấp 17 người, chiếm 58,62%; trung cấp 07 người, chiếm 24,14%; sơ cấp 4 người, chiếm 7,25%.

Thường trực HĐND có Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch HĐND, Trưởng các ban của HĐND (Kinh tế - Xã hội, Pháp chế).

2.2. Ủy ban nhân dân huyện: Có 12 phòng, ban chuyên môn với 62 người. Trình độ chuyên môn: thạc sỹ 27 người, chiếm 43,55%; đại học 35

người, chiếm 56,45%. Trình độ lý luận chính trị cao cấp 24 người, chiếm 38,71%; trung cấp 31 người, chiếm 50%.

3. Cán bộ, công chức 11 xã, thị trấn dự kiến thành lập phường

3.1. Tổ chức đảng: Có 11 đảng bộ cấp xã.

3.2. Hội đồng nhân dân có tổng số 260 đại biểu.

3.3. Cán bộ, công chức có tổng số 211 người, gồm 113 cán bộ và 98 công chức. Trình độ chuyên môn: thạc sĩ có 7 người, chiếm 3,32%; đại học có 192 người, chiếm 91,00%; cao đẳng có 04 người, chiếm 1,90%; trung cấp có 05 người, chiếm 2,37%. Trình độ lý luận chính trị: cao cấp có 02 người, chiếm 0,95%; trung cấp 204 người, chiếm 96,68%; sơ cấp 3 người, chiếm 1,42%.

3.4. Số người hoạt động không chuyên trách ở 58 thôn, tổ dân phố là 130 người.

4. Viên chức sự nghiệp

4.1. Sự nghiệp giáo dục

Ngành giáo dục của huyện hiện có 1.715 người. Trình độ chuyên môn: thạc sĩ có 22 người, chiếm 1,28%; đại học có 1.058 người, chiếm 61,69%; cao đẳng có 613 người, chiếm 35,74%; trung cấp có 22 người, chiếm 1,28%. Trình độ lý luận chính trị: cao cấp có 2 người, chiếm 0,12%; trung cấp 184 người, chiếm 10,73%; sơ cấp có 145 người, chiếm 8,45%.

4.2. Sự nghiệp y tế

Ngành y tế của huyện hiện có 181 người. Trình độ chuyên môn: thạc sĩ có 0 người, chiếm 0%; đại học có 125 người, chiếm 69%; cao đẳng có 38 người, chiếm 21%; trung cấp có 18 người, chiếm 10%. Trình độ lý luận chính trị: cao cấp có 2 người, chiếm 1%; trung cấp 38 người, chiếm 21%; sơ cấp có 141 người, chiếm 78%.

XIII. ĐIỀU KIỆN THÀNH LẬP THỊ XÃ KIM BẢNG VÀ CÁC PHƯỜNG THUỘC THỊ XÃ KIM BẢNG

Thành lập thị xã Kim Bảng và các phường thuộc thị xã Kim Bảng đảm bảo các điều kiện quy định tại Khoản 2, Điều 128 Luật Tổ chức chính quyền địa phương, cụ thể:

1. Phù hợp với các quy hoạch, kế hoạch, định hướng được cấp có thẩm quyền phê duyệt, gồm:

1.1. Quy hoạch tỉnh Hà Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 1686/QĐ-TTg ngày 26/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ đã xác định đến năm 2030, tỉnh Hà Nam có 09 đô thị, gồm: thành phố Phủ Lý đạt tiêu chí đô thị loại I, trong đó tập trung xây dựng phát triển đô thị Bắc Châu Giang là đô thị xanh, thông minh, có hạ tầng hiện đại, hạt nhân phát triển của thành phố Phủ Lý và đồng thời là trung tâm hành chính - chính trị của tỉnh; thị xã Duy Tiên là đô thị loại III tiến tới thành lập thành phố Duy Tiên; huyện Kim Bảng là thị xã, cơ bản đạt tiêu chí đô thị loại III, sáp nhập xã Nhật Tựu với

xã Nhật Tân thành lập 01 phường mới. Đồng thời, xác định Kim Bảng thuộc vùng đô thị - sinh thái - công nghiệp (phía Tây).

1.2. Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hà Nam lần thứ XX, nhiệm kỳ 2020 - 2025; Nghị quyết số 16-NQ/TU của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng và phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh Hà Nam giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 đã xác định với mục tiêu: “Phân đầu, thành lập thị xã Kim Bảng trước năm 2025”.

1.3. Điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 06/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ. Theo đó, tỉnh Hà Nam phát triển về y tế và giáo dục đào tạo (Khu đô thị đại học Nam Hà Nội), du lịch quốc gia (Tam Chúc - Ba Sao, Kim Bảng...), dịch vụ trung chuyển hàng hóa (logistics tại Đồng Văn) phía Nam của Vùng Thủ đô Hà Nội; có vai trò cửa ngõ quan trọng của Vùng đối với các tỉnh phía Nam của Vùng đồng bằng sông Hồng; đến năm 2030, tỷ lệ đô thị hóa Khoảng 47 - 52%.

1.4. Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030 tại Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ đã xác định đô thị Kim Bảng (huyện Kim Bảng) là đô thị loại IV, trở thành thị xã thuộc tỉnh Hà Nam giai đoạn 2021 - 2025.

1.5. Chương trình phát triển đô thị tỉnh Hà Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 1436/QĐ-UBND ngày 22/9/2016 và Quyết định số 3064/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 về việc điều chỉnh, bổ sung đô thị Kim Bảng vào chương trình phát triển đô thị tỉnh Hà Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã xác định mục tiêu đến năm 2030, toàn tỉnh có 17 đô thị; trong đó: 01 đô thị loại I (Thành phố Phủ Lý); 01 đô thị loại III (đô thị Duy Tiên); 03 đô thị loại IV (các thị trấn Vĩnh Trụ, Bình Mỹ, Ba Sao); 12 đô thị loại V. Tỷ lệ đô thị hóa toàn tỉnh đạt trên 55%.

1.6. Quy hoạch chung xây dựng đô thị Kim Bảng đến năm 2050 tại Quyết định số 2025/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 của UBND tỉnh Hà Nam đã xác định “Đô thị Kim Bảng là đô thị loại IV, hướng tới đô thị loại III vào năm 2030, là khu vực phát triển kinh tế - xã hội trọng điểm phía Tây của tỉnh gắn với Khu du lịch Quốc gia Tam Chúc, các công trình hạ tầng kỹ thuật đầu mối phía Nam thủ đô Hà Nội và khu công nghiệp tập trung quy mô lớn của tỉnh”.

1.7. Việc thành lập phường thuộc thị xã Kim Bảng trên cơ sở sáp nhập xã Nhật Tựu với xã Nhật Tân phù hợp với chủ trương của Đảng, quy định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Kế hoạch của Chính phủ.

2. Bảo đảm lợi ích chung của quốc gia, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của chính quyền địa phương các cấp của tỉnh; phát huy tiềm năng, lợi thế sẵn có nhằm thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện nói riêng và tỉnh nói chung. Theo đó, thị xã Kim Bảng có vị trí nằm trong vòng cung du lịch trọng điểm (sinh thái - tâm linh) Ba Vi - Hòa Bình - Hương Sơn - Tam Chúc - Tràng An; cận kề trung tâm giáo dục - đào tạo (Đại học Nam Cao 12 vạn sinh

viên) - y tế cấp vùng (Bệnh viện cơ sở 2 Việt Đức, Bạch Mai, 7.000 giường); có sức hút phát triển công nghiệp với giao thông thuận lợi, nằm trong vành đai công nghiệp Hà Nam - Hưng Yên, đồng thời kết nối thuận lợi với các KKT biển Đình Vũ (Hải Phòng), Thái Bình (Thái Bình). Đồng thời, việc thành lập thị xã Kim Bảng và các phường thuộc thị xã Kim Bảng sẽ tạo tiền đề pháp lý cho việc thiết lập mô hình tổ chức bộ máy quản lý phù hợp với quá trình đô thị hóa đang diễn ra nhanh chóng trên địa bàn; bảo đảm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước của chính quyền địa phương các đơn vị hành chính sau khi thành lập. Từ đó, nhân dân sẽ được tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ văn hóa, giáo dục, chăm sóc sức khỏe,... với điều kiện thuận lợi hơn, chất lượng tốt hơn. Cùng với quá trình phát triển kinh tế - xã hội, nhiều dự án hợp tác về kinh tế của các thành phần kinh tế, các doanh nghiệp sẽ tạo ra nhiều cơ hội giải quyết việc làm cho người dân, góp phần nâng cao thu nhập và mức sống của người dân.

3. Việc thành lập thị xã Kim Bảng và các phường thuộc thị xã Kim Bảng bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Theo đó, khi thành lập là điều kiện để nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực của đời sống xã hội trong đó có công tác an ninh, trật tự khi được tăng cường bố trí lực lượng công an chính quy trên địa bàn các xã hiện nay.

4. Việc thành lập thị xã Kim Bảng và các phường thuộc thị xã Kim Bảng đảm bảo đoàn kết dân tộc, phù hợp với các yếu tố lịch sử, truyền thống văn hóa của địa phương và nhận được sự đồng thuận cao của Nhân dân. Theo đó, Kim Bảng là một vùng đất cổ, có bề dày lịch sử - văn hóa lâu đời; mảnh đất này in dấu rất nhiều kỳ tích trong chiến đấu, lao động sản xuất và trong sáng tạo văn hóa; vùng đất này còn thể hiện đậm nét truyền thống hiếu học. Vì vậy, việc thành lập thị xã Kim Bảng trên cơ sở nguyên trạng huyện Kim Bảng sẽ phát huy truyền thống lịch sử và cách mạng vẻ vang, cùng những giá trị văn hóa đặc sắc được kết tinh trên mảnh đất Kim Bảng, đã trở thành nền tảng, là tiền đề quan trọng cho quá trình đổi mới, phát triển quê hương trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập.

5. Huyện Kim Bảng đạt đủ 5/5 tiêu chuẩn của thị xã thuộc tỉnh và 4/4 tiêu chuẩn thành lập 10 phường thuộc thị xã theo quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính và Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13. Tại Quyết định số 1128/QĐ-BXD ngày 08/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công nhận huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam đạt tiêu chí đô thị loại IV trực thuộc tỉnh Hà Nam đã xác định phạm vi khu vực nội thị bao gồm 11 đơn vị hành chính là: 02 thị trấn (Quê, Ba Sao) và 9 xã (Trượng Lĩnh, Nhật Tân, Thi Sơn, Đồng Hóa, Ngọc Sơn, Nhật Tựu, Đại Cường, Lê Hồ, Tân Sơn) có 98.269 người, trong đó dân số thường trú là 96.892 người, dân số tạm trú quy đổi là 1.377 người. Theo đó, khu vực nội thị đã được công nhận đạt tiêu chuẩn trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị loại IV.

XIV. ĐÁNH GIÁ TIÊU CHUẨN THÀNH LẬP THỊ XÃ

Căn cứ các tiêu chí, tiêu chuẩn được quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính và Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13; đối chiếu với hiện trạng phát triển huyện Kim Bảng, UBND tỉnh Hà Nam đánh giá các tiêu chuẩn thành lập thị xã như sau:

1. Tiêu chuẩn 1: Quy mô dân số

1.1. Quy định là từ 100.000 người trở lên.

1.2. Hiện trạng: Quy mô dân số huyện Kim Bảng đến 31/12/2023 là 145.744 người, trong đó dân số thường trú là 144.052 người, dân số tạm trú quy đổi là 2.637 người. Dân số khu vực nội thị là 98.269 người (gồm thường trú là 96.892 người, dân số tạm trú quy đổi là 1.377 người); khu vực ngoại thị là 47.475 người, (gồm thường trú là 47.160 người, dân số tạm trú quy đổi là 315 người).

Đánh giá: Đạt.

2. Tiêu chuẩn 2: Diện tích tự nhiên

2.1. Quy định là từ 200 km² trở lên.

2.2. Hiện trạng: Tổng diện tích tự nhiên huyện Kim Bảng tính đến ngày 31/12/2023 là 175,40 km² (khu vực nội thị là 96,82 km²; khu vực ngoại thị là 78,58 km²). Tuy nhiên, tại điểm d khoản 1 Điều 31 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/2/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC (sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15) quy định “Trường hợp thành lập đơn vị hành chính đô thị trên cơ sở nguyên trạng 01 đơn vị hành chính cùng cấp hoặc điều chỉnh địa giới các đơn vị hành chính mà không làm thay đổi số lượng đơn vị hành chính thì diện tích tự nhiên của các đơn vị hành chính sau khi thành lập, điều chỉnh địa giới hành chính có thể thấp hơn nhưng tối thiểu phải đạt 50% tiêu chuẩn của đơn vị hành chính tương ứng...”.

Đánh giá: Đạt.

3. Tiêu chuẩn 3: Số đơn vị hành chính trực thuộc

3.1. Số đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc

- Quy định từ 10 đơn vị trở lên.

- Hiện trạng: Huyện Kim Bảng có 18 đơn vị hành chính cấp xã, gồm: 02 thị trấn (Quế, Ba Sao) và 16 xã (Tượng Lĩnh, Nhật Tân, Thi Sơn, Đồng Hóa, Ngọc Sơn, Nhật Trụ, Đại Cường, Lê Hồ, Tân Sơn, Khả Phong, Thụy Lôi, Văn Xá, Thanh Sơn, Nguyễn Úy, Liên Sơn, Hoàng Tây).

Đánh giá: Đạt.

3.2. Tỷ lệ số phường trên tổng số đơn vị hành chính cấp xã

- Quy định là từ 50% trở lên.

- Hiện trạng: Huyện Kim Bảng dự kiến thành lập 10 phường/17 đơn vị hành chính cấp xã (sau khi nhập xã Nhật Tựu với xã Nhật Tân thành 01 phường mới) đã được công nhận đạt tiêu chí đô thị loại IV gồm: Quế, Ba Sao, Tượng Lĩnh, Nhật Tân - Nhật Tựu, Thi Sơn, Đồng Hóa, Ngọc Sơn, Đại Cường, Lê Hồ, Tân Sơn. Như vậy, tỷ lệ số phường của thị xã Kim Bảng là 58,82%.

Đánh giá: Đạt.

4. Tiêu chuẩn 4: Đã được công nhận là đô thị loại IV

Huyện Kim Bảng đã được công nhận là đô thị loại IV tại Quyết định số 1128/QĐ-BXD ngày 08/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Năm 2023, UBND huyện Kim Bảng đã tổ chức lập Đề án đề nghị công nhận huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam đạt tiêu chí đô thị loại IV theo các quy định của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị (sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15) và đã được Bộ Xây dựng ban hành Quyết định số 1128/QĐ-BXD ngày 08/11/2023. Theo đó, đô thị Kim Bảng đạt 82,12/100 điểm theo 5 tiêu chí và 59 tiêu chuẩn đô thị loại IV. Trong đó, có 10/63 tiêu chuẩn chưa đạt điểm là: Tỷ lệ tăng dân số; mật độ dân số toàn đô thị; đất xây dựng các công trình dịch vụ công cộng đô thị; cơ sở y tế cấp đô thị bình quân trên 10.000 dân; tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật; nhà tang lễ; đất cây xanh sử dụng công cộng khu vực nội thành, nội thị bình quân đầu người; quy chế quản lý kiến trúc đô thị hoặc quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị; tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị/tổng số trục phố chính; công trình xanh. Đến nay, UBND tỉnh đã rà soát lại các tiêu chí của đô thị loại IV thì huyện Kim Bảng đã khắc phục 01/10 tiêu chuẩn chưa đạt là quy chế quản lý kiến trúc đô thị hoặc quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị.

Đánh giá: Đạt.

5. Tiêu chuẩn 5: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

5.1. Cân đối thu chi ngân sách

- Quy định: Cân đối thu, chi là cân đối đủ.

- Hiện trạng: Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt 3.035,23 tỷ đồng; chi ngân sách đạt 2.340,38 tỷ đồng. Cân đối thu, chi: Dư.

Đánh giá: Đạt.

5.2. Thu nhập bình quân đầu người năm so với cả nước

- Quy định: bằng 0,7 lần so với bình quân chung của cả nước.

- Hiện trạng: Năm 2023, thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn huyện là 76,80 triệu đồng/người/năm, tăng 14,5% so với năm 2022, gấp 1,29 lần so với thu nhập bình quân đầu người của cả nước (59,40 triệu đồng/người/năm).

Đánh giá: Đạt

5.3. Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 3 năm gần nhất

- Quy định: Đạt bình quân của tỉnh Hà Nam là 8,76% (năm 2021 đạt 8,85%; năm 2022 đạt 8,02%; năm 2023 đạt 9,41%).

- Hiện trạng: Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 3 năm (2021 - 2023) của huyện Kim Bảng là 13,3% (năm 2021 đạt 14%; năm 2022 đạt 14,3%; năm 2023 đạt 11,57%).

Đánh giá: **Đạt.**

5.4. Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều trung bình 3 năm gần nhất (năm 2021- 2023).

- Quy định: Đạt bình quân của tỉnh Hà Nam là 2,76% (Năm 2021 là 3,69%; năm 2022 là 2,49%; năm 2023 là 2,11%).

- Hiện trạng: Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều trung bình 3 năm (2021 - 2023) của huyện Kim Bảng là 1,88% (năm 2021 là 1,31%; năm 2022 là 2,50%; năm 2023 là 1,82%). Như vậy, tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều trung bình 3 năm gần nhất (2021 - 2023) của huyện Kim Bảng thấp hơn của tỉnh Hà Nam.

Đánh giá: **Đạt.**

5.5. Tỷ trọng công nghiệp xây dựng và dịch vụ trong cơ cấu kinh tế

- Quy định: Từ 75% trở lên.

- Hiện trạng: Cơ cấu kinh tế năm 2023 của huyện Kim Bảng, gồm: công nghiệp - xây dựng chiếm 87,75%; thương mại - dịch vụ chiếm 7,4%; nông - lâm nghiệp, thủy sản chiếm 4,85%. Như vậy, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ trong cơ cấu kinh tế năm 2023 của huyện Kim Bảng chiếm 95,15%.

Đánh giá: **Đạt.**

5.6. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp nội thị

- Quy định: Từ 75% trở lên.

- Hiện trạng: Tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của huyện Kim Bảng là 77.828 người. Trong đó, lao động phi nông nghiệp là 62.495 người, tỷ lệ 80,30%; lao động nông nghiệp là 15.332 người, tỷ lệ 19,68%.

Tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế khu vực nội thị là 53.755 người. Trong đó, lao động phi nông nghiệp là 43.829 người, tỷ lệ 81,53%; lao động nông nghiệp là 9.926 người, tỷ lệ 18,47%.

Đánh giá: **Đạt.**

Đánh giá chung: Huyện Kim Bảng đạt 5/5 tiêu chuẩn của thị xã trực thuộc tỉnh quy định Điều 6 và điểm d khoản 1 Điều 31 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/2/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC (sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15).

B. HIỆN TRẠNG CÁC XÃ, THỊ TRẤN DỰ KIẾN THÀNH LẬP PHƯỜNG THUỘC THỊ XÃ KIM BẢNG

I. HIỆN TRẠNG THỊ TRẤN QUẾ

1. Lịch sử hình thành

Thị trấn Quế được thành lập vào ngày 01/4/1986 trên cơ sở điều chỉnh địa giới hành chính của các xã, gồm: 15 ha diện tích tự nhiên của xã Kim Bình; 111,13 ha diện tích tự nhiên của xã Văn Xá; 62,05 ha diện tích tự nhiên của xã Ngọc Sơn. Theo đó, sau khi thành lập, thị trấn Quế có 188,18 ha diện tích tự nhiên và 5.667 người.

Ngày 23/7/2013, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 89/NQ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính các huyện Duy Tiên, Bình Lục, Thanh Liêm, Kim Bảng để mở rộng địa giới hành chính thành phố Phủ Lý và thành lập các phường thuộc thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Theo đó, điều chỉnh 6,04 ha diện tích tự nhiên của xã Kim Bình (gồm diện tích nhà máy nước và trạm bơm trực đứng Quế) về thị trấn Quế quản lý. Như vậy, sau khi điều chỉnh, thị trấn Quế có 306,09 ha diện tích tự nhiên, dân số là 5.401 người cho đến ngày nay.

2. Vị trí địa lý và địa giới hành chính

2.1. Vị trí địa lý: Thị trấn Quế nằm bên bờ Bắc sông Đáy, nơi tiếp giáp giữa các xã đồng bằng với các xã miền núi của huyện Kim Bảng. Địa bàn thị trấn có Quốc lộ 21B đi qua kết nối huyện Kim Bảng với thành phố Phủ Lý và Quốc lộ 1, cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình đi các tỉnh, thành phố vùng đồng bằng sông Hồng. Nằm ở vị trí giao nhau của 2 trục giao thông quan trọng là Quốc lộ 21 từ thị xã Sơn Tây, qua tỉnh Hòa Bình đến tỉnh Hà Nam và Quốc lộ 21B từ Ba La - Hà Nội đến tỉnh Hà Nam; cách thành phố Phủ Lý khoảng 10 km; là trung tâm huyện lỵ, trung tâm hành chính, kinh tế, thương mại, dịch vụ, y tế, giáo dục của huyện Kim Bảng.

2.2. Địa giới hành chính thị trấn Quế

- Đông giáp xã Văn Xá và thành phố Phủ Lý;
- Tây giáp xã Ngọc Sơn;
- Nam giáp xã Thi Sơn;
- Bắc giáp các xã Ngọc Sơn và Đồng Hóa.

3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

3.1. Tổng diện tích đất tự nhiên của thị trấn Quế là 3,06 km².

3.2. Cơ cấu các loại đất:

- Đất nông nghiệp là 1,34 km².
- Đất phi nông nghiệp là 1,71 km².
- Đất chưa sử dụng là 0,003 km².

4. Dân số, lao động

4.1. Thị trấn Quế có 7.287 người. Trong đó:

- Dân số thường trú là 7.287 người.
- Dân số tạm trú quy đổi là 0 người.
- Mật độ dân số 2.381 người/km².

Thành phần dân cư chủ yếu là người Kinh.

4.2. Tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của thị trấn Quế là 3.855 người. Trong đó:

- Lao động nông nghiệp là 455 người, chiếm 11,80%.
- Lao động phi nông nghiệp là 3.400 người, chiếm 88,20%.

4.3. Thị trấn Quế có 05 tổ dân phố, gồm: Tổ dân phố 1, Tổ dân phố 2, Tổ dân phố 3, Tổ dân phố 6, Tổ dân phố 7.

5. Hiện trạng phát triển kinh tế

Năm 2023, thị trấn Quế thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội có những thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen, thời tiết diễn biến phức tạp, giá cả một số mặt hàng tăng cao, thị trường bất động sản trầm lắng... đã ảnh hưởng đến nhiều ngành, lĩnh vực. Song, được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Huyện ủy, UBND huyện, sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng ủy, sự quản lý điều hành của UBND, sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị và nhân dân trong toàn thị trấn, tình hình kinh tế - xã hội của thị trấn Quế cơ bản giữ được ổn định và từng bước phát triển.

5.1. Về phát triển kinh tế

Là trung tâm kinh tế, chính trị của huyện; có vị trí địa lý thuận lợi, các tuyến giao thông quan trọng chạy qua như Quốc lộ 21B, gần Quốc lộ 21,... đã mở ra nhiều cơ hội cho thị trấn phát triển kinh tế. Những năm qua, kinh tế của thị trấn có bước tăng trưởng khá toàn diện.

5.2. Phát triển ngành, lĩnh vực

- Công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ: Giá trị sản xuất năm 2023 của ngành công nghiệp - xây dựng đạt 95,72 tỷ đồng; giá trị sản xuất năm 2023 của ngành thương mại - dịch vụ đạt 195,08 tỷ đồng. Giai đoạn 2021 - 2023, huyện Kim Bảng luôn quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, hộ gia đình trên địa bàn thị trấn Quế sản xuất kinh doanh, nâng cao chất lượng hiệu quả, mở rộng quy mô sản xuất; hực hiện các văn bản của các cấp về thực hiện các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển công nghiệp gắn với bảo vệ môi trường. Địa bàn thị trấn có làng nghề gốm Quyết Thành, nhờ thị trường được phục hồi, năm qua các hộ sản xuất kinh doanh cá thể mở rộng quy mô sản xuất với 1.407.000 sản phẩm, góp phần tích cực trong việc thực hiện Đề án bảo tồn

và phát triển làng nghề. Ngoài ra, thị trấn không ngừng nâng cao chất lượng và quảng bá sản phẩm OCOP của địa phương như bộ sản phẩm bình gốm cao cấp tắc kè, bộ sản phẩm chum vại sành đạt hạng sản phẩm 3 sao. Bên cạnh đó, thị trấn tiếp tục quan tâm ngành nghề phụ, nghề sẵn có, tạo nghề mới phù hợp; phát triển, mở rộng dịch vụ, thương mại cả về số lượng và quy mô.

- Giá trị sản xuất của ngành Nông - Lâm - Ngư nghiệp năm 2023 đạt 66,30 tỷ đồng. Các ngành nông, lâm, ngư nghiệp, thủy sản tiếp tục chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hóa, các mô hình cây con mới; tiếp thu tiến bộ kỹ thuật, cơ giới hóa nhằm giảm chi phí, tăng năng suất giá trị cho nông dân. Tổng diện tích gieo cấy lúa cả năm 159,5 ha, đạt 100% kế hoạch, năng suất lúa 122,5 tạ/ha, sản lượng thóc đạt 975,4 tấn; tổng diện tích cây màu 25 ha, đạt 100,4% kế hoạch. Chăn nuôi được duy trì ổn định, tổng đàn gia súc 2.180 con, đàn gia cầm 42.000 con; sản lượng thịt hơi các loại đạt 687,5 tấn; sản lượng cá tôm đạt 225 tấn.

Công tác vệ sinh an toàn thực phẩm trong sản xuất nông nghiệp được quan tâm, thị trấn đã tổ chức cam kết các hộ không sử dụng chất cấm trong chăn nuôi, kinh doanh thức ăn gia súc, thuốc thú y, thực phẩm; tiêm phòng cho đàn gia súc gia cầm đạt 85%; duy trì số lượng đàn gia súc, gia cầm đảm bảo theo kế hoạch.

5.3. Thu chi ngân sách, công tác tài chính

Công tác thu ngân sách được tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo quản lý và khai thác tốt các nguồn thu, chống thất thu. Chi ngân sách bảo đảm công khai, minh bạch, đúng chế độ, đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Tổng thu ngân sách trên địa bàn năm 2023 đạt 46,64 tỷ đồng; trong đó, các khoản thu ngân sách địa phương được hưởng 100% đạt 2,57 tỷ đồng. Tổng chi ngân sách đạt 46,64 tỷ đồng; trong đó, chi đầu tư xây dựng cơ bản là 36,73 tỷ đồng, chi thường xuyên là 7,50 tỷ đồng.

5.4. Thu nhập bình quân đầu người năm 2023 đạt 79 triệu đồng, tăng 10,1% so với năm 2022, cao hơn bình quân toàn huyện. Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều trung bình 3 năm (2021 - 2023) của thị trấn Quế là 1,85% (năm 2021 là 1,39%; năm 2022 là 2,66%; năm 2023 là 1,51%), thấp hơn bình quân của huyện Kim Bảng là 1,88%.

6. Hiện trạng văn hóa, xã hội

6.1. Về giáo dục

Thị trấn Quế có 01 trường mầm non, 01 trường tiểu học, 01 trường trung học cơ sở và 01 trường trung học phổ thông; ngoài ra, trên địa bàn còn có 01 trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên. Các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở đều đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và được công nhận đạt chuẩn Quốc gia.

Năm 2023, thị trấn đã hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học 2022 - 2023 và chuẩn bị tốt nhất điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ năm học 2023 - 2024. Trong đó: Trường Mầm non tỷ lệ huy động ra lớp nhà trẻ đạt 54%; mẫu giáo đạt 119,9%; phổ cập đạt 100% kế hoạch. Trường Tiểu học có 827 học

sinh; học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100%. Trường THCS có 697 học sinh; tỷ lệ học sinh thi đỗ vào THPT đạt 83,13%.

6.2. Công tác y tế

Thị trấn Quế luôn quan tâm chỉ đạo công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân; thường xuyên phối hợp Trung tâm y tế huyện hỗ trợ về nhân lực, nhất là nhân lực y tế thôn; quan tâm hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng; tập trung chỉ đạo công tác tế dự phòng, phòng chống dịch bệnh, vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm và chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em; làm tốt công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình. Tiếp tục xây dựng, củng cố, duy trì trạm y tế đạt bộ tiêu chí chuẩn quốc gia về y tế.

Năm 2023, thị trấn đã tổ chức khám, điều trị cho 1.362 lượt người; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể cân nặng xuống còn 8,2%; tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 91,3%, tỷ lệ dân cư được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh và nước sạch 99,5%, sử dụng nước sạch tập trung 93%; tỷ lệ gia đình có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt đảm bảo 3 sạch 94,4%; tỷ lệ rác thải thu gom đạt 98,8%. Phối hợp với công ty môi trường và công trình đô thị Hà Nam thực hiện tốt việc thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn; thực hiện việc tổng vệ sinh môi trường vào các ngày chủ nhật hàng tháng tại các tổ dân phố và thứ 6 hàng tuần đối với cơ quan, công sở.

6.3. Công tác văn hóa, thông tin, thể dục thể thao

Hoạt động văn hóa, thể thao phát triển phong phú, đa dạng thông qua các câu lạc bộ của các đoàn thể, trong khu dân cư. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” luôn được quan tâm thực hiện và được sự ủng hộ nhiệt tình của nhân dân các tổ dân phố.

Năm 2023, thị trấn đã thực hiện tốt công tác thông tin tuyên truyền các ngày kỷ niệm, ngày lễ lớn của đất nước, nhiệm vụ trọng tâm; công tác phòng chống dịch bệnh. Tuyên truyền vận động Nhân dân hưởng ứng tuần lễ văn hóa Việt Nam - Nhật Bản. Có 4/5 tổ dân phố được công nhận văn hóa, đạt tỷ lệ 80%; tỷ lệ số hộ gia đình văn hóa đạt 91,5%.

Các di tích lịch sử, văn hóa trên địa bàn được quan tâm bảo tồn, tu bổ, gắn với phát huy giá trị, phục vụ đời sống tinh thần của nhân dân. Hệ thống đài truyền thanh thị trấn thực hiện tốt nhiệm vụ tuyên truyền đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước, phục vụ đắc lực cho việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương.

6.4. Thực hiện các chính sách xã hội, lao động việc làm

Các chính sách đối với người có công, an sinh xã hội được thực hiện đầy đủ, kịp thời. Năm 2023, thị trấn đã trao 1.672 suất quà, trị giá 448,5 triệu đồng và 610 kg gạo.

Chính sách lao động, việc làm được quan tâm, nhất là người dân có đất thu hồi cho phát triển đô thị. Năm 2023, thị trấn giải quyết việc làm mới cho 207 lao động đạt 126,9%; rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình năm 2023; tỷ lệ hộ nghèo còn 1,51%.

7. Quốc phòng, an ninh

7.1. Công tác quốc phòng: Đã duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu. Thực hiện tốt nhiệm vụ quốc phòng - quân sự địa phương. Lực lượng dự bị động viên được đăng ký, quản lý chặt chẽ theo quy định. Tổ chức tốt việc động viên huấn luyện, diễn tập. Hằng năm hoàn thành tốt chỉ tiêu tuyển quân, tuyển sinh quân sự được giao và chính sách hậu phương quân đội. Năm 2023, thị trấn hoàn thành 7 chỉ tiêu giao quân (quân sự 5 thanh niên, công an 2 thanh niên); đăng ký độ tuổi 17 cho 52 thanh niên sẵn sàng nhập ngũ, đạt tỷ lệ 100%; phát lệnh gọi khám sơ tuyển tại trạm y tế 65 công dân; khám tuyển tại huyện 42 công dân.

7.2. An ninh, trật tự: Tình hình an ninh, trật tự trên địa bàn ổn định, không để xảy ra vụ việc phức tạp. Công tác quản lý nhà nước về an ninh, trật tự được tăng cường. Công tác phòng ngừa, đấu tranh với các loại tội phạm được chú trọng. Chất lượng Phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc từng bước nâng lên; các mô hình tự quản trong giữ gìn trật tự trị an ở cơ sở phát huy hiệu quả. Lực lượng công an phối hợp chặt chẽ với các lực lượng ở cơ sở trong thực hiện nhiệm vụ. Công tác phòng chống cháy, nổ, trật tự an toàn giao thông, trật tự công cộng được đảm bảo. Phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ tiếp tục được triển khai sâu rộng và phát huy hiệu quả. Năm 2023, tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn thị trấn được giữ vững ổn định.

8. Tổ chức bộ máy, biên chế cán bộ, công chức hệ thống chính trị

8.1. HĐND: Có 23 đại biểu HĐND thị trấn nhiệm kỳ 2021 - 2026. Trình độ chuyên môn: thạc sĩ là 0 người, chiếm 0%; đại học là 16 người, chiếm 69,57%; cao đẳng là 02 người, chiếm 8,7%. Trình độ lý luận chính trị: cao cấp 0 người, chiếm 0%; trung cấp là 16 người, chiếm 69,57%; sơ cấp là 04 người, chiếm 17,39%; chưa qua đào tạo là 03 người, chiếm 13,04%.

8.2. Cán bộ, công chức: Có 17 người (9 cán bộ, 8 công chức). Trình độ chuyên môn: thạc sĩ là 0 người, chiếm 0%; đại học là 17 người, chiếm 100%; cao đẳng là 00 người, chiếm 00%. Trình độ lý luận chính trị: cao cấp 0 người, chiếm 0%; trung cấp là 17 người, chiếm 100%; sơ cấp là 0 người, chiếm 0%.

8.3. Người hoạt động không chuyên trách tại 05 tổ dân phố là 10 người.

8.4. Công an thị trấn: Bố trí 100% là công an chính quy, tổng số có 07 người (01 Trưởng Công an, 01 Phó trưởng Công an và 05 công an viên).

9. Đánh giá tiêu chuẩn thành lập phường thuộc thị xã

Căn cứ các tiêu chí, tiêu chuẩn được quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 và Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15

ngày 21/9/2022 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, UBND tỉnh Hà Nam đánh giá 4 tiêu chuẩn thành lập phường của thị trấn Quế, gồm:

9.1. Tiêu chuẩn 1: Quy mô dân số

- Quy định từ 5.000 người trở lên.

- Hiện trạng: Dân số thị trấn Quế đến 31/12/2023 là 7.287 người; trong đó, dân số thường trú là 7.287 người, dân số tạm trú quy đổi là 0 người.

Đánh giá: **Đạt.**

9.2. Tiêu chuẩn 2: Diện tích tự nhiên

- Quy định từ 5,5 km² trở lên.

- Hiện trạng: Thị trấn Quế có 3,06 km² diện tích tự nhiên. Tuy nhiên, tại điểm d khoản 1 Điều 31 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/2/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của DDVHC và phân loại ĐVHC (sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15) quy định “Trường hợp thành lập đơn vị hành chính đô thị trên cơ sở nguyên trạng 01 đơn vị hành chính cùng cấp hoặc điều chỉnh địa giới các đơn vị hành chính mà không làm thay đổi số lượng đơn vị hành chính thì diện tích tự nhiên của các đơn vị hành chính sau khi thành lập, điều chỉnh địa giới hành chính có thể thấp hơn nhưng tối thiểu phải đạt 50% tiêu chuẩn của đơn vị hành chính tương ứng...”

Đánh giá: **Đạt.**

9.3. Tiêu chuẩn 3: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

- Tiêu chí 1. Cân đối thu, chi ngân sách:

Quy định cân đối thu đủ chi.

Hiện trạng: Thu ngân sách trên địa bàn thị trấn Quế năm 2023 đạt 46,64 tỷ đồng, chi ngân sách đạt 46,64 tỷ đồng. Cân đối đủ.

Đánh giá: **Đạt.**

- Tiêu chí 2. Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều bình quân 3 năm:

Quy định đạt tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều trung bình 3 năm (2021 - 2023) của huyện Kim Bảng là 1,88% (năm 2021 là 1,31%; năm 2022 là 2,50%; năm 2023 là 1,82%).

Hiện trạng: Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều trung bình 3 năm (2021 - 2023) của thị trấn Quế là 1,85% (năm 2021 là 1,39%; năm 2022 là 2,66%; năm 2023 là 1,51%).

Đánh giá: **Đạt.**

- Tiêu chí 3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp:

Quy định từ 70% trở lên.

Hiện trạng: Tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của thị trấn Quế là 3.855 người. Trong đó, lao động nông nghiệp là 455 người, chiếm 11,80%; lao động phi nông nghiệp là 3.400 người, chiếm 88,43%.

Đánh giá: Đạt.

9.4. Tiêu chuẩn 4: Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn	Hiện trạng	Đánh giá
1	Trạm Y tế	Công trình	01 công trình theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế	01	Đạt
2	Cơ sở hạ tầng thương mại (<i>chợ, cửa hàng dịch vụ trung tâm, siêu thị và trung tâm mua bán, trao đổi hàng hóa</i>)	Công trình	02 công trình theo quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch XD	02	Đạt
3	Cơ sở giáo dục	%	100% công trình giáo dục (<i>trường mầm non, tiểu học, THCS</i>) đạt quy mô tối thiểu của các công trình giáo dục hoặc đạt 100% tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 của Bộ giáo dục và đào tạo	100	Đạt
4	Đất công trình giáo dục (<i>trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở</i>) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 1,8	4,2	Đạt
5	Đất công trình văn hóa, thể dục thể thao (<i>sân chơi, sân luyện tập và các công trình trung tâm văn hóa thể thao</i>) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 1,0	1,46	Đạt
6	Cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người	kwh/người/năm	≥ 400	863	Đạt
7	Đất giao thông (<i>tính đến đường giao thông cấp khu vực, cấp nội bộ và công trình giao thông</i>) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 5	22,77	Đạt

8	Tỷ lệ đường được chiếu sáng (tính đến đường cấp khu vực, cấp nội bộ)	%	≥ 90	100	Đạt
9	Đất cây xanh sử dụng công cộng (đất công viên, vườn hoa, sân chơi cấp đơn vị ở) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 2	5,31	Đạt
10	Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	%	≥ 80	100	Đạt
11	Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả	%	Đáp ứng tiêu chuẩn tương ứng của xã nông thôn mới nâng cao trở lên	65	Đạt
12	Mật độ đường cống thoát nước chính	Km/km ²	$\geq 2,5$	17,14	Đạt
13	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	≥ 80	98,2	Đạt

Thị trấn Quế đạt 13/13 tiêu chuẩn (quy định đạt từ 10/13 tiêu chuẩn trở lên) về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đối với khu vực dự kiến thành lập phường theo quy định của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 (sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15). Ngày ..., Bộ Xây dựng đã có Quyết định số .../QĐ-BXD công nhận khu vực dự kiến thành lập phường thuộc thị xã Kim Bảng, tỉnh Hà Nam đạt tiêu chuẩn trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị loại IV đối với thị trấn Quế, thị trấn Ba Sao và các xã thuộc khu vực dự kiến nội thị của thị xã Kim Bảng (có hồ sơ kèm theo).

Như vậy, phường Quế dự kiến thành lập thuộc thị xã Kim Bảng đạt 4/4 tiêu chuẩn theo quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 (sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15).

II. HIỆN TRẠNG THỊ TRẤN BA SAO

1. Lịch sử hình thành

Thời Trần trở về trước, các địa danh của Ba Sao thuộc huyện Cổ Bảng, đến thời Hậu Lê thuộc huyện Kim Bảng, Sơn Nam đạo rồi trấn Sơn Nam, Sơn Nam Thượng Lộ. Đến triều Nguyễn thuộc Hà Nội trấn.

Cách mạng tháng Tám thành công, Ban Cán sự Việt Minh ở huyện Kim Bảng tổ chức thành lập các đơn vị hành chính trong huyện, Ba Sao là 01 trong 14 xã của huyện Kim Bảng. Thời gian nay, Ba Sao là nơi đặt trụ sở, cơ sở của nhiều cơ quan thuộc Trung ương và tỉnh, như Nông trường quốc doanh Ba Sao,

trại giam Nam Hà, trại giam quân sự Quân khu III, khu điều dưỡng thương binh, bệnh viện phong.

Ngày 23/02/1977, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Thủ tướng ban hành Quyết định số 617-VP18 về việc sáp nhập xã Ba Sao vào xã Khả Phong lấy tên là xã Khả Phong.

Ngày 10/01/1984, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định số 02-HĐBT về việc thành lập xã Ba Sao trên cơ sở 3 thôn Tam Chúc, Cốc Nội, Cốc Thôn của xã Khả Phong.

Ngày 27/8/2009, Chính phủ ban hành Nghị định số 41/NQ-CP về việc thành lập thị trấn Ba Sao trên cơ sở toàn bộ 3.476,48 ha diện tích tự nhiên và 5.723 nhân khẩu của xã Ba Sao cho đến ngày nay.

2. Vị trí địa lý và địa giới hành chính

2.1. Vị trí địa lý: Thị trấn Ba Sao nằm ở phía Tây Nam của huyện Kim Bảng; có vị trí rất thuận lợi, có đường tỉnh 977 chạy qua kết nối tỉnh Hà Nam với tỉnh Hòa Bình. Thị trấn Ba Sao có khu du lịch Tam Chúc là một khu du lịch quốc gia; có chùa Tam Chúc là chùa lớn nhất thế giới. Toàn khu vực rộng 5.100 ha, bao gồm hệ thống các công trình văn hóa thể thao được xây dựng mới gắn với hồ Tam Chúc.

2.2. Địa giới hành chính thị trấn Ba Sao:

- Đông giáp xã Liên Sơn;
- Tây giáp tỉnh Hòa Bình;
- Nam giáp xã Thanh Sơn;
- Bắc giáp các xã Khả Phong, Tân Sơn và thành phố Hà Nội.

3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

3.1. Tổng diện tích đất tự nhiên của thị trấn Ba Sao là 31,42 km².

3.2. Cơ cấu các loại đất:

- Đất nông nghiệp là 11,54 km².
- Đất phi nông nghiệp là 15,70 km².
- Đất chưa sử dụng 4,18 km².

4. Dân số, lao động

4.1. Dân số của thị trấn Ba Sao có 5.866 người. Trong đó:

- Dân số thường trú là 5.501 người.
- Dân số tạm trú quy đổi là 365 người.
- Mật độ dân số là 187 người/km².

4.2. Tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của thị trấn Ba Sao là 3.093 người. Trong đó:

- Lao động nông nghiệp là 358 người, chiếm 11,57%.

- Lao động phi nông nghiệp là 2.735 người, chiếm 88,43%.

4.3. Thị trấn Ba Sao có 08 tổ dân phố, gồm: Tổ dân phố số 1, Tổ dân phố số 2, Tổ dân phố số 3, Tổ dân phố số 4, Tổ dân phố số 5, Tổ dân phố số 6, Tổ dân phố số 7, Tổ dân phố số 8

5. Hiện trạng phát triển kinh tế

5.1. Về phát triển kinh tế

Ba Sao là thị trấn trung tâm của huyện Kim Bảng, cách thành phố Hà Nội khoảng 90 km về phía Tây Nam, cách thành phố Phủ Lý khoảng 15 km về phía Đông Bắc; là một điểm du lịch hấp dẫn với nhiều di tích lịch sử, kiến trúc cổ, danh thắng, vườn thú, công viên và cây xanh. Ba Sao được biết đến là vùng du lịch trọng điểm quốc gia với những địa danh nổi tiếng như: Núi Mác, Ba Hang, Suối Ngang, Cốc Nội, Voi Chết, Tam Chúc, Bến Mảnh,...; đặc biệt, địa bàn thị trấn có khu du lịch Tam Chúc là một khu du lịch quốc gia, chùa Tam Chúc là chùa lớn nhất thế giới; công trình trung tâm của dự án Flamingo Golden Hill - thành phố thương mại - giải trí - du lịch - nghỉ dưỡng bốn mùa đầu tiên tại Hà Nam với hàng loạt dịch vụ, tiện ích đa dạng, phù hợp với mọi khách hàng như: bể bơi, quán bar, nhà hàng, quán cafe,... Đây được xem là điểm nhấn, thúc đẩy kinh tế - xã hội của thị trấn Ba Sao phát triển, trong đó phải kể đến là hoạt động thương mại - dịch vụ và du lịch.

5.2. Phát triển ngành, lĩnh vực

- Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và xây dựng: Thời gian qua, tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề nông thôn có bước phát triển tích cực, các mô hình hộ sản xuất, kinh doanh được mở rộng, hoạt động có hiệu quả, nhiều sản phẩm phù hợp với thị trường tiêu thụ. Các ngành nghề gia công chế biến lương thực, thực phẩm, mộc dân dụng, cơ khí,... được duy trì, tạo ra giá trị cao. Giá trị sản xuất năm 2023 đạt 35,47 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch năm; trong đó, lĩnh vực dân doanh đạt 14,87 tỷ đồng, doanh nghiệp ngoài cụm tiểu thủ công nghiệp đạt 23,6 tỷ đồng, duy trì việc làm cho 340 lao động chuyên và bán chuyên trong sản xuất tiểu thủ công nghiệp; ngoài ra, địa bàn thị trấn còn có 02 hộ tổ chức may gia công thu hút lao động được 30 lao động.

- Thương mại - dịch vụ:

Giá trị sản xuất ngành thương mại - dịch vụ năm 2023 đạt 132,20 tỷ đồng. Để phát triển các hoạt động thương mại - dịch vụ, thị trấn luôn quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi về thủ tục để nhân dân vay vốn nhằm đáp ứng nhu cầu mở rộng về quy mô, số hộ kinh doanh phục vụ nhu cầu sinh hoạt, sản xuất của nhân dân và khách du lịch, nhất là sau khi có các công trình du lịch đi vào hoạt động.

- Nông - lâm nghiệp, thủy sản: Giá trị sản xuất nông, lâm thủy sản (giá cố định 2010) năm 2023 đạt 76,09 tỷ đồng, tăng 1,5%; tổng sản lượng lương thực có hạt 192 tấn, lương thực bình quân đầu người đạt 35kg. Thị trấn đã tập trung đẩy mạnh các cây có thể mạnh của địa phương và đem lại thu nhập cao; thực

hiện các biện pháp để ổn định và phát triển, tập trung các con nuôi có giá trị phù hợp với thị trường tiêu thụ. Năm 2023, diện tích trồng cây các loại, gồm: Ngô 35 ha, lạc 09 ha, khoai lang 5 ha, rau vụ đông 07 ha, na 185 ha. Tổng đàn lợn có 5.000 con, bò vàng 500 con, bò sữa 150 con, dê 1.300 con, gia cầm các loại 125.000 con; sản lượng cá 41,4 tấn, đàn ong sản lượng mật 5,7 tấn,... Tổng thu (giá trị sản xuất)/ha canh tác (theo giá hiện hành) đạt 150 triệu đồng/ha.

5.3. Thu chi ngân sách, công tác tài chính

Công tác thu ngân sách được tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo quản lý và khai thác tốt các nguồn thu, chống thất thu. Chi ngân sách bảo đảm công khai, minh bạch, đúng chế độ, đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Năm 2023, tổng thu ngân sách trên địa bàn thị trấn đạt 41,42 tỷ đồng; tổng chi ngân sách đạt 41,42 tỷ đồng, trong đó chi thường xuyên là 6,49 tỷ đồng.

5.4. Thu nhập bình quân đầu người đạt 75 triệu đồng/người/năm; tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều trên địa bàn giảm còn 1,62%; bình quân giai đoạn 2021 - 2023 là 1,83% (năm 2021 là 1,23%; năm 2022 là 2,65%; năm 2023 là 1,62%), thấp hơn bình quân chung của huyện Kim Bảng là 1,88%.

6. Hiện trạng văn hóa, xã hội

6.1. Về giáo dục

Thị trấn luôn chú trọng nâng cao chất lượng giáo dục, đổi mới phương pháp, tổ chức dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh phù hợp với tình hình thực tế; đổi mới công tác quản lý, quản trị trường học theo hướng phát huy tính chủ động, linh hoạt của nhà trường và năng lực tự chủ, sáng tạo của tổ chuyên môn, giáo viên trong việc thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học; xây dựng đội ngũ cán bộ, giáo viên tâm huyết yêu nghề, mến trẻ, tích cực học nâng cao trình độ chuyên môn, phát huy sáng kiến, ứng dụng khoa học công nghệ vào giảng dạy, chăm sóc giáo dục trẻ. Đến nay, cả 3 nhà trường đều giữ được danh hiệu chuẩn quốc gia. Trường mầm non Thị trấn Ba Sao có tổng diện tích 5.256 m² gồm 12 phòng học kiên cố, 11 phòng chức năng, 2 nhà bếp đảm bảo theo quy trình bếp 1 chiều; Trường Tiểu học đã được đầu tư đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2, kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3.

Năm học 2022 - 2023: Tỷ lệ học sinh đến lớp bậc học mầm non nhóm trẻ dưới 3 tuổi đạt 54,47%; nhóm mẫu giáo, trường tiểu học và THCS đạt 100% kế hoạch. Về chất lượng giáo dục, trường tiểu học hoàn thành chương trình tiểu học 100%; trường THCS có tỷ lệ học sinh thi đỗ vào lớp 10 đạt 64%.

6.2. Công tác y tế

Công tác y tế được duy trì và giữ vững tiêu chí đạt chuẩn quốc gia; duy trì chế độ trực tại trạm, khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, làm tốt công tác vệ sinh môi trường, vệ sinh phòng dịch ở các tổ dân phố, không để xảy ra dịch bệnh và ngộ độc thực phẩm trên địa bàn. Công tác truyền thông dân số kế hoạch hóa gia đình được lồng ghép qua các chương trình của các hội đoàn thể với 590 người tham gia; áp dụng các biện pháp tránh thai 550 lượt người;

giảm tỷ lệ sinh còn 0,07‰; tỷ lệ tăng dân số tự nhiên là 0,31‰; trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng theo cân nặng là 7,5%, theo chiều cao là 10%.

6.3. Công tác văn hóa, thông tin, thể dục thể thao

Công tác thông tin tuyên truyền thường xuyên được đổi mới về nội dung và hình thức; nội dung tuyên truyền các ngày lễ, kỷ niệm, gương người tốt việc tốt, tin về an ninh trật tự, công tác giải phóng mặt bằng, đất đai,...

Phong trào thể thao được phát triển mạnh trong tầng lớp nhân dân, ở các tổ dân phố, các nhà trường. Hoạt động của các Câu lạc bộ bóng chuyền hơi, hát dân ca và dân vũ được duy trì và phát huy có hiệu quả, đã trở thành nòng cốt trong phong trào thể dục thể thao, văn hóa văn nghệ. Địa bàn thị trấn hiện có 450 gia đình thường xuyên tham gia thể dục thể thao, đạt tỷ lệ 26%. Tỷ lệ hộ gia đình đạt gia đình văn hóa 96%; tỷ lệ dân cư dùng điện thoại thông minh đạt 80%; dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 đạt 100%; tỷ lệ ký số trên phần mềm quản lý văn bản đạt 60%.

6.4. Thực hiện các chính sách xã hội, lao động việc làm

Làm tốt công tác chi trả chế độ chính sách cho các đối tượng; tổ chức thăm hỏi, động viên và tặng quà các gia đình chính sách nhận dịp các ngày lễ lớn trong năm với tổng số tiền 208,2 triệu đồng và 260 suất quà. Tổ chức xét duyệt trợ cấp hộ nghèo, hộ cận nghèo, bảo trợ xã hội đúng quy trình, dân chủ công khai với tổng số tiền là 116,9 triệu đồng.

Vận động nhân dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 87,7% dân số; giúp đỡ thoát nghèo cho 13 hộ. Số lao động được giải quyết việc làm mới là 230 lao động, đạt 136,1% kế hoạch, trong đó xuất khẩu lao động 14 người; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 76,5%, trong đó có chứng chỉ, bằng cấp là 60,8%; tỷ lệ lao động phi nông nghiệp trên địa bàn chiếm 88,43%.

7. Quốc phòng, an ninh

7.1. Công tác quốc phòng: Duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu. Thực hiện tốt nhiệm vụ quốc phòng - quân sự địa phương. Thực hiện tốt công tác đăng ký nghĩa vụ quân sự, biên chế đủ lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên, phòng chống thiên tai-tìm kiếm cứu nạn, phòng cháy chữa cháy rừng theo chỉ tiêu kế hoạch của cấp trên. Tổ chức thành công cuộc diễn tập chiến đấu trong khu vực phòng thủ năm 2023 đảm bảo an toàn, đạt kết quả. Làm tốt công tác tuyển chọn gọi công dân nhập ngũ đúng quy trình, công khai đúng luật, giao quân năm 2023 đạt 15/14 chỉ tiêu; tổ chức đăng ký nghĩa vụ quân sự cho nam thanh niên 17 tuổi sinh năm 2006 được 39 thanh niên.

7.2. An ninh, trật tự: Làm tốt công tác giữ gìn an ninh chính trị - an toàn xã hội trên địa bàn, thực hiện cơ chế phối hợp với các ngành trong hệ thống chính trị phát động phong trào toàn dân tham gia bảo vệ an ninh tổ quốc, tổ tự quản an toàn giao thông. Thường xuyên đôn đốc nhắc nhở và xử lý các hộ tái vi phạm hành lang an toàn giao thông. Rà soát, kiểm soát công tác phòng, cháy chữa cháy. Thành lập mô hình "Tổ liên gia an toàn phòng cháy và chữa cháy"

tại các tổ dân phố. Triển khai kế hoạch và tổ chức vận động toàn dân mua bình phòng cháy chữa cháy.

8. Tổ chức bộ máy, biên chế cán bộ, công chức hệ thống chính trị

8.1. HĐND: Có 23 đại biểu HĐND thị trấn nhiệm kỳ 2021 - 2026. Trình độ chuyên môn: thạc sĩ là 01 người, chiếm 4,35%; đại học là 09 người, chiếm 39,13%; cao đẳng là 01 người, chiếm 4,35%. Trình độ lý luận chính trị: cao cấp 01 người, chiếm 4,35%; trung cấp là 10 người, chiếm 43,48%; sơ cấp là 08 người, chiếm 34,78%; chưa qua đào tạo là 04 người, chiếm 17,39%.

8.2. Cán bộ, công chức: Có 19 người (10 cán bộ, 09 công chức). Trình độ chuyên môn: thạc sĩ là 04 người, chiếm 21,05%; đại học là 14 người, chiếm 73,68%; trung cấp là 01 người, chiếm 5,26%. Trình độ lý luận chính trị: cao cấp 01 người, chiếm 5,26%; trung cấp là 18 người, chiếm 94,74%; sơ cấp là 0 người, chiếm 0%.

8.3. Người hoạt động không chuyên trách tại 08 tổ dân phố là 16 người.

8.4. Công an thị trấn: Bố trí 100% là Công an chính quy, tổng số có 10 người (01 Trưởng Công an, 02 Phó trưởng Công an và 05 công an viên).

9. Đánh giá tiêu chuẩn thành lập phường thuộc thị xã

Căn cứ các tiêu chí, tiêu chuẩn được quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 và Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, UBND tỉnh Hà Nam đánh giá 4 tiêu chuẩn thành lập phường của thị trấn Ba Sao, gồm:

9.1. Tiêu chuẩn 1: Quy mô dân số

- Quy định từ 5.000 người trở lên.

- Hiện trạng: Quy mô dân thị trấn Ba Sao tính đến 31/12/2023 là 5.866 người, trong đó, dân số thường trú là 5.501 người, dân số tạm trú là 365 người; mật độ dân số là 187 người/km².

Đánh giá: **Đạt**.

9.2. Tiêu chuẩn 2: Diện tích tự nhiên

- Quy định từ 5,5 km² trở lên.

- Hiện trạng: Thị trấn Ba Sao có 31,42 km² diện tích tự nhiên.

Đánh giá: **Đạt**.

9.3. Tiêu chuẩn 3: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

- Tiêu chí 1. Cân đối thu, chi ngân sách:

Quy định cân đối thu đủ chi.

Hiện trạng: Thu ngân sách trên địa bàn thị trấn Ba Sao năm 2023 đạt 41,42 tỷ đồng, chi ngân sách đạt 41,42 tỷ đồng. Cân đối đủ.

Đánh giá: **Đạt**.

- Tiêu chí 2. Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều bình quân 3 năm:

Quy định đạt tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều trung bình 3 năm (2021 - 2023) của huyện Kim Bảng là 1,88% (năm 2021 là 1,31%; năm 2022 là 2,50%; năm 2023 là 1,82%).

Hiện trạng: Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều bình quân 3 năm (2021 - 2023) của thị trấn Ba Sao là 1,83% (năm 2021 là 1,23%; năm 2022 là 2,65%; năm 2023 là 1,62%).

Đánh giá: Đạt.

- Tiêu chí 3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp:

Quy định từ 70% trở lên.

Hiện trạng: Tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của thị trấn Ba Sao là 3.093 người. Trong đó, lao động nông nghiệp là 358 người, chiếm 12,57%; lao động phi nông nghiệp là 2.735 người, chiếm 88,02%.

Đánh giá: Đạt.

9.4. Tiêu chuẩn 4: Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn	Hiện trạng	Đánh giá
1	Trạm Y tế	Công trình	01 công trình theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế	01	Đạt
2	Cơ sở hạ tầng thương mại (<i>chợ, cửa hàng dịch vụ trung tâm, siêu thị và trung tâm mua bán, trao đổi hàng hóa</i>)	Công trình	02 công trình theo quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch XD	01	Không đạt
3	Cơ sở giáo dục	%	100% công trình giáo dục (<i>trường mầm non, tiểu học, THCS</i>) đạt quy mô tối thiểu của các công trình giáo dục hoặc đạt 100% tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 của Bộ giáo dục và đào tạo	100	Đạt
4	Đất công trình giáo dục (<i>trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở</i>) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 1,8	2,52	Đạt
5	Đất công trình văn hóa, thể dục thể thao	m ² /người	≥ 1,0	4,22	Đạt

	<i>(sân chơi, sân huyện tập và các công trình trung tâm văn hóa thể thao) bình quân đầu người</i>				
6	Cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người	kwh/người/năm	≥ 400	666	Đạt
7	Đất giao thông (tính đến đường giao thông cấp khu vực, cấp nội bộ và công trình giao thông) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 5	29,08	Đạt
8	Tỷ lệ đường được chiếu sáng (tính đến đường cấp khu vực, cấp nội bộ)	%	≥ 90	92,32	Đạt
9	Đất cây xanh sử dụng công cộng (đất công viên, vườn hoa, sân chơi cấp đơn vị ở) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 2	1,53	Không đạt
10	Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	%	≥ 80	100	Đạt
11	Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả	%	Đáp ứng tiêu chuẩn tương ứng của xã nông thôn mới nâng cao trở lên	72	Đạt
12	Mật độ đường cống thoát nước chính	Km/km ²	$\geq 2,5$	5,61	Đạt
13	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	≥ 80	96	Đạt

Thị trấn Ba Sao đạt 11/13 tiêu chuẩn (quy định đạt từ 10/13 tiêu chuẩn trở lên) về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đối với khu vực dự kiến thành lập phường theo quy định của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 (sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15). Ngày, Bộ Xây dựng đã có Quyết định số/QĐ-BXD công nhận khu vực dự kiến thành lập phường thuộc thị xã Kim Bảng, tỉnh Hà Nam đạt tiêu chuẩn trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị loại IV đối với thị trấn Quế, thị trấn Ba Sao và các xã thuộc khu vực dự kiến nội thị của thị xã Kim Bảng (có hồ sơ kèm theo).

Như vậy, phường Ba Sao dự kiến thành lập thuộc thị xã Kim Bảng đạt 4/4 tiêu chuẩn theo quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 và Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15.

III. HIỆN TRẠNG XÃ TƯỢNG LĨNH

1. Lịch sử hình thành

Thời Trần, Tượng Lĩnh thuộc lộ Đại La Thành; thời Lê Sơ thuộc huyện Kim Bảng, phủ Giao Châu; đến năm Minh Mệnh thứ 3 thuộc phủ Lý Nhân, tỉnh Hà Nội và từ năm 1890 thuộc huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

Thời kỳ Pháp thuộc, các đơn vị hành chính thuộc Tượng Lĩnh nằm trong tổng Phù Lưu - một trong tám tổng của huyện Kim Bảng.

Cách mạng tháng tám năm 1945, theo quyết định tổ chức lại các đơn vị hành chính của Chính phủ Nước Việt Nam dân chủ công hòa các xã thuộc tổng Phù Lưu sáp nhập thành xã Tượng Lĩnh.

Tháng 10/1948, xã Tượng Lĩnh chia thành 2 xã Tượng Lĩnh và Nguyễn Úy, xã Tượng Lĩnh mới gồm có 09 thôn; năm 1979, thôn Vĩnh Sơn và Đồng Bụng chuyển về xã Tân Sơn. Theo đó, xã Tượng Lĩnh còn 07 thôn.

Ngày 17/3/2018, HĐND tỉnh Hà Nam ban hành Nghị quyết số 15/NQ-HĐND sáp nhập ba thôn Phúc Trung, Cao Mỹ, Lưu Giáo thành thôn Lưu Phúc Mỹ; sáp nhập thôn Thọ Cầu và thôn Ấp thành thôn Thọ Cầu Ấp. Xã Tượng Lĩnh được có 4 thôn: Lưu Phúc Mỹ, Phù Đê, Quang Thờ, Thọ Cầu Ấp cho đến ngày nay.

2. Vị trí địa lý và địa giới hành chính

2.1. Vị trí địa lý

Xã Tượng Lĩnh nằm ở phía Tây Bắc của huyện Kim Bảng, cách trung tâm thị trấn Quế khoảng 10 km. Địa bàn xã có Quốc lộ 38 đi qua, kết nối với thị xã Duy Tiên, Khu Công nghiệp Đồng Văn; Quốc lộ 21B kết nối với thành phố Phủ Lý và cao tốc Pháp Vân - Cầu Giẽ.

2.2. Địa giới hành chính

- Đông giáp các xã Nguyễn Úy, Tân Sơn và Lê Hồ;
- Tây giáp huyện Ứng Hòa (thành phố Hà Nội);
- Nam giáp xã Tân Sơn;
- Bắc giáp huyện Ứng Hòa (thành phố Hà Nội).

3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

3.1. Tổng diện tích đất tự nhiên của xã Tượng Lĩnh là 8,00 km².

3.2. Cơ cấu các loại đất:

- Đất nông nghiệp 4,08 km².
- Đất phi nông nghiệp 3,91 km².

- Đất chưa sử dụng 0,01 km².

4. Dân số, lao động

4.1. Xã Tượng Lĩnh có 7.594 người. Trong đó:

- Dân số thường trú là 7.584 người.
- Dân số tạm trú quy đổi là 10 người.
- Mật độ dân số 949 người/km².

4.2. Tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Tượng Lĩnh là 4.376 người. Trong đó:

- Lao động nông nghiệp là 828 người, chiếm 18,2%.
- Lao động phi nông nghiệp là 3.548 người, chiếm 81,08%.

4.3. Xã Tượng Lĩnh được chia thành 4 thôn: Lưu Phúc Mỹ, Phù Đê, Quang Thù, Thọ Cầu Ấp.

5. Hiện trạng phát triển kinh tế

5.1. Về phát triển kinh tế

Những năm qua, kinh tế của xã luôn duy trì tốc độ tăng trưởng khá, giá trị sản xuất bình quân hàng năm tăng 13%. Địa bàn xã hiện có Dự án sân Golf 36 hố có tổng diện tích 174,6 ha tại thôn Quang Thù, xã Tượng Lĩnh do Công ty Cổ phần phát triển Golf Thiên Đường làm chủ đầu tư, Công ty thiết kế sân Golf Nicklaus Design (Mỹ) thiết kế. Đây là dự án có ý nghĩa quan trọng đối với tỉnh Hà Nam và huyện Kim Bảng, tận dụng và khai thác tốt tiềm năng, lợi thế về vị trí địa lý, cảnh quan, góp phần tạo việc làm cho lao động địa phương và đóng góp vào sự tăng trưởng kinh tế - xã hội của huyện Kim Bảng nói chung và xã Tượng Lĩnh nói riêng trong thời gian tới.

5.2. Phát triển ngành, lĩnh vực

- Công nghiệp - xây dựng: Giá trị sản xuất CN - TTCN đến năm 2023 đạt 48,53 tỷ đồng. Cấp ủy đảng, chính quyền đã chỉ đạo, tạo mọi điều kiện thuận lợi, khuyến khích doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể mở rộng sản xuất, kinh doanh và giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho nhân dân. Toàn xã có 8 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, tạo việc làm cho hơn 200 lao động trong xã, thu nhập bình quân 7 - 10 triệu đồng/người/tháng; 89 hộ cá thể phát triển tiểu thủ công nghiệp; các sản phẩm chủ yếu như thêu ren, mộc dân dụng, chế biến đá; trên 1.100 lao động làm việc ở Khu công nghiệp Đồng Văn và các khu tiểu thủ công nghiệp, thu nhập từ 6-8 triệu đồng/người/tháng. Hoạt động của làng nghề thêu ren, khâu chiếu trúc vẫn được duy trì phát triển với quy mô 110 hộ.

- Thương mại - dịch vụ: Giá trị sản xuất năm 2023 đạt 123,96 tỷ đồng. Thương mại, dịch vụ phát triển, xã có Quốc lộ 38 và Quốc lộ 21B đi qua tạo thuận lợi cho vận chuyển nông sản hàng hóa và phát triển kinh doanh, dịch vụ; hoạt động kinh doanh, trao đổi hàng hóa tại chợ Dầu và chợ Quang Thù diễn ra

ổn định. Toàn xã hiện có 220 hộ kinh doanh buôn bán vừa và nhỏ; 01 doanh nghiệp tư nhân bán xăng dầu; 8 công ty chủ yếu là khai thác, vận chuyển, buôn bán vật liệu xây dựng; 36 phương tiện vận tải chuyên dùng.

- Nông - lâm nghiệp, thủy sản: Giá trị sản xuất nông - lâm nghiệp - thủy sản năm 2023 đạt 81,06 tỷ đồng, tăng 2,8%. Trong năm, xã đã tích cực ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất; chuyển dịch mạnh cơ cấu cây trồng theo hướng hàng hóa. Tổng sản lượng lương thực có hạt đạt 3.733,5 tấn; sản lượng lương thực bình quân đầu người đạt 485 kg/người/năm; diện tích gieo trồng cả năm là 758,88 ha, trong đó lúa 533,3 ha, cây vụ đông là 184 ha,... Chăn nuôi, thủy sản được chú trọng phát triển theo hướng nâng cao giá trị gắn với bảo vệ môi trường. Tổng đàn lợn 3.900 con, trâu, bò 560 con, dê 920 con, đàn gia cầm 160.000 con; sản lượng thịt hơi các loại xuất chuồng đạt 1.798,1 tấn. Diện tích nuôi trồng thủy sản 61,38 ha (trong đó: diện tích sản xuất đa canh là 41,8 ha, ao hồ đầm 19,58 ha); sản lượng cá, tôm đạt 430 tấn.

5.3. Thu chi ngân sách, công tác tài chính

Công tác thu ngân sách được tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo quản lý và khai thác tốt các nguồn thu, chống thất thu. Chi ngân sách bảo đảm công khai, minh bạch, đúng chế độ, đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Năm 2023, tổng thu ngân sách trên địa bàn xã đạt 38,85 tỷ đồng; trong đó các khoản thu xã được hưởng 100% là 1,04 tỷ đồng. Tổng chi ngân sách đạt 38,85 tỷ đồng; trong đó chi đầu tư xây dựng cơ bản là 27,16 tỷ đồng; chi thường xuyên là 8,42 tỷ đồng.

5.4. Thu nhập bình quân đầu người đạt 77,6 triệu đồng năm 2023. Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều bình quân 3 năm (2021 - 2023) của xã Tượng Lĩnh là 1,87% (năm 2021 là 0,96%; năm 2022 là 2,48%; năm 2023 là 2,17%), thấp hơn bình quân 3 năm (2021-2023) của huyện Kim Bảng là 1,88%.

6. Hiện trạng văn hóa, xã hội

6.1. Về giáo dục

Xã Tượng Lĩnh có 01 trường mầm non, 01 trường tiểu học, 01 trường trung học cơ sở. 100% số trường đạt quy mô tối thiểu của các công trình giáo dục và tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 của Bộ Giáo dục và đào tạo. Năm 2023, xã đã thực hiện tốt nội dung giáo dục toàn diện ở cả 3 cấp học; chất lượng giáo dục của cả 3 trường được duy trì ổn định. Trong đó:

- Trường THCS duy trì và giữ vững các tiêu chuẩn trường chuẩn Quốc gia mức độ 2, đạt kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 3; giữ vững phổ cập giáo dục THCS mức độ 3, xóa mù chữ cấp độ 2; trường được công nhận tập thể lao động tiên tiến; tốt nghiệp THCS đạt 97,83 %, trong đó khá, giỏi đạt 61,04 %; kết quả thi vào lớp 10 THPT đạt 69,5%.

- Trường Tiểu học giữ vững trường chuẩn Quốc gia mức độ 2, kiểm định chất lượng mức độ 3; duy trì thư viện thân thiện, thư viện xanh; trường được công nhận tập thể lao động tiên tiến, công đoàn vững mạnh.

- Trường Mầm non có 100% trẻ đến trường được đảm bảo an toàn về cả thể chất và tinh thần, được nuôi ăn bán trú ở trường, bếp ăn tổ chức cho trẻ ăn đủ về số lượng đảm bảo về chất lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm; giữ vững các tiêu chuẩn của trường chuẩn Quốc gia mức độ 2 và kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3; năm học 2022-2023 trường đạt danh hiệu tiên tiến.

6.2. Công tác y tế

Xã Tượng Lĩnh luôn quan tâm chỉ đạo công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân; phối hợp Trung tâm y tế huyện hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, công tác tế dự phòng, phòng chống dịch bệnh, vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm và chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em; làm tốt công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình.

Năm 2023, xã Tượng Lĩnh giữ vững đạt chuẩn Quốc gia về y tế; công tác khám chữa bệnh ban đầu tại trạm được triển khai đồng bộ và hiệu quả, số lượt người khám chữa bệnh là 2.927 lượt, tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh đảm bảo 3 sạch đạt 62,7%. Xã luôn chủ động trong công tác phòng chống dịch bệnh, ngăn chặn và không để bệnh lây lan rộng trong cộng đồng; giảm tỷ lệ mất cân bằng giới tính; tuyên truyền vận động nhân dân không sinh con thứ 3. Đến nay, tỷ lệ phụ nữ sinh con thứ 3 trở lên là 17,67%; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng cân nặng theo độ tuổi giảm còn 8,2%, theo chiều cao theo độ tuổi giảm còn 16,39%; tỷ lệ dân số tham gia BHYT đạt 93,6%.

6.3. Công tác văn hóa, thông tin, thể dục thể thao

Công tác thông tin, tuyên truyền được quan tâm thực hiện tốt. Đã tiếp và phát sóng chương trình đài tỉnh, đài huyện theo quy định, xây dựng chương trình tin bài về các hoạt động phát triển kinh tế, văn hóa xã hội và an ninh, quốc phòng tại địa phương; tập trung tuyên truyền các ngày lễ kỷ niệm của đất nước, công tác phòng chống dịch bệnh,...

Hoạt động văn hóa, thể thao phát triển phong phú, đa dạng thông qua các câu lạc bộ của các đoàn thể, trong khu dân cư. Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh" luôn được quan tâm thực hiện và được sự ủng hộ nhiệt tình của nhân dân các thôn. Các thiết chế văn hóa được tu sửa, bổ sung đảm bảo chất lượng, các làng đều có đội văn nghệ.

Phong trào văn hóa, văn nghệ, TDTT quần chúng được duy trì ổn định; có 3/4 thôn đạt làng văn hóa cấp huyện, đạt 75%; tỷ lệ hộ gia đình văn hóa đạt 91%; thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội đạt 100%; quản lý chặt chẽ các dịch vụ văn hóa, thông tin, cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn. Số người tập luyện TDTT thường xuyên đạt 2.671 người, đạt 35%; số gia đình thể thao đạt 702 gia đình, đạt 28%; tỷ lệ dùng điện thoại thông minh trên địa bàn xã đạt 82%.

6.4. Thực hiện các chính sách xã hội, lao động việc làm

Các chính sách đối với người có công, an sinh xã hội được thực hiện đầy đủ, kịp thời. Năm 2023, hoàn thiện 16 hồ sơ cho đối tượng bảo trợ xã hội hưởng trợ cấp hàng tháng; giải quyết 32 hồ sơ mai táng phí cho các đối tượng người có

công và bảo trợ xã hội qua đời; hướng dẫn 12 trường hợp thay đổi người thờ cúng liệt sỹ. Chương trình giảm nghèo được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai thực hiện có hiệu quả. Năm 2023, địa bàn xã còn 55 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 2,17%. Chính sách lao động, việc làm được quan tâm, nhất là người dân có đất thu hồi cho phát triển đô thị và công nghiệp. Số lao động được giải quyết việc làm mới năm 2023 đạt 270 người, đạt 136,4% kế hoạch năm; trong đó, xuất khẩu lao động đạt 19 người; giải quyết việc làm thêm cho 188 lao động. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 85,6%; trong đó, có chứng chỉ, bằng cấp là 60,7%.

7. Quốc phòng, an ninh

7.1. Công tác quốc phòng: Đã duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu. Thực hiện tốt nhiệm vụ quốc phòng - quân sự địa phương. Lực lượng dự bị động viên được đăng ký, quản lý chặt chẽ theo quy định. Tổ chức tốt việc động viên huấn luyện, diễn tập. Hằng năm hoàn thành tốt chỉ tiêu tuyển quân, tuyển sinh quân sự được giao và chính sách hậu phương quân đội. Năm 2023 có 17 thanh niên thanh niên lên đường nhập ngũ, hoàn thành 100% chỉ tiêu giao; tổ chức phúc tra đăng ký tuổi 17 cho 44 công dân, xét duyệt nguồn gọi công dân nhập ngũ dự kiến cho năm 2024 với tổng số 282 công dân.

7.2. An ninh, trật tự: Tình hình an ninh, trật tự trên địa bàn xã cơ bản ổn định, không phát hiện vấn đề gì phức tạp. Tăng cường tuần tra vũ trang, tuần tra nhân dân nhằm phòng ngừa tội phạm và giải quyết ngay từ đầu các vụ việc phức tạp từ cơ sở. Thường xuyên tổ chức gọi hỏi, răn đe, ký cam kết không vi phạm pháp luật đối với các đối tượng trong diện quản lý. Vận động nhân dân chấp hành tốt các quy định của pháp luật về đền bù, giải phóng mặt bằng. Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, phổ biến pháp luật, các phương thức, thủ đoạn hoạt động của các loại tội phạm để nhân dân nắm được, nâng cao ý thức cảnh giác và phối hợp giúp đỡ lực lượng chức năng trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội. Năm 2023, địa bàn xã xảy ra 02 vụ cưỡng đoạt tài sản, 02 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản, 06 vụ án về ma túy (trong đó lập 02 hồ sơ đưa 01 đối tượng đi cơ sở giáo dục bắt buộc, 01 đối tượng đi cai nghiện bắt buộc, lập 02 hồ sơ giáo dục tại xã đối với 2 đối tượng).

8. Tổ chức bộ máy biên chế, cán bộ, công chức hệ thống chính trị

8.1. Hội đồng nhân dân: Có 24 đại biểu HĐND xã nhiệm kỳ 2021-2026. Trình độ chuyên môn: đại học là 15 người, chiếm 62,50%; trung cấp là 02 người, chiếm 8,33%. Trình độ lý luận chính trị: trung cấp là 15 người, chiếm 62,50%; sơ cấp 06 người, chiếm 25%.

8.2. Cán bộ, công chức: Có 19 người (10 cán bộ, 09 công chức). Trình độ chuyên môn: đại học là 17 người, chiếm 89,47%; cao đẳng là 01 người, chiếm 5,26%; trung cấp là 01 người, chiếm 5,26%. Trình độ lý luận chính trị: trung cấp là 19 người, chiếm 100%.

8.3. Người hoạt động không chuyên trách ở 4 thôn là 12 người.

8.4. Công an xã: Bố trí 100% Công an xã là Công an xã chính quy, tổng số có 05 người (01 Trưởng công an, 01 Phó trưởng Công an và 03 công an viên).

9. Đánh giá tiêu chuẩn thành lập phường thuộc thị xã

Căn cứ các tiêu chí, tiêu chuẩn được quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 và Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; UBND tỉnh Hà Nam đánh giá 4 tiêu chuẩn thành lập phường của xã Tượng Lĩnh, gồm:

9.1. Tiêu chuẩn 1: Quy mô dân số

- Quy định từ 5.000 người trở lên.

- Hiện trạng: Quy mô dân xã Tượng Lĩnh tính đến 31/12/2023 là 7.594 người, trong đó, dân số thường trú là 7.584 người, dân số tạm trú là 10 người.

Đánh giá: Đạt.

9.2. Tiêu chuẩn 2: Diện tích tự nhiên

- Quy định từ 5,5 km² trở lên.

- Hiện trạng: Xã Tượng Lĩnh có 8,00 km² diện tích tự nhiên.

Đánh giá: Đạt.

9.3. Tiêu chuẩn 3: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

- Tiêu chí 1. Cân đối thu, chi ngân sách:

Quy định cân đối thu đủ chi.

Hiện trạng: Thu ngân sách trên địa bàn xã Tượng Lĩnh năm 2023 đạt 38,85 tỷ đồng, chi ngân sách đạt 38,85 tỷ đồng. Cân đối đủ.

Đánh giá: Đạt.

- Tiêu chí 2. Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều bình quân 3 năm:

Quy định đạt bình quân 3 năm (2021 - 2023) của huyện Kim Bảng là 1,88% (năm 2021 là 1,31%; năm 2022 là 2,5%; năm 2023 là 1,82%).

Hiện trạng: Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều bình quân 3 năm (2021 - 2023) của xã Tượng Lĩnh là 1,87% (năm 2021 là 0,96%; năm 2022 là 2,48%; năm 2023 là 2,17%).

Đánh giá: Đạt.

- Tiêu chí 3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp:

Quy định từ 70% trở lên.

Hiện trạng: Tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Tượng Lĩnh là 4.376 người. Trong đó, lao động nông nghiệp là 828 người, chiếm 18,92%; lao động phi nông nghiệp là 3.548 người, chiếm 81,08%.

Đánh giá: Đạt.

9.4. Tiêu chuẩn 4: Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn	Hiện trạng	Đánh giá
1	Trạm Y tế	Công trình	01 công trình theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế	01	Đạt
2	Cơ sở hạ tầng thương mại (chợ, cửa hàng dịch vụ trung tâm, siêu thị và trung tâm mua bán, trao đổi hàng hóa)	Công trình	02 công trình theo quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch XD	01	Không đạt
3	Cơ sở giáo dục	%	100% công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, THCS) đạt quy mô tối thiểu của các công trình giáo dục hoặc đạt 100% tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 của Bộ giáo dục và đào tạo	100	Đạt
4	Đất công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 1,8	2,23	Đạt
5	Đất công trình văn hóa, thể dục thể thao (sân chơi, sân luyện tập và các công trình trung tâm văn hóa thể thao) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 1,0	1,43	Đạt
6	Cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người	kwh/người/năm	≥ 400	600	Đạt
7	Đất giao thông (tính đến đường giao thông cấp khu vực, cấp nội bộ và công trình giao thông) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 5	11,58	Đạt
8	Tỷ lệ đường được chiếu sáng (tính đến đường cấp khu vực, cấp nội bộ)	%	≥ 90	100	Đạt
9	Đất cây xanh sử dụng công cộng (đất công viên, vườn hoa, sân	m ² /người	≥ 2	4,72	Đạt

	chơi cấp đơn vị ở) bình quân đầu người				
10	Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	%	≥ 80	100	Đạt
11	Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả	%	Đáp ứng tiêu chuẩn tương ứng của xã nông thôn mới nâng cao trở lên	57	Đạt
12	Mật độ đường cống thoát nước chính	Km/km ²	≥ 2,5	4,56	Đạt
13	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	≥ 80	96,3	Đạt

Xã Tượng Lĩnh đạt 12/13 tiêu chuẩn (quy định đạt từ 10/13 tiêu chuẩn trở lên) về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đối với khu vực dự kiến thành lập phường theo quy định của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 (sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15). Ngày ..., Bộ Xây dựng đã có Quyết định số .../QĐ-BXD công nhận khu vực dự kiến thành lập phường thuộc thị xã Kim Bảng, tỉnh Hà Nam đạt tiêu chuẩn trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị loại IV đối với thị trấn Quế, thị trấn Ba Sao và các xã thuộc khu vực dự kiến nội thị của thị xã Kim Bảng (có hồ sơ kèm theo).

Như vậy, phường Tượng Lĩnh dự kiến thành lập thuộc thị xã Kim Bảng đạt 4/4 tiêu chuẩn theo quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 và Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15.

IV. HIỆN TRẠNG XÃ THI SƠN

1. Lịch sử hình thành

Thời Trần trở về trước, Thi Sơn thuộc huyện Cổ Bảng, châu Lý Nhân; năm Minh Mạng thứ 12, Thi Sơn thuộc huyện Kim Bảng, phủ Lý Nhân, tỉnh Hà Nội (nay là thành phố Hà Nội).

Năm 1890, tỉnh Hà Nam được thành lập, Thi Sơn thuộc huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

Trước cách mạng tháng 8/1945, Thi Sơn thuộc tổng Quyền Sơn, gồm có 8 thôn; tháng 9/1945, Ban Cán sự Việt Minh huyện Kim Bảng thành lập đơn vị hành chính mới gồm 14 xã, trong đó có Thi Sơn.

Năm 1947, Thi Sơn có 04 thôn, gồm: Quyền Sơn, Phù Thụy, Bút Phong và Đồng Sơn; năm 1954, 2 thôn Bút Phong và Đồng Sơn nhập về xã Liên Sơn.

2. Vị trí địa lý và địa giới hành chính

2.1. Vị trí địa lý

Xã Thi Sơn cách trung tâm huyện Kim Bảng khoảng 3 km về phía Bắc, tiếp giáp với thị trấn Quế và rất gần thành phố Phủ Lý. Xã có hệ thống giao thông phát triển, gồm Quốc lộ 21, Quốc lộ 21B, đường tỉnh 494B đi qua; nằm ở vùng hữu ngạn sông Đáy, phía Bắc giáp sông Đáy. Địa bàn xã có quần thể di tích, gồm: Đền Trúc, ngũ Động Sơn, hang Luồn - Ao Dong và qua sông Đáy là chùa Bà Đanh - núi Ngọc,... nên có tiềm năng phát triển du lịch và dịch vụ.

2.2. Địa giới hành chính

- Đông giáp xã Thanh Sơn;
- Tây giáp các xã Liên Sơn, Đồng Sơn và Ngọc Sơn;
- Nam giáp các xã Liên Sơn, Thanh Sơn;
- Bắc giáp thị trấn Quế.

3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

3.1. Tổng diện tích đất tự nhiên của xã Thi Sơn là 7,06 km².

3.2. Cơ cấu các loại đất

- Đất nông nghiệp là 3,83 km².
- Đất phi nông nghiệp là 2,89 km².
- Đất chưa sử dụng là 0,34 km².

4. Dân số, lao động

4.1. Xã Thi Sơn có 10.724 người. Trong đó:

- Dân số thường trú là 10.513 người.
- Dân số tạm trú quy đổi là 211 người.
- Mật độ dân số 1.519 người/km².

Thành phần dân cư chủ yếu là người Kinh.

4.2. Tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Thi Sơn là 4.920 người. Trong đó:

- Lao động nông nghiệp là 642 người, chiếm 13,05%.
- Lao động phi nông nghiệp là 4.278 người, chiếm 86,95%.

4.3. Xã Thi Sơn có 04 thôn, gồm: Thôn 1, Thôn 2, Thôn 3, Thôn 4,.

5. Hiện trạng phát triển kinh tế

5.1. Về phát triển kinh tế

Những năm qua, xã Thi Sơn luôn quan tâm, thực hiện tốt phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề nông thôn; tạo mọi điều kiện thuận lợi, khuyến khích doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể mở rộng sản xuất, kinh doanh và giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho nhân dân.

Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất trên địa bàn xã tăng bình quân 13,5%/năm; thu ngân sách tăng bình quân 13%.

5.2. Phát triển ngành, lĩnh vực

- Công nghiệp - xây dựng: Giá trị sản xuất ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn (giá so sánh 2010) năm 2023 đạt 3.059,04 tỷ đồng, tăng 14,2% với năm 2022; kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 398 tỷ đồng, tăng 7% kế hoạch huyện giao. Trong năm, xã tiếp tục thực hiện các văn bản chỉ đạo của cấp trên về thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển công nghiệp; thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước tại cụm công nghiệp Thi Sơn, phối hợp các đơn vị đầu tư hạ tầng kỹ thuật mở rộng cụm công nghiệp Thi Sơn 1. Quan tâm phát triển tiểu thủ công nghiệp, làng nghề gắn với du lịch, tạo việc làm mới, việc làm thêm cho 460 lao động. Đến nay, Cụm công nghiệp Thi Sơn có diện tích 30 ha, thu hút 14 doanh nghiệp vào đầu tư phát triển sản xuất các ngành nghề, như: vật liệu xây dựng, may, thức ăn gia súc,... góp phần giải quyết việc làm thường xuyên cho hơn 300 lao động tại địa phương và vùng lân cận. Ngoài ra, các nghề hàn, mộc, xây dựng khá phát triển, tạo việc làm ổn định cho hàng trăm lao động khác.

- Thương mại - dịch vụ: Giá trị sản xuất (giá so sánh 2010) trên địa bàn đạt 228,30 tỷ đồng. Là xã có có quần thể di tích Đền Trúc, Ngũ động Sơn, hang Luồn - Ao Dong và gần chùa Bà Đanh - núi Ngọc... nên hoạt động thương mại - dịch vụ, du lịch của xã phát triển. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội trên địa bàn đạt 195 tỷ đồng, tăng 5% kế hoạch huyện giao. Năm 2023, hoạt động du lịch đã thu hút lượng khách thăm quan điểm du lịch Đền Trúc Ngũ Động Sơn đạt 1.225 lượt khách.

- Nông - lâm nghiệp, thủy sản: Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản (giá so sánh 2010) đạt 71,60 tỷ đồng, tăng 2,3%/năm. Tổng sản lượng lương thực có hạt đạt 4.080 tấn (trong đó, thóc 3.159,3 tấn, ngô, đậu tương 921 tấn); lương thực bình quân đầu người đạt 430 kg. Cùng với việc nâng năng xuất các giống lúa và hoa màu,... góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho hàng trăm lao động.

5.3. Thu chi ngân sách, công tác tài chính

Công tác thu, chi ngân sách được quan tâm lãnh đạo thực hiện, đảm bảo đúng luật. Quản lý chặt chẽ các nguồn thu, đảm bảo thu đúng, thu đủ đạt và vượt kế hoạch huyện giao.

Năm 2023, tổng thu ngân sách trên địa bàn xã đạt 28,10 tỷ đồng; tổng chi ngân sách đạt 28,10 tỷ đồng, trong đó chi thường xuyên là 8,04 tỷ đồng.

5.4. Thu nhập bình quân đầu người năm 2023 đạt 80,60 triệu đồng/người/năm. Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều trên địa bàn xã năm 2023 giảm còn 54 hộ, bằng 1,82% (giảm 32 hộ so với năm 2022); bình quân giai đoạn 2021 - 2023 là 1,81%, thấp hơn bình quân 3 năm (2021-2023) của huyện Kim Bảng là 1,88%.

6. Hiện trạng văn hóa, xã hội

6.1. Về giáo dục

Lĩnh vực giáo dục và đào tạo tiếp tục có bước phát triển. Nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục đạt mức độ 3, xóa mù chữ đạt mức 2, duy trì chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi. Chất lượng giáo dục toàn diện, giáo dục đại trà được giữ vững và nâng cao. Công tác xã hội hóa đầu tư xây dựng trường lớp học, trang thiết bị dạy học được đẩy mạnh, xây dựng phòng học kiên cố, nâng cao chất lượng trường đạt chuẩn quốc gia, đến nay 2/3 trường được công nhận trường chuẩn quốc gia mức độ 2. Tỷ lệ huy động trẻ ra lớp đạt 100%, tuyển sinh 100% trẻ 6 tuổi vào lớp 1, học sinh hoàn thành chương trình TH vào lớp 6; tỷ lệ tốt nghiệp THCS hàng năm đạt trên 98,28%.

6.2. Công tác y tế

Công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế, chất lượng đội ngũ cán bộ y tế xã được nâng lên; 100% thôn có nhân viên y tế; hoạt động của Hội đồng y được củng cố, phục vụ tốt công tác khám chữa bệnh bằng y học cổ truyền. Năm 2023, đã khám chữa bệnh cho 3.506 lượt; tiêm chủng đầy đủ cho 160 lượt; tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi bằng 9,2%; tỷ lệ người tham gia bảo hiểm y tế 92,6%; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng cân nặng theo tuổi xuống còn 8%, chiều cao theo tuổi còn 13,8%.

6.3. Công tác văn hóa, thông tin, thể dục thể thao

Công tác thông tin tuyên truyền được đổi mới nội dung và hình thức, kịp thời cổ động, tuyên truyền kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước, các nhiệm vụ chính trị trọng tâm. Thực hiện tốt phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư" gắn với cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh". Phong trào thể dục thể thao toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại phát triển rộng khắp trong khu dân cư, tỷ lệ người dân thường xuyên luyện tập thể dục thể thao. Tỷ lệ hộ gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa đạt 91,5%; tỷ lệ thôn được công nhận danh hiệu văn hóa đạt 80%.

6.4. Thực hiện các chính sách xã hội, lao động việc làm

Quan tâm, giải quyết tốt các chính sách người có công, chính sách an sinh xã hội, đảm bảo chi trả kịp thời, đúng, đủ các chế độ cho các đối tượng. Huy động sự tham gia của các tổ chức, đoàn thể và cá nhân nhằm từng bước xã hội hóa công tác người có công, phát động sâu rộng phong trào "Đền ơn đáp nghĩa" bằng những việc làm thiết thực, hiệu quả. Công tác dạy nghề, giải quyết việc làm, giảm nghèo bền vững thường xuyên được quan tâm.

Năm 2023, số lao động được giải quyết việc làm mới 248 lao động, đạt 100% so với kế hoạch, trong đó xuất khẩu 21 lao động; tỷ lệ lao động qua đào tạo 78,8%, trong đó có chứng chỉ, bằng cấp đạt 62,6%; tỷ lệ lao động phi nông nghiệp đạt 86,95%/tổng lao động xã hội, tăng 1,5% so với cùng kỳ.

7. Quốc phòng, an ninh

7.1. Công tác quốc phòng: Thường xuyên duy trì chế độ trực sẵn sàng chiến đấu. Thực hiện tốt nhiệm vụ quốc phòng - quân sự địa phương. Lực lượng dự bị động viên được đăng ký, quản lý chặt chẽ theo quy định. Tổ chức tốt việc động viên huấn luyện, diễn tập. Hằng năm hoàn thành tốt chỉ tiêu tuyển quân, tuyển sinh quân sự được giao và chính sách hậu phương quân đội. Năm 2023, xã bàn giao 16 công dân nhập ngũ, đảm bảo đủ chỉ tiêu, an toàn, đúng luật; tổ chức đón nhận, tư vấn học nghề cho 13 quân nhân xuất ngũ trở về địa phương.

7.2. An ninh, trật tự: Tình hình an ninh chính trị trật tự an toàn xã hội trên địa bàn cơ bản ổn định. Lực lượng Công an xã tăng cường phối hợp với các cơ quan, ban, ngành đẩy mạnh công tác tuần tra, kiểm soát các khu vực tập trung nhiều công nhân, các địa điểm kinh doanh phức tạp và giải quyết ngay từ đầu các vụ việc phức tạp từ cơ sở. Tổ chức gọi hỏi, răn đe, ký cam kết không vi phạm pháp luật đối với các đối tượng trong diện quản lý. Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, phổ biến pháp luật, các phương thức, thủ đoạn hoạt động của các loại tội phạm để nhân dân nắm được, nâng cao ý thức cảnh giác trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội. Công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc đạt nhiều kết quả tích cực; tiếp tục duy trì hoạt động của các mô hình tự quản về an ninh, trật tự.

8. Tổ chức bộ máy biên chế, cán bộ, công chức hệ thống chính trị

8.1. Hội đồng nhân dân: Có 25 đại biểu HĐND xã nhiệm kỳ 2021-2026. Trình độ chuyên môn: đại học là 16 người, chiếm 64%; cao đẳng là 03 người, chiếm 12%; trung cấp là 03 người, chiếm 12%. Trình độ lý luận chính trị trung cấp là 19 người, chiếm 76%.

8.2. Cán bộ, công chức: Có 20 người (cán bộ 11 người, công chức 09 người). Trình độ chuyên môn: đại học là 18 người, chiếm 90%; cao đẳng là 01 người, chiếm 5%; trung cấp là 01 người, chiếm 5%. Trình độ lý luận chính trị trung cấp là 20 người, chiếm 100%.

8.3. Người hoạt động không chuyên trách ở thôn: 10 người.

8.4. Công an xã: Hiện trạng bố trí Công an xã chính quy có tổng số có 06 người, gồm: 01 Trưởng, 01 Phó trưởng Công an xã, 04 đồng chí công an viên.

9. Đánh giá tiêu chuẩn thành lập phường thuộc thị xã

Căn cứ các tiêu chí, tiêu chuẩn được quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 và Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; UBND tỉnh Hà Nam đánh giá 4 tiêu chuẩn thành lập phường của xã Thi Sơn, gồm:

9.1. Tiêu chuẩn 1: Quy mô dân số

- Quy định từ 5.000 người trở lên.

- Hiện trạng: Quy mô dân số xã Thi Sơn tính đến 31/12/2023 là 10.724 người, trong đó, dân số thường trú là 10.513 người, dân số tạm trú quy đổi là 211 người.

Đánh giá: Đạt.

9.2. Tiêu chuẩn 2: Diện tích tự nhiên

- Quy định từ 5,5 km² trở lên.

- Hiện trạng: xã Thi Sơn có 7,06 km² diện tích tự nhiên.

Đánh giá: Đạt.

9.3. Tiêu chuẩn 3: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

- Tiêu chí 1. Cân đối thu, chi ngân sách:

Quy định cân đối thu đủ chi.

Hiện trạng: Thu ngân sách trên địa bàn xã Thi Sơn năm 2023 đạt 28,10 tỷ đồng, chi ngân sách đạt 28,10 tỷ đồng. Cân đối đủ.

Đánh giá: Đạt.

- Tiêu chí 2. Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều bình quân 3 năm:

Quy định đạt bình quân 3 năm (2021 - 2023) của huyện Kim Bảng là 1,88% (năm 2021 là 1,31%; năm 2022 là 2,5%; năm 2023 là 1,82%).

Hiện trạng: Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều bình quân 3 năm (2021 - 2023) của xã Thi Sơn là 1,82% (năm 2021 là 0,72%; năm 2022 là 2,90%; năm 2023 là 1,82%).

Đánh giá: Đạt.

- Tiêu chí 3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp:

Quy định từ 70% trở lên.

Hiện trạng: Tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Thi Sơn là 4.920 người. Trong đó, lao động nông nghiệp là 642 người, chiếm 13,5%; lao động phi nông nghiệp là 4.278 người, chiếm 86,95%.

Đánh giá: Đạt.

9.4. Tiêu chuẩn 4: Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn	Hiện trạng	Đánh giá
1	Trạm Y tế	Công trình	01 công trình theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế	01	Đạt
2	Cơ sở hạ tầng thương mại (chợ, cửa hàng dịch vụ trung tâm, siêu thị và trung tâm mua bán, trao đổi hàng hóa)	Công trình	02 công trình theo quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch XD	04	Đạt
3	Cơ sở giáo dục	%	100% công trình giáo dục (trường mầm non,	100	Đạt

			<i>tiểu học, THCS) đạt quy mô tối thiểu của các công trình giáo dục hoặc đạt 100% tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 của Bộ giáo dục và đào tạo</i>		
4	Đất công trình giáo dục (<i>trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở</i>) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 1,8	2,78	Đạt
5	Đất công trình văn hóa, thể dục thể thao (<i>sân chơi, sân luyện tập và các công trình trung tâm văn hóa thể thao</i>) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 1,0	2,19	Đạt
6	Cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người	kwh/người/năm	≥ 400	789	Đạt
7	Đất giao thông (<i>tính đến đường giao thông cấp khu vực, cấp nội bộ và công trình giao thông</i>) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 5	19,7	Đạt
8	Tỷ lệ đường được chiếu sáng (<i>tính đến đường cấp khu vực, cấp nội bộ</i>)	%	≥ 90	100	Đạt
9	Đất cây xanh sử dụng công cộng (<i>đất công viên, vườn hoa, sân chơi cấp đơn vị ở</i>) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 2	0,47	Không đạt
10	Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	%	≥ 80	100	Đạt
11	Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả	%	Đáp ứng tiêu chuẩn tương ứng của xã nông thôn mới nâng cao trở lên	50	Đạt

12	Mật độ đường công thoát nước chính	Km/km ²	≥ 2,5	7,74	Đạt
13	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	≥ 80	98	Đạt

Xã Thi Sơn đạt 12/13 tiêu chuẩn (quy định đạt từ 10/13 tiêu chuẩn trở lên) về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đối với khu vực dự kiến thành lập phường theo quy định của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 (sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15). Ngày ..., Bộ Xây dựng đã có Quyết định số .../QĐ-BXD công nhận khu vực dự kiến thành lập phường thuộc thị xã Kim Bảng, tỉnh Hà Nam đạt tiêu chuẩn trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị loại IV đối với thị trấn Quế, thị trấn Ba Sao và các xã thuộc khu vực dự kiến nội thị của thị xã Kim Bảng (có hồ sơ kèm theo).

Như vậy, phường Thi Sơn dự kiến thành lập thuộc thị xã Kim Bảng đạt 4/4 tiêu chuẩn theo quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 và Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15.

V. HIỆN TRẠNG XÃ ĐỒNG HÓA

1. Lịch sử hình thành

Trước cách mạng tháng Tám năm 1945, các làng (xã) thuộc địa bàn xã Đồng Hóa thuộc 3 tổng: Phương Xá, Phương Lâm thuộc tổng Nhật Tựu; Lạc Nhuế thuộc tổng Phương Đan; Đồng Lạc, Yên Lạc thuộc tổng Kim Bảng. Như vậy, vào thời điểm này địa bàn Đồng Hóa thuộc 5 làng (xã).

Năm 1946, sau khi Ủy ban hành chính được thành lập các địa danh thuộc Đồng Hóa nằm trong xã Phú Nông, bao gồm 7 thôn; năm 1947, hai thôn Đại Phú, Nông vụ nhập về xã Lê Hồ; xã Phú Nông đổi tên là xã Đồng Hóa với 5 thôn Đồng Lạc, Phương Lâm, Phương Xá, Yên Lạc, Lạc Nhuế.

2. Vị trí địa lý và địa giới hành chính

2.1. Vị trí địa lý

Xã Đồng Hóa nằm ở phía Bắc của huyện Kim Bảng, tiếp giáp liền kề với thị trấn Quế, cách trung tâm huyện khoảng 05 km, cách thành phố Phủ Lý 15 km. Có 3 tuyến giao thông quan trọng đi qua địa bàn xã là Đường tỉnh 398, Đường tỉnh 771 kết nối xã với Quốc lộ 38, Quốc lộ 21B và Quốc lộ 1.

2.2. Địa giới hành chính

- Đông giáp xã Văn Xá và Nhật Tân;
- Tây giáp xã Tân Sơn, Lê Hồ và Thụy Lôi.
- Nam giáp thị trấn Quế và xã Ngọc Sơn;
- Bắc giáp xã Lê Hồ và Đại Cương.

3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

3.1. Tổng diện tích đất tự nhiên của xã Đồng Hóa là 9,09 km².

3.2. Cơ cấu các loại đất:

- Đất nông nghiệp 6,43 km².
- Đất phi nông nghiệp 2,66 km².
- Đất chưa sử dụng 0,002 km².

4. Dân số, lao động

4.1. Xã Đồng Hóa có 11.755 người. Trong đó:

- Dân số thường trú là 11.755 người.
- Dân số tạm trú quy đổi là 0 người.
- Mật độ dân số 1.293 người/km².

Thành phần dân cư chủ yếu là người Kinh.

4.2. Tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Đồng Hóa là 5.021 người Trong đó:

- Lao động nông nghiệp là 1.081 người, chiếm 21,53%.
- Lao động phi nông nghiệp là 3.940 người, chiếm 78,47%.

4.3. Xã Đồng Hóa có 06 thôn: Đồng Lạc, Phương Lâm, Phương Xá, Yên Lạc, Lạc Nhuế 1, Lạc Nhuế 2.

5. Hiện trạng phát triển kinh tế

5.1. Về phát triển kinh tế

Năm 2023, tổng giá trị sản xuất trên địa bàn xã (theo giá so sánh năm 2010) đạt 540,811 tỷ đồng. Trong đó, công nghiệp - xây dựng đạt 340,41 tỷ đồng; thương mại - dịch vụ đạt 117,90 tỷ đồng; nông nghiệp và thủy sản đạt 82,50 tỷ đồng.

Cơ cấu kinh tế, công nghiệp - xây dựng chiếm 62,94%; thương mại - dịch vụ chiếm 21,81%; nông nghiệp và thủy sản chiếm 15,25%.

5.2. Phát triển ngành, lĩnh vực

- Công nghiệp - xây dựng: Giá trị sản xuất (giá so sánh 2010) năm 2023 đạt 340,41 tỷ đồng, tăng 14,65% so với năm 2022. Địa bàn xã hiện có 32 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; khoảng 700 hộ phát triển ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, nghề truyền thống như: túi ví thổ cẩm, đồ thờ, khung ảnh, mộc dân dụng, cơ khí,... đã giải quyết việc làm ổn định cho khoảng 2.000 lao động với thu nhập bình quân từ 5 đến 7 triệu đồng/người/tháng. Xã có làng nghề truyền thống Lạc Nhuế vẫn được duy trì hoạt động ổn định; công tác đào tạo nghề, chuyển dịch lao động; lao động làm việc tại các khu, cụm công nghiệp lân cận với thu nhập bình quân từ 6 đến 10 triệu đồng/người/tháng.

- Thương mại - dịch vụ: Giá trị sản xuất (giá so sánh 2010) năm 2023 đạt 117,90 tỷ đồng. Các hộ kinh doanh dịch vụ trên địa bàn xã đã khắc phục khó

khăn, chủ động kinh doanh những mặt hàng thiết yếu phục vụ sinh hoạt và đời sống của nhân dân địa phương. Hoạt động của quỹ tín dụng xã vẫn được duy trì và mở rộng, đáp ứng kịp thời nhu cầu về vốn mở rộng sản xuất, kinh doanh của các hộ dân trong xã.

- Nông - lâm nghiệp thủy sản: Giá trị sản xuất nông - lâm nghiệp thủy sản (giá so sánh 2010) năm 2023 đạt 82,50 tỷ đồng, tăng 1,8% so với năm 2022. Tổng diện tích canh tác đạt 897,1 ha, năng suất 126,7 tạ/ha, sản lượng đạt 5.672,4 tấn. Công tác chăn nuôi được chú trọng, xã luôn theo dõi tình hình dịch bệnh và tổ chức tiêm phòng định kỳ đúng quy định. Tổng đàn lợn đạt 5.667 con, trâu 223 con, bò 405 con, gia cầm 152 nghìn con; diện tích nuôi trồng thủy sản 169 ha, sản lượng 860 tấn. sản lượng thịt hơi xuất chuồng các loại 2.118 tấn.

5.3. Thu chi ngân sách, công tác tài chính

Công tác thu ngân sách được tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo quản lý và khai thác tốt các nguồn thu, chống thất thu. Chi ngân sách bảo đảm công khai, minh bạch, đúng chế độ, đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương. Năm 2023, thu ngân sách trên địa bàn xã đạt 59,89 tỷ đồng. Chi ngân sách thực hiện 59,89 tỷ đồng, trong đó chi thường xuyên 7,47 tỷ đồng.

5.4. Thu nhập bình quân đầu người đạt 79 triệu đồng vào năm 2023. Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều bình quân 3 năm (2021 - 2023) của xã Đồng Hóa là 1,85% (năm 2021 là 1,91%; năm 2022 là 2,21%; năm 2023 là 1,45%), thấp hơn bình quân 3 năm (2021-2023) của huyện Kim Bảng là 1,88%.

6. Hiện trạng Văn hóa - xã hội

6.1. Về giáo dục

Sự nghiệp giáo dục trên địa bàn xã tiếp tục phát triển; chất lượng giáo dục ngày được nâng lên. Xã duy trì phổ cập giáo dục tiểu học, trung học cơ sở và đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, tỷ lệ huy động trẻ đến mẫu giáo đạt 100%; học sinh trúng tuyển vào trung học phổ thông đạt trên 95%. Cơ sở vật chất được đầu tư xây mới theo hướng kiên cố, hiện đại, đáp ứng các yêu cầu dạy học của các đơn vị. Tỷ lệ kiên cố hóa trường lớp đạt 100%.

Năm học 2022 - 2023, Trường THCS duy trì và giữ vững trường chuẩn quốc gia mức độ 2; Trường Tiểu học duy trì tốt các tiêu chuẩn của trường, đạt danh hiệu đơn vị văn hóa, chuẩn quốc gia mức độ 2, kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3, giữ vững thư viện xuất sắc và thư viện thân thiện; Trường Mầm non có tỷ lệ các cháu nhà trẻ ra lớp đạt 55%, mẫu giáo đạt 100%, nhà trường duy trì tốt chương trình giáo dục mầm non mới.

6.2. Công tác y tế

Đồng Hóa luôn quan tâm chỉ đạo công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân; vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm và chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em; làm tốt công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình. Đến nay, 100% thôn có nhân viên y tế; tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 86,7%; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng dạng cân nặng theo tuổi là 8,4%, chiều cao theo tuổi là 20,5%.

Thường xuyên kiểm tra các hộ sản xuất kinh doanh có ảnh hưởng đến ô nhiễm môi trường, tuyên truyền trong nhân dân về tác hại của ô nhiễm môi trường ảnh hưởng đến sức khỏe và chất lượng cuộc sống. Đến nay, tỷ lệ rác thải thu gom đạt 95,5%; tỷ lệ dân cư sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 100%, trong đó tỷ lệ dân cư sử dụng nước từ nhà máy đạt 91,2%.

6.3. Công tác văn hóa, thông tin, thể dục thể thao

Thực hiện tốt công tác thông tin tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, các quy định của địa phương; duy trì hoạt động của các thôn văn hóa và đài truyền thanh bảo đảm ổn định, thông suốt; tổ chức treo 1.500 lá cờ, 105 băng rôn các loại trong các ngày lễ, ngày tết và tuyên truyền trực quan. Thực hiện tốt nếp sống văn minh trong việc cưới, tang và lễ hội, đảm bảo tốt công tác ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và điều hành.

Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” luôn được quan tâm thực hiện và được sự ủng hộ nhiệt tình của nhân dân; tỷ lệ hộ gia đình văn hóa đạt 91,5%; có 100% thôn đạt danh hiệu khu dân cư văn hóa.

Phong trào luyện tập thể dục, thể thao phát triển rộng khắp trong các khu dân cư, tỷ lệ người dân thường xuyên rèn luyện thể dục, thể thao đạt 40%, gia đình thường xuyên tập thể dục, thể thao đạt 30%. Các môn thể thao: Bóng chuyền, cầu lông, bóng đá, vật cổ truyền... tiếp tục được duy trì và phát triển mạnh mẽ.

6.4. Thực hiện các chính sách xã hội, lao động việc làm

Thực hiện tốt chế độ chính sách của Nhà nước đối với các đối tượng chính sách. Năm 2023, xã đã tặng quà tết cho 796 hộ gia đình khó khăn, gia đình chính sách với tổng số tiền 513 triệu đồng; tiếp nhận và xét duyệt hồ sơ để được hưởng trợ cấp hàng tháng cho các đối tượng theo quy định; tiếp nhận và cấp phát lương, phụ cấp đầy đủ cho các đối tượng, đảm bảo đúng nguyên tắc, chế độ của Nhà nước. Triển khai kế hoạch giảm nghèo năm 2023 cho các ban, ngành, đoàn thể giúp đỡ các hộ nghèo thoát nghèo, tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều năm 2023 giảm còn 47 hộ, bằng 1,45%.

Chính sách lao động, việc làm, giảm nghèo bền vững thường xuyên được quan tâm, nhất là người dân có đất thu hồi cho phát triển đô thị. Trong năm đã giải quyết được 199 lao động có việc làm mới, trong đó xuất khẩu lao động 24 người; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 76,5%, trong đó lao động có chứng chỉ nghề, bằng nghề đạt 60,8%; tỷ lệ lao động phi nông nghiệp chiếm 78,47% trong cơ cấu lao động của xã.

7. Quốc phòng, an ninh

7.1. Công tác quốc phòng: Duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu. Thực hiện tốt nhiệm vụ quốc phòng - quân sự địa phương. Lực lượng dự bị động viên được đăng ký, quản lý chặt chẽ theo quy định. Tổ chức tốt việc động viên huấn luyện, diễn tập. Hàng năm hoàn thành tốt chỉ tiêu tuyển quân, tuyển sinh quân sự được giao và chính sách hậu phương quân đội.

7.2. An ninh, trật tự: Tình hình an ninh, trật tự trên địa bàn xã luôn được giữ vững ổn định. Công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội, bảo đảm trật tự an toàn giao thông, phòng chống cháy nổ... được quan tâm chỉ đạo, tổ chức triển khai hiệu quả. Tội phạm về trật tự xã hội được kiểm chế và giảm so với năm 2022. Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, phổ biến pháp luật, các phương thức, thủ đoạn hoạt động của các loại tội phạm để nhân dân nắm được, nâng cao ý thức cảnh giác trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội. Thường xuyên quan tâm chỉ đạo xây dựng, duy trì hoạt động các mô hình tổ chức quần chúng làm nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự ở cơ sở góp phần tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến đông đảo quần chúng nhân dân.

8. Tổ chức bộ máy biên chế, cán bộ, công chức hệ thống chính trị

8.1. Hội đồng nhân dân: Có 24 đại biểu HĐND xã nhiệm kỳ 2021-2026. Trình độ chuyên môn: đại học là 16 người, chiếm 66,7%; trung cấp là 02 người, chiếm 8,3%. Trình độ lý luận chính trị: trung cấp là 15 người, chiếm 62,50%; sơ cấp 05 người, chiếm 20,83%.

8.2. Cán bộ, công chức: Có 20 người (gồm 11 cán bộ và 9 công chức). Trình độ chuyên môn: đại học là 19 người, chiếm 95%. Trình độ lý luận chính trị: trung cấp là 19 người, chiếm 95%; sơ cấp 01 người, chiếm 5%.

8.3. Người hoạt động không chuyên trách: 12 người.

8.4. Công an xã: Bố trí 100% Công an xã là Công an xã chính quy, tổng số có 05 người (01 Trưởng Công an và 01 Phó trưởng Công an, 03 công an viên).

9. Đánh giá tiêu chuẩn thành lập phường thuộc thị xã

Căn cứ các tiêu chí, tiêu chuẩn được quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 và Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, UBND tỉnh Hà Nam đánh giá 4 tiêu chuẩn thành lập phường của xã Đồng Hóa, gồm:

9.1. Tiêu chuẩn 1: Quy mô dân số

- Quy định từ 5.000 người trở lên.

- Hiện trạng: Quy mô dân số xã Đồng Hóa tính đến 31/12/2023 là 11.755 người, trong đó, dân số thường trú là 11.755 người, dân số tạm trú quy đổi là 0 người.

Đánh giá: Đạt.

9.2. Tiêu chuẩn 2: Diện tích tự nhiên

- Quy định từ 5,5 km² trở lên.

- Hiện trạng: xã Đồng Hóa có 9,09 km² diện tích tự nhiên.

Đánh giá: Đạt.

9.3. Tiêu chuẩn 3: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

- Tiêu chí 1. Cân đối thu, chi ngân sách:

Quy định cân đối thu đủ chi.

Hiện trạng: Thu ngân sách trên địa bàn xã Đồng Hóa năm 2023 đạt 59,89 tỷ đồng, chi ngân sách đạt 59,89 tỷ đồng. Cân đối đủ.

Đánh giá: **Đạt**.

- Tiêu chí 2. Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều bình quân 3 năm:

Quy định đạt bình quân 3 năm (2021 - 2023) của huyện Kim Bảng là 1,88% (năm 2021 là 1,31%; năm 2022 là 2,5%; năm 2023 là 1,82%).

Hiện trạng: Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều bình quân 3 năm (2021 - 2023) của xã Đồng Hóa là 1,85% (năm 2021 là 1,91%; năm 2022 là 2,21%; năm 2023 là 1,45%).

Đánh giá: **Đạt**.

- Tiêu chí 3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp:

Quy định từ 70% trở lên.

Hiện trạng: Tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Đồng Hóa là 5.021 người. Trong đó, lao động nông nghiệp là 1.081 người, chiếm 21,53%; lao động phi nông nghiệp là 3.940 người, chiếm 78,47%.

Đánh giá: **Đạt**.

9.4. Tiêu chuẩn 4: Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn	Hiện trạng	Đánh giá
1	Trạm Y tế	Công trình	01 công trình theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế	01	Đạt
2	Cơ sở hạ tầng thương mại (chợ, cửa hàng dịch vụ trung tâm, siêu thị và trung tâm mua bán, trao đổi hàng hóa)	Công trình	02 công trình theo quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch XD	01	Không đạt
3	Cơ sở giáo dục	%	100% công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, THCS) đạt quy mô tối thiểu của các công trình giáo dục hoặc đạt 100% tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 của Bộ giáo dục và đào tạo	100	Đạt
4	Đất công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu	m ² /người	≥ 1,8	2,51	Đạt

	<i>học, trung học cơ sở)</i> bình quân đầu người				
5	Đất công trình văn hóa, thể dục thể thao (<i>sân chơi, sân luyện tập và các công trình trung tâm văn hóa thể thao</i>) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 1,0	2,12	Đạt
6	Cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người	kwh/người/năm	≥ 400	557	Đạt
7	Đất giao thông (<i>tính đến đường giao thông cấp khu vực, cấp nội bộ và công trình giao thông</i>) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 5	21,34	Đạt
8	Tỷ lệ đường được chiếu sáng (<i>tính đến đường cấp khu vực, cấp nội bộ</i>)	%	≥ 90	96,7	Đạt
9	Đất cây xanh sử dụng công cộng (<i>đất công viên, vườn hoa, sân chơi cấp đơn vị ở</i>) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 2	2,07	Đạt
10	Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	%	≥ 80	100	Đạt
11	Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả	%	Đáp ứng tiêu chuẩn tương ứng của xã nông thôn mới nâng cao trở lên	55	Đạt
12	Mật độ đường công thoát nước chính	Km/km ²	≥ 2,5	15,41	Đạt
13	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	≥ 80	94,5	Đạt

Xã Đồng Hóa đạt 12/13 tiêu chuẩn (quy định đạt từ 10/13 tiêu chuẩn trở lên) về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đối với khu vực dự kiến thành lập phường theo quy định của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 (sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15). Ngày, Bộ Xây dựng đã có Quyết định số/QĐ-BXD công nhận khu vực dự kiến thành lập phường thuộc thị xã Kim Bảng, tỉnh Hà Nam đạt tiêu chuẩn trình độ phát triển cơ sở hạ

tầng đô thị loại IV đối với thị trấn Quế, thị trấn Ba Sao và các xã thuộc khu vực dự kiến nội thị của thị xã Kim Bảng (có hồ sơ kèm theo).

Như vậy, phường Đồng Hóa dự kiến thành lập thuộc thị xã Kim Bảng đạt 4/4 tiêu chuẩn theo quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 và Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15.

VI. HIỆN TRẠNG XÃ NGỌC SƠN

1. Lịch sử hình thành

Thời kỳ Pháp thuộc, huyện Kim Bảng có 61 xã, chia thành 8 tổng; cách mạng tháng 8 thành công, các xã nhỏ gộp lại thành 14 xã. Thời gian này, địa bàn Ngọc Sơn gồm 4 xã nhỏ, gồm: Phương Khê, Mã Nỗ, Danh Xá, Thụy Xuyên.

Tháng 3/1946, xã Ngọc Sơn được thành lập trên cơ sở 4 xã Phương Khê, Mã Nỗ, Danh Xá, Thụy Xuyên và có 14 xóm.

Năm 1956, nhập xóm Quế Lâm để thành lập xóm 15 thuộc xã Ngọc Sơn.

Tháng 4/1986, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định thành lập thị trấn Quế trên cơ sở cắt xóm 10, 11, 15 và một phần xóm 9 của xã Ngọc Sơn; đến năm 2010, Ngọc Sơn có 4 thôn và 10 xóm.

2. Vị trí địa lý và địa giới hành chính

2.1. Vị trí địa lý

Xã Ngọc Sơn nằm về phía tả ngạn sông Đáy, thuộc vùng trung tâm huyện Kim Bảng, cách thị trấn Quế khoảng 1 km; cách thành phố Phủ Lý khoảng 5 km và cách Hà Nội khoảng 50 km. Xã có Quốc lộ 21B chạy qua với chiều dài khoảng 2,5 km và tỉnh lộ 711 dài khoảng 1,5 km cùng với hệ thống giao thông liên xã, giao thông đường thủy phát triển, là điều kiện thuận lợi cho việc giao thương trao đổi hàng hóa, phát triển kinh tế - xã hội của huyện với các địa phương trong huyện và tỉnh Hà Nam.

2.2. Địa giới hành chính

- Đông giáp xã Đồng Hóa và thị trấn Quế.
- Tây giáp xã Khả Phong, Thụy Lôi và Liên Sơn;
- Nam giáp các xã Liên Sơn, Thi Sơn;
- Bắc giáp các xã Thụy Lôi và Đồng Hòa.

3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

3.1. Tổng diện tích đất tự nhiên của xã Ngọc Sơn là 6,03 km².

3.2. Cơ cấu các loại đất:

- Đất nông nghiệp là 3,78 km².
- Đất phi nông nghiệp là 2,19 km².
- Đất chưa sử dụng 0,52 km².

4. Dân số, lao động

4.1. Xã Ngọc Sơn có 6.272 người. Trong đó:

- Dân số thường trú là 6.271 người.
- Dân số tạm trú quy đổi là 01 người.
- Mật độ dân số 1.040 người/km².

Thành phần dân cư chủ yếu là người Kinh.

4.2. Tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Ngọc Sơn là 4.101 người. Trong đó:

- Lao động nông nghiệp là 972 người, chiếm 23,70%;
- Lao động phi nông nghiệp là 3.129 người, chiếm 76,30%.

4.3. Xã Ngọc Sơn có 04 thôn, gồm: Mã Nảo, Phương Khê, Đanh Xá, Thụy Xuyên.

5. Hiện trạng phát triển kinh tế

5.1. Về phát triển kinh tế

Tổng giá trị sản xuất năm 2023 (theo giá so sánh 2010) đạt 677,97 tỷ đồng. Trong đó: Giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng đạt 495,72 tỷ đồng; thương mại - dịch vụ đạt 104,35 tỷ đồng; nông, lâm nghiệp đạt 77,90 tỷ đồng. Cơ cấu kinh tế chuyên dịch đúng hướng, trong đó công nghiệp - xây dựng chiếm 73,12%; thương mại - dịch vụ chiếm 15,39%; nông, lâm, ngư nghiệp chiếm 11,49% trong cơ cấu kinh tế của xã.

5.2. Phát triển ngành, lĩnh vực

- Công nghiệp - xây dựng: Giá trị sản xuất (giá so sánh 2010) năm 2023 đạt 495,72 tỷ đồng. Xã thường xuyên quan tâm tạo mọi điều kiện thuận lợi, khuyến khích doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể mở rộng sản xuất, kinh doanh và giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho nhân dân. Hàng năm, xã đều trích quỹ khuyến công để mở các lớp đào tạo nghề, chủ động liên hệ với các doanh nghiệp, kết nối giới thiệu việc làm cho người dân lao động. Toàn xã có 8 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, tạo việc làm cho hơn 387 lao động trong xã, thu nhập bình quân 7 - 9 triệu đồng/người/tháng; 45 hộ cá thể phát triển tiểu thủ công nghiệp; các sản phẩm chủ yếu như thêu ren, mộc dân dụng; trên 1.100 lao động làm việc ở khu công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp trong và ngoài xã với thu nhập từ 6 - 8 triệu đồng/người/tháng. Duy trì phát triển làng có nghề Phương Khê, Mã Nảo với 65 hộ thêu ren, thợ nề.

- Thương mại - dịch vụ: Giá trị sản xuất (giá so sánh 2010) năm 2023 đạt 104,35 tỷ đồng. Thương mại, dịch vụ phát triển, xã có đường Quốc lộ 21B đi qua tạo thuận lợi cho vận chuyển nông sản hàng hóa và phát triển kinh doanh dịch vụ. Toàn xã có 164 hộ kinh doanh buôn bán vừa và nhỏ; 9 công ty đóng trên địa bàn xã chủ yếu là khai thác, vận chuyển, buôn bán vật liệu xây dựng, chế biến gỗ... Các hoạt động dịch vụ về điện, nước sinh hoạt, thông tin tuyên truyền cơ bản đáp ứng nhu cầu sản xuất và đời sống xã hội.

- Nông - lâm nghiệp, thủy sản: Giá trị sản xuất (giá so sánh 2010) năm 2023 đạt 77,90 tỷ đồng. Ngành nông nghiệp của xã đã tích cực tiếp thu, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất; chuyển dịch mạnh cơ cấu cây trồng theo hướng hàng hóa. Triển khai có hiệu quả các mô hình trong nông nghiệp; diện tích cây lúa năm 2023 đạt 444,7 ha, năng suất đạt 124,7 tạ/ha, sản lượng đạt 2.765 tấn. Xã duy trì mô hình cánh đồng mẫu diện tích 36 ha tại thôn Mã Nãi, liên kết bao tiêu sản phẩm được 100 tấn (vụ xuân), giá trị 580 triệu đồng. Diện tích cây màu 134,5 ha với các loại cây trồng chủ yếu: Dưa bao tử, ngô, bí, khoai lang,...

Chăn nuôi, thủy sản được chú trọng phát triển theo hướng nâng cao giá trị gắn với bảo vệ môi trường. Tổng đàn lợn 2.045 con, đàn trâu 43con, đàn bò 360 con, đàn Dê 750 con, gia cầm 73.000 con; sản lượng thịt hơi các loại 902 tấn; sản lượng cá tôm 308 tấn.

5.3. Thu chi ngân sách, công tác tài chính

Lãnh đạo, quản lý và khai thác tốt các nguồn thu ngân sách. Thực hiện tốt nguyên tắc tài chính thu - chi theo Luật ngân sách và thực hiện tốt quy chế dân chủ về thu nộp, đóng góp của nhân dân, cân đối nguồn thu để chi cho đầu tư xây dựng cơ bản. Tổng thu ngân sách trên địa bàn xã đạt 53,55 tỷ đồng; tổng chi ngân sách đạt 53,55 tỷ đồng, trong đó chi thường xuyên là 7,52 tỷ đồng.

5.4. Thu nhập bình quân đầu người năm 2023 đạt 73 triệu đồng. Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều trên địa bàn xã năm 2023 giảm còn 1,65%; bình quân giai đoạn 2021 - 2023 là 1,80%, thấp hơn bình quân 3 năm (2021-2023) của huyện Kim Bảng là 1,88%.

6. Hiện trạng văn hóa, xã hội

6.1. Về giáo dục

Sự nghiệp giáo dục của xã có bước phát triển; chất lượng dạy và học ngày càng được nâng lên. Duy trì phổ cập giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở, đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; tỷ lệ huy động trẻ đến lớp mẫu giáo đạt 100%, tỷ lệ trẻ ra nhà trẻ 60%; thi tuyển vào trường THPT bình quân đạt 93% số học sinh tốt nghiệp. Công tác xã hội hóa đầu tư xây dựng trường lớp học, trang thiết bị dạy học được đẩy mạnh, xây dựng phòng học kiên cố, nâng cao chất lượng trường đạt chuẩn quốc gia, đến nay 3/3 trường được công nhận trường chuẩn quốc gia, trường Tiểu học và trường THCS đạt chuẩn mức độ 2.

6.2. Công tác y tế

Công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế, chất lượng đội ngũ cán bộ y tế xã được nâng lên; 100% thôn có nhân viên y tế; hoạt động của Hội đồng y được củng cố, phục vụ tốt công tác khám chữa bệnh bằng y học cổ truyền. Thực hiện tốt công tác giám sát phòng chống dịch bệnh, không để dịch bệnh lớn xảy ra trên địa bàn xã; tăng cường phối hợp thanh tra, kiểm tra, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Quan tâm nâng cao chất lượng tiêu chí quốc gia về y tế xã. Tích cực tuyên truyền lòng

ghép công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình.

Năm 2023, đã khám 4.795 lượt người; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể cân nặng xuống còn 8,4%, chiều cao theo độ tuổi 11,6%; tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 93,5%.

6.3. Công tác văn hóa, thông tin, thể dục thể thao

Công tác thông tin tuyên truyền được đổi mới nội dung và hình thức, kịp thời cổ động, tuyên truyền kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước, các nhiệm vụ chính trị trọng tâm. Hoạt động đội văn nghệ quần chúng, các câu lạc bộ hát dân ca được duy trì, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa của nhân dân. Hệ thống thư viện, tủ sách, báo trong các trường học, các thôn đã phục vụ tốt nhu cầu người đọc. Quản lý chặt chẽ nhà văn hóa thôn sau sáp nhập, là nơi sinh hoạt của các hội, đoàn thể, cộng đồng dân cư. Công tác tổ chức và quản lý lễ hội được thực hiện nghiêm túc, các lễ hội được tổ chức theo đúng quy định, đáp ứng tốt nhu cầu sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng của nhân dân.

Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” luôn được quan tâm thực hiện và được sự ủng hộ nhiệt tình của nhân dân các tổ dân phố. Năm 2023, tỷ lệ hộ gia đình văn hóa đạt 91,5%; tỷ lệ thôn văn hóa 100%; số gia đình tham gia thể dục thể thao đạt 26,5%, số người tham gia thường xuyên đạt 34,5%.

Công tác vệ sinh môi trường được quan tâm lãnh đạo; tập trung tuyên truyền, vận động cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân phân loại, xử lý rác thải ngay tại hộ gia đình. Tỷ lệ dân cư được sử dụng nước sạch và hợp vệ sinh đạt 100%, tỷ lệ rác thải được thu gom đạt 96,80%.

6.4. Thực hiện các chính sách xã hội, lao động việc làm

Các chính sách đối với người có công, an sinh xã hội được thực hiện đầy đủ, kịp thời. Năm 2023, thăm hỏi, tặng quà cho các đối tượng chính sách, hộ nghèo trong dịp lễ, dịp tết với 1.826 lượt đối tượng, trị giá 655,2 triệu đồng.

Công tác dạy nghề, giải quyết việc làm, giảm nghèo bền vững thường xuyên được quan tâm. Năm 2023, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 76,30%; số lao động có việc làm mới là 175 người; số lao động xuất khẩu là 13 người; tỷ lệ lao động phi nông nghiệp đạt 76,30%; tổng số hộ nghèo toàn xã hiện nay là 30 hộ, chiếm tỷ lệ 1,65%.

7. Quốc phòng, an ninh

7.1. Công tác quốc phòng: Duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu. Quán triệt sâu sắc và thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết, Chỉ thị của Đảng, Nhà nước về thực hiện nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ tổ quốc trong tình hình mới. Tổ chức tốt việc động viên huấn luyện, diễn tập. Hoàn thành chỉ tiêu giao quân năm 2023 với 11 thanh niên lên đường nhập ngũ, đạt 100% chỉ tiêu trên giao.

7.2. An ninh, trật tự: Tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện nhiệm vụ đảm bảo giữ vững an ninh chính trị, an ninh nông thôn, an ninh tôn giáo, an ninh tư tưởng, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng hệ thống chính trị. Thường xuyên củng cố, nâng cao chất lượng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; thực hiện chương trình quốc gia về phòng chống tội phạm; phối hợp với công an cấp trên triệt xóa các tệ nạn xã hội, các vi phạm Luật giao thông. Năm 2023, xử phạt vi phạm hành chính 06 trường hợp thu nộp ngân sách 13,6 triệu đồng; thực hiện tổng rà soát kiểm tra về tăng cường công tác phòng cháy chữa cháy tại khu dân cư, hộ gia đình, nhà để ở kết hợp sản xuất kinh doanh trên địa bàn, ký cam kết đạt 100%.

8. Tổ chức bộ máy biên chế, cán bộ, công chức hệ thống chính trị

8.1. Hội đồng nhân dân: Có 22 đại biểu HĐND xã nhiệm kỳ 2021-2026. Trình độ chuyên môn: thạc sỹ 01 người, chiếm 4,55%; đại học là 10 người, chiếm 45,45%; cao đẳng là 01 người, chiếm 4,55%; trung cấp là 03 người, chiếm 13,64%. Trình độ lý luận chính trị: trung cấp là 11 người, chiếm 50%; sơ cấp 06 người, chiếm 27,27%

8.2. Cán bộ, công chức: Có 19 người (10 cán bộ, 9 công chức). Trình độ chuyên môn: đại học là 18 người, chiếm 94,74%. Trình độ lý luận chính trị trung cấp là 19 người, chiếm 100%.

8.3. Người hoạt động không chuyên trách: Có 08 người.

8.4. Công an xã: Bố trí 100% Công an xã là Công an xã chính quy. Tổng số có 5 người, gồm: 01 Trưởng Công an; 01 Phó trưởng Công an; 03 công an viên.

9. Đánh giá tiêu chuẩn thành lập phường thuộc thị xã

Căn cứ các tiêu chí, tiêu chuẩn được quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 và Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; UBND tỉnh Hà Nam đánh giá 4 tiêu chuẩn thành lập phường của xã Ngọc Sơn, gồm:

9.1. Tiêu chuẩn 1: Quy mô dân số

- Quy định từ 5.000 người trở lên.

- Hiện trạng: Quy mô dân xã Ngọc Sơn tính đến 31/12/2023 là 6.272 người, trong đó, dân số thường trú là 6.271 người, dân số tạm trú quy đổi là 01 người.

Đánh giá: Đạt.

9.2. Tiêu chuẩn 2: Diện tích tự nhiên

- Quy định từ 5,5 km² trở lên.

- Hiện trạng: xã Ngọc Sơn có 6,03 km² diện tích tự nhiên.

Đánh giá: Đạt.

9.3. Tiêu chuẩn 3: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

- Tiêu chí 1. Cân đối thu, chi ngân sách:

Quy định cân đối thu đủ chi.

Hiện trạng: Thu ngân sách trên địa bàn xã Ngọc Sơn năm 2023 đạt 53,55 tỷ đồng, chi ngân sách đạt 53,55 tỷ đồng. Cân đối đủ.

Đánh giá: **Đạt.**

- Tiêu chí 2. Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều bình quân 3 năm:

Quy định đạt bình quân 3 năm (2021 - 2023) của huyện Kim Bảng là 1,88% (năm 2021 là 1,31%; năm 2022 là 2,5%; năm 2023 là 1,82%).

Hiện trạng: Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều bình quân 3 năm (2021 - 2023) của xã Ngọc Sơn là 1,80% (năm 2021 là 1,35%; năm 2022 là 2,41%; năm 2023 là 1,65%).

Đánh giá: **Đạt.**

- Tiêu chí 3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp:

Quy định từ 70% trở lên.

Hiện trạng: Tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Ngọc Sơn là 4.101 người. Trong đó, lao động nông nghiệp là 972 người, chiếm 23,70%; lao động phi nông nghiệp là 3.129 người, chiếm 76,30%.

Đánh giá: **Đạt.**

9.4. Tiêu chuẩn 4: Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị.

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn	Hiện trạng	Đánh giá
1	Trạm Y tế	Công trình	01 công trình theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế	01	Đạt
2	Cơ sở hạ tầng thương mại (<i>chợ, cửa hàng dịch vụ trung tâm, siêu thị và trung tâm mua bán, trao đổi hàng hóa</i>)	Công trình	02 công trình theo quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch XD	0	Không đạt
3	Cơ sở giáo dục	%	100% công trình giáo dục (<i>trường mầm non, tiểu học, THCS</i>) đạt quy mô tối thiểu của các công trình giáo dục hoặc đạt 100% tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 của Bộ giáo dục và đào tạo	100	Đạt
4	Đất công trình giáo dục (<i>trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở</i>) bình quân	m ² /người	≥ 1,8	2,85	Đạt

	đầu người				
5	Đất công trình văn hóa, thể dục thể thao (<i>sân chơi, sân luyện tập và các công trình trung tâm văn hóa thể thao</i>) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 1,0	5,01	Đạt
6	Cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người	kwh/người/năm	≥ 400	748	Đạt
7	Đất giao thông (<i>tính đến đường giao thông cấp khu vực, cấp nội bộ và công trình giao thông</i>) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 5	33,83	Đạt
8	Tỷ lệ đường được chiếu sáng (<i>tính đến đường cấp khu vực, cấp nội bộ</i>)	%	≥ 90	90,66	Đạt
9	Đất cây xanh sử dụng công cộng (đất công viên, vườn hoa, sân chơi cấp đơn vị ở) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 2	1,79	Không đạt
10	Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	%	≥ 80	100	Đạt
11	Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả	%	Đáp ứng tiêu chuẩn tương ứng của xã nông thôn mới nâng cao trở lên	62	Đạt
12	Mật độ đường cống thoát nước chính	Km/km ²	≥ 2,5	19,11	Đạt
13	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	≥ 80	96,8	Đạt

Xã Ngọc Sơn đạt 11/13 tiêu chuẩn (quy định đạt từ 10/13 tiêu chuẩn trở lên) về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đối với khu vực dự kiến thành lập phường theo quy định của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 (sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15). Ngày, Bộ Xây dựng đã có Quyết định số/QĐ-BXD công nhận khu vực dự kiến thành lập phường

thuộc thị xã Kim Bảng, tỉnh Hà Nam đạt tiêu chuẩn trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị loại IV đối với thị trấn Quế, thị trấn Ba Sao và các xã thuộc khu vực dự kiến nội thị của thị xã Kim Bảng (có hồ sơ kèm theo).

Như vậy, phường Ngọc Sơn dự kiến thành lập thuộc thị xã Kim Bảng đạt 4/4 tiêu chuẩn theo quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 và Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15.

VII. HIỆN TRẠNG XÃ ĐẠI CƯƠNG

1. Lịch sử hình thành

Trước cách mạng tháng 8 năm 1945, huyện Kim Bảng được chia thành 8 tổng, địa bàn xã Đại Cương thuộc tổng Phương Đàn gồm 8 xã, 2 thôn; sau Cách mạng tháng 8 năm 1945, cấp tổng bị bãi bỏ, 8 xã thuộc tổng Phương Đàn thuộc huyện Kim Bảng, các xã thuộc tổng Phương Đàn trước đó được sáp nhập với nhau thành các xã lớn hơn, trong đó có xã Đại Cương được thành lập trên cơ sở 3 xã, 01 thôn thuộc tổng Phương Đàn cũ là Tùng Quan, Thịnh Đại, Dương Cương và Nông Vụ; các xã, và thôn này trở thành 4 thôn của xã Đại Cương.

Tháng 4/1977, huyện Kim Bảng sáp nhập với thị xã Phủ Lý và huyện Thanh Liêm thành huyện Kim Thanh, xã Đại Cương trực thuộc huyện Kim Thanh.

Tháng 6/1982, huyện Kim Bảng được tái lập, xã Đại Cương là một trong 20 xã của huyện Kim Bảng và ổn định cho đến ngày nay.

2. Vị trí địa lý và địa giới hành chính

2.1. Vị trí địa lý

Xã Đại Cương nằm ở phía Bắc huyện Kim Bảng; địa bàn xã có Quốc lộ 38 đi qua kết nối huyện Kim Bảng với Khu Công nghiệp Đồng Văn, cách cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình khoảng 5 km, cách thành phố Phủ Lý khoảng 20 km, phía Bắc giáp huyện Phú Xuyên thành phố Hà Nội.

2.2. Địa giới hành chính

- Đông giáp xã Nhật Tựu và thị xã Duy Tiên;
- Tây giáp xã Lê Hồ;
- Nam giáp các xã Đồng Hóa, Nhật Tân;
- Bắc giáp xã Đại Cương và huyện Phú Xuyên (thành phố Hà Nội).

3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

3.1. Tổng diện tích đất tự nhiên của xã Đại Cương là 5,69 km².

3.2. Cơ cấu các loại đất:

- Đất nông nghiệp 1,97 km².
- Đất phi nông nghiệp 3,72 km².
- Đất chưa sử dụng 0,007 km².

4. Dân số, lao động

4.1. Xã Đại Cương có 8.824 người. Trong đó:

- Dân số thường trú là 8.299 người.
- Dân số tạm trú quy đổi là 525 người.
- Mật độ dân số 1.551 người/km².

Thành phần dân cư chủ yếu là người Kinh.

4.2. Tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Đại Cương là 5.556 người. Trong đó:

- Lao động nông nghiệp là 995 người, chiếm 17,91%.
- Lao động phi nông nghiệp là 4.561 người, chiếm 82,09%.

4.3. Xã Đại Cương có 04 thôn: Nông Vụ, Dương Cương, Thịnh Đại, Tùng Quan.

5. Hiện trạng phát triển kinh tế

5.1. Về phát triển kinh tế

Là một trong những xã phát triển của huyện Kim Bảng, có Khu Công nghiệp Đồng Văn IV - là KCN lớn nhất của tỉnh Hà Nam nằm trên địa bàn các xã Đại Cương, Nhật Tân, Nhật Tựu của huyện Kim Bảng; vị trí giao thông đặc địa khi nằm ngay trên Quốc lộ 38, dễ dàng kết nối với đường Quốc lộ 1 đi Hà Nội, đi Hải Phòng thông qua cao tốc Hà Nội - Hải Phòng tạo thuận lợi cho phát triển kinh tế của xã Đại Cương.

Tổng giá trị sản xuất trên địa bàn (theo giá so sánh năm 2010) năm 2023 đạt 14.164,10 tỷ đồng. Trong đó, giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng đạt 13.957 tỷ đồng; giá trị thương mại - dịch vụ đạt 141,40 tỷ đồng; giá trị sản xuất nông - lâm nghiệp, thủy sản đạt 75,70 tỷ đồng.

5.2. Phát triển ngành, lĩnh vực

- Công nghiệp - xây dựng: Giá trị sản xuất (giá so sánh 2010) năm 2023 đạt 13.947 tỷ đồng. Các sản phẩm chủ yếu là: Giường tủ bàn ghế 1.500, gỗ sồi các loại 4,800 m³, sen hoa sắt 2.700 m², cửa xếp sắt 2,700 m², cửa nhôm kính 70.000 m², đồ trang sức mỹ ký 752 nghìn sản phẩm, gạch không nung 935.000 viên, quần áo may sẵn 1,11 triệu sản phẩm.

Toàn xã có 17 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, trên 200 gia đình phát triển nghề tiểu thủ công nghiệp, thu hút 3.220 lao động có thu nhập ổn định mức lương từ 6 - 8 triệu đồng/người/tháng. Duy trì và phát triển làng có nghề thôn Thịnh Đại với 150 hộ; trên 2.500 lao động làm việc ở khu Công nghiệp Đồng Văn và các khu công nghiệp khác có thu nhập từ 7 - 8 triệu đồng/người/tháng.

- Thương mại - dịch vụ: Giá trị sản xuất (giá so sánh 2010) năm 2023 đạt 141,40 tỷ đồng. Địa bàn có 629 phòng trọ, có 46 cửa hàng kinh doanh dịch vụ ăn uống; 265 cửa hàng kinh doanh các mặt hàng.

- Nông - lâm nghiệp, thủy sản: Giá trị sản xuất (giá so sánh 2010) năm 2023 đạt 75,70 tỷ đồng.

Về trồng trọt, xã đã tập trung đẩy mạnh công nghiệp hóa nông nghiệp, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, tập trung thực hiện mô hình cánh đồng mẫu. Diện tích gieo cấy 319,9 ha, năng suất đạt 122,6 tạ, sản lượng 1.958,7 tấn; tổng sản lượng có hạt là 1.958,7 tấn, cánh đồng 180 triệu đồng/ha.

Chăn nuôi được duy trì, chăn nuôi tập trung, giảm dần chăn nuôi nhỏ lẻ trong khu dân cư; sản lượng thịt hơi xuất chuồng ước đạt 780 tấn đạt 82,8 % KH năm so với cùng kỳ đạt 104,0 %; công tác phòng chống dịch bệnh trên gia súc gia cầm được triển khai, không phát sinh dịch bệnh trên địa bàn xã.

5.3. Thu chi ngân sách, công tác tài chính

Công tác thu ngân sách được tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo quản lý và khai thác tốt các nguồn thu, chống thất thu. Chi ngân sách bảo đảm công khai, minh bạch, đúng chế độ, đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Năm 2023, tổng thu ngân sách trên địa bàn xã đạt 50,92 tỷ đồng; tổng chi ngân sách đạt 50,92 tỷ đồng, trong đó chi thường xuyên là 8,50 tỷ đồng.

5.4. Thu nhập bình quân đầu người đạt 75 triệu đồng vào năm 2023. Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều trên địa bàn xã năm 2023 giảm còn 40 hộ, bằng 1,56%; bình quân giai đoạn 2021 - 2023 là 1,82%, thấp hơn bình quân 3 năm (2021 - 2023) của huyện Kim Bảng là 1,88%.

6. Hiện trạng văn hóa, xã hội

6.1. Về giáo dục

Sự nghiệp giáo dục của xã có bước phát triển, chất lượng dạy và học ngày càng được nâng lên. Duy trì phổ cập giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở, đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, tỷ lệ huy động trẻ đến lớp mẫu giáo đạt 100%; giữ vững các tiêu chuẩn phổ cập giáo dục Tiểu học, xóa mù chữ và phổ cập giáo dục THCS. Làm tốt công tác khuyến học khuyến tài, xây dựng xã hội học tập, nâng cao chất lượng giáo dục, đẩy mạnh công tác giáo dục hướng nghiệp, phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018 - 2025. Kết quả học sinh thi đỗ vào lớp 10 THPT đạt 64,4%; tỷ lệ học sinh học lực giỏi, khá bậc trung học phổ thông 65%; tỷ lệ xếp loại giáo dục học sinh tiểu học hoàn thành lớp học đạt 99,6%.

Công tác xã hội hóa đầu tư xây dựng trường lớp học, trang thiết bị dạy học được đẩy mạnh, xây dựng phòng học kiên cố, nâng cao chất lượng trường đạt chuẩn quốc gia, đến nay 3/3 trường được công nhận trường chuẩn quốc gia.

6.2. Về công tác y tế

Công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế, chất lượng đội ngũ cán bộ y tế xã được nâng lên, 100% thôn có nhân viên y tế, hoạt động của Hội đồng y được củng cố, phục vụ tốt công tác khám chữa bệnh bằng y học cổ truyền. Năm 2023, xã đã khám chữa bệnh cho

4.920 lượt người; tổ chức tiêm phòng bệnh truyền nhiễm đầy đủ cho trẻ dưới một tuổi và tiêm phòng uốn ván cho 100% bà mẹ có thai; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng cân nặng theo tuổi còn 8,0% và chiều cao theo tuổi còn 19,8%; tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 87,8%.

Công tác vệ sinh môi trường được quan tâm lãnh đạo, tập trung tuyên truyền, vận động cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân phân loại, xử lý rác thải ngay tại hộ gia đình. Tỷ lệ dân cư được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 100%, trong đó tỷ lệ dân cư được sử dụng nước sạch đạt 94,2%; tỷ lệ rác thải được thu gom đạt 96,5%.

6.3. Công tác văn hóa, thông tin, thể dục thể thao

Công tác thông tin tuyên truyền được đổi mới nội dung và hình thức, kịp thời cổ động, tuyên truyền kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước, các nhiệm vụ chính trị trọng tâm. Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư" gắn với cuộc vận động "*Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*", có 90,7% gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa, 75% thôn được công nhận giữ vững danh hiệu thôn văn hóa. Hoạt động của các câu lạc bộ hát dân ca được duy trì, đáp ứng nhu cầu thưởng thức văn hóa của nhân dân. Hệ thống thư viện, tủ sách, báo trong các trường học, các thôn đã phục vụ tốt nhu cầu người đọc. Quản lý chặt chẽ nhà văn hóa thôn sau sáp nhập và phục vụ nhu cầu sinh hoạt của các hội, đoàn thể, cộng đồng dân cư. Công tác tổ chức và quản lý lễ hội được thực hiện nghiêm túc, các lễ hội được tổ chức theo đúng quy định, đáp ứng tốt nhu cầu sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng của nhân dân. Thực hiện tốt nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội, tỷ lệ hỏa táng đạt 53,1%.

Phong trào thể dục thể thao toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại phát triển rộng khắp trong khu dân cư, tỷ lệ người dân thường xuyên luyện tập thể dục thể thao đạt 34% dân số, 26% gia đình tập thể dục thể thao thường xuyên, 8/10 nhà văn hóa thôn có sân luyện tập thể dục thể thao.

6.4. Thực hiện các chính sách xã hội, lao động việc làm

Các chính sách đối với người có công, an sinh xã hội được thực hiện đầy đủ, kịp thời. Trong dịp tết Quý Mão đã tổ chức tặng quà người có công, người nghèo, người cao tuổi... với 2.159 suất quà, trị giá 626,3 triệu đồng; xét duyệt chế độ BTXH cho 09 đối tượng người khuyết tật, 19 người cao tuổi trên 80 tuổi không hưởng chế độ BTXH, giải quyết chế độ mai táng phí cho 27 đối tượng NCC và BTXH.

Công tác dạy nghề, giải quyết việc làm, giảm nghèo bền vững thường xuyên được quan tâm. Năm 2023, giải quyết việc làm mới bình quân 226 lao động/năm, trong đó xuất khẩu lao động 20 lao động; Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 76,5%, trong đó có chứng chỉ, bằng cấp đạt 60,8%

Thực hiện tốt các mô hình giảm nghèo bền vững, tạo việc làm, tăng thu nhập, ổn định cuộc sống cho nhân dân, hạn chế tái nghèo. Đến nay, địa bàn xã còn 40/2.560 hộ, tỷ lệ 1,56%.

7. Quốc phòng, an ninh

7.1. Công tác quốc phòng: Đã duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu. Thực hiện tốt nhiệm vụ quốc phòng - quân sự địa phương. Lực lượng dự bị động viên được đăng ký, quản lý chặt chẽ theo quy định. Tổ chức tốt việc động viên huấn luyện, diễn tập. Hằng năm hoàn thành tốt chỉ tiêu tuyển quân, tuyển sinh quân sự được giao và chính sách hậu phương quân đội. Năm 2023, xã đã tổ chức giao quân đảm bảo đủ chỉ tiêu, an toàn, đúng luật được 24 công dân, vượt chỉ tiêu 4 công dân; đăng ký NVQS lần đầu cho nam công dân đủ 17 tuổi là 61/63 nam công dân trong độ tuổi đạt 96,8%.

7.2. An ninh, trật tự: Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn cơ bản vẫn giữ được ổn định. Lực lượng Công an xã tăng cường tuần tra vũ trang, tuần tra nhân dân nhằm phòng ngừa tội phạm và giải quyết ngay từ đầu các vụ việc phức tạp từ cơ sở. Thường xuyên tổ chức gọi hỏi, răn đe, ký cam kết không vi phạm pháp luật đối với các đối tượng trong diện quản lý. Các vụ việc xảy ra trên địa bàn đều được lực lượng Công an xã phối hợp với Công an huyện xác minh, làm rõ và xử lý theo quy định của pháp luật. Vận động nhân dân chấp hành tốt các quy định của pháp luật về đền bù, giải phóng mặt bằng. Tổ chức tốt việc tiếp nhận khai báo, đăng ký, quản lý cư trú trên địa bàn đảm bảo đúng quy định; thường xuyên kiểm tra các cơ sở kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự. Năm 2023 trên địa bàn xã xảy ra 16 vụ việc. Trong đó có 02 vụ mua bán trái phép chất ma túy, 02 vụ tàng trữ trái phép chất ma túy, 01 vụ trộm cắp tài sản, 01 vụ lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, 04 vụ trộm cắp tài sản; giải quyết 04 vụ TNGT làm 02 người chết, 02 người bị thương.

8. Tổ chức bộ máy biên chế, cán bộ, công chức hệ thống chính trị

8.1. Hội đồng nhân dân: Có 26 đại biểu HĐND xã nhiệm kỳ 2021-2026. Trình độ chuyên môn: thạc sĩ là 01 người, chiếm 3,85%; đại học là 11 người, chiếm 42,31%; trung cấp là 03 người, chiếm 11,54%; cao đẳng 01 người, chiếm 3,85%; sơ cấp là 03 người, chiếm 11,54%. Trình độ lý luận chính trị: cao cấp là 01 người, chiếm 3,85%; trung cấp là 10 người, chiếm 38,46%; sơ cấp 07 người, chiếm 26,92%

8.2. Cán bộ, công chức: Có 20 người (gồm cán bộ 11, 09 công chức). Trình độ chuyên môn: thạc sĩ là 01 người, chiếm 5%; đại học là 19 người, chiếm 95%. Trình độ lý luận chính trị: cao cấp là 01 người, chiếm 5%; trung cấp là 19 người, chiếm 95%.

8.3. Người hoạt động không chuyên trách: Có 8 người.

8.4. Công an xã: Bố trí 100% Công an xã là Công an xã chính quy, tổng số có 05 người (01 Trưởng công an, 01 Phó Công an, 03 công an viên).

9. Đánh giá tiêu chuẩn thành lập phường thuộc thị xã

Căn cứ các tiêu chí, tiêu chuẩn được quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 và Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15

ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; UBND tỉnh Hà Nam đánh giá 4 tiêu chuẩn thành lập phường của xã Đại Cương, gồm:

9.1. Tiêu chuẩn 1: Quy mô dân số

- Quy định từ 5.000 người trở lên.

- Hiện trạng: Quy mô dân số xã Đại Cương tính đến 31/12/2023 là 8.824 người, trong đó, dân số thường trú là 8.299 người, dân số tạm trú quy đổi là 525 người.

Đánh giá: Đạt.

9.2. Tiêu chuẩn 2: Diện tích tự nhiên

- Quy định từ 5,5km² trở lên.

- Hiện trạng: xã Đại Cương có 5,69 km² diện tích tự nhiên.

Đánh giá: Đạt.

9.3. Tiêu chuẩn 3: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

- Tiêu chí 1. Cân đối thu, chi ngân sách:

Quy định cân đối thu đủ chi.

Hiện trạng: Thu ngân sách trên địa bàn xã Đại Cương năm 2023 đạt 50,92 tỷ đồng, chi ngân sách đạt 50,92 tỷ đồng. Cân đối đủ.

Đánh giá: Đạt.

- Tiêu chí 2. Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều bình quân 3 năm:

Quy định đạt bình quân 3 năm (2021 - 2023) của huyện Kim Bảng là 1,88% (năm 2021 là 1,31%; năm 2022 là 2,5%; năm 2023 là 1,82%).

Hiện trạng: Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều bình quân 3 năm (2021 - 2023) của xã Đại Cương là 1,82% (năm 2021 là 0,94%; năm 2022 là 2,95%; năm 2023 là 1,56%).

Đánh giá: Đạt.

- Tiêu chí 3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp:

Quy định từ 70% trở lên.

Hiện trạng: Tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Đại Cương là 5.556 người. Trong đó, lao động nông nghiệp là 995 người, chiếm 17,91%; lao động phi nông nghiệp là 4.561 người, chiếm 82,09%.

Đánh giá: Đạt.

9.4. Tiêu chuẩn 4: Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị.

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn	Hiện trạng	Đánh giá
1	Trạm Y tế	Công trình	01 công trình theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế	01	Đạt

2	Cơ sở hạ tầng thương mại (<i>chợ, cửa hàng dịch vụ trung tâm, siêu thị và trung tâm mua bán, trao đổi hàng hóa</i>)	Công trình	02 công trình theo quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch XD	02	Đạt
3	Cơ sở giáo dục	%	100% công trình giáo dục (<i>trường mầm non, tiểu học, THCS</i>) đạt quy mô tối thiểu của các công trình giáo dục hoặc đạt 100% tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 của Bộ giáo dục và đào tạo	100	Đạt
4	Đất công trình giáo dục (<i>trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở</i>) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 1,8	3,94	Đạt
5	Đất công trình văn hóa, thể dục thể thao (<i>sân chơi, sân luyện tập và các công trình trung tâm văn hóa thể thao</i>) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 1,0	0,47	Không đạt
6	Cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người	kwh/người/năm	≥ 400	677	Đạt
7	Đất giao thông (<i>tính đến đường giao thông cấp khu vực, cấp nội bộ và công trình giao thông</i>) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 5	22,04	Đạt
8	Tỷ lệ đường được chiếu sáng (<i>tính đến đường cấp khu vực, cấp nội bộ</i>)	%	≥ 90	100	Đạt
9	Đất cây xanh sử dụng công cộng (<i>đất công viên, vườn hoa, sân chơi cấp đơn vị ở</i>) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 2	2,67	Đạt
10	Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch	%	≥ 80	100	Đạt

	qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh				
11	Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả	%	Đáp ứng tiêu chuẩn tương ứng của xã nông thôn mới nâng cao trở lên	56	Đạt
12	Mật độ đường cống thoát nước chính	Km/km ²	≥ 2,5	11,02	Đạt
13	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	≥ 80	95,5	Đạt

Xã Đại Cường đạt 12/13 tiêu chuẩn (quy định đạt từ 10/13 tiêu chuẩn trở lên) về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đối với khu vực dự kiến thành lập phường theo quy định của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 (sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15). Ngày, Bộ Xây dựng đã có Quyết định số/QĐ-BXD công nhận khu vực dự kiến thành lập phường thuộc thị xã Kim Bảng, tỉnh Hà Nam đạt tiêu chuẩn trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị loại IV đối với thị trấn Quế, thị trấn Ba Sao và các xã thuộc khu vực dự kiến nội thị của thị xã Kim Bảng (có hồ sơ kèm theo).

Như vậy, phường Đại Cường dự kiến thành lập thuộc thị xã Kim Bảng đạt 4/4 tiêu chuẩn theo quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 và Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15.

VIII. HIỆN TRẠNG XÃ LÊ HỒ

1. Lịch sử hình thành

Xa xưa, Lê Hồ chỉ là một xóm nhỏ có tên là Đường Giang; đến năm 1472 đổi tên là Hương Đàn xã.

Khi Pháp xâm lược nước ta, chúng sáp nhập Hương Đàn với các làng khác gọi là tổng Phương Đàn, gồm 10 xã trong đó có Phương Đàn.

Cách mạng tháng 8 thành công, các xã nhỏ thuộc tổng Phương Đàn sáp nhập thành xã Lê Hồ; năm 1951 một số thôn của xã Lê Hồ (Tùng Quang, Dương Cương, Thịnh Đại, Nông Vụ) chuyển về xã Đại Cường; năm 1960, sáp nhập thôn Đại Phú xã Thụy Lôi về xã Lê Hồ. Theo đó, xã Lê Hồ có 05 thôn, gồm: Phương Đàn, Phương Thượng, An Đông, Đồng Thái và Đại Phú.

2. Vị trí địa lý và địa giới hành chính

2.1. Vị trí địa lý

Xã Lê Hồ nằm ở phía Tây Bắc của huyện Kim Bảng, cách trung tâm thị trấn Quế khoảng 7 km; nằm trên Quốc lộ 38, liền kề với Khu Công nghiệp Đồng Văn 4,... nên có vị trí chiến lược rất quan trọng.

2.2. Địa giới hành chính

- Đông giáp các xã Đại Cường, Đồng Hóa;
- Tây giáp xã Tượng Lĩnh;
- Nam giáp các xã Tân Sơn, Đồng Hóa;
- Bắc giáp xã Nguyễn Úy và thành phố Hà Nội.

3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

3.1. Tổng diện tích đất tự nhiên của xã Lê Hồ là 7,49 km².

3.2. Cơ cấu sử dụng đất

- Đất nông nghiệp 5,29 km².
- Đất phi nông nghiệp 2,19 km².
- Đất chưa sử dụng 0,003 km².

4. Dân số, lao động

4.1. Xã Lê Hồ có 10.162 người. Trong đó:

- Dân số thường trú là 10.162 người.
- Dân số tạm trú quy đổi là 0 người.
- Mật độ dân số 1.359 người/km².

Thành phần dân cư chủ yếu là người Kinh.

4.2. Tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Lê Hồ là 6.928 người. Trong đó:

- Lao động nông nghiệp là 1.236 người, chiếm 17,84%.
- Lao động phi nông nghiệp là 5.692 người, chiếm 82,16%.

4.3. Xã Lê Hồ có 06 thôn: Phương Thượng 1, Phương Thượng 2, Đại Phú, Phương Đàn, An Đông, Đồng Thái.

5. Hiện trạng phát triển kinh tế

5.1. Về phát triển kinh tế

Năm 2023, giá trị sản xuất CN - TTCN tăng bình quân hàng năm 17,3%. Tổng giá trị sản xuất trên địa bàn (theo giá so sánh năm 2010) đạt 330,40 tỷ đồng. Trong đó, giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng đạt 30,40 tỷ đồng; giá trị dịch vụ - thương mại đạt 300 tỷ đồng; giá trị sản xuất nông - lâm, thủy sản tăng 3% so với năm 2022.

5.2. Phát triển ngành, lĩnh vực

- Công nghiệp - xây dựng: Giá trị sản xuất (giá so sánh 2010) năm 2023 đạt 51,78 tỷ đồng. Trong năm, xã đã triển khai thực hiện các giải pháp phát triển công nghiệp, tiêu thủ công nghiệp, ngành nghề nông thôn; tạo mọi điều kiện thuận lợi, khuyến khích doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể mở rộng sản xuất,

kinh doanh và giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho nhân dân. Đến nay, toàn xã có 19 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; trên 230 gia đình phát triển nghề tiểu thủ công nghiệp; các sản phẩm chủ yếu như: mỹ ký, mộc dân dụng, cơ khí, vật liệu xây dựng,... thu hút hàng ngàn lao động làm việc với thu nhập ổn định 7 - 8 triệu đồng/người/tháng. Duy trì và phát triển làng nghề thôn Phương Thượng với khoảng 200 hộ theo ren. Ngoài ra, xã có trên 2.500 lao động làm việc ở khu Công nghiệp Đồng Văn và các khu công nghiệp khác có thu nhập từ 7 - 9 triệu đồng/người/tháng.

- Thương mại - dịch vụ: Giá trị sản xuất (giá so sánh 2010) năm 2023 đạt 93,78 tỷ đồng. Hoạt động thương mại, dịch vụ phát triển, đa dạng các dịch vụ cung ứng giống cây trồng, thức ăn chăn nuôi, phân bón, thuốc trừ sâu, các mặt hàng tiêu dùng, vật liệu xây dựng,... Tổng số hộ cá thể, doanh nghiệp tham gia kinh doanh thương mại, dịch vụ 220 hộ, trong đó hộ kinh doanh vật liệu xây dựng 03 hộ, 15 hộ hàng ăn, 172 hộ hàng tiêu dùng, 06 hộ phân bón, thuốc trừ sâu. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và kinh doanh dịch vụ tăng bình quân 18%/năm. Các hoạt động dịch vụ về điện, nước sinh hoạt, thông tin tuyên truyền cơ bản đáp ứng nhu cầu sản xuất và đời sống xã hội. Hết năm 2023, tỷ lệ dân cư sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh đạt 98,6%, trong đó tỷ lệ dân cư sử dụng nước sạch đạt 91,2%.

- Nông - lâm nghiệp, thủy sản: Giá trị sản xuất (giá so sánh 2010) đạt 83,44 tỷ đồng, nông nghiệp tăng bình quân 3%. Thực hiện chương trình “Đẩy mạnh công nghiệp hóa nông nghiệp, phát triển các mô hình sản xuất, tiếp thu các tiến bộ khoa học kỹ thuật, nâng cao giá trị sản xuất; xây dựng nông thôn mới. Tích cực tiếp thu, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất; chuyển dịch mạnh cơ cấu cây trồng theo hướng hàng hóa; đẩy mạnh công nghiệp hóa nông nghiệp, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, quan tâm thực hiện mô hình cánh đồng mẫu. Tổng diện tích gieo cấy năm 2023 đạt 819 ha, năng suất 125 tạ/ha, sản lượng đạt 5.112,5 tấn.

Chăn nuôi được duy trì ổn định, tăng quy mô trang trại, chăn nuôi tập trung, giảm dần chăn nuôi nhỏ lẻ trong khu dân cư. Tổng đàn lợn được duy trì 6.100 con, trâu 23 con, bò 330 con, gia cầm 111.000 con, sản lượng thịt hơi xuất chuồng đạt 1.974 tấn, sản lượng thủy sản đạt 385 tấn.

5.3. Thu chi ngân sách, công tác tài chính

Công tác thu, chi ngân sách được quan tâm lãnh đạo thực hiện, đảm bảo đúng luật. Quản lý chặt chẽ các nguồn thu, đảm bảo thu đúng, thu đủ đạt và vượt kế hoạch huyện giao.

Năm 2023, tổng thu ngân sách trên địa bàn xã đạt 14,25 tỷ đồng; tổng chi ngân sách đạt 14,25 tỷ đồng, trong đó chi thường xuyên là 10,18 tỷ đồng.

5.4. Thu nhập bình quân đầu người năm 2023 đạt 78,02 triệu đồng. Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều trên địa bàn xã năm 2023 giảm còn 56 hộ, bằng 2,11%; bình quân giai đoạn 2021 - 2023 là 1,86%, thấp hơn bình quân 3 năm (2021 - 2023) của huyện Kim Bảng là 1,88%.

6. Hiện trạng văn hóa, xã hội

6.1. Về giáo dục

Sự nghiệp giáo dục của xã có bước phát triển; chất lượng dạy và học ngày càng được nâng lên. Duy trì phổ cập giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở, đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; tỷ lệ huy động trẻ đến lớp mẫu giáo đạt 100%; thi tuyển vào trường THPT bình quân đạt 97% số học sinh tốt nghiệp (cao hơn nhiệm kỳ trước 11%). Tỷ lệ trẻ 5 tuổi tới lớp đạt 100%. Tiểu học tỷ lệ học sinh hoàn thành nhiệm vụ học tập đạt 100%. THCS khối lớp 9, xếp loại học lực giỏi đạt 12,4%, khá 49,59%, trung bình 36,36%, yếu 1,65%. Tham gia các kỳ thi cấp trung ương, cấp tỉnh, trên mạng Internet đạt kết quả tốt, gồm 05 học sinh đạt giải cấp quốc gia; 05 giáo viên và 7 học sinh đạt giải cấp tỉnh.

Công tác xã hội hóa đầu tư xây dựng trường lớp học, trang thiết bị dạy học được đẩy mạnh, xây dựng phòng học kiên cố, nâng cao chất lượng trường đạt chuẩn quốc gia, đến nay 3/3 trường được công nhận trường chuẩn quốc gia.

6.2. Công tác y tế

Công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế, chất lượng đội ngũ cán bộ y tế xã được nâng lên; 100% thôn có nhân viên y tế. Năm 2023, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 95%; tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng theo thể cân nặng 8%; theo chiều cao 16,4%. Thực hiện tốt công tác giám sát phòng chống dịch bệnh, không để dịch bệnh lớn xảy ra trên địa bàn xã; tăng cường phối hợp thanh tra, kiểm tra, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Quan tâm nâng cao chất lượng tiêu chí quốc gia về y tế xã.

6.3. Công tác văn hóa, thông tin, thể dục thể thao

Công tác thông tin tuyên truyền được đổi mới nội dung và hình thức, kịp thời cổ động, tuyên truyền kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước, các nhiệm vụ chính trị trọng tâm. Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư" gắn với cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh"; có 92% gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa, 100% thôn được công nhận giữ vững danh hiệu thôn văn hóa. Hoạt động đội văn nghệ quần chúng, các câu lạc bộ hát dân ca được duy trì, đáp ứng nhu cầu thưởng thức văn hóa của nhân dân. Quản lý chặt chẽ nhà văn hóa thôn sau sáp nhập, là nơi sinh hoạt của các hội, đoàn thể, cộng đồng dân cư.

Phong trào thể dục thể thao toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại phát triển rộng khắp trong khu dân cư, tỷ lệ người dân thường xuyên luyện tập thể dục thể thao đạt 27,5% dân số; 35% gia đình tập thể dục thể thao thường xuyên; 100% nhà văn hóa thôn có sân luyện tập thể dục thể thao.

6.4. Thực hiện các chính sách xã hội, lao động việc làm

Quan tâm, giải quyết tốt các chính sách người có công, chính sách an sinh xã hội, đảm bảo chi trả kịp thời, đúng, đủ các chế độ cho các đối tượng. Huy động sự tham gia của các tổ chức, đoàn thể và cá nhân nhằm từng bước xã hội hóa công tác

người có công, phát động sâu rộng phong trào “Đền ơn đáp nghĩa” bằng những việc làm thiết thực, hiệu quả.

Công tác dạy nghề, giải quyết việc làm, giảm nghèo bền vững thường xuyên được quan tâm. Năm 2023, giải quyết việc làm mới bình quân 299 lao động, trong đó xuất khẩu lao động 20 lao động. Thực hiện tốt các mô hình giảm nghèo bền vững, tạo việc làm, tăng thu nhập, ổn định cuộc sống cho nhân dân, hạn chế tái nghèo; toàn xã hiện có 56/2.659 hộ nghèo, tỷ lệ 2,11%.

7. Quốc phòng, an ninh

7.1. Công tác quốc phòng: Duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu; tăng cường công tác tuyên truyền thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương, tạo chuyển biến tích cực về nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và nhân dân trong xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân; thực hiện tốt nhiệm vụ quốc phòng - quân sự địa phương. Hàng năm hoàn thành tốt chỉ tiêu tuyển quân, tuyển sinh quân sự được giao và chính sách hậu phương quân đội. Năm 2023, giao đủ 25/25 tân binh; giới thiệu việc làm cho 15 quân nhân xuất ngũ trở về địa phương; đăng ký tuổi 17 cho 64/64 thanh niên, đạt 100%.

7.2. An ninh, trật tự: Tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện nhiệm vụ đảm bảo giữ vững an ninh chính trị, an ninh nông thôn, an ninh tôn giáo, an ninh tư tưởng, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng hệ thống chính trị. Thường xuyên củng cố, nâng cao chất lượng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; thực hiện chương trình quốc gia về phòng chống tội phạm; đặc biệt là bảo đảm an ninh, trật tự trên địa bàn xã trong Tuần Văn hóa Việt Nam - Nhật Bản tại khu du lịch Tam Chúc.

8. Tổ chức bộ máy biên chế, cán bộ, công chức hệ thống chính trị

8.1. Hội đồng nhân dân: Có 23 đại biểu HĐND xã nhiệm kỳ 2021-2026. Trình độ chuyên môn: đại học là 14 người, chiếm 60,87%; cao đẳng là 02 người, chiếm 8,7%. Trình độ lý luận chính trị: trung cấp là 13 người, chiếm 56,52%; sơ cấp 03 người, chiếm 13,04%.

8.2. Cán bộ, công chức: Có 19 người (cán bộ 10 người, công chức 09 người). Trình độ chuyên môn: đại học là 19 người, chiếm 100%. Trình độ lý luận chính trị: trung cấp là 18 người, chiếm 94,74%; sơ cấp 01 người, chiếm 5,26%.

8.3. Người hoạt động không chuyên trách: 12 người.

8.4. Công an xã: Hiện trạng bố trí Công an xã chính quy, tổng số có 06 người, gồm: 01 Trưởng Công an, 01 Phó trưởng Công an, 04 công an viên.

9. Đánh giá tiêu chuẩn thành lập phường thuộc thị xã

Căn cứ các tiêu chí, tiêu chuẩn được quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 và Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, UBND tỉnh Hà Nam đánh giá 4 tiêu chuẩn thành lập phường của xã Lê Hồ, gồm:

9.1. Tiêu chuẩn 1: Quy mô dân số

- Quy định từ 5.000 người trở lên.

- Hiện trạng: Quy mô dân số xã Lê Hồ tính đến 31/12/2023 là 10.162 người, trong đó dân số thường trú là 10.162 người, dân số tạm trú quy đổi là 0 người.

Đánh giá: Đạt.

9.2. Tiêu chuẩn 2: Diện tích tự nhiên

- Quy định từ 5,5 km² trở lên.

- Hiện trạng: xã Lê Hồ có 7,49 km² diện tích tự nhiên.

Đánh giá: Đạt.

9.3. Tiêu chuẩn 3: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

- Tiêu chí 1. Cân đối thu, chi ngân sách:

Quy định cân đối thu đủ chi.

Hiện trạng: Thu ngân sách trên địa bàn xã Lê Hồ năm 2023 đạt 14,25 tỷ đồng, chi ngân sách đạt 14,25 tỷ đồng. Cân đối đủ.

Đánh giá: Đạt.

- Tiêu chí 2. Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều bình quân 3 năm:

Quy định đạt bình quân 3 năm (2021 - 2023) của huyện Kim Bảng là 1,88% (năm 2021 là 1,31%; năm 2022 là 2,5%; năm 2023 là 1,82%).

Hiện trạng: Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều bình quân 3 năm (2021 - 2023) của xã Lê Hồ là 1,86% (năm 2021 là 1,28%; năm 2022 là 2,18%; năm 2023 là 2,11%).

Đánh giá: Đạt.

- Tiêu chí 3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp:

Quy định từ 70% trở lên.

Hiện trạng: Tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Lê Hồ là 6.928 người. Trong đó, lao động nông nghiệp là 1.236 người, chiếm 17,84%; lao động phi nông nghiệp là 5.692 người, chiếm 82,16%.

Đánh giá: Đạt.

9.4. Tiêu chuẩn 4: Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị.

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn	Hiện trạng	Đánh giá
1	Trạm Y tế	Công trình	01 công trình theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế	01	Đạt

2	Cơ sở hạ tầng thương mại (<i>chợ, cửa hàng dịch vụ trung tâm, siêu thị và trung tâm mua bán, trao đổi hàng hóa</i>)	Công trình	02 công trình theo quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch XD	0	Không đạt
3	Cơ sở giáo dục	%	100% công trình giáo dục (<i>trường mầm non, tiểu học, THCS</i>) đạt quy mô tối thiểu của các công trình giáo dục hoặc đạt 100% tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 của Bộ giáo dục và đào tạo	100	Đạt
4	Đất công trình giáo dục (<i>trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở</i>) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 1,8	2,28	Đạt
5	Đất công trình văn hóa, thể dục thể thao (<i>sân chơi, sân luyện tập và các công trình trung tâm văn hóa thể thao</i>) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 1,0	2,36	Đạt
6	Cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người	kwh/người/năm	≥ 400	678	Đạt
7	Đất giao thông (<i>tính đến đường giao thông cấp khu vực, cấp nội bộ và công trình giao thông</i>) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 5	9,97	Đạt
8	Tỷ lệ đường được chiếu sáng (<i>tính đến đường cấp khu vực, cấp nội bộ</i>)	%	≥ 90	97,63	Đạt
9	Đất cây xanh sử dụng công cộng (<i>đất công viên, vườn hoa, sân chơi cấp đơn vị ở</i>) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 2	0,28	Không đạt
10	Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng	%	≥ 80	100	Đạt

	nguồn nước hợp vệ sinh				
11	Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả	%	Đáp ứng tiêu chuẩn tương ứng của xã nông thôn mới nâng cao trở lên	52,52	Đạt
12	Mật độ đường công thoát nước chính	Km/km ²	≥ 2,5	5,95	Đạt
13	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	≥ 80	95,3	Đạt

Xã Lê Hồ đạt 11/13 tiêu chuẩn (quy định đạt từ 10/13 tiêu chuẩn trở lên) về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đối với khu vực dự kiến thành lập phường theo quy định của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 (sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15). Ngày, Bộ Xây dựng đã có Quyết định số/QĐ-BXD công nhận khu vực dự kiến thành lập phường thuộc thị xã Kim Bảng, tỉnh Hà Nam đạt tiêu chuẩn trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị loại IV đối với thị trấn Quế, thị trấn Ba Sao và các xã thuộc khu vực dự kiến nội thị của thị xã Kim Bảng (có hồ sơ kèm theo).

Như vậy, phường Lê Hồ dự kiến thành lập thuộc thị xã Kim Bảng đạt 4/4 tiêu chuẩn theo quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 và Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15.

IX. HIỆN TRẠNG XÃ TÂN SON

1. Lịch sử hình thành

Trong lịch sử, vùng đất Tân Sơn qua nhiều lần điều chỉnh, thay đổi về địa giới hành chính, chia tách, sáp nhập.

Trước cách mạng tháng 8 năm 1945, các thôn Thụy Sơn, ấp Thọ Cầu, Hồi Trại, Thụy Trại thuộc tổng Thụy Lợi; sau cách mạng tháng 8, xã Thụy Lợi được thành lập, các thôn Tân Lang, Đồng Bung, Đại Phú thuộc tổng Phù Lưu và tổng Phương Đàn được cắt về xã Thụy Lợi, ấp Thọ Cầu được cắt về xã Tượng Lĩnh.

Năm 1956, thành lập xã Tân Sơn trên cơ sở cắt thôn Đại Phú của xã Thụy Lợi và một phần xã Lê Hồ. Theo đó, xã Tân Sơn có 05 thôn, gồm: Thụy Sơn, Hồi Trại, Thụy Trại, Tân Lang, Đồng Bung.

Năm 1977, cắt thôn Vĩnh Sơn thuộc xã Tượng Lĩnh về xã Tân Sơn. Đến nay, xã Tân Sơn có 06 thôn.

2. Vị trí địa lý và địa giới hành chính

2.1. Vị trí địa lý

Tân Sơn là xã nằm ở phía Tây của huyện Kim Bảng; địa bàn xã được bao bọc bởi dãy Bát Cảnh Sơn, sông Đáy và Quốc lộ 21B; cách trung tâm huyện Kim Bảng khoảng 10 km. Theo Quốc lộ 21B kết nối xã Tân Sơn với trung tâm huyện Mỹ Đức (Hà Nội) và chùa Hương, gần Quốc lộ 38, kết nối xã với Khu

Công nghiệp Đồng Văn 4,... nên địa bàn xã thuận lợi trong việc giao thương trao đổi hàng hóa lớn.

2.2. Địa giới hành chính

- Đông giáp xã Đồng Hóa;
- Tây giáp thành phố Hà Nội;
- Nam giáp các xã Thụy Lôi, Khả Phong và thị trấn Ba Sao;
- Bắc giáp xã Tượng Lĩnh và xã Lê Hồ.

3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

3.1. Tổng diện tích đất tự nhiên của xã Tân Sơn là 10,34 km².

3.2. Cơ cấu các loại đất.

- Đất nông nghiệp 4,99 km².
- Đất phi nông nghiệp 5,15 km².
- Đất chưa sử dụng 0,2 km².

4. Dân số, lao động

4.1. Xã Tân Sơn có 11.407 người. Trong đó:

- Dân số thường trú là 11.407 người.
- Dân số tạm trú quy đổi là 0 người.
- Mật độ dân số 1.103 người/km².

Thành phần dân cư chủ yếu là người Kinh.

4.2. Tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Tân Sơn là 6.171 người. Trong đó:

- Lao động nông nghiệp là 1.475 người, chiếm 23,90%;
- Lao động phi nông nghiệp là 4.696 người, chiếm 76,10%.

4.3. Xã Tân Sơn có 06 thôn: Thụy Sơn 1, Thụy Sơn 2, Thụy Hồi Trại, Vĩnh Sơn, Tân Lang, Đồng Tân.

5. Hiện trạng phát triển kinh tế

5.1. Về phát triển kinh tế

Năm 2023, tổng giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng đạt 225,82 tỷ đồng; giá trị sản xuất nông nghiệp và thủy sản tăng 2%.

5.2. Phát triển ngành, lĩnh vực

- Công nghiệp - xây dựng: Giá trị sản xuất (giá so sánh 2010) năm 2023 đạt 250,26 tỷ đồng. Địa bàn xã hiện có 09 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; trên 345 gia đình phát triển nghề tiểu thủ công nghiệp; các sản phẩm chủ yếu như: mỹ ký, mộc dân dụng, cơ khí, vật liệu xây dựng,... giải quyết việc làm cho 1.040 lao động có thu nhập ổn định, mức

lượng thu nhập bình quân từ 5 - 7 triệu đồng/người/tháng. Công tác đào tạo nghề, giới thiệu việc làm, chuyển dịch cơ cấu lao động được tăng cường. Đến nay, xã đã xác nhận, giới thiệu cho trên 1.000 lao động làm việc ở khu Công nghiệp Đồng Văn và các khu công nghiệp khác có thu nhập từ 7 - 9 triệu đồng/người/tháng.

- Thương mại - dịch vụ: Giá trị sản xuất (giá so sánh 2010) năm 2023 đạt 109 tỷ đồng. Hoạt động thương mại, dịch vụ phát triển, đa dạng các dịch vụ cung ứng giống cây trồng, thức ăn chăn nuôi, phân bón, thuốc trừ sâu, các mặt hàng tiêu dùng, vật liệu xây dựng,... Tổng số hộ cá thể, doanh nghiệp tham gia kinh doanh thương mại, dịch vụ 212 hộ, trong đó hộ kinh doanh vật liệu xây dựng 20 hộ, 16 hộ hàng ăn, 162 hộ hàng tiêu dùng, 14 hộ kinh doanh vật tư nông nghiệp. Các hoạt động dịch vụ về điện, nước sinh hoạt, thông tin tuyên truyền cơ bản đáp ứng nhu cầu sản xuất và đời sống xã hội. Phối hợp với cơ quan chức năng thường xuyên kiểm tra, kiểm soát chất lượng hàng hóa, đảm bảo quyền lợi người tiêu dùng.

- Nông - lâm nghiệp, thủy sản: Giá trị sản xuất (giá so sánh 2010) năm 2023 đạt 83,30 tỷ đồng, tăng 2%. Tổng diện tích gieo trồng là 443,4 ha; diện tích cây màu đã trồng 248 ha; lương thực bình quân đầu người đạt 330,7 kg; mở rộng diện tích cánh đồng cho thu nhập giá trị cao/ha canh tác; duy trì xây dựng cánh đồng mẫu diện tích 30 ha tại thôn Thụy Sơn 1 và Thụy Sơn 2; mô hình sản xuất nông sản sạch tại thôn Vĩnh Sơn với diện tích 5 ha.

Triển khai thực hiện tốt công tác phòng chống dịch bệnh cho đàn gia súc, gia cầm, không để dịch bệnh phát sinh, tổ chức kiểm kê - tiêm phòng vụ xuân, vụ mùa và tiêm bổ sung vắc xin hàng tháng cho đàn lợn, đàn trâu, bò đảm bảo đạt trên 100% kế hoạch. Việc duy trì tổng đàn gia súc, gia cầm (nhất là đàn lợn) đã có chiều hướng phát triển ổn định trở lại, do tình hình dịch bệnh đã được kiểm soát, giá cả ổn định.

Duy trì thực hiện dự án phát triển khoanh nuôi, bảo vệ rừng tự nhiên 111,25 ha. Phát động trồng cây nhân dân dịp đầu xuân 2023 với kết quả trồng 15.000 cây các loại.

5.3. Thu chi ngân sách, công tác tài chính

Công tác thu ngân sách được tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo quản lý và khai thác tốt các nguồn thu, chống thất thu. Chi ngân sách bảo đảm công khai, minh bạch, đúng chế độ, đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Năm 2023, tổng thu ngân sách nhà nước đạt 84,74 tỷ đồng; tổng chi ngân sách đạt 84,74 tỷ đồng, trong đó chi thường xuyên là 10,42 tỷ đồng.

5.4. Thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn xã năm 2023 đạt 70,30 triệu đồng. Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều trên địa bàn năm 2023 giảm còn 43 hộ, bằng 1,43%; bình quân giai đoạn 2021-2023 là 1,86%, thấp hơn bình quân 3 năm (2021-2023) của huyện Kim Bảng là 1,88%.

6. Hiện trạng văn hóa, xã hội

6.1. Về giáo dục

Sự nghiệp giáo dục của xã có bước phát triển; chất lượng dạy và học ngày càng được nâng lên. Duy trì phổ cập giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở, đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi. Chất lượng giáo dục đại trà năm học 2022 - 2023 ở cả 3 cấp học tiếp tục được nâng lên. Tỷ lệ xếp loại học sinh THCS học lực giỏi, khá đạt 70%; giáo dục học sinh Tiểu học hoàn thành chương trình lớp học đạt 99,6%; tỷ lệ huy động trẻ em dưới 3 tuổi đến lớp 54,2%; huy động trẻ em từ 3 - 5 tuổi ra lớp đạt 100%.

Công tác xã hội hóa đầu tư xây dựng trường lớp học, trang thiết bị dạy học được đẩy mạnh, xây dựng phòng học kiên cố, nâng cao chất lượng trường đạt chuẩn quốc gia, đến nay 3/3 trường được công nhận trường chuẩn quốc gia, trường Tiểu học đạt chuẩn mức độ 2.

6.2. Công tác y tế

Công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế, chất lượng đội ngũ cán bộ y tế xã được nâng lên; 100% thôn có nhân viên y tế. Năm 2023, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 89,7%; tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng theo thể cân nặng 8,4%; theo chiều cao 12,9% đạt và vượt chỉ tiêu đại hội. Thực hiện tốt công tác giám sát phòng chống dịch bệnh, không để dịch bệnh lớn xảy ra trên địa bàn xã; tăng cường phối hợp thanh tra, kiểm tra, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Tỷ lệ dân cư sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh đạt 98,5%, trong đó tỷ lệ dân cư sử dụng nước sạch 97%. Quan tâm nâng cao chất lượng tiêu chí quốc gia về y tế xã.

6.3. Công tác văn hóa, thông tin, thể dục thể thao

Hoạt động văn hóa, thể thao phát triển phong phú, đa dạng thông qua các câu lạc bộ của các đoàn thể, trong khu dân cư. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” luôn được quan tâm thực hiện và được sự ủng hộ nhiệt tình của nhân dân. Năm 2023, tỷ lệ gia đình văn hóa đạt 93% (đạt 102,2% KH); Tỷ lệ thôn văn hóa đạt 100%.

Phong trào thể dục thể thao toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại phát triển rộng khắp trong khu dân cư, tỷ lệ người dân thường xuyên luyện tập thể dục thể thao đạt 34% dân số; 26,5% gia đình tập thể dục thể thao thường xuyên; 100% nhà văn hóa thôn có sân luyện tập thể dục thể thao.

6.4. Thực hiện các chính sách xã hội, lao động việc làm

Quan tâm, giải quyết tốt các chính sách người có công, chính sách an sinh xã hội, đảm bảo chi trả kịp thời, đúng, đủ các chế độ cho các đối tượng. Huy động sự tham gia của các tổ chức, đoàn thể và cá nhân nhằm từng bước xã hội hóa công tác người có công, phát động sâu rộng phong trào “Đền ơn đáp nghĩa” bằng những việc làm thiết thực, hiệu quả.

Chính sách lao động, việc làm được quan tâm, nhất là người dân có đất thu hồi cho phát triển đô thị. Năm 2023, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 86,42%; số lao động có việc làm mới là 316 người; số lao động xuất khẩu là 22 người.

7. Quốc phòng, an ninh

7.1. Công tác quốc phòng: Duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu. Thực hiện tốt nhiệm vụ quốc phòng - quân sự địa phương. Tăng cường công tác tuyên truyền, tạo chuyển biến tích cực về nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và nhân dân trong xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân. Giao quân 24/24 tân binh, đạt 100% chỉ tiêu giao (trong đó: NVQS: 19, NVCA: 5); xử lý vi phạm hành chính 16 trường hợp với số tiền 176 triệu đồng; tổ chức đăng ký tuổi 17 được 73/73 nam công dân.

7.2. An ninh, trật tự: Tình hình an ninh chính trị trên địa bàn xã được duy trì ổn định. Tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện nhiệm vụ đảm bảo giữ vững an ninh chính trị, an ninh nông thôn, an ninh tôn giáo, an ninh tư tưởng, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng hệ thống chính trị. Thường xuyên củng cố, nâng cao chất lượng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; thực hiện chương trình quốc gia về phòng chống tội phạm. Năm 2023, xã đã giải quyết, xử lý 16 vụ việc; tổ chức tập huấn kiến thức về PCCC cho các hộ sản xuất, kinh doanh trên địa bàn; xử phạt vi phạm hành chính 10 trường hợp với số tiền xử phạt bằng 14,65 triệu đồng.

8. Tổ chức bộ máy biên chế, cán bộ, công chức hệ thống chính trị

8.1. Hội đồng nhân dân: Có 23 đại biểu HĐND xã nhiệm kỳ 2021 - 2026. Trình độ chuyên môn: đại học là 15 người, chiếm 65,22%; cao đẳng là 01 người, chiếm 4,35%; trung cấp là 01 người, chiếm 4,35%. Trình độ lý luận chính trị: trung cấp là 15 người, chiếm 65,22%; sơ cấp 02 người, chiếm 8,70%

8.2. Cán bộ, công chức: Có 20 người (11 cán bộ, 09 công chức). Trình độ chuyên môn: thạc sỹ là 01 người, chiếm 5%; đại học là 18 người, chiếm 90%; cao đẳng là 01 người, chiếm 5%. Trình độ lý luận chính trị: trung cấp là 19 người, chiếm 95%.

8.3. Người hoạt động không chuyên trách: 12 người.

8.4. Công an xã: Bố trí 100% Công an xã là công an chính quy, tổng số có 5 người (01 Trưởng Công an, 01 Phó trưởng Công an, 03 công an viên).

9. Đánh giá tiêu chuẩn thành lập phường thuộc thị xã

Căn cứ các tiêu chí, tiêu chuẩn được quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 và Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; UBND tỉnh Hà Nam đánh giá 4 tiêu chuẩn thành lập phường của xã Tân Sơn, gồm:

9.1. Tiêu chuẩn 1: Quy mô dân số

- Quy định từ 5.000 người trở lên.

- Hiện trạng: Quy mô dân số xã Tân Sơn tính đến 31/12/2023 là 11.407 người, trong đó, dân số thường trú là 11.407 người, dân số tạm trú quy đổi là 0 người.

Đánh giá: Đạt.

9.2. Tiêu chuẩn 2: Diện tích tự nhiên

- Quy định từ 5,5km² trở lên.

- Hiện trạng: xã Tân Sơn có 10,34 km² diện tích tự nhiên.

Đánh giá: Đạt.

9.3. Tiêu chuẩn 3: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

- Tiêu chí 1. Cân đối thu, chi ngân sách:

Quy định cân đối thu đủ chi.

Hiện trạng: Thu ngân sách trên địa bàn xã Tân Sơn năm 2023 đạt 84,74 tỷ đồng, chi ngân sách đạt 84,74 tỷ đồng. Cân đối đủ.

Đánh giá: Đạt.

- Tiêu chí 2. Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều bình quân 3 năm:

Quy định đạt bình quân 3 năm (2021 - 2023) của huyện Kim Bảng là 1,88% (năm 2021 là 1,31%; năm 2022 là 2,5%; năm 2023 là 1,82%).

Hiện trạng: Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều bình quân 3 năm (2021 - 2023) của xã Tân Sơn là 1,86% (năm 2021 là 1,95%; năm 2022 là 2,19%; năm 2023 là 1,43%).

Đánh giá: Đạt.

- Tiêu chí 3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp:

Quy định từ 70% trở lên.

Hiện trạng: Tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Tân Sơn là 6.171 người. Trong đó, lao động nông nghiệp là 1.475 người, chiếm 23,90%; lao động phi nông nghiệp là 4.696 người, chiếm 76,10%.

Đánh giá: Đạt.

9.4. Tiêu chuẩn 4: Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị.

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn	Hiện trạng	Đánh giá
1	Trạm Y tế	Công trình	01 công trình theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế	01	Đạt
2	Cơ sở hạ tầng thương mại (chợ, cửa hàng dịch vụ trung tâm, siêu thị và trung tâm mua bán, trao đổi hàng hóa)	Công trình	02 công trình theo quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch XD	02	Đạt
3	Cơ sở giáo dục	%	100% công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, THCS) đạt quy mô tối thiểu của các công trình giáo dục hoặc đạt 100% tiêu chuẩn cơ sở vật chất	100	Đạt

			mức độ 1 của Bộ giáo dục và đào tạo		
4	Đất công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 1,8	2,88	Đạt
5	Đất công trình văn hóa, thể dục thể thao (sân chơi, sân luyện tập và các công trình trung tâm văn hóa thể thao) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 1,0	3,44	Đạt
6	Cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người	kwh/người/năm	≥ 400	680	Đạt
7	Đất giao thông (tính đến đường giao thông cấp khu vực, cấp nội bộ và công trình giao thông) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 5	18,08	Đạt
8	Tỷ lệ đường được chiếu sáng (tính đến đường cấp khu vực, cấp nội bộ)	%	≥ 90	91,99	Đạt
9	Đất cây xanh sử dụng công cộng (đất công viên, vườn hoa, sân chơi cấp đơn vị ở) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 2	0,61	Không đạt
10	Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	%	≥ 80	100	Đạt
11	Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả	%	Đáp ứng tiêu chuẩn tương ứng của xã nông thôn mới nâng cao trở lên	53,64	Đạt
12	Mật độ đường công thoát nước chính	Km/km ²	≥ 2,5	16,42	Đạt
13	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	≥ 80	95,8	Đạt

Xã Tân Sơn đạt 12/13 tiêu chuẩn (quy định đạt từ 10/13 tiêu chuẩn trở lên) về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đối với khu vực dự kiến thành lập phường theo quy định của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 (sửa đổi, bổ

sung tại Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15). Ngày, Bộ Xây dựng đã có Quyết định số/QĐ-BXD công nhận khu vực dự kiến thành lập phường thuộc thị xã Kim Bảng, tỉnh Hà Nam đạt tiêu chuẩn trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị loại IV đối với thị trấn Quế, thị trấn Ba Sao và các xã thuộc khu vực dự kiến nội thị của thị xã Kim Bảng (có hồ sơ kèm theo).

Như vậy, phường Tân Sơn dự kiến thành lập thuộc thị xã Kim Bảng đạt 3/4 tiêu chuẩn theo quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 và Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15.

X. HIỆN TRẠNG XÃ NHẬT TÂN

1. Lịch sử hình thành

Sau cách mạng tháng 8 thành công, 61 xã của huyện Kim Bảng được sáp nhập thành 14 xã. Theo đó, xã Nhật Tựu được thành lập trên cơ sở nhập các xã Nhật Tào, Siêu Nghệ, Văn Bồi và Lưu Xá.

Tháng 10 năm 1955, chia xã Nhật Tựu thành 02 xã Nhật Tân và Nhật Tựu với 15 thôn và ổn định cho đến ngày nay.

Năm 2018, HĐND tỉnh Hà Nam ban hành Nghị quyết tiến hành sắp xếp, sáp nhập thôn trên địa bàn tỉnh. Theo đó, xã Nhật Tân thực hiện sắp xếp 15 thôn thành 06 thôn mới.

2. Vị trí địa lý và địa giới hành chính

2.1. Vị trí địa lý

Nhật Tân là xã nằm ở tả ngạn sông Đáy, phía Đông Nam của huyện Kim Bảng, cách thị trấn Quế khoảng 6 km và thành phố Phủ Lý khoảng hơn 10km; địa bàn xã có Tỉnh lộ 498 nối Quốc lộ 21 với Quốc lộ 38, Tỉnh lộ 498B nối Quốc lộ 21B với Quốc lộ 38,... Ngoài ra, xã còn có đình Nhật Tân là di tích lịch sử cấp quốc gia có từ thời nhà Đinh, do tướng quân Lưu Quyền xây dựng để thờ các vị tướng thời Hùng Vương.

2.2. Địa giới hành chính

- Đông giáp xã Hoàng Tây;
- Tây giáp các xã Đồng Hóa, Đại Cường;
- Nam giáp xã Văn Xá;
- Bắc giáp xã Nhật Tựu và xã Đại Cường.

3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

3.1. Tổng diện tích đất tự nhiên của xã Nhật Tân là 4,69 km².

3.2. Cơ cấu các loại đất.

- Đất nông nghiệp 2,39 km².
- Đất phi nông nghiệp 2,30 km².
- Đất chưa sử dụng 0,0003 km².

4. Dân số, lao động

4.1. Xã Nhật Tân có 12.463 người. Trong đó:

- Dân số thường trú là 12.463 người.
- Dân số tạm trú quy đổi là 0 người.
- Xã Nhật Tân có mật độ dân số lớn nhất huyện Kim Bảng (đạt 2.657 người/km²).

Thành phần dân cư chủ yếu là người Kinh.

4.2. Tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Nhật Tân là 5.450 người. Trong đó:

- Lao động nông nghiệp là 730 người, chiếm 13,39%;
- Lao động phi nông nghiệp là 4.720 người, chiếm 86,61%.

4.3. Hiện tại, xã Nhật Tân có 06 thôn: Thôn 1, Thôn 2, Thôn 3, Thôn 4, Thôn 5, Thôn 6.

5. Hiện trạng phát triển kinh tế

5.1. Về phát triển kinh tế

Năm 2023, tổng giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng đạt 823,32 tỷ đồng; giá trị sản xuất nông nghiệp và thủy sản tăng 2,3%.

5.2. Phát triển ngành, lĩnh vực

- Công nghiệp - xây dựng: Giá trị sản xuất năm 2023 đạt 823,32 tỷ đồng. Xã quan tâm thực hiện tốt chương trình phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề nông thôn; tạo mọi điều kiện thuận lợi và khuyến khích doanh nghiệp mạnh dạn đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh nhằm tạo việc làm ổn định và tăng thu nhập cho người lao động. Địa bàn xã hiện có Cụm Công nghiệp Nhật Tân với 22 doanh nghiệp và 16 hộ hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; có làng nghề Nhật Tân, Hợp Tác xã mộc dân dụng. Toàn xã có trên 1.000 hộ phát triển tiểu thủ công nghiệp, các sản phẩm chủ yếu như: mỹ ký, mộc dân dụng, cơ khí, vật liệu xây dựng,... giải quyết việc làm cho gần 3.000 lao động có thu nhập ổn định, mức lương thu nhập bình quân từ 5 - 7 triệu đồng/người/tháng. Công tác đào tạo nghề, giới thiệu việc làm, chuyển dịch cơ cấu lao động được tăng cường. Đến nay, xã đã xác nhận, giới thiệu cho trên 1.500 lao động làm việc ở khu Công nghiệp Đồng Văn và các khu công nghiệp khác có thu nhập từ 7 - 9 triệu đồng/người/tháng.

- Thương mại - dịch vụ: Giá trị sản xuất (giá so sánh 2010) năm 2023 đạt 340,30 tỷ đồng. Hoạt động thương mại, dịch vụ phát triển, đa dạng; nằm trên đường trục chính đường tỉnh 498A, 494B và đường tránh Quốc lộ 1 thuận lợi khách thăm quan Chùa Hương, chùa Tam Chúc đi qua nên xã Nhật Tân là điểm dừng chân nghỉ ngơi, ăn uống của du khách. Xã có chợ Nhật Tân với 148 kiot bán hàng, là nơi tập trung kinh doanh, buôn bán hàng hóa tấp nập của xã,... Tổng số hộ cá thể, doanh nghiệp tham gia kinh doanh thương mại, dịch vụ 429

hộ, trong đó hộ kinh doanh vật liệu xây dựng 10 hộ, 25 hộ hàng ăn, 387 hộ hàng tiêu dùng, 7 hộ kinh doanh vật tư nông nghiệp như phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, giống các loại.

- Nông - lâm nghiệp, thủy sản: Giá trị sản xuất (giá so sánh 2010) năm 2023 đạt 81,30 tỷ đồng, tăng 2,3%. Tổng diện tích gieo trồng là 295 ha, diện tích cây màu đã trồng 65 ha; năng suất bình quân 66,5 tạ/ha, sản lượng 1.941,6 tấn. Tổng đàn lợn 5.400 con, đàn trâu 120 con, bò 120 con; tổng đàn gia cầm 130.000 con; sản lượng thịt hơi đạt 1.928 tấn. Diện tích nuôi trồng mặt nước 42 ha, sản lượng cá tôm các loại đạt 220 tấn.

5.3. Thu chi ngân sách, công tác tài chính

Công tác thu ngân sách được tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo quản lý và khai thác tốt các nguồn thu, chống thất thu. Chi ngân sách bảo đảm công khai, minh bạch, đúng chế độ, đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Năm 2023, tổng thu ngân sách nhà nước đạt 34,72 tỷ đồng; tổng chi ngân sách đạt 34,72 tỷ đồng, trong đó chi thường xuyên là 7,02 tỷ đồng.

5.4. Thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn xã năm 2023 đạt 81,81 triệu đồng. Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều trên địa bàn năm 2023 giảm còn 64 hộ, bằng 1,84%; bình quân giai đoạn 2021 - 2023 là 1,82%, thấp hơn bình quân 3 năm (2021 - 2023) của huyện Kim Bảng là 1,88%.

6. Hiện trạng văn hóa, xã hội

6.1. Về giáo dục

Sự nghiệp giáo dục của xã có bước phát triển; chất lượng dạy và học ngày càng được nâng lên. Duy trì phổ cập giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở, đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi. Chất lượng giáo dục đại trà năm học 2022 - 2023 ở cả 3 cấp học tiếp tục được nâng lên.

Năm học 2022 - 2023: Trường tiểu học có tổng số học sinh là 1.107 em; trong đó, hoàn thành lớp học 99,8%, hoàn thành và phát triển phẩm chất 99,3%; kết quả đánh giá học sinh về kiến thức kỹ năng và phẩm chất, năng lực đạt 100%; thi học sinh giỏi đạt 18 giải tỉnh, 03 giải quốc gia. Trường trung học cơ sở tổng số có 750 học sinh; tỷ lệ học sinh THCS thi lên lớp đạt 99,5%; tốt nghiệp THCS đạt 100%; học sinh thi đỗ vào trường THPT đạt 69,28%.

Công tác xã hội hóa đầu tư xây dựng trường lớp học, trang thiết bị dạy học được đẩy mạnh, xây dựng phòng học kiên cố, nâng cao chất lượng trường đạt chuẩn quốc gia, đến nay xã có 2/3 trường được công nhận trường chuẩn quốc gia mức độ 2.

6.2. Công tác y tế

Công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế, chất lượng đội ngũ cán bộ y tế xã được nâng lên; 100% thôn có nhân viên y tế. Năm 2023, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 92,7%; tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng theo thể cân nặng 8,4%; theo chiều cao 20,6% đạt

và vượt chỉ tiêu đại hội. Thực hiện tốt công tác giám sát phòng chống dịch bệnh, không để dịch bệnh lớn xảy ra trên địa bàn xã; tăng cường phối hợp thanh tra, kiểm tra, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Tỷ lệ dân cư sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh đạt 100%, tỷ lệ thu gom xử lý rác thải đạt 97%.

6.3. Công tác văn hóa, thông tin, thể dục thể thao

Hoạt động văn hóa, thể thao phát triển phong phú, đa dạng thông qua các câu lạc bộ của các đoàn thể, trong khu dân cư. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” luôn được quan tâm thực hiện và được sự ủng hộ nhiệt tình của nhân dân. Năm 2023, tỷ lệ gia đình văn hóa đạt 90,5%; tỷ lệ thôn văn hóa đạt 83%.

Phong trào thể dục thể thao toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại phát triển rộng khắp trong khu dân cư, tỷ lệ người dân thường xuyên luyện tập thể dục thể thao đạt 32% dân số; 25,5% gia đình tập thể dục thể thao thường xuyên; 100% nhà văn hóa thôn có sân luyện tập thể dục thể thao.

6.4. Thực hiện các chính sách xã hội, lao động việc làm

Quan tâm, giải quyết tốt các chính sách người có công, chính sách an sinh xã hội, đảm bảo chi trả kịp thời, đúng, đủ các chế độ cho các đối tượng. Huy động sự tham gia của các tổ chức, đoàn thể và cá nhân nhằm từng bước xã hội hóa công tác người có công, phát động sâu rộng phong trào “Đền ơn đáp nghĩa” bằng những việc làm thiết thực, hiệu quả.

Chính sách lao động, việc làm được quan tâm, nhất là người dân có đất thu hồi cho phát triển đô thị. Năm 2023, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 77,1%, trong đó có chứng chỉ, bằng nghề 61,3%; số lao động có việc làm mới là 285 người; số lao động xuất khẩu là 23 người.

7. Quốc phòng, an ninh

7.1. Công tác quốc phòng: Duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu. Thực hiện tốt nhiệm vụ quốc phòng - quân sự địa phương. Tăng cường công tác tuyên truyền, tạo chuyên biến tích cực về nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và nhân dân trong xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân. Giao quân 16 tân binh, đạt 100% chỉ tiêu giao; tổ chức đăng ký tuổi 17 được 53 nam công dân.

7.2. An ninh, trật tự: Tình hình an ninh chính trị trên địa bàn xã được duy trì ổn định. Tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện nhiệm vụ đảm bảo giữ vững an ninh chính trị, an ninh nông thôn, an ninh tôn giáo, an ninh tư tưởng, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng hệ thống chính trị. Thường xuyên củng cố, nâng cao chất lượng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; thực hiện chương trình quốc gia về phòng chống tội phạm.

8. Tổ chức bộ máy biên chế, cán bộ, công chức hệ thống chính trị

8.1. Hội đồng nhân dân: Có 25 đại biểu HĐND xã nhiệm kỳ 2021-2026. Trình độ chuyên môn: đại học là 15 người, chiếm 60%; cao đẳng là 02 người,

chiếm 8%; trung cấp là 03 người, chiếm 12%. Trình độ lý luận chính trị: trung cấp là 16 người, chiếm 64%; sơ cấp 03 người, chiếm 12%

8.2. Cán bộ, công chức: Có 20 người (11 cán bộ, 09 công chức). Trình độ chuyên môn: đại học là 18 người, chiếm 90%; cao đẳng là 01 người, chiếm 5%. Trình độ lý luận chính trị: trung cấp là 19 người, chiếm 95%.

8.3. Người hoạt động không chuyên trách: 12 người.

8.4. Công an xã: Bố trí 100% Công an xã là công an chính quy, tổng số có 5 người (01 Trưởng Công an, 01 Phó trưởng Công an, 03 công an viên).

XI. HIỆN TRẠNG XÃ NHẬT TỰU

1. Lịch sử hình thành

Sau cách mạng tháng 8 thành công, 61 xã của huyện Kim Bảng được sáp nhập thành 14 xã. Theo đó, xã Nhật Tựu được thành lập trên cơ sở nhập các xã Nhật Tảo, Siêu Nghệ, Văn Bôi và Lưu Xá.

Tháng 10 năm 1955, chia xã Nhật Tựu thành 02 xã Nhật Tân và Nhật Tựu với 03 thôn (Nhật Tựu, Văn Bôi, Siêu Nghệ). Sau đó, thôn Yên Phú được tách ra từ xã Hoàng Tây để nhập về xã Nhật Tựu thành 04 thôn cho đến ngày nay.

2. Vị trí địa lý và địa giới hành chính

2.1. Vị trí địa lý

Nhật Tựu là xã nằm ở phía Đông bắc của huyện Kim Bảng, cách thị trấn Quế khoảng 10km; địa bàn xã Quốc lộ 38 và tỉnh lộ 711 chạy qua tạo điều kiện thuận lợi giao lưu phát triển kinh tế của xã.

2.2. Địa giới hành chính

- Đông giáp thị xã Duy Tiên;
- Tây giáp các xã Đại Cương, Nhật Tân;
- Nam giáp các xã Hoàng Tây, Nhật Tân;
- Bắc giáp xã Đại Cương và thị xã Duy Tiên.

3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

3.1. Tổng diện tích đất tự nhiên của xã Nhật Tựu là 3,96 km².

3.2. Cơ cấu các loại đất.

- Đất nông nghiệp 1,99 km².
- Đất phi nông nghiệp 1,95 km².
- Đất chưa sử dụng 0,02 km².

4. Dân số, lao động

4.1. Xã Nhật Tựu có 5.915 người. Trong đó:

- Dân số thường trú là 5.650 người.

- Dân số tạm trú quy đổi là 265 người.

- Mật độ dân số 1.494 người/km².

Thành phần dân cư chủ yếu là người Kinh.

4.2. Tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Nhật Tựu là 4.284 người. Trong đó:

- Lao động nông nghiệp là 1.154 người, chiếm 26,94%;

- Lao động phi nông nghiệp là 3.130 người, chiếm 73,06%.

4.3. Hiện tại, xã Nhật Tựu có 04 thôn: Nhật Tựu, Văn Bối, Siêu Nghệ, Yên Phú.

5. Hiện trạng phát triển kinh tế

5.1. Về phát triển kinh tế

Năm 2023, tổng giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng đạt 156,07 tỷ đồng; giá trị sản xuất nông nghiệp và thủy sản đạt 75,34 tỷ đồng.

5.2. Phát triển ngành, lĩnh vực

- Công nghiệp - xây dựng: Giá trị sản xuất (giá so sánh 2010) năm 2023 đạt 156,07 tỷ đồng. Địa bàn xã hiện có 05 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; trên 200 gia đình phát triển nghề tiểu thủ công nghiệp; các sản phẩm chủ yếu như: mỹ kỹ, mộc dân dụng, cơ khí, vật liệu xây dựng,... giải quyết việc làm cho trăm lao động có thu nhập ổn định, mức lương thu nhập bình quân từ 5-7 triệu đồng/người/tháng. Công tác đào tạo nghề, giới thiệu việc làm, chuyển dịch cơ cấu lao động được tăng cường. Đến nay, xã đã xác nhận, giới thiệu cho trên 1.000 lao động làm việc ở khu Công nghiệp Đồng Văn và các khu công nghiệp khác có thu nhập từ 7-9 triệu đồng/người/tháng.

- Thương mại - dịch vụ: Giá trị sản xuất (giá so sánh 2010) năm 2023 đạt 145,39 tỷ đồng. Hoạt động thương mại, dịch vụ phát triển, đa dạng các dịch vụ cung ứng giống cây trồng, thức ăn chăn nuôi, phân bón, thuốc trừ sâu, các mặt hàng tiêu dùng, vật liệu xây dựng,... Tổng số hộ cá thể, doanh nghiệp tham gia kinh doanh thương mại, dịch vụ trên 200 hộ. Các hoạt động dịch vụ về điện, nước sinh hoạt, thông tin tuyên truyền cơ bản đáp ứng nhu cầu sản xuất và đời sống xã hội. Phối hợp với cơ quan chức năng thường xuyên kiểm tra, kiểm soát chất lượng hàng hóa, đảm bảo quyền lợi người tiêu dùng.

- Nông - lâm nghiệp, thủy sản: Giá trị sản xuất (giá so sánh 2010) năm 2023 đạt 75,34 tỷ đồng, tăng 2%. Tổng diện tích gieo trồng là 291,2 ha, năng suất 122 tạ/ha, sản lượng 1.768,5 tấn; đàn lợn 2.600 con, đàn gia cầm 100 nghìn con, trâu bò 40 con; sản lượng cá, tôm 155 tấn đạt, sản lượng thịt hơi các loại đạt 1.121 tấn.

5.3. Thu chi ngân sách, công tác tài chính

Công tác thu ngân sách được tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo quản lý và khai thác tốt các nguồn thu, chống thất thu. Chi ngân sách bảo đảm công khai, minh bạch, đúng chế độ, đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Năm 2023, tổng thu ngân sách nhà nước đạt 58,86 tỷ đồng; tổng chi ngân sách đạt 58,86 tỷ đồng, trong đó chi thường xuyên là 7,33 tỷ đồng.

5.4. Thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn xã năm 2023 đạt 79,60 triệu đồng. Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều trên địa bàn năm 2023 giảm còn 31 hộ, bằng 1,85%; bình quân giai đoạn 2021-2023 là 1,83%, thấp hơn bình quân 3 năm (2021-2023) của huyện Kim Bảng là 1,88%.

6. Hiện trạng văn hóa, xã hội

6.1. Về giáo dục

Sự nghiệp giáo dục của xã có bước phát triển; chất lượng dạy và học ngày càng được nâng lên. Duy trì phổ cập giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở, đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi. Chất lượng giáo dục đại trà năm học 2022 - 2023 ở cả 3 cấp học tiếp tục được nâng lên. Thực hiện tốt công tác phổ cập giáo dục đạt 99,6%, nâng cao chất lượng giáo dục, phát động phong trào thi đua dòng họ khuyến học, gia đình hiếu học, xây dựng và giữ vững Trường chuẩn Quốc gia, giữ vững danh hiệu là trường tiên tiến, có cá nhân dạy giỏi cấp cơ sở và chiến sĩ thi đua, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện cho năm học mới, thi đua “Dạy tốt - Học tốt”, hưởng ứng phong trào của ngành phát động.

Công tác xã hội hóa đầu tư xây dựng trường lớp học, trang thiết bị dạy học được đẩy mạnh, xây dựng phòng học kiên cố, nâng cao chất lượng trường đạt chuẩn quốc gia, đến nay 3/3 trường được công nhận trường chuẩn quốc gia, trường Tiểu học đạt chuẩn mức độ 1.

6.2. Công tác y tế

Công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế, chất lượng đội ngũ cán bộ y tế xã được nâng lên; 100% thôn có nhân viên y tế. Năm 2023, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 91,1%; tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng theo thể cân nặng 8,5%; theo chiều cao 13,8% đạt và vượt chỉ tiêu đại hội. Thực hiện tốt công tác giám sát phòng chống dịch bệnh, không để dịch bệnh lớn xảy ra trên địa bàn xã; tăng cường phối hợp thanh tra, kiểm tra, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Tỷ lệ dân cư sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh đạt 99,1%, trong đó tỷ lệ dân cư sử dụng nước sạch 99,1%. Quan tâm nâng cao chất lượng tiêu chí quốc gia về y tế xã.

6.3. Công tác văn hóa, thông tin, thể dục thể thao

Hoạt động văn hóa, thể thao phát triển phong phú, đa dạng thông qua các câu lạc bộ của các đoàn thể, trong khu dân cư. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” luôn được quan tâm thực hiện và được sự ủng hộ nhiệt tình của nhân dân. Năm 2023, tỷ lệ gia đình văn hóa đạt 90,05%; tỷ lệ thôn văn hóa đạt 100%.

Phong trào thể dục thể thao toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại phát triển rộng khắp trong khu dân cư, tỷ lệ người dân thường xuyên luyện tập thể dục thể thao đạt 34%; tỷ lệ gia đình thể thao đạt 26,5%; tỷ lệ dân cư dùng điện thoại thông minh đạt 82%; 100% nhà văn hóa thôn có sân luyện tập thể dục thể thao.

6.4. Thực hiện các chính sách xã hội, lao động việc làm

Quan tâm, giải quyết tốt các chính sách người có công, chính sách an sinh xã hội, đảm bảo chi trả kịp thời, đúng, đủ các chế độ cho các đối tượng. Huy động sự tham gia của các tổ chức, đoàn thể và cá nhân nhằm từng bước xã hội hóa công tác người có công, phát động sâu rộng phong trào “Đền ơn đáp nghĩa” bằng những việc làm thiết thực, hiệu quả.

Chính sách lao động, việc làm được quan tâm, nhất là người dân có đất thu hồi cho phát triển đô thị. Năm 2023, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 86,42%; số lao động có việc làm mới là 269 người; số lao động xuất khẩu là 21 người. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 76,7%; trong đó có chứng chỉ bằng cấp 61%.

7. Quốc phòng, an ninh

7.1. Công tác quốc phòng: Duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu. Thực hiện tốt nhiệm vụ quốc phòng - quân sự địa phương. Tăng cường công tác tuyên truyền, tạo chuyển biến tích cực về nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và nhân dân trong xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân. Giao quân 11 tân binh, đạt 100% chỉ tiêu giao; tổ chức đăng ký tuổi 17 được 23 nam công dân.

7.2. An ninh, trật tự: An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tiếp tục được giữ vững, không để xảy ra đột xuất bất ngờ. Thường xuyên tổ chức tuần tra xử lý các vi phạm trật tự, an toàn giao thông; nắm bắt dư luận, đảm bảo an ninh trật tự ở thôn xóm. Tham mưu cho cấp ủy Đảng, chính quyền nắm chắc tình hình tư tưởng của cán bộ, đảng viên và nhân dân. Tăng cường, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về đăng ký tạm trú, tạm vắng trên địa bàn. Tích cực triển khai thực hiện Đề án về chuyển đổi số, hoàn thành việc làm căn cước công dân gắn chip cho người từ 14 tuổi trở lên đủ điều kiện; hướng dẫn công dân đăng ký và kích hoạt tài khoản định danh điện tử đạt 90,8%. Hoàn thành xong nhập dữ liệu thông tin người lao động từ 15 tuổi trở lên, lên hệ thống dữ liệu công an 4.263 phiếu đạt 100%.

8. Tổ chức bộ máy biên chế, cán bộ, công chức hệ thống chính trị

8.1. Hội đồng nhân dân: Có 22 đại biểu HĐND xã nhiệm kỳ 2021 - 2026. Trình độ chuyên môn: đại học là 13 người, chiếm 59,09%; trung cấp là 03 người, chiếm 13,64%. Trình độ lý luận chính trị: trung cấp là 13 người, chiếm 59,69%; sơ cấp là 05 người, chiếm 22,73%.

8.2. Cán bộ, công chức: Có 18 người (10 cán bộ, 08 công chức). Trình độ chuyên môn: thạc sỹ là 01 người, chiếm 5,56%; đại học là 15 người, chiếm

83,33%; trung cấp là 02 người, chiếm 11,11%. Trình độ lý luận chính trị: trung cấp là 17 người, chiếm 94,44%; sơ cấp là 01 người, chiếm 5,56%.

8.3. Người hoạt động không chuyên trách: 8 người.

8.4. Công an xã: Bố trí 100% Công an xã là công an chính quy, tổng số có 5 người (01 Trưởng Công an, 01 Phó trưởng Công an, 03 công an viên).

9. Đánh giá tiêu chuẩn thành lập phường thuộc thị xã

Căn cứ các tiêu chí, tiêu chuẩn được quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 và Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; UBND tỉnh Hà Nam đánh giá 4 tiêu chuẩn thành lập phường của xã Nhật Tân và Nhật Tựu, gồm:

9.1. Tiêu chuẩn 1: Quy mô dân số

- Quy định từ 5.000 người trở lên.

- Hiện trạng: Quy mô dân số xã Nhật Tân và Nhật Tựu tính đến 31/12/2023 là 18.378 người; trong đó, dân số thường trú là 18.113 người, dân số tạm trú quy đổi là 265 người.

Đánh giá: Đạt.

9.2. Tiêu chuẩn 2: Diện tích tự nhiên

- Quy định từ 5,5 km² trở lên.

- Hiện trạng: xã Nhật Tân và Nhật Tựu có 8,65 km² diện tích tự nhiên.

Đánh giá: Đạt.

9.3. Tiêu chuẩn 3: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

- Tiêu chí 1. Cân đối thu, chi ngân sách:

Quy định cân đối thu đủ chi.

Hiện trạng: Thu ngân sách trên địa bàn xã Nhật Tân và Nhật Tựu năm 2023 đạt 93,58 tỷ đồng, chi ngân sách đạt 93,58 tỷ đồng. Cân đối đủ.

Đánh giá: Đạt.

- Tiêu chí 2. Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều bình quân 3 năm:

Quy định đạt bình quân 3 năm (2021 - 2023) của huyện Kim Bảng là 1,88% (năm 2021 là 1,31%; năm 2022 là 2,5%; năm 2023 là 1,82%).

Hiện trạng: Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều bình quân 3 năm (2021 - 2023) của xã Nhật Tân và Nhật Tựu là 1,82% (năm 2021 là 1,31%; năm 2022 là 2,32%; năm 2023 là 1,84%).

Đánh giá: Đạt.

- Tiêu chí 3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp:

Quy định từ 70% trở lên.

Hiện trạng: Tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Nhật Tân và Nhật Tựu là 9.734 người. Trong đó, lao động nông nghiệp là 1.884 người, chiếm 19,36%; lao động phi nông nghiệp là 7.850 người, chiếm 80,64%.

Đánh giá: Đạt.

9.4. Tiêu chuẩn 4: Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị.

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn	Hiện trạng	Đánh giá
1	Trạm Y tế	Công trình	01 công trình theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế	02	Đạt
2	Cơ sở hạ tầng thương mại (<i>chợ, cửa hàng dịch vụ trung tâm, siêu thị và trung tâm mua bán, trao đổi hàng hóa</i>)	Công trình	02 công trình theo quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch XD	03	Đạt
3	Cơ sở giáo dục	%	100% công trình giáo dục (<i>trường mầm non, tiểu học, THCS</i>) đạt quy mô tối thiểu của các công trình giáo dục hoặc đạt 100% tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 của Bộ giáo dục và đào tạo	100	Đạt
4	Đất công trình giáo dục (<i>trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở</i>) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 1,8	2,09	Đạt
5	Đất công trình văn hóa, thể dục thể thao (<i>sân chơi, sân luyện tập và các công trình trung tâm văn hóa thể thao</i>) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 1,0	0,92	Không đạt
6	Cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người	kwh/người/năm	≥ 400	642	Đạt
7	Đất giao thông (<i>tính đến đường giao thông cấp khu vực, cấp nội bộ và công trình giao thông</i>) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 5	12,86	Đạt

8	Tỷ lệ đường được chiếu sáng (tính đến đường cấp khu vực, cấp nội bộ)	%	≥ 90	97,19	Đạt
9	Đất cây xanh sử dụng công cộng (đất công viên, vườn hoa, sân chơi cấp đơn vị ở) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 2	2,35	Đạt
10	Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	%	≥ 80	100	Đạt
11	Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả	%	Đáp ứng tiêu chuẩn tương ứng của xã nông thôn mới nâng cao trở lên	51,82	Đạt
12	Mật độ đường cống thoát nước chính	Km/km ²	$\geq 2,5$	5,25	Đạt
13	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	≥ 80	96,14	Đạt

Xã Nhật Tân và Nhật Tựu đạt 12/13 tiêu chuẩn (quy định đạt từ 10/13 tiêu chuẩn trở lên) về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đối với khu vực dự kiến thành lập phường theo quy định của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 (sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15). Ngày ..., Bộ Xây dựng đã có Quyết định số .../QĐ-BXD công nhận khu vực dự kiến thành lập phường thuộc thị xã Kim Bảng, tỉnh Hà Nam đạt tiêu chuẩn trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị loại IV đối với thị trấn Quế, thị trấn Ba Sao và các xã thuộc khu vực dự kiến nội thị của thị xã Kim Bảng (có hồ sơ kèm theo).

Như vậy, phường Tân Tựu dự kiến thành lập thuộc thị xã Kim Bảng trên cơ sở nhập xã Nhật Tân và Nhật Tựu đạt 4/4 tiêu chuẩn theo quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 và Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15.

Phần thứ ba
PHƯƠNG ÁN THÀNH LẬP THỊ XÃ KIM BẢNG VÀ CÁC PHƯỜNG
THUỘC THỊ XÃ KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM

I. HIỆN TRẠNG TỈNH HÀ NAM, HUYỆN KIM BẢNG VÀ CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH LIÊN QUAN

1. Tỉnh Hà Nam

Theo số liệu thống kê, tính đến ngày 31/12/2023 tỉnh Hà Nam có diện tích tự nhiên 861,93 km² và quy mô dân số là 1.052.106 người; có 06 đơn vị hành chính cấp huyện (gồm thành phố Phủ Lý, thị xã Duy Tiên và 04 huyện: Thanh Liêm, Kim Bảng, Bình Lục, Lý Nhân; 109 đơn vị hành chính cấp xã (gồm 83 xã, 20 phường và 06 thị trấn). Tỷ lệ đô thị hóa là 38%.

2. Huyện Kim Bảng

Huyện Kim Bảng có diện tích tự nhiên 175,40 km² và dân số là 145.744 người (dân số thường trú là 144.052 người; dân số tạm trú quy đổi là 1.692 người); có 18 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, gồm: Thị trấn Quế, thị trấn Ba Sao và 16 xã: Đại Cường, Đồng Hóa, Hoàng Tây, Khả Phong, Lê Hồ, Liên Sơn, Ngọc Sơn, Nguyễn Úy, Nhật Tân, Nhật Tựu, Tân Sơn, Thanh Sơn, Thi Sơn, Thụy Lôi, Tượng Lĩnh và Văn Xá. Tỷ lệ đô thị hóa là 9,02%².

Địa giới hành chính huyện Kim Bảng: Đông giáp thành phố Phủ Lý, thị xã Duy Tiên và huyện Thanh Liêm; Tây giáp tỉnh Hòa Bình và thành phố Hà Nội; Nam giáp huyện Thanh Liêm và tỉnh Hòa Bình; Bắc giáp thành phố Hà Nội.

Diện tích tự nhiên, dân số của các xã, thị trấn như sau:

2.1. Khu vực dự kiến nội thị có 96,82 km² diện tích tự nhiên; dân số là 98.269 người, trong đó dân số thường trú là 96.892 người, dân số tạm trú quy đổi là 1.377 người, gồm:

- Thị trấn Quế có 3,06 km² diện tích tự nhiên; dân số là 7.287 người (dân số thường trú là 7.287 người, dân số tạm trú là 0 người); mật độ dân số 2.381 người/km². Địa giới hành chính thị trấn Quế: Đông giáp xã Văn Xá và thành phố Phủ Lý; Tây giáp xã Ngọc Sơn; Nam giáp xã Thi Sơn; Bắc giáp các xã Ngọc Sơn và Đồng Hóa.

- Thị trấn Ba Sao có 31,42 km² diện tích tự nhiên; dân số là 5.866 người (dân số thường trú là 5.501 người, dân số tạm trú là 365 người); mật độ dân số 187 người/km². Địa giới hành chính thị trấn Ba Sao: Đông giáp xã Liên Sơn; Tây giáp tỉnh Hòa Bình; Nam giáp xã Thanh Sơn; Bắc giáp các xã Khả Phong, Tân Sơn và thành phố Hà Nội.

² Tính theo Thông tư số 06/2018/TT-BXD của Bộ Xây dựng thì tỷ lệ đô thị hóa của huyện Kim Bảng là 9,02% (bằng dân số của thị trấn Quế và thị trấn Ba Sao trên dân số của huyện Kim Bảng). Trường hợp tính theo dân số của ĐVHC đã được phân loại đô thị trên dân số của huyện Kim Bảng là 22,79% (bằng dân số của thị trấn Quế và thị trấn Ba Sao, xã Tượng Lĩnh, xã Nhật Tân trên dân số của huyện Kim Bảng).

- Xã Tượng Lĩnh có 8,0 km² diện tích tự nhiên; dân số 7.594 người (dân số thường trú là 7.584 người, dân số tạm trú là 10 người); mật độ dân số 949 người/km². Địa giới hành chính xã Tượng Lĩnh: Đông giáp các xã Nguyễn Úy, Tân Sơn và Lê Hồ; Tây giáp huyện Ứng Hòa (thành phố Hà Nội); Nam giáp xã Tân Sơn; Bắc giáp huyện Ứng Hòa (thành phố Hà Nội).

- Xã Thi Sơn có 7,06 km² diện tích tự nhiên; dân số là 10.724 người (dân số thường trú là 10.513 người, dân số tạm trú là 211 người); mật độ dân số 1.519 người/km². Địa giới hành chính xã Thi Sơn: Đông giáp xã Thanh Sơn; Tây giáp các xã Liên Sơn, Đồng Sơn và Ngọc Sơn; Nam giáp các xã Liên Sơn, Thanh Sơn; Bắc giáp thị trấn Quế.

- Xã Đồng Hóa có 9,09 km² diện tích tự nhiên; dân số là 11.755 người (dân số thường trú là 11.755 người, dân số tạm trú là 0 người); mật độ dân số 1.293 người/km². Địa giới hành chính xã Đồng Hóa: Đông giáp xã Văn Xá và Nhật Tân; Tây giáp xã Tân Sơn, Lê Hồ và Thụy Lôi; Nam giáp thị trấn Quế và xã Ngọc Sơn; Bắc giáp xã Lê Hồ và Đại Cường.

- Xã Ngọc Sơn có 6,03 km² diện tích tự nhiên; dân số là 6.272 người (dân số thường trú là 6.271 người, dân số tạm trú là 01 người); mật độ dân số 1.040 người/km². Địa giới hành chính xã Ngọc Sơn: Đông giáp xã Đồng Hóa và thị trấn Quế; Tây giáp xã Khả Phong, Thụy Lôi và Liên Sơn; Nam giáp các xã Liên Sơn, Thi Sơn; Bắc giáp các xã Thụy Lôi và Đồng Hòa.

- Xã Đại Cường có 5,69 km² diện tích tự nhiên; dân số là 8.824 người (dân số thường trú là 8.299 người, dân số tạm trú là 525 người); mật độ dân số 1.551 người/km². Địa giới hành chính xã Đại Cường: Đông giáp xã Nhật Tựu và thị xã Duy Tiên; Tây giáp xã Lê Hồ; Nam giáp các xã Đồng Hóa, Nhật Tân; Bắc giáp xã Đại Cường và huyện Phú Xuyên (thành phố Hà Nội).

- Xã Lê Hồ có 7,49 km² diện tích tự nhiên; dân số là 10.162 người (dân số thường trú là 10.162 người, dân số tạm trú là 0 người); mật độ dân số 1.357 người/km². Địa giới hành chính xã Lê Hồ: Đông giáp các xã Đại Cường, Đồng Hóa; Tây giáp xã Tượng Lĩnh; Nam giáp các xã Tân Sơn, Đồng Hóa; Bắc giáp xã Nguyễn Úy và thành phố Hà Nội.

- Xã Tân Sơn có 10,34 km² diện tích tự nhiên; dân số là 11.407 người (dân số thường trú là 11.407 người, dân số tạm trú là 0 người); mật độ dân số 1.103 người/km². Địa giới hành chính xã Tân Sơn: Đông giáp xã Đồng Hóa; Tây giáp thành phố Hà Nội; Nam giáp các xã Thụy Lôi, Khả Phong và thị trấn Ba Sao; Bắc giáp xã Tượng Lĩnh và xã Lê Hồ.

- Xã Nhật Tân có 4,69 km² diện tích tự nhiên; dân số là 12.463 người (dân số thường trú là 12.463 người, dân số tạm trú là 0 người); mật độ dân số 2.657 người/km². Địa giới hành chính xã Nhật Tân: Đông giáp xã Hoàng Tây; Tây giáp các xã Đồng Hóa, Đại Cường; Nam giáp xã Văn Xá; Bắc giáp xã Nhật Tựu và xã Đại Cường.

- Xã Nhật Tựu có 3,96 km² diện tích tự nhiên; dân số là 5.915 người (dân số thường trú là 5.650 người, dân số tạm trú là 265 người); mật độ dân số 1.494 người/km². Địa giới hành chính xã Nhật Tựu: Đông giáp thị xã Duy Tiên; Tây giáp các xã Đại Cương, Nhật Tân; Nam giáp các xã Hoàng Tây, Nhật Tân; Bắc giáp xã Đại Cương và thị xã Duy Tiên.

2.2. Khu vực dự kiến ngoại thị có 78,58 km² diện tích tự nhiên; dân số là 47.475 người, trong đó dân số thường trú là 47.160 người, dân số tạm trú quy đổi là 315 người, gồm:

- Xã Khả Phong có 11,45 km² diện tích tự nhiên; dân số là 6.816 người (dân số thường trú là 6.816 người, dân số tạm trú là 0 người); mật độ dân số 595 người/km².

- Xã Liên Sơn có 20,38 km² diện tích tự nhiên; dân số 3.960 người (dân số thường trú là 3.960 người, dân số tạm trú là 0 người); mật độ dân số 194 người/km².

- Xã Hoàng Tây có 4,84 km² diện tích tự nhiên; dân số là 6.746 người (dân số thường trú là 6.746 người, dân số tạm trú là 0 người); mật độ dân số 1.393 người/km².

- Xã Nguyễn Úy có 5,87 km² diện tích tự nhiên; dân số 8.192 người (dân số thường trú là 8.192 người, dân số tạm trú là 0 người); mật độ dân số 1.396 người/km².

- Xã Thanh Sơn có 26,22 km² diện tích tự nhiên; dân số là 7.826 người (dân số thường trú là 7.510 người, dân số tạm trú là 315 người); mật độ dân số 298 người/km².

- Xã Văn Xá có 6,13 km² diện tích tự nhiên; dân số là 9.038 người (dân số thường trú là 9.038 người, dân số tạm trú là 0 người); mật độ dân số 1.474 người/km².

- Xã Thụy Lôi có 3,69 km² diện tích tự nhiên; dân số là 4.897 người (dân số thường trú là 4.897 người, dân số tạm trú là 0 người); mật độ dân số 1.327 người/km².

II. PHƯƠNG ÁN THÀNH LẬP THỊ XÃ KIM BẢNG VÀ 10 PHƯỜNG TRÊN CƠ SỞ 11 XÃ, THỊ TRẤN THUỘC THỊ XÃ KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM

1. Thành lập thị xã Kim Bảng

Thành lập thị xã Kim Bảng thuộc tỉnh Hà Nam trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên 175,40 km²; dân số là 145.744 người (dân số thường trú là 144.052 người; dân số tạm trú quy đổi là 1.692 người) và 18 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc của huyện Kim Bảng.

1.1. Tên gọi: Thị xã Kim Bảng thuộc tỉnh Hà Nam.

Đặt tên thị xã “Kim Bảng” theo tên huyện “Kim Bảng” hiện tại.

1.2. Quy mô thị xã Kim Bảng là 175,40 km² diện tích tự nhiên, quy mô dân số là 145.744 người.

1.3. Địa giới hành chính thị xã Kim Bảng:

- Đông giáp thành phố Phủ Lý, thị xã Duy Tiên và huyện Thanh Liêm;
- Tây giáp tỉnh Hòa Bình và thành phố Hà Nội;
- Nam giáp huyện Thanh Liêm và tỉnh Hòa Bình;
- Bắc giáp thành phố Hà Nội.

2. Thành lập 10 phường thuộc thị xã Kim Bảng

2.1. Thành lập phường Quế thuộc thị xã Kim Bảng trên cơ sở toàn bộ 3,06 km² diện tích tự nhiên; dân số là 7.287 người của thị trấn Quế.

Địa giới hành chính phường Quế: Đông giáp xã Văn Xá và thành phố Phủ Lý; Tây giáp phường Ngọc Sơn; Nam giáp phường Thi Sơn; Bắc giáp các phường Ngọc Sơn và Đồng Hóa.

2.2. Thành lập phường Ba Sao thuộc thị xã Kim Bảng trên cơ sở toàn bộ 31,42 km² diện tích tự nhiên; dân số là 5.866 người của thị trấn Ba Sao.

Địa giới hành chính phường Ba Sao: Đông giáp xã Liên Sơn; Tây giáp tỉnh Hòa Bình; Nam giáp xã Thanh Sơn; Bắc giáp xã Khả Phong, phường Tân Sơn và thành phố Hà Nội.

2.3. Thành lập phường Tượng Lĩnh thuộc thị xã Kim Bảng trên cơ sở toàn bộ 8,0 km² diện tích tự nhiên; dân số 7.594 người của xã Tượng Lĩnh.

Địa giới hành chính phường Tượng Lĩnh: Đông giáp xã Nguyễn Úy, phường Tân Sơn và phường Lê Hồ; Tây giáp huyện Ứng Hòa (thành phố Hà Nội); Nam giáp phường Tân Sơn; Bắc giáp huyện Ứng Hòa (thành phố Hà Nội).

2.4. Thành lập phường Thi Sơn thuộc thị xã Kim Bảng trên cơ sở toàn bộ 7,06 km² diện tích tự nhiên; dân số là 10.724 người của xã Thi Sơn.

Địa giới hành chính phường Thi Sơn: Đông giáp xã Thanh Sơn; Tây giáp các xã Liên Sơn, Đồng Sơn và phường Ngọc Sơn; Nam giáp các xã Liên Sơn, Thanh Sơn; Bắc giáp phường Quế.

2.5. Thành lập phường Đồng Hóa thuộc thị xã Kim Bảng trên cơ sở toàn bộ 9,09 km² diện tích tự nhiên; dân số là 11.755 người của xã Đồng Hóa.

Địa giới hành chính phường Đồng Hóa: Đông giáp xã Văn Xá và phường Tân Trụ; Tây giáp các phường Tân Sơn, Lê Hồ và xã Thụy Lôi; Nam giáp các phường Quế, Ngọc Sơn; Bắc giáp phường Lê Hồ, Đại Cương.

2.6. Thành lập phường Ngọc Sơn thuộc thị xã Kim Bảng trên cơ sở toàn bộ 6,03 km² diện tích tự nhiên; dân số là 6.272 người của xã Ngọc Sơn.

Địa giới hành chính phường Ngọc Sơn: Đông giáp các phường Đồng Hóa, Quế; Tây giáp xã Khả Phong, Thụy Lôi và Liên Sơn; Nam giáp xã Liên Sơn và phường Thi Sơn; Bắc giáp các phường Thụy Lôi, Đồng Hòa.

2.7. Thành lập phường Đại Cường thuộc thị xã Kim Bảng trên cơ sở toàn bộ 5,69 km² diện tích tự nhiên ; dân số là 8.824 người của xã Đại Cường.

Địa giới hành chính phường Đại Cường: Đông giáp phường Tân Tụ và thị xã Duy Tiên; Tây giáp phường Lê Hồ; Nam giáp các phường Đồng Hóa, Tân Tụ; Bắc giáp phường Đại Cường và huyện Phú Xuyên (thành phố Hà Nội).

2.8. Thành lập phường Lê Hồ thuộc thị xã Kim Bảng trên cơ sở toàn bộ 7,49 km² diện tích tự nhiên; dân số là 10.162 người của xã Lê Hồ.

Địa giới hành chính phường Lê Hồ: Đông giáp các phường Đại Cường, Đồng Hóa; Tây giáp phường Tượng Lĩnh; Nam giáp các phường Tân Sơn, Đồng Hóa; Bắc giáp xã Nguyễn Úy và thành phố Hà Nội.

2.9. Thành lập phường Tân Sơn thuộc thị xã Kim Bảng trên cơ sở toàn bộ 10,34 km² diện tích tự nhiên; dân số là 11.407 người của xã Tân Sơn.

Địa giới hành chính phường Tân Sơn: Đông giáp phường Đồng Hóa; Tây giáp thành phố Hà Nội; Nam giáp các xã Thụy Lôi, Khả Phong và phường Ba Sao; Bắc giáp các phường Tượng Lĩnh, Lê Hồ.

2.10. Thành lập phường Tân Tụ thuộc thị xã Kim Bảng trên cơ sở nhập toàn bộ 4,69 km² diện tích tự nhiên; dân số là 12.463 người của xã Nhật Tân và toàn bộ 3,96 km² diện tích tự nhiên; dân số là 5.915 người của xã Nhật Tụ.

Địa giới hành chính phường Tân Tụ: Đông giáp xã Hoàng Tây và thị xã Duy Tiên; Tây giáp các phường Đồng Hóa, Đại Cường; Nam giáp xã Văn Xá và phường Đồng Hóa; Bắc giáp phường Đại Cường và thị xã Duy Tiên.

- Về lý do nhập xã Nhật Tân và xã Nhật Tụ để thành lập phường Tân Tụ: Về lịch sử, trước đây Nhật Tân và Nhật Tụ là 01 xã; sau cách mạng tháng 8 năm 1945 nhà nước có chủ trương bỏ cấp tổng và sáp nhập các xã nhỏ thành xã lớn. Theo đó, 61 xã của huyện Kim Bảng được nhập thành 14 xã mới; trong đó xã Nhật Tụ được thành lập trên cơ sở nhập các xã Lưu Xá, Nhật Tào, Siêu Nghệ và Văn Bồi. Đến tháng 10/1955, căn cứ điều kiện cụ thể của địa phương, cấp trên quyết định thành lập xã Nhật Tân trên cơ sở chia tách xã Nhật Tụ và ổn định địa giới đơn vị hành chính cho đến ngày nay. Như vậy, việc nhập xã Nhật Tân và Nhật Tụ thành lập phường mới lấy tên là Tân Tụ bảo đảm yêu tố lịch sử truyền thống, văn hóa, tín ngưỡng và đoàn kết dân tộc, không gây xáo trộn, bất ổn tại địa phương.

- Về lý do lựa chọn tên ĐVHC mới là phường Tân Tụ: Tại các Hội nghị của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện; Ban Thường vụ Huyện uỷ và Hội nghị Ban Thường vụ Huyện uỷ làm việc với Ban Thường vụ Đảng uỷ 02 xã: Nhật Tân, Nhật Tụ để xin ý kiến về tên gọi ĐVHC sau sắp xếp. Kết quả, 100% các đại biểu đã nhất trí lấy tên ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp là phường Tân Tụ.

Việc đặt tên ĐVHC cấp xã mới là Tân Tụ đã đảm bảo được sự đồng thuận, thống nhất của người dân; góp phần giữ gìn, phát huy được giá trị lịch sử truyền thống, văn hoá và tinh thần đoàn kết của Nhân dân đối với ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp. Tỷ lệ cử tri nhất trí với tên gọi ĐVHC cấp xã mới là

97,82%. Đồng thời, việc sử dụng tên gọi ĐVHC hình thành sau sắp xếp là Tân Tụ mang ý nghĩa là nơi hội tụ những điều mới mẻ, tốt đẹp hoàn toàn phù hợp với truyền thống và văn hoá của địa phương.

Từ những lý do trên, dự kiến tên ĐVHC mới sau khi sắp xếp, thành lập phường là phường Tân Tụ.

3. Giải trình lý do chưa thực hiện sắp xếp đối với xã Thụy Lôi giai đoạn 2023 - 2025 do có yếu tố đặc thù

3.1. Hiện trạng đơn vị hành chính xã Thụy Lôi

- Xã Thụy Lôi có diện tích đất tự nhiên là 3,69 km² (đạt tỷ lệ 17,57% so với tiêu chuẩn); dân số 4.897 người (đạt tỷ lệ 61,21% so với tiêu chuẩn). Địa giới hành chính xã Thụy Lôi tiếp giáp với các xã: Tân Sơn, Ngọc Sơn, Đồng Hóa, Khả Phong.

- Theo quy định về tiêu chuẩn ĐVHC cấp xã, giai đoạn 2023-2025, xã Thụy Lôi thuộc diện sắp xếp do đồng thời có diện tích tự nhiên và quy mô dân số dưới 70% tiêu chuẩn của ĐVHC tương ứng quy định tại Nghị quyết số 35/2023/NQ-UBTVQH15.

3.2. Về lý do đề nghị chưa thực hiện sắp xếp ĐVHC xã Thụy Lôi vào giai đoạn 2023 - 2025

a) Về quy hoạch chung đô thị Kim Bảng

Căn cứ Quyết định số 433/QĐ-UBND ngày 19/4/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam phê duyệt Chương trình phát triển đô thị Kim Bảng, tỉnh Hà Nam đến năm 2030, trong đó giai đoạn đến năm 2025 khu vực nội thị dự kiến gồm 11 ĐVHC cấp xã, gồm: thị trấn Quế, thị trấn Ba Sao và các xã: Đại Cường, Đồng Hóa, Lê Hồ, Ngọc Sơn, Nhật Tân, Nhật Tụ, Tân Sơn, Thi Sơn, Tượng Lĩnh; giai đoạn đến năm 2030 bổ sung thêm 05 ĐVHC cấp xã, gồm: Thanh Sơn, Văn Xá, Nguyễn Úy, Thụy Lôi, Khả Phong. Như vậy, giai đoạn đến năm 2025 về mặt quy hoạch thì xã Thụy Lôi thuộc khu vực ngoại thị của thị xã Kim Bảng.

b) Về lịch sử hình thành xã Thụy Lôi

- Trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, huyện Kim Bảng có 61 xã chia thành 8 tổng. Tổng Thụy Lôi gồm 08 làng (xã): Thụy Lôi, Trung Hòa, Hồi Trung, Thụy Sơn, Thụy Xuyên, Mã Nảo, Phương Khê và Đan Xá.

- Tháng 9/1945, xã Thụy Lôi chính thức được thành lập gồm 04 thôn: Gồm, Trung Hoà, Hồi Trung và Thụy Sơn.

- Tháng 3/1946, xã Thụy Lôi gồm các thôn: Gồm, Trung Hòa, Hồi Trung, Thụy Sơn, Hồi Trại, Thụy Làng và Thụy Trại. Đến năm 1948, thôn Tân Lang, thôn Đại Phú được sáp nhập về xã Thụy Lôi.

- Tháng 6/1956, các thôn Hồi Trại, Thụy Làng, Thụy Trại tách khỏi xã Thụy Lôi, sáp nhập về xã Tân Sơn. Đến cuối năm 1959, tách thôn Đại Phú về xã Lê Hồ, 02 thôn Thụy Sơn, Tân Lang về xã Tân Sơn. Xã Thụy Lôi gồm 03 thôn: Gồm, Trung Hòa, Hồi Trung và ổn định địa giới ĐVHC cho đến ngày nay.

c) Về vị trí xã Thụy Lôi trong huyện Kim Bảng

- Xã Thụy Lôi có vị trí địa lý tiếp giáp với các xã Tân Sơn, xã Ngọc Sơn, xã Đồng Hóa, xã Khả Phong. Tại Quyết định số 1128/QĐ-BXD ngày 08/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công nhận đô thị Kim Bảng, tỉnh Hà Nam đạt tiêu chí đô thị loại IV trực thuộc tỉnh Hà Nam, trong đó xác định khu vực dự kiến phát triển nội thị, gồm 11 ĐVHC cấp xã: thị trấn Quế, thị trấn Ba Sao và các xã: Đại Cương, Đồng Hóa, Lê Hồ, Ngọc Sơn, Nhật Tân, Nhật Tựu, Tân Sơn, Thi Sơn, Trượng Lĩnh. Như vậy, xã Thụy Lôi tiếp giáp liền kề với 03 phường dự kiến thành lập (Tân Sơn, Ngọc Sơn, Đồng Hóa) thuộc thị xã Kim Bảng. Trường hợp sắp xếp, sáp nhập xã Thụy Lôi với 03 xã dự kiến thành lập phường nêu trên sẽ không đảm bảo theo nguyên tắc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã được quy định tại khoản 3, Điều 2 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030. Đồng thời, nếu sáp nhập xã Thụy Lôi vào 01 trong 03 xã trên sẽ ảnh hưởng đến ranh giới khu vực nội thị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, ảnh hưởng đến tiến độ thành lập thị xã Kim Bảng do phải lập điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Kim Bảng và tiến hành đánh giá phân loại đô thị, đánh giá trình độ phát triển cơ sở hạ tầng của xã dự kiến thành lập phường.

- Phía Tây Nam xã Thụy Lôi tiếp giáp liền kề với xã Khả Phong (thuộc khu vực ngoại thị). Tuy nhiên, toàn bộ phân diện tích tiếp giáp giữa xã Thụy Lôi và xã Khả Phong bị ngăn cách bởi dòng Sông Đáy; bên cạnh đó, trong lịch sử hình thành xã Thụy Lôi, chưa có giai đoạn nào xã Thụy Lôi và xã Khả Phong đã từng thực hiện việc sáp nhập, chia tách với nhau. Do vậy, việc sắp xếp xã Thụy Lôi với xã Khả Phong trong giai đoạn 2023-2025 gặp khó khăn về vị trí địa lý, không thuận tiện cho người dân trong quá trình sinh sống, sản xuất và giải quyết các thủ tục hành chính.

Từ những lý do trên, ngày 27/10/2023, Ủy ban nhân dân huyện Kim Bảng đã ban hành Phương án số 1835/PA-UBND về sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023-2025 của huyện Kim Bảng, trong đó đề nghị các cấp có thẩm quyền cho phép huyện Kim Bảng thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính xã Thụy Lôi vào giai đoạn 2026 - 2030 để quy hoạch thành đơn vị hành chính đô thị và sắp xếp vào các phường thuộc thị xã Kim Bảng và đã được Ủy ban nhân dân tỉnh nhất trí cho vào Phương án tổng thể sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh Hà Nam (tại Phương án số 2258/PA-UBND ngày 20/11/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam) và được Bộ Nội vụ cho ý kiến tại Văn bản số 7333/BNV-CQĐP ngày 12/12/2023 về việc góp ý Phương án tổng thể sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 của tỉnh Hà Nam.

III. KẾT QUẢ SAU KHI SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ GIAI ĐOẠN 2023-2025 VÀ THÀNH LẬP THỊ XÃ KIM BẢNG; THÀNH LẬP 10 PHƯỜNG TRÊN CƠ SỞ 11 XÃ, THỊ TRẤN THUỘC THỊ XÃ KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM

1. Tỉnh Hà Nam

Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023-2025 và thành lập thị xã Kim Bảng và các phường thuộc thị xã Kim Bảng thuộc tỉnh Hà Nam thì tỉnh Hà Nam có 06 đơn vị hành chính cấp huyện (gồm: 01 thành phố, 02 thị xã, 03 huyện); 98 đơn vị hành chính cấp xã (gồm: 63 xã, 31 phường, 04 thị trấn); tỷ lệ đô thị hóa là 47,61%. Trong đó:

- 1.1. Cấp huyện tăng 01 thị xã, giảm 01 huyện;
- 1.2. Cấp xã tăng 11 phường, giảm 20 xã và 02 thị trấn.

2. Thị xã Kim Bảng

Thị xã Kim Bảng có 175,40 km² diện tích tự nhiên; quy mô dân số là 145.744 người; có 17 đơn vị hành chính trực thuộc, gồm 10 phường: Quế, Ba Sao, Đại Cương, Tân Sơn, Tân Trụ, Lê Hồ, Ngọc Sơn, Thi Sơn, Đồng Hóa, Tượng Lĩnh và 07 xã: Thanh Sơn, Thụy Lôi, Văn Xá, Hoàng Tây, Khả Phong, Liên Sơn, Nguyễn Uy. Tỷ lệ đô thị hóa là 67,43%.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN SAU KHI THÀNH LẬP THỊ XÃ KIM BẢNG VÀ THÀNH LẬP 10 PHƯỜNG THUỘC THỊ XÃ KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM

1. Sắp xếp tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

1.1. Giữ nguyên tổ chức bộ máy của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong hệ thống chính trị của huyện Kim Bảng hiện tại. Tiến hành rà soát, đánh giá, phân loại để tiếp tục bố trí, sử dụng cán bộ, công chức đủ năng lực chuyên môn; tiến hành đào tạo lại những người chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, những người còn thiếu các tiêu chuẩn theo quy định; thực hiện việc tinh giản biên chế theo quy định của Đảng và Nhà nước.

1.2. Đại biểu HĐND các xã, thị trấn trở thành phường sẽ thành đại biểu HĐND phường và hoạt động cho đến hết nhiệm kỳ 2021 - 2026. Đồng thời, thị xã sẽ mở lớp bồi dưỡng kiến thức về chức năng, nhiệm vụ của HĐND phường, các chuyên đề về đô thị, xây dựng để phát huy tốt hơn nữa vai trò giám sát của HĐND và Đại biểu HĐND.

Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức của các phường mới thành lập thuộc thị xã cơ bản giữ nguyên bộ máy và cán bộ, công chức của các xã, thị trấn hiện tại (trừ phường Tân Trụ). Bố trí lại một số chức danh trong các phường được thành lập cho phù hợp với chức năng đơn vị hành chính thuộc khu vực nội thị. Trong quá trình kiện toàn bộ máy, sẽ xây dựng và bố trí đội ngũ cán bộ, công chức có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực và phẩm chất theo hướng tinh gọn, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Lập kế hoạch tổ chức bồi dưỡng kiến thức cho các cán bộ, công chức thuộc các phường mới thành lập về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền phường - chính quyền đô thị; riêng các Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và công chức địa chính - xây dựng của các phường sẽ bồi dưỡng thêm các nội dung chuyên sâu về quản lý, thực hiện quy hoạch đô thị, quản lý dân cư.

1.3. Tiến hành rà soát, đánh giá, phân loại để tiếp tục bố trí, sử dụng những cán bộ, công chức đủ năng lực chuyên môn; tiến hành đào tạo lại những người chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ, những người còn thiếu các tiêu chuẩn.

1.4. Trụ sở là việc của các phường thuộc thị xã Kim Bảng được bố trí, sử dụng trụ sở làm việc hiện nay của thị trấn Quế, thị trấn Ba Sao và các xã Đại Cương, Tân Sơn, Nhật Tân, Lê Hồ, Ngọc Sơn, Thi Sơn, Đồng Hóa, Tượng Lĩnh (trừ phường Tân Trụ).

2. Phương án tổ chức bộ máy Công an thị xã Kim Bảng và 10 phường thuộc thị xã Kim Bảng

2.1. Tổ chức bộ máy Công an thị xã

- Công an thị xã do Trưởng Công an thị xã chỉ huy, không quá 04 Phó Trưởng Công an thị xã.

- Tổ chức bộ máy Công an thị xã được giữ nguyên như Công an huyện Kim Bảng hiện nay, gồm 12 đội công tác: Đội Tổng hợp; Đội An ninh; Đội Xây dựng phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc; Đội Điều tra tổng hợp; Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội; Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về quản lý kinh tế và chức vụ; Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy; Đội Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Đội Cảnh sát giao thông, trật tự; Đội Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ; Đội Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp; Đội Kỹ thuật hình sự.

Thành lập thêm đội: Chính trị - Hậu cần thuộc Công an thị xã Kim Bảng (theo quy định tại Điểm 1 Khoản 2 Điều 3 Thông tư số 42/2018/TT-BCA ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh).

2.2. Triển khai thành lập Công an 10 phường thuộc thị xã

Thành lập Công an phường tại 10 phường dự kiến thành lập với tổng số biên chế từ 95 đến 115 cán bộ, chiến sĩ trở lên do Giám đốc Công an tỉnh ấn định, với cơ cấu dự kiến như sau:

- Lãnh đạo, chỉ huy gồm: Trưởng Công an phường, không quá 03 Phó Trưởng Công an phường.

- Tổ chức bộ máy Công an phường gồm 03 tổ: Tổ Cảnh sát khu vực; Tổ Cảnh sát trật tự; Tổ Cảnh sát phòng, chống tội phạm.

- Biên chế mỗi Công an phường từ 08 đến 12 cán bộ, chiến sĩ (gồm cả lãnh đạo, chỉ huy) theo Đề án 07/ĐA-BCA-X01 ngày 30/11/2022 của Bộ Công an về quy hoạch phát triển nhân lực công an nhân dân đến năm 2030.

2.3. Trụ sở làm việc

- Trụ sở làm việc của Công an thị xã: Sử dụng trụ sở làm việc hiện nay của Công an huyện Kim Bảng.

- Trụ sở làm việc của Công an các phường: Trụ sở làm việc độc lập của Công an các phường bố trí trên địa bàn phường. Sau khi rà soát trụ sở làm việc

hiện nay của công an thị trấn và các xã, UBND tỉnh sẽ có Kế hoạch bố trí trụ sở làm việc của công an từng phường cho phù hợp.

3. Thành lập (đổi tên) Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kim Bảng

Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ có phương án chỉ đạo các cấp, các ngành của tỉnh phối hợp với Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, huyện lập đề án thành lập (đổi tên) Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kim Bảng báo cáo Tòa án nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định đồng thời với Nghị quyết thành lập thị xã Kim Bảng và sắp xếp, thành lập 10 phường thuộc thị xã Kim Bảng.

V. PHƯƠNG ÁN BỐ TRÍ TRỤ SỞ LÀM VIỆC VÀ SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY, BỐ TRÍ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ GIẢI QUYẾT CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

1. Về trụ sở làm việc của phường Tân Tựu

a) Trụ sở làm việc phường Tân Tựu sử dụng trụ sở làm việc hiện nay của xã Nhật Tân. Lý do trụ sở nằm trên trục giao thông thuận lợi, từ xã Nhật Tân về trung tâm huyện Kim Bảng (phường Quế) gần hơn xã Nhật Tựu. Trụ sở nằm trên trục đường của Quốc lộ 1 (cũ), đường tỉnh 711 và hệ thống giao thông kết nối thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội và giao dịch của người dân.

b) Nơi đặt trụ sở Công an phường Tân Tựu: Dự kiến trụ sở xã Nhật Tựu vì vị trí gần các khu, cụm công nghiệp, các khu trọ của công nhân,... có khoảng cách gần các điểm nóng về an ninh trật tự, kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh trên địa bàn.

c) Nơi đặt Trạm y tế: Dự kiến Trạm y tế xã Nhật Tân; Trạm y tế xã Nhật Tựu sẽ được sử dụng làm điểm trạm.

2. Phương án và lộ trình sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan, tổ chức sau khi thành lập phường Tân Tựu

a) Đối với cơ quan, tổ chức của Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội phường Tân Tựu

Thực hiện theo Hướng dẫn số 26-HD/BTCTW ngày 30/11/2023 của Ban Tổ chức Trung ương và hướng dẫn của Ban Tổ chức Tỉnh ủy về việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của các cơ quan, tổ chức của Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị-xã hội tại đơn vị hành chính cấp xã thực hiện sắp xếp, như sau:

* Đối với tổ chức đảng:

- Về tổ chức: Ban Thường vụ Thị ủy Kim Bảng xây dựng Đề án, quyết định thành lập Đảng bộ phường Tân Tựu trên cơ sở sáp nhập, hợp nhất Đảng bộ xã Nhật Tân và xã Nhật Tựu; chỉ định Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Bí thư, Phó Bí thư cấp ủy theo quy định của Điều lệ Đảng; Hướng dẫn số 26-

HD/BTCTW ngày 30/11/2023 của Ban Tổ chức Trung ương và Hướng dẫn của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hà Nam.

- Về số lượng: Số lượng Ủy viên Ban Chấp hành, Ủy viên Ban Thường vụ; Ủy viên Ủy ban kiểm tra không vượt quá tổng số hiện có của Đảng bộ 02 xã trừ số Ủy viên Ban Chấp hành, Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ủy ban kiểm tra chuyên công tác khác hoặc nghỉ hưu, nghỉ công tác.

* Đối với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội phường Tân Trụ

- Về tổ chức: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thị xã Kim Bảng hướng dẫn việc xây dựng Đề án sắp xếp, chuyển giao tổ chức, quy trình thành lập tổ chức, xác định nhiệm kỳ đầu tiên theo quy định của Điều lệ của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; Hướng dẫn số 26-HD/BTCTW ngày 30/11/2023 của Ban Tổ chức Trung ương.

- Về số lượng: Số lượng Ủy viên ủy ban, Ban Thường trực, Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và số lượng Ủy viên Ban Chấp hành, Ủy viên Ban Thường vụ, cấp phó các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện theo Hướng dẫn số 26-HD/BTCTW ngày 30/11/2023 của Ban Tổ chức Trung ương và Hướng dẫn của Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh.

b) Đối với tổ chức chính quyền địa phương và hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân phường Tân Trụ

Thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 10 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030. Đại biểu Hội đồng nhân dân của các đơn vị hành chính cũ hợp thành Hội đồng nhân dân của đơn vị hành chính mới và tiếp tục hoạt động cho đến khi hết nhiệm kỳ theo quy định tại Điều 134 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Hội đồng nhân dân của phường Tân Trụ bầu các chức danh của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân theo quy định tại Điều 83 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương và hoạt động cho đến khi Hội đồng nhân dân khóa mới được bầu ra. Cụ thể như sau:

* Đối với Hội đồng nhân dân

- Về tổ chức: Thường trực HĐND thị xã Kim Bảng chỉ định 01 triệu tập viên trong số các đại biểu HĐND phường Tân Trụ để triệu tập họp HĐND và bầu các chức danh Hội đồng nhân dân phường Tân Trụ khóa I, nhiệm kỳ 2021-2026 (theo quy định tại điều 134 Luật tổ chức Chính quyền địa phương).

- Về số lượng: Hội đồng nhân dân phường Tân Trụ gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Trưởng ban pháp chế, Trưởng ban Kinh tế - xã hội và 47 đại biểu của hai xã trước khi sắp xếp để hoạt động đến hết nhiệm kỳ (trong đó xã Nhật Tân 25 đại biểu, xã Nhật Trụ 22 đại biểu).

* Đối với Ủy ban nhân dân

- Về tổ chức: Ủy ban nhân dân phường Tân Trụ gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, các Ủy viên ủy ban và các chức danh công chức chuyên môn theo quy định hiện hành.

- Về số lượng: Gồm có 01 Chủ tịch, 02 Phó Chủ tịch và 12 - 14 công chức chuyên môn theo kết quả phân loại đơn vị hành chính cấp xã.

c) Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập

Thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 10 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030. Thực hiện việc sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập phải bảo đảm phù hợp với quy mô dân số, bán kính phục vụ, quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập. Việc thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo quy định của Luật chuyên ngành, các văn bản hướng dẫn thi hành của Chính phủ, của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực và quy định tại Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Phương án và lộ trình bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức, người lao động sau khi thành lập phường Tân Trụ

3.1. Thực trạng số lượng cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách

a) Xã Nhật Tân

- Tổng số biên chế cán bộ, công chức hiện có 20 người, trong đó: cán bộ 10 người, công chức 10 người.

- Tổng số người hoạt động không chuyên trách hiện có 12 người.

- Tổng số người đại biểu HĐND: 25 người.

b) Xã Nhật Trụ

- Tổng số biên chế cán bộ, công chức hiện có 18 người, trong đó: cán bộ 10 người, công chức 08 người.

- Tổng số người hoạt động không chuyên trách hiện có 12 người.

- Tổng số người đại biểu HĐND: 22 người.

3.2. Phương án sắp xếp cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách sau khi thành lập phường Tân Trụ

a) Số lượng cán bộ, công chức cấp xã

- Cán bộ, công chức phường Tân Trụ được bố trí theo kết quả phân loại ĐVHC là cấp xã loại I, gồm 23 người; số lượng cán bộ, công chức được bố trí thêm theo quy mô dân số của phường dự kiến là 05 người (cứ thêm 2.500 dân được bố trí 01 người). Như vậy, phường Tân Trụ được bố trí tối đa 28 cán bộ, công chức (cán bộ 11 người, công chức 17 người); người hoạt động không chuyên trách dự kiến là 19 người.

- Tổng số cán bộ, công chức có mặt tại thời điểm thành lập phường Tân Trụ là 38 người (cán bộ 20 người, công chức 18 người).

- Tổng số cán bộ, công chức dôi dư 10 người (cán bộ 09 người, công chức 01 người).

b) Phương án bố trí cụ thể tại phường Tân Trụ như sau:

- Cán bộ dự kiến sẽ bố trí 11 người, gồm: Bí thư Đảng ủy (01 người), Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy kiêm Chủ tịch HĐND (01 người), Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND (01 người), Phó Chủ tịch HĐND (01 người), Phó Chủ tịch UBND (02 người), Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc (01 người), Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh (01 người), Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ (01 người), Chủ tịch Hội Nông dân (01 người), Chủ tịch Hội Cựu chiến binh (01 người).

- Công chức chuyên môn dự kiến bố trí tối đa 17 người, gồm: Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự (01 người), Văn phòng - Thống kê (03 người), Tài chính - Kế toán (03 người), Tư pháp - Hộ tịch (03 người), Văn hóa - Xã hội (03 người), Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường (04 người).

c) Số lượng đại biểu HĐND: 47 người (giữ nguyên).

d) Số lượng người hoạt động không chuyên trách ở phường: Tối đa 19 người.

- Số lượng người hoạt động không chuyên trách tại thời điểm thành lập phường Tân Trụ là 24 người.

- Tổng số người hoạt động không chuyên trách dôi dư: 05 người.

3.3. Phương án và lộ trình cụ thể giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách dôi dư sau thành lập phường Tân Trụ

a) Số lượng cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã dôi dư, gồm: Cán bộ là 09 người, công chức là 01 người, người hoạt động không chuyên trách cấp xã là 05 người.

b) Phương án và lộ trình sắp xếp, bố trí cụ thể

- Đối với cán bộ, công chức (cán bộ 09 người, công chức 01 người): Năm 2024-2025, giải quyết 10 cán bộ, công chức cấp xã dôi dư, gồm: nghỉ theo Nghị định số 29/2023/NĐ-CP và chế độ hỗ trợ của tỉnh là 02 người; điều động, tiếp nhận vào công chức 08 người.

- Đối với người hoạt động không chuyên trách: trong năm 2025 giải quyết 05 người hoạt động không chuyên trách cấp xã dôi dư: thực hiện nghỉ việc theo diện dôi dư do sắp xếp hoặc bố trí thực hiện các nhiệm vụ khác ở cấp xã, ở thôn theo các chức danh quy định tại Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Phương án và lộ trình sắp xếp, xử lý trụ sở, tài sản công sau khi thành lập phường Tân Trụ

4.1. Phương án sắp xếp, xử lý trụ sở, tài sản công dôi dư

Thực hiện việc sắp xếp, xử lý trụ sở, tài sản công sau sắp xếp ĐVHC theo quy định tại Điều 13 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH. Cụ thể như sau:

- Rà soát, tạm dừng phê duyệt chủ trương đầu tư, phê duyệt dự án đầu tư công tại những ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp.

- Kịp thời cải tạo, sửa chữa, nâng cấp, mở rộng công sở, trụ sở làm việc của các cơ quan, tổ chức phù hợp với nhu cầu thực tế và theo quy định của pháp luật; bảo đảm khai thác hiệu quả tài sản công hiện có. Nghiên cứu đề bố trí, lựa chọn trụ sở của các cơ quan dự thừa sử dụng làm trụ sở cho Công an cấp xã, Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã hoặc thành điểm trường phục vụ giáo dục.

- Việc xử lý các cơ sở nhà, đất dôi dư được thực hiện theo quy định tại Điều 40 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017; Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Điều 7 Nghị định 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ.

4.2. Phương án và lộ trình cụ thể sắp xếp, xử lý trụ sở, tài sản công dôi dư

a) Đối với trụ sở dôi dư sau sắp xếp

- Qua rà soát, tổng số trụ sở của 02 ĐVHC cấp xã trước khi thực hiện sắp xếp: **10 trụ sở** (trong đó: Trụ sở Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân: 02; Trường học: 06; Trạm y tế: 02). Tổng số trụ sở dôi dư sau khi thực hiện sắp xếp thành lập phường Tân Tự: **02 trụ sở** (gồm 01 trụ sở Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã Nhật Tự và 01 Trạm y tế xã Nhật Tự).

- Đối với 02 trụ sở dôi dư nêu trên tiếp tục bố trí, sử dụng, thực hiện điều chuyển cho cơ quan, đơn vị khác sử dụng. Cụ thể đối với trụ sở Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã Nhật Tự dự kiến bố trí làm trụ sở Công an, Ban Chỉ huy Quân sự phường Tân Tự, đối với trạm y tế xã Nhật Tự bố trí làm điểm trạm y tế phường Tân Tự.

b) Đối với tài sản công sau sắp xếp

- Qua rà soát, tổng số tài sản công của 02 ĐVHC cấp xã trước khi thực hiện sắp xếp: **1037 tài sản** (trong đó: máy tính: 36; máy in: 32; máy scan: 06; điều hòa: 45; bàn ghế làm việc: 36; tủ tài liệu: 41; bàn ghế tiếp khách: 11; quạt trần: 60; quạt treo tường: 06; máy lọc nước: 08; ti vi: 05; loa: 13; âm ly 480W: 09; màn hình Led nhà văn hóa 260 inch: 01; bàn phòng họp: 23; ghế phòng họp: 105; bàn nhà văn hóa: 19; ghế nhà văn hóa: 581).

- Toàn bộ tài sản nêu trên được tiếp tục bố trí sử dụng theo đúng quy định về quản lý, sử dụng tài sản công, không để xảy ra thất thoát, lãng phí.

Phần thứ tư

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN THỊ XÃ KIM BẢNG SAU KHI ĐƯỢC THÀNH LẬP

A. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG, ẢNH HƯỞNG CỦA ĐỀ ÁN

I. TÁC ĐỘNG CỦA VIỆC THÀNH LẬP THỊ XÃ KIM BẢNG

1. Tác động đến phát triển kinh tế - xã hội

1.1 Mặt tích cực

- Việc thành lập thị xã Kim Bảng là sự kiện chính trị có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là động lực thúc đẩy kinh tế - xã hội huyện Kim Bảng tiếp tục phát triển, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân; đồng thời, đây là sự ghi nhận đối với mọi nỗ lực phấn đấu không ngừng của các cấp ủy Đảng, chính quyền và nhân dân huyện Kim Bảng nói riêng và tỉnh Hà Nam nói chung. Từ đó, tạo động lực để Đảng bộ, chính quyền và nhân dân huyện Kim Bảng tiếp tục phát huy truyền thống năng động, sáng tạo; tiếp tục huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư để phát triển kinh tế - xã hội, đẩy mạnh phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, đô thị và thương mại, dịch vụ, du lịch phát triển theo định hướng, mục tiêu đã đề ra trong các quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Thị xã Kim Bảng nằm ở phía Tây Bắc của tỉnh Hà Nam, nằm cách thành phố Phủ Lý khoảng 12 km, cách trung tâm thủ đô Hà Nội khoảng 60 km; có hệ thống hạ tầng phát triển, giao thông kết nối thuận lợi đến các cơ sở kinh tế quan trọng, như cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình, Quốc lộ 1, đường nối cao tốc Hà Nội - Hải Phòng, cảng Đình Vũ,... Theo đó, việc thành lập thị xã Kim Bảng sẽ là điều kiện để thu hút đầu tư phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và thương mại, dịch vụ, du lịch không chỉ của huyện Kim Bảng mà còn của cả tỉnh Hà Nam; góp phần thực hiện hiệu quả Quy hoạch tỉnh Hà Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quy hoạch chung đô thị Kim Bảng, Chương trình phát triển đô thị được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Thành lập thị xã Kim Bảng trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của huyện Kim Bảng đã kịp thời đáp ứng yêu cầu từ thực trạng phát triển kinh tế - xã hội và tốc độ đô thị hóa trên địa bàn huyện thời gian qua. Đồng thời, tạo ra động lực để chuyển dịch hơn nữa cơ cấu kinh tế, dịch chuyển lao động từ nông nghiệp, nông thôn sang kinh tế đô thị và lao động phi nông nghiệp với động lực sản xuất chính là công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề truyền thống và thương mại, dịch vụ và du lịch; tác động tích cực đến việc thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách, thu nhập bình quân đầu người, phát triển và đáp ứng tốt hơn về cơ sở hạ tầng giao thông, điện, thông tin liên lạc và các thiết chế văn hóa, giáo dục, y tế cho người dân.

- Việc thành lập thị xã Kim Bảng góp phần vào việc hoàn thành định hướng, mục tiêu đến năm 2030, tỉnh Hà Nam có 09 đô thị, gồm: thành phố Phủ Lý đạt tiêu chí đô thị loại I (trong đó tập trung xây dựng phát triển đô thị Bắc Châu Giang là đô

thị xanh, thông minh, có hạ tầng hiện đại, hạt nhân phát triển của thành phố Phủ Lý và đồng thời là trung tâm hành chính - chính trị của tỉnh), thị xã Duy Tiên là đô thị loại III (tiến tới thành lập thành phố Duy Tiên), huyện Kim Bảng là thị xã (cơ bản đạt tiêu chí đô thị loại III) theo Quy hoạch tỉnh Hà Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1868/QĐ-TTg. Góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ: Đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa và nâng cao chất lượng đô thị, Chương trình phát triển nhà ở. Phần đầu, thành lập thị xã Kim Bảng trước năm 2025; thành phố Phủ Lý là đô thị loại I trước năm 2030, tỉnh Hà Nam là thành phố trực thuộc Trung ương vào năm 2035 theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Hà Nam lần thứ XX, nhiệm kỳ 2020 - 2025 đã đề ra. Góp phần thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

1.2. Mặt tồn tại, hạn chế

Thành lập thị xã Kim Bảng cũng sẽ phát sinh một số khó khăn, như: Quỹ đất nông nghiệp ngày một bị thu hẹp; sự dịch chuyển lao động nông thôn về đô thị làm tăng nhu cầu việc làm, nhà ở và các chính sách xã hội (y tế, giáo dục,...); ảnh hưởng của quá trình phát triển đến kiến trúc cảnh quan và môi trường đô thị.

2. Tác động đến quản lý hành chính

2.1. Mặt tích cực

- Thành lập thị xã tạo tiền đề pháp lý cho việc thiết lập mô hình tổ chức bộ máy quản lý đô thị, đáp ứng yêu cầu về công tác quản lý hành chính Nhà nước theo hướng tập trung, thống nhất, nâng cao hoạt động hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên địa bàn.

- Thành lập thị xã đòi hỏi việc quản lý nhà nước được chuyên sâu và chuyên nghiệp hơn. Đội ngũ cán bộ, công chức sẽ phải thay đổi để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được đề ra cho địa phương trong tình hình mới. Từ đó sẽ góp phần làm giảm áp lực trong công tác quản lý nhà nước trong các lĩnh vực và củng cố cũng như tăng cường hiệu quả quản lý và điều hành của chính quyền địa phương. Bên cạnh đó, việc đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao năng lực nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ, công chức sẽ góp phần xây dựng bộ máy của hệ thống chính trị được tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; thúc đẩy cải cách và giải quyết các thủ tục hành chính được đơn giản hóa, giảm áp lực cho các dịch vụ hành chính công, giúp công việc nhanh, hiệu quả hơn.

2.2. Mặt tồn tại, hạn chế

Khi chuyển đổi mô hình quản lý của chính quyền nông thôn (huyện) sang mô hình chính quyền đô thị (thị xã) thì việc chuyển đổi mô hình quản lý sẽ gặp một số khó khăn trong thời gian đầu vận hành. Theo đó, bộ máy chính quyền huyện Kim Bảng đang thực hiện nhiệm vụ chính là phát triển nông nghiệp, ngành nghề nông thôn, khuyến nông, khuyến lâm sang nhiệm vụ chính là quản lý quy hoạch, kiến trúc, quản lý đất đai, cấp giấy phép xây dựng nhà ở, giấy phép kinh doanh, đặc biệt là quản lý sử dụng tài nguyên đất, thực hiện các dự án xây dựng hạ tầng kỹ

thuật, hạ tầng xã hội,... sẽ tạo áp lực đối với đội ngũ cán bộ, công chức trong việc nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

3. Tác động đến đời sống nhân dân và môi trường

3.1. Mặt tích cực

- Sau khi được thành lập, thị xã Kim Bảng sẽ thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế - xã hội, tăng nguồn đóng góp cho ngân sách của địa phương để đầu tư vào cơ sở hạ tầng, từ đó góp phần nâng cao chất lượng đời sống Nhân dân, hướng đến tiêu chí sống và tận hưởng giá trị cuộc sống.

- Thành lập thị xã cũng sẽ từng bước hình thành nếp sống văn minh đô thị, đặt ra cho nhân dân phải thay đổi văn hóa trong sinh hoạt hiện nay theo hướng văn minh, tiến bộ hơn, phù hợp với mô hình đô thị hóa. Mặt khác, khi thị xã Kim Bảng được thành lập, với nguồn kinh phí được bổ sung theo định mức của đơn vị hành chính đô thị và loại đô thị, sẽ tăng cường nguồn lực đầu tư các công trình phúc lợi xã hội, góp phần nâng cao chất lượng đời sống người dân; thúc đẩy thu hút đầu tư của các doanh nghiệp trong và ngoài nước, góp phần tạo cơ hội việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân.

- Thành lập thị xã sẽ là cơ sở để mở rộng không gian phát triển đô thị do chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp, phạm vi khu vực nội thị sẽ được mở rộng, tạo điều kiện để tổ chức hợp lý các phân khu chức năng theo quy hoạch chung đô thị Kim Bảng được phê duyệt.

3.2. Mặt tồn tại, hạn chế

- Sau khi thành lập, người dân, doanh nghiệp sẽ phải thay đổi các loại giấy tờ liên quan. Bên cạnh đó quá trình đô thị hóa sẽ làm tăng lượng khí thải, nước thải ra môi trường, điều này ảnh hưởng đến sự cân bằng sinh thái. Đối với nguồn tài nguyên, nhất là tài nguyên đất bị khai thác nhiều hơn để phục vụ phát triển kinh tế dẫn đến làm giảm diện tích cây xanh và mặt nước, cùng với đó vấn đề ô nhiễm nước mặt và nước ngầm từ nhiều nguồn khác nhau do nước công nghiệp, nước thải sinh hoạt, ao hồ bị san lấp để xây dựng các công trình hạ tầng.

- Tốc độ đô thị hóa làm tăng dân số, lao động từ các địa phương lân cận về sinh sống và làm việc sẽ gây nên áp lực đáng kể về nhà ở, vệ sinh môi trường và mật độ tham gia giao thông cơ giới.

4. Tác động đến quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội

4.1. Mặt tích cực

Việc thành lập thị xã sẽ làm tăng hiệu quả công tác quản lý Nhà nước về quốc phòng, an ninh, trật tự toàn xã hội. Cùng với việc tăng cường đầu tư về hệ thống công trình hạ tầng đô thị; chất lượng cuộc sống của người dân được nâng cao về ý thức, trách nhiệm, đảm bảo an ninh, trật tự giúp cho người dân tránh xa các tệ nạn xã hội, giảm thiểu sự lôi kéo, lợi dụng, kích động từ các phần tử xấu trong xã hội.

Thời gian qua, cùng với việc tăng cường lực lượng Công an chính quy về cơ sở và sự quan tâm đầu tư của các cấp chính quyền đối với các lực lượng quân sự, công an về phương tiện, cũng như chế độ, chính sách. Do vậy, tình hình an ninh trật tự được tăng cường; các lực lượng vũ trang luôn phát huy vai trò là lực lượng nòng cốt, bộ máy chuyên trách làm nhiệm vụ củng cố quốc phòng, quản lý, bảo vệ an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

4.2. Mặt tồn tại, hạn chế:

Sau khi được thành lập, sức hút lớn từ các chính sách đầu tư sẽ dẫn đến dịch chuyển dân cư, lao động theo hướng gia tăng về mặt cơ học (lao động tập trung về các khu, cụm công nghiệp, hình thành các khu, dãy nhà cho người lao động thuê; lao động làm việc tại các cơ sở thương mại, dịch vụ, du lịch). Điều này dẫn đến phát sinh các vấn đề về an ninh, quản lý địa bàn sẽ có diễn biến phức tạp, tiềm ẩn nguy cơ mất ổn định,... đòi hỏi lực lượng công an thị xã phải đủ mạnh, thường xuyên bám sát địa bàn, nắm chắc và xử lý kịp thời những vấn đề phát sinh.

Hệ thống giao thông được cải tạo, nâng cấp, lượng phương tiện tham gia giao thông ngày càng nhiều, tại các khu, cụm công nghiệp sẽ xảy ra tình trạng ùn tắc giao thông cục bộ. Vì vậy, lực lượng công an phải tăng cường tuần tra, đảm bảo an toàn giao thông, trật tự công cộng, xử lý vi phạm hành chính tại các điểm nóng về kinh doanh dịch vụ.

5. Kiến trúc đô thị và cảnh quan

5.1. Mặt tích cực

- Quy hoạch tỉnh Hà Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quy hoạch chung đô thị Kim Bảng, Chương trình phát triển đô thị được cấp có thẩm quyền phê duyệt là cơ sở pháp lý quan trọng để tỉnh Hà Nam và thị xã Kim Bảng tiếp tục lập, phê duyệt quy hoạch phân khu và huy động nguồn lực đầu tư phát triển không gian công cộng và công trình, kiến trúc trên địa bàn. Các công trình kiến trúc mới được xây dựng, cải tạo, đặc biệt là các khu vực sinh thái, công viên cây xanh sẽ góp phần nâng cao mỹ quan đô thị, cải thiện chất lượng môi trường sinh thái đô thị.

- Về mặt quản lý nhà nước đối với kiến trúc đô thị và cảnh quan, tại Quyết định số 07/2024/QĐ-UBND ngày 29/02/2024, UBND tỉnh Hà Nam đã phê duyệt Quy chế quản lý kiến trúc đô thị Kim Bảng. Đây được xem là bản quy tắc chung để các cơ quan, tổ chức, người dân và doanh nghiệp thực hiện; là cơ sở bảo đảm giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, các công trình kiến trúc trên địa bàn,... Như vậy, thị xã Kim Bảng được thành lập sẽ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đô thị, là cơ sở để thực hiện tốt quy chế quản lý kiến trúc đô thị Kim Bảng. Mặt khác, khi hoàn thiện và vận hành hệ thống các công trình theo quy hoạch được phê duyệt, diện mạo đô thị của Kim Bảng sẽ trở nên văn minh, hiện đại, sẽ tạo ra mỹ quan đô thị cho thị xã trong tương lai.

5.2. Mặt tồn tại, hạn chế

Quá trình đô thị hóa và công nghiệp hóa làm tăng trưởng nhanh các ngành công nghiệp vốn đã là thế mạnh của thị xã, dẫn đến việc tăng nhanh dân số cơ học, tăng tốc độ đô thị hóa và hình thành các khu nhà ở. Điều đó sẽ tác động lớn tới công tác quy hoạch, san lấp và giải phóng mặt bằng để xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật phục vụ nhu cầu cho người dân từ các nơi khác đến làm việc và sinh sống. Ngoài ra, cảnh quan môi trường xung quanh cũng bị ảnh hưởng; tình trạng lấn chiếm vỉa hè, lòng đường, ô nhiễm môi trường tăng lên gây ùn tắc về giao thông, mất mỹ quan đô thị.

II. TÁC ĐỘNG CỦA VIỆC THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG THUỘC THỊ XÃ KIM BẢNG

1. Tác động đến kinh tế - xã hội

a) Mặt tích cực

- Việc chuyển đổi mô hình từ chính quyền nông thôn sang chính quyền đô thị ngoài việc đáp ứng yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội và tốc độ đô thị hóa trên địa bàn các xã, thị trấn thuộc huyện Kim Bảng thì đây được xem là sự ghi nhận của Trung ương đối với những thành tựu mà địa phương đã đạt được, có ý nghĩa chính trị to lớn, tác động tích cực đến các mặt của đời sống xã hội. Đồng thời, điều này cũng là động lực và điều kiện thu hút đầu tư, khuyến khích kinh tế, văn hóa - xã hội của địa phương phát triển hơn nữa theo hướng khai thác tiềm năng, lợi thế về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên,...; góp phần chuyển dịch kinh tế nông nghiệp, nông thôn sang kinh tế đô thị gắn với dịch vụ, thương mại, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề truyền thống.

- Kinh tế - xã hội phát triển kéo theo nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng cũng sẽ được quan tâm, tăng cường; hệ thống hạ tầng như: giao thông, điện, nước, thông tin liên lạc, văn hóa, giáo dục, y tế,... được tăng cường đầu tư sẽ thúc đẩy kinh tế tăng trưởng; giao thông kết nối thuận tiện là cơ sở cho giao thương, trao đổi hàng hóa lớn phát triển.

- Kinh tế tăng trưởng, hạ tầng được đầu tư nâng cấp sẽ tạo sức hút đối với các doanh nghiệp, nhà đầu tư; cơ hội tìm kiếm việc làm của người lao động cũng được mở rộng, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động từ lao động nông nghiệp sang làm việc ở lĩnh vực công nghiệp, thương mại - dịch vụ,... góp phần ổn định thu nhập, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân trên địa bàn. Cùng với đó, việc đầu tư hoàn thiện hệ thống hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật thiết yếu sẽ đáp ứng tốt hơn đời sống, sinh hoạt của người dân như: nâng cấp mở rộng các tuyến giao thông, nâng cao chất lượng giáo dục đối với các trường đã đạt chuẩn quốc gia, đa dạng hóa hoạt động văn hóa, thể dục thể thao.

b) Mặt hạn chế

Thành lập các phường thuộc thị xã Kim Bảng bước đầu sẽ gặp một số khó khăn nhất định. Hiện nay, chất lượng nguồn nhân lực trên địa bàn chưa cao, tỷ lệ lao động đào tạo nghề, có chứng chỉ nghề chưa lớn, chủ yếu là sản xuất tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề truyền thống, chưa đáp ứng yêu cầu sản xuất hàng hóa và tính chuyên môn hóa cao. Đồng thời, để thực hiện các mục tiêu tăng trưởng,

chính quyền địa phương các cấp cần hoạch định chương trình, chính sách phù hợp với điều kiện thực tiễn, nếu không giải quyết tốt mối quan hệ giữa tiềm năng, khả năng, lợi thế với thực lực sẽ dẫn đến mục tiêu không phù hợp. Bên cạnh đó, thói quen, văn hóa và phong tục tập quán,... cũng đang là vấn đề cần tập trung giải quyết để phù hợp với lối sống, sinh hoạt của cuộc sống đô thị; việc huy động các nguồn vốn đầu tư chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế.

2. Tác động đến quản lý hành chính

a) Mặt tích cực

- Thành lập các phường trên cơ sở nguyên trạng diện tích tự nhiên và dân số của các xã, thị trấn không làm thay đổi về tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị ở cơ sở, không làm phát sinh biên chế cán bộ, công chức; đồng thời, góp phần đổi mới phương thức quản lý, điều hành của bộ máy chính quyền cơ sở và tác phong, lề lối làm việc theo mô hình chính quyền đô thị mang tính chuyên sâu, chuyên nghiệp nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong điều kiện mới. Đây cũng là cơ sở để rà soát, chọn lọc đội ngũ cán bộ, công chức và nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ quản lý trật tự đô thị, xây dựng, quản lý đất đai, dân cư, vệ sinh môi trường,...

- Công tác quản lý nhà nước được thực hiện chuyên sâu, theo ngành, lĩnh vực của đô thị gắn với cải cách thủ tục hành chính sẽ tạo thuận lợi giải quyết công việc nhanh, hiệu quả, giảm áp lực cho các dịch vụ hành chính công; đồng thời, việc tăng cường lực lượng công an chính quy sẽ góp phần đảm bảo an ninh, chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

b) Mặt hạn chế

- Thay đổi đơn vị hành chính từ xã lên phường sẽ ảnh hưởng đến công tác giải quyết các thủ tục hành chính của tổ chức, cá nhân; các doanh nghiệp, tổ chức và người dân trên địa bàn phải kê khai thay đổi lại các thông tin cá nhân, gia đình cho phù hợp. Công tác quản lý nhà nước từ mô hình chính quyền nông thôn sang chính quyền đô thị bước đầu cần phải có thời gian để ổn định; đội ngũ cán bộ công chức sẽ gặp khó khăn ban đầu do sự khác biệt về chức năng, nhiệm vụ giữa hai mô hình quản lý.

- Sự phát triển kinh tế - xã hội và quá trình đô thị hóa sẽ dẫn đến nhiều vấn đề bất cập mới nảy sinh như tình trạng dịch chuyển lao động từ nông thôn sang đô thị, nhu cầu và khả năng giải quyết việc làm cho người lao động; công tác quản lý nhà nước về môi trường, kiến trúc cảnh quan đô thị; trật tự, an toàn, tệ nạn xã hội, quốc phòng, an ninh.

3. Tác động đến quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội

a) Mặt tích cực

Thành lập các phường góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước nói chung và công tác quản lý nhà nước về quân sự quốc phòng, an ninh trật tự an toàn xã hội nói riêng.

Kinh tế - xã hội phát triển, đời sống vật chất, tinh thần của người dân được nâng lên sẽ tác động tích cực đến củng cố nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, hạn chế điều kiện phát sinh tội phạm; hạ tầng giao thông được đầu tư, nâng cấp giúp cho việc đi lại được thuận lợi, góp phần bảo đảm an ninh trật tự, giảm thiểu tai nạn giao thông.

b) Mặt hạn chế

Dân số cơ học, lao động nhập cư từ các địa phương khác gia tăng sẽ có những tác động đến công tác bảo đảm an ninh trật tự, tiềm ẩn các tệ nạn xã hội, đe dọa cuộc sống của một bộ phận dân cư, nhất là người trẻ tuổi.

4. Tác động đến sản xuất, kinh doanh và đời sống sinh hoạt dân cư

a) Mặt tích cực

Thành lập các phường phù hợp với Chương trình phát triển đô thị tỉnh Hà Nam, Quy hoạch chung đô thị Kim Bảng và các kế hoạch, chương trình phát triển đô thị đã được phê duyệt; việc thành lập trên cơ sở nguyên trạng đơn vị hành chính của các xã, thị trấn không ảnh hưởng lớn đến sản xuất, kinh doanh và đời sống nhân dân; là điều kiện để kêu gọi, thu hút đầu tư, phát triển các thành phần kinh tế, nhất là kinh tế hộ gia đình, làng nghề thủ công truyền thống; chuyển dịch cơ cấu kinh tế, lao động và giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập người dân.

Sau khi thành lập phường, các thiết chế văn hóa, giáo dục, y tế sẽ được quan tâm đầu tư, nâng cấp, đáp ứng yêu cầu xây dựng đô thị văn minh, qua đó góp phần nâng cao đời sống tinh thần, đảm bảo phúc lợi xã hội, tạo chuyển biến về lối sống, nếp sống người dân từ nông thôn sang đô thị.

b) Mặt hạn chế

Tốc độ đô thị hóa nhanh, nhu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang phi nông nghiệp nhằm phát triển các khu, cụm công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật và xã hội,... dẫn đến diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn bị thu hẹp, tác động đến vấn đề an ninh lương thực, chuyển đổi cơ cấu lao động. Vì vậy, cần xây dựng phương án tổ chức lại sản xuất nông nghiệp và đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, phát triển nông nghiệp theo hướng sinh thái bền vững; khuyến khích phát triển các nghề thủ công truyền thống, ngành phi nông nghiệp để giải quyết triệt để và hiệu quả việc làm cho người dân.

5. Tác động đến nguồn vốn đầu tư

a) Mặt tích cực

Thành lập phường, các nguồn thu ngân sách được phân cấp theo tỷ lệ giảm nhưng mức thu, đơn giá thu tăng lên, do vậy nguồn thu vẫn đảm bảo nhiệm vụ chi ngân sách hàng năm.

Với vị trí thuận lợi, quỹ đất phục vụ phát triển đô thị, thương mại, dịch vụ lớn sẽ là điều kiện để thu hút các nguồn lực cho đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, tạo ra động lực, môi trường làm việc và đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế. Cùng

với đó, việc thu hút đầu tư của các thành phần kinh tế, các doanh nghiệp trong và ngoài nước sẽ mở ra nhiều cơ hội phát triển các dự án hợp tác về kinh tế; hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng, tiếp tục kêu gọi, thu hút, huy động vốn đầu tư vào các khu đô thị mới.

b) Mặt hạn chế

Việc đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội như: hệ thống đường giao thông kết nối các phường mới với trung tâm thị xã Kim Bảng, hệ thống chiếu sáng đô thị, các công trình công cộng,... cần phải huy động nguồn vốn đầu tư lớn trong bối cảnh chung của nền kinh tế đang bị suy thoái sẽ là rào cản lớn trong việc thực hiện các chương trình, mục tiêu theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

6. Tác động đến kiến trúc cảnh quan và môi trường

a) Mặt tích cực

Thành lập các phường là điều kiện để rà soát, thực hiện tổ chức hợp lý các khu chức năng, các không gian đô thị theo hướng văn minh, hiện đại như không gian sinh hoạt vui chơi giải trí cho cộng đồng; là tiền đề để đầu tư xây dựng mới các khu chức năng đô thị; bố trí, sắp xếp phân bố các khu dân cư, các khu đô thị mới; phân bố lại dân cư giữa các khu mới và các khu cũ đảm bảo hài hòa và hiện đại hơn; kiến trúc cảnh quan đô thị tạo điều kiện cho sự phát triển dịch vụ đô thị mang lại sự đa dạng phong phú cho người dân.

b) Mặt hạn chế

Quá trình xây dựng và phát triển huyện Kim Bảng và các xã, thị trấn theo Chương trình phát triển đô thị của tỉnh Hà Nam, Quy hoạch chung đô thị Kim Bảng,... gắn liền với quá trình phát triển kinh tế, công nghiệp hóa, tăng quy mô, mật độ dân số nên sẽ có những tác động, áp lực đến môi trường, làm tăng khí thải, bụi, rác thải, nước thải, biến đổi các thành phần của môi trường không khí, đất, nước...; dân số tăng nhanh do gia tăng dân số cơ học gây ra nhiều vấn đề ô nhiễm môi trường; số lượng phương tiện giao thông cá nhân sẽ tăng nhanh làm gia tăng khói bụi, gây ô nhiễm môi trường không khí. Do vậy, cần định hướng phát triển đô thị theo hướng bền vững, cần giải quyết đồng bộ các vấn đề môi trường tự nhiên.

Quá trình xây dựng, phát triển để các xã, thị trấn đạt tiêu chuẩn của phường thuộc thị xã gắn liền với quá trình đô thị hóa, tăng quy mô, mật độ dân số, ảnh hưởng đến môi trường đô thị. Vì vậy, công tác hoạch định, quy hoạch, quản lý đô thị không theo kịp tốc độ phát triển có thể dẫn đến sự thiếu đồng bộ, không thống nhất trong quá trình phát triển.

III. TÁC ĐỘNG CỦA VIỆC SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ ĐỂ THÀNH LẬP ĐVHC ĐÔ THỊ CÙNG CẤP

1. Tác động về hoạt động quản lý Nhà nước

a) Tác động tích cực

- Việc thành lập phường Tân Tựu trên cơ sở nhập nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, dân số của xã Nhật Tân và xã Nhật Tựu góp phần thực hiện chủ trương, chính sách chung của Đảng và Nhà nước về sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã; góp phần tinh gọn được bộ máy, giảm được số lượng cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách, giảm áp lực đối với ngân sách trung ương và địa phương.

- Việc thành lập phường Tân Tựu trên cơ sở nhập nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, dân số của xã Nhật Tân và xã Nhật Tựu làm giảm 01 đơn vị hành chính cấp xã thuộc huyện Kim Bảng; đồng thời giảm 15 cán bộ, công chức cấp xã. Theo đó, sau khi thành lập chính quyền địa phương các cấp tỉnh Hà Nam sẽ thực hiện việc rà soát, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức hiện có theo hướng lựa chọn những người có năng lực, chuyên môn đáp ứng nhiệm vụ quản lý đô thị. Số còn lại sẽ thực hiện điều chuyển sang các vị trí khác hoặc cho nghỉ việc theo quy định. Việc cạnh tranh vị trí làm việc chính thức sẽ tạo động lực thúc đẩy cán bộ, công chức phải tự thay đổi, có sự nỗ lực phấn đấu để có thể đảm nhiệm vai trò, nhiệm vụ mới. Điều này giúp nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức trên địa bàn; thúc đẩy giải quyết công việc cho người dân và doanh nghiệp được tốt hơn.

- Không gian phát triển được mở rộng, nguồn lực được tập trung; khắc phục tình trạng đơn vị nhỏ lẻ làm ảnh hưởng đến công tác lập quy hoạch, kế hoạch, Chương trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; tiềm năng, lợi thế của địa phương được phát huy góp phần mở rộng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, lao động, tạo ra nhiều cơ hội việc làm, tăng thu nhập cho người lao động.

- Thành lập phường Tân Tựu trên cơ sở nhập xã Nhật Tân và xã Nhật Tựu là sự chuyển đổi mô hình quản lý từ chính quyền nông thôn sang chính quyền đô thị để quản lý cho phù hợp với thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là quá trình đô thị hóa trên địa bàn. Theo đó, công tác quản lý Nhà nước về hành chính, lãnh thổ của chính quyền sẽ thực hiện chức năng, nhiệm vụ về quản lý đô thị. Điều này giải quyết được khó khăn, bất cập về quản lý kiến trúc, cảnh quan, môi trường, trật tự xây dựng, an ninh trật tự mà chính quyền xã đang gặp phải.

b) Hạn chế, bất cập

- Việc thành lập phường Tân Tựu trên cơ sở nhập nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, dân số của xã Nhật Tân và xã Nhật Tựu làm thay đổi địa giới đơn vị hành chính cấp xã. Dẫn đến các quy hoạch, kế hoạch, chương trình phát triển hiện có phải được điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp, dẫn đến làm phát sinh kinh phí ngân sách địa phương.

- Việc giảm 01 đơn vị hành chính cấp xã sẽ dẫn đến dôi dư cán bộ, công chức cấp xã. Điều này ít nhiều ảnh hưởng đến tâm tư của đội ngũ cán bộ, công chức hiện nay do thực hiện sắp xếp lại. Theo đó, ở giai đoạn đầu sau khi thành lập phường, chất lượng, tiến độ giải quyết công việc sẽ bị ảnh hưởng.

2. Tác động về kinh tế - xã hội

a) Tác động tích cực

- Thành lập phường Tân Tụ trên cơ sở nhập xã Nhật Tân và xã Nhật Tụ là sự chuyển đổi mô hình quản lý từ chính quyền nông thôn sang chính quyền đô thị để quản lý cho phù hợp với thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là quá trình đô thị hóa trên địa bàn. Đây cũng là sẽ ghi nhận đối với những nỗ lực phấn đấu của chính quyền địa phương các cấp và Nhân dân địa phương thời gian qua; đồng thời, tạo động lực thúc đẩy hơn nữa kinh tế - xã hội tiếp tục phát triển; tạo sức hấp dẫn trong việc thu hút các nguồn lực đầu tư phát triển, xây dựng kết cấu hạ tầng; góp phần cải thiện và nâng cao hơn nữa đời sống Nhân dân trên địa bàn.

- Sau khi được thành lập, chính quyền địa phương các cấp phải tiến hành tổ chức, sắp xếp lại hệ thống giáo dục, y tế theo hướng nâng cao chất lượng để phục vụ Nhân dân được tốt hơn; công tác đảm bảo an sinh xã hội được chú trọng, tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy huy động nguồn lực đóng góp của Nhân dân, các nguồn lực xã hội hóa để xây dựng kết cấu hạ tầng và phát triển hệ thống y tế, giáo dục.

b) Hạn chế, bất cập

- Việc thay đổi địa chỉ, địa danh đơn vị hành chính ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân trên địa bàn.

- Việc nhập 02 xã để thành lập 01 phường dẫn đến việc phải bố trí, sắp xếp và sử dụng hiệu quả cơ sở hạ tầng đôi dư như trụ sở làm việc của Đảng ủy, HĐND, UBND, trạm y tế, nhà văn hóa xã,... Như vậy, thời gian đầu sẽ phát sinh tình trạng lãng phí nguồn lực; chính quyền địa phương phải chi phí để bảo dưỡng, quản lý để không bị xuống cấp, thất thoát.

3. Tác động về quốc phòng, an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội

a) Tác động tích cực

- Việc cắt giảm chi phí từ nguồn chi lương, chi hoạt động thường xuyên của tổ chức bộ máy sẽ tạo nguồn lực cho công tác quân sự quốc phòng, bảo đảm an ninh trật tự trên địa bàn; đơn vị hành chính mới có quy mô dân số lớn hơn sẽ tạo ra nguồn nhân lực cho khu vực phòng thủ, tạo điều kiện thuận lợi cho huy động và sử dụng lực lượng dự bị động viên, dân quân tự vệ.

- Việc điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch, chương trình phát triển kinh tế - xã hội của đơn vị hành chính mới tạo cơ hội cho chính quyền địa phương tăng cường hơn nữa tiềm lực quốc phòng, an ninh; kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế và giữ vững an ninh - quốc phòng trong giai đoạn mới.

b) Hạn chế, bất cập

Thành lập phường trên cơ sở nhập 02 xã dẫn đến tăng quy mô diện tích và dân số của đơn vị hành chính mới. Do vậy, công tác kiểm tra, theo dõi, giám sát để nắm bắt tình hình về công tác quốc phòng, an ninh chính trị gặp nhiều khó khăn, phức tạp hơn.

4. Tác động về thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công

a) Tác động tích cực

Việc xây dựng bộ máy chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính mới tinh gọn hơn; lựa chọn đội ngũ cán bộ, công chức chất lượng hơn; cơ sở vật chất từng bước được đầu tư, trang bị thiết bị đầy đủ, hiện đại,... là các điều kiện tốt nhất cho việc đảm bảo hoạt động của hệ thống chính trị có hiệu lực, hiệu quả; khi đó hoạt động của bộ máy chính quyền được thông suốt sẽ phục vụ người dân và doanh nghiệp tốt hơn.

b) Hạn chế, bất cập

Thành lập phường Tân Tựu trên cơ sở nhập xã Nhật Tân và xã Nhật Tựu làm phát sinh thủ tục hành chính về thay đổi các loại giấy tờ của người dân và doanh nghiệp; phát sinh khối lượng công việc cần phải tập trung giải quyết của chính quyền địa phương ở giai đoạn đầu sau khi thành lập.

IV. GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC NHỮNG TỒN TẠI, HẠN CHẾ

1. Tác động đến phát triển kinh tế - xã hội

- Nâng cao chất lượng thực hiện quy hoạch, xây dựng và quản lý phát triển đô thị dựa trên các nguyên tắc công khai, minh bạch, có sự tham gia của người dân; kiểm soát việc xây dựng đầu tư phát triển đô thị theo quy hoạch được kiểm duyệt.

- Thực hiện các giải pháp phát triển thị trường lao động; kết nối hệ thống thông tin thị trường lao động địa phương với hệ thống thông tin thị trường lao động của trong tỉnh và ngoài tỉnh. Tiếp tục triển khai có hiệu quả đối với các chính sách, chương trình, giải pháp hỗ trợ tạo việc làm.

2. Tác động đến quản lý hành chính

- Nâng cao hơn nữa hiệu quả thực thi công vụ cho đội ngũ công chức; nâng cao chất lượng và cải thiện tác phong làm việc của đội ngũ cán bộ, công chức trên địa bàn; đẩy mạnh xây dựng và vận hành chính quyền điện tử, góp phần cải cách thủ tục hành chính và các dịch vụ công được hiệu quả nhất.

- Có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức nhằm nâng cao nghiệp vụ quản lý đô thị, kiến thức quản lý thị trường, quản lý tài nguyên - môi trường, quản lý trật tự xây dựng đô thị, nắm vững về các quy trình, thủ tục giải quyết công việc, góp phần nâng cao chuyên môn trong công việc được giao; nâng cao vai trò đại biểu Hội đồng nhân dân để thực hiện tốt nhiệm vụ giám sát đối với hoạt động quản lý nhà nước trong tình hình mới, trong đó chủ yếu đối với lĩnh vực xây dựng, đô thị, môi trường.

3. Tác động đến đời sống nhân dân và môi trường

Chính quyền địa phương các cấp cần chủ động triển khai và tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người dân, doanh nghiệp trong việc thực hiện thủ tục chuyển đổi các loại giấy tờ liên quan đến nhân thân hoặc liên quan đến các hoạt động sản xuất, kinh doanh và không thu các loại phí, lệ phí khi thực hiện việc chuyển đổi.

Đẩy nhanh tiến độ thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia; xây dựng và triển khai kế hoạch tổ chức cấp thay đổi hoặc điều chỉnh các loại giấy tờ cho người dân, tổ chức

theo đúng quy định. Các loại giấy tờ còn giá trị pháp lý của đơn vị hành chính cũ thì vẫn tiếp tục được sử dụng, lưu hành, chỉ thay đổi khi người dân có nguyện vọng.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, trách nhiệm của người dân về vấn đề bảo vệ môi trường sống, kết hợp với kiểm tra giám sát việc chấp hành quy định pháp luật về bảo vệ môi trường tại các cơ sở sản xuất kinh doanh, các nhà máy trong khu, cụm công nghiệp, như: thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt, sản xuất trước khi đổ vào hệ thống thoát nước chung; nâng công suất các nhà máy xử lý rác thải và các lò đốt rác công nghệ; quán triệt việc thu gom, vận chuyển rác thải vào thời gian cố định tránh ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt và sản xuất của người dân, cơ sở sản xuất; thực hiện đồng bộ các giải pháp về bảo vệ môi trường góp phần nâng cao chất lượng sống của người dân cũng như tạo diện mạo phát triển đô thị theo hướng hiện đại, giàu bản sắc.

4. Tác động đến quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội

Triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp bảo đảm an ninh trên các lĩnh vực, nhất là an ninh kinh tế, an ninh công nghiệp, an ninh công nhân, an ninh chính trị nội bộ, bảo vệ bí mật nhà nước. Nắm chắc tình hình, dự báo chính xác, chủ động phát hiện, đấu tranh, tuyệt đối không để bị động, bất ngờ. Tăng cường đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm, phòng, chống cháy nổ, phấn đấu giảm thiểu tai nạn giao thông ở mức thấp nhất; xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về an ninh, trật tự; đẩy mạnh cải cách hành chính, đáp ứng nhu cầu người dân và doanh nghiệp. Tăng cường tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, đảng viên và Nhân dân. Xây dựng cơ chế phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương để bảo đảm thống nhất về công tác quản lý nhà nước về an ninh, trật tự và hiệp đồng chiến đấu. Lập kế hoạch tiến hành việc chuyển đổi giấy tờ cho người dân, doanh nghiệp, trong đó ưu tiên thực hiện những trường hợp có nhu cầu cấp bách.

5. Kiến trúc đô thị và cảnh quan

Cùng với tốc độ đô thị hóa tăng nhanh theo thời gian, mật độ dân số cao ở khu vực đô thị cũng gây ra sức ép ngày càng lớn cho các cơ quan quản lý nhà nước về các vấn đề ô nhiễm môi trường; thiếu hụt nước sạch, tài nguyên đất đai; quá tải hạ tầng giao thông. Theo đó, cần tập trung vào những giải pháp đồng bộ từ quy hoạch đến đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp để hoàn chỉnh các hệ thống công, rãnh thoát nước thải và hệ thống các trạm xử lý nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp, đảm bảo không để xảy ra úng ngập khi trời mưa làm ách tắc giao thông và gây ô nhiễm môi trường; xây dựng mới và cải tạo các hồ sinh thái ở khu vực đô thị với mục đích vừa là nơi chứa nước đã qua xử lý, vừa là khu vực tạo môi trường sinh thái có tác dụng điều hòa không khí; giải quyết những vướng mắc và có cơ chế hỗ trợ chủ đầu tư để khuyến khích tăng nhanh số lượng nhà máy chế biến rác thải đi vào hoạt động.

Tuyên truyền, vận động, tăng cường tuần tra, kiểm soát, nhắc nhở và xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm lấn chiếm, sử dụng hành lang vỉa hè để kinh doanh buôn bán; các cá nhân vi phạm trật tự an toàn giao thông cũng như xử lý triệt

để các sai phạm của các đơn vị trong quá trình triển khai xây dựng các công trình nhằm lập lại trật tự công cộng, trật tự đô thị trên địa bàn.

B. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN THỊ XÃ KIM BẢNG SAU KHI ĐƯỢC THÀNH LẬP

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở Đảng và đảng viên; xây dựng hệ thống chính trị thị xã vững mạnh; phát huy dân chủ và sức mạnh đại đoàn kết của toàn dân; chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng dịch vụ - du lịch và công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, giảm tỷ trọng nông nghiệp. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của chính quyền thị xã và các xã, phường trên các lĩnh vực. Phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa - xã hội, không ngừng nâng cao đời sống nhân dân, bảo đảm an sinh xã hội. Cùng cố quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Huy động nguồn lực và phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội vào công tác phát triển đô thị để hoàn thành các tiêu chuẩn, tiêu chí còn chưa đạt của đô thị loại IV và thị xã thuộc tỉnh. Phân đấu đến năm 2030, thị xã Kim Bảng cơ bản đạt các tiêu chí của đô thị loại III; là đô thị du lịch, dịch vụ và công nghiệp trọng điểm của tỉnh Hà Nam theo hướng xanh, thông minh, hiện đại, có nét đặc sắc riêng biệt và phát triển bền vững theo quy hoạch tỉnh Hà Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

II. CHỈ TIÊU CỤ THỂ ĐẾN NĂM 2030

1. Về kinh tế

1.1. Cơ cấu kinh tế năm 2030: Công nghiệp - xây dựng chiếm 65%; thương mại - dịch vụ và du lịch chiếm 32,5%; nông - lâm nghiệp - thủy sản chiếm 2,5%. Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tăng 15%/năm, đạt 200 triệu USD năm 2030.

1.2. Giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ - du lịch tăng bình quân 15%/năm (đạt khoảng 35.000 tỷ vào năm 2030); giá trị sản xuất nông - lâm nghiệp - thủy sản tăng bình quân 3 đến 5%/năm (2.500 đến 3.000 tỷ đồng vào năm 2030).

1.3. Thu ngân sách trên địa bàn (không kể thu tiền sử dụng đất) tăng từ 10 - 12%/năm (khoảng từ 1.200 đến 1.300 tỷ đồng); cân đối thu chi ngân sách: Dư.

1.4. Thu nhập bình quân đầu: $\geq 1,5$ lần bình quân cả nước (tương đương khoảng 180 triệu đồng).

1.5. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tăng 15%/năm, đạt 12.000 tỷ vào năm 2030.

1.6. Thu hút trên 4,5 triệu lượt khách (trong đó khu du lịch Tam Chúc 3,7 triệu lượt khách); doanh thu các ngành dịch vụ tăng bình quân trên 15%/năm.

2. Về văn hóa- xã hội

2.1. Số lao động được giải quyết việc làm đạt 4.000 người; trong đó lao động xuất khẩu chiếm 10%. Lao động qua đào đạt 80%, trong đó có chứng chỉ hành nghề chiếm 70%.

2.2. Tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống dưới 1%.

2.3. Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 97%.

2.4. Tỷ lệ gia đình văn hóa đạt 95%; thôn, tổ dân phố văn hóa đạt 100%.

2.5. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp toàn đô thị: $\geq 90\%$.

2.6. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp khu vực nội thị: $\geq 95\%$.

3. Về phát triển đô thị (theo Chương trình phát triển đô thị Kim Bảng được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 433/QĐ-UBND ngày 19/4/2024)

3.1. Diện tích nhà ở bình quân đầu người: $\geq 32\text{m}^2$ sàn/người.

3.2. Tỷ lệ nhà ở kiên cố: $\geq 100\%$.

3.3. Đất dân dụng bình quân đầu người: 85m^2 /người.

3.4. Đất xây dựng các công trình dịch vụ - công cộng đô thị bình quân đầu người: $\geq 5\text{m}^2$ /người.

3.5. Đất xây dựng công trình dịch vụ - công cộng cấp đơn vị ở bình quân đầu người: $\geq 2\text{m}^2$ /người.

3.6. Cơ sở y tế cấp đô thị: ≥ 35 giường/10.000 dân.

3.7. Cơ sở giáo dục, đào tạo cấp đô thị: ≥ 10 cơ sở.

3.8. Công trình văn hóa cấp đô thị: ≥ 5 công trình.

3.9. Công trình thể dục, thể thao cấp đô thị: ≥ 5 công trình.

3.10. Công trình thương mại, dịch vụ cấp đô thị: ≥ 8 công trình.

3.11. Tỷ lệ đất giao thông so với đất xây dựng đô thị: $\geq 20\%$.

3.12. Mật độ đường giao thông đô thị: $\geq 7,5$ km/km²

3.13. Diện tích đất giao thông bình quân đầu người: $\geq 12\text{m}^2$ /người.

3.14. Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng: $\geq 17\%$.

3.15. Cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người: ≥ 1.400 kWh/người/năm.

3.16. Tỷ lệ đường phố được chiếu sáng: 100%.

3.17. Tỷ lệ ngõ, ngách, hẻm được chiếu sáng: $\geq 100\%$.

3.18. Mức tiêu thụ nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung bình quân đầu người: ≥ 125 lít/người/ngày-đêm.

3.19. Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh: 100%.

3.20. Số thuê bao băng rộng di động: 100 số thuê bao/100 dân.

3.21. Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối cáp quang: 100%.

3.22. Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình: $\geq 75\%$.

3.23. Thực hiện tốt Quy chế quản lý kiến trúc đô thị hoặc quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị.

3.24. Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị: $\geq 55\%$.

3.25. Số lượng dự án cải tạo, chỉnh trang đô thị, cải tạo môi trường đô thị ứng phó biến đổi khí hậu đã có chủ trương đầu tư hoặc đã và đang triển khai thực hiện: ≥ 3 dự án.

3.26. Số lượng không gian công cộng của đô thị: ≥ 06 khu.

3.27. Công trình xanh: Có 03 công trình xanh trở lên đã được cấp giấy chứng nhận.

3.28. Khu chức năng đô thị, khu đô thị mới được quy hoạch, thiết kế theo mô hình xanh, ứng dụng công nghệ cao, thông minh: ≥ 05 khu.

3.29. Tỷ lệ đô thị hóa khoảng 73% (thành lập thêm một số phường trực thuộc để đạt tỷ lệ số phường/tổng số đơn vị hành chính từ 60% - tiêu chuẩn thị xã thuộc tỉnh).

3.30. Tỷ lệ đất xây dựng đô thị trên tổng diện tích đất tự nhiên đạt 40%.

3.31. Tỷ lệ đất giao thông trên đất xây dựng đô thị 16%.

3.32. Mật độ đường cống thoát nước chính: ≥ 10 km/km²

3.33. Tỷ lệ các điểm ngập úng có giải pháp phòng, chống, khắc phục: $\geq 30\%$.

3.34. Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật: $\geq 30\%$.

3.35. Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường: 100%.

3.36. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom: $\geq 100\%$.

3.37. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường: 100%.

3.38. Nhà tang lễ: ≥ 01 cơ sở.

3.39. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng: $\geq 25\%$.

3.40. Đất cây xanh toàn đô thị bình quân đầu người: ≥ 10 m²/người.

C. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN 10 PHƯỜNG THUỘC THỊ XÃ KIM BẢNG SAU KHI ĐƯỢC THÀNH LẬP

I. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

Huy động mọi nguồn lực đầu tư cho phát triển kinh tế, đầu tư đồng bộ hạ tầng kinh tế với hạ tầng xã hội; gắn phát triển kinh tế với phát triển toàn diện các lĩnh vực của đời sống xã hội; thực hiện tốt chính sách xã hội, huy động tối đa các nguồn lực hỗ trợ đào tạo nghề, giải quyết việc làm và giảm nghèo bền vững, hạn chế tối đa tình trạng tái nghèo và hướng tới thị xã Kim Bảng không còn hộ nghèo

vào năm 2035; không ngừng nâng cao chất lượng cuộc sống người dân theo tiêu chí hạnh phúc; củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị, ổn định trật tự an toàn xã hội; đẩy mạnh cải cách hành chính, phòng chống tham nhũng, tiêu cực, nâng cao trình độ, nghiệp vụ đội ngũ cán bộ, công chức xã, phường theo hướng tinh thông nghiệp vụ; xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; phát huy dân chủ cơ sở và quyền làm chủ của nhân dân, củng cố mối quan hệ gắn bó giữa các cấp chính quyền địa phương với Nhân dân.

II. MỤC TIÊU CỤ THỂ ĐẾN NĂM 2030

1. Phường Quế

Tiếp tục duy trì phường Quế là trung tâm hành chính, kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục thể thao,... của thị xã Kim Bảng; là đô thị trung tâm hiện hữu, khu vực phát triển thương mại - dịch vụ, đô thị sinh thái tâm linh (chùa Quế Lâm, chùa Bến Vân Lâm,...) gắn với không gian cây xanh mặt nước và vành đai sông Đáy; được xác định là động lực thúc đẩy phát triển thương mại - dịch vụ của thị xã, có vai trò là động lực thúc đẩy phát triển các xã còn lại của thị xã.

Một số chỉ tiêu cụ thể đến năm 2030:

- Tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân: $\geq 15\%$.
- Giá trị sản xuất thương mại - dịch vụ, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trong cơ cấu kinh tế của phường: chiếm $\geq 95\%$.
- Cân đối thu - chi ngân sách: Từ đủ đến có dư.
- Thu nhập bình quân đầu người: Đạt 140 triệu đồng/người/năm (tăng bình quân 10%/năm).
- Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp chiếm: $\geq 95\%$.
- Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều: $< 0,75\%$.
- Tỷ lệ gia đình văn hóa: $\geq 97\%$.
- Tỷ lệ người dân tham gia BHYT: $\geq 95\%$.
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo: $\geq 90\%$.
- Giải quyết việc làm cho người lao động/năm: ≥ 210 lao động.
- Nâng cao chất lượng hạ tầng đô thị, bảo đảm tiêu chuẩn phường thuộc thị xã là đô thị loại III.

2. Phường Ba Sao

Nằm trong khu vực trọng điểm về phát triển du lịch - dịch vụ và ngành nghề thủ công truyền thống của thị xã (khu du lịch Tam Chúc, chùa Ba Sao, chùa Hương Tích, chùa Cốc, đình Cốc,...). Theo đó, phường Ba Sao phát triển các dịch vụ phục vụ du lịch (tài chính, ngân hàng, vận tải, lưu trú, ăn uống, vui chơi giải trí,...); trở thành trung tâm tiếp đón, nghỉ dưỡng chăm sóc sức khỏe và du lịch cộng đồng Tam Chúc, trung tâm dịch vụ hậu cần phục vụ hoạt động khu du lịch.

Một số chỉ tiêu cụ thể đến năm 2030:

- Tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân: $\geq 12\%$.
- Giá trị sản xuất thương mại - dịch vụ, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trong cơ cấu kinh tế của phường: chiếm $\geq 90\%$.
- Cân đối thu - chi ngân sách: Từ đủ đến có dư.
- Thu nhập bình quân đầu người: Đạt 125 triệu đồng/người/năm (tăng bình quân $10\%/năm$).
- Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp chiếm: $\geq 90\%$.
- Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều: $< 0,75\%$.
- Tỷ lệ gia đình văn hóa: $\geq 98\%$.
- Tỷ lệ người dân tham gia BHYT: $\geq 95\%$.
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo: $\geq 90\%$.
- Giải quyết việc làm cho người lao động/năm: ≥ 230 lao động.
- Nâng cao chất lượng hạ tầng đô thị, bảo đảm tiêu chuẩn phường thuộc thị xã là đô thị loại III.

3. Phường Tượng Lĩnh

Nằm vị trí thuận lợi, có Quốc lộ 21B, Quốc lộ 38 chạy qua; tiếp giáp liền kề với huyện Mỹ Đức của thành phố Hà Nội; có dãy Bát Cảnh Sơn (dãy Tượng Lĩnh), đứng bên bờ sông Đáy, có 8 ngôi chùa và một miếu thờ đại thần linh,... Theo đó, định hướng phát triển Tượng Lĩnh theo hướng khai thác động lực kết nối Khu du lịch Tam Chúc với chùa Hương, gắn với dự án sân golf Tượng Lĩnh và các khu nghỉ dưỡng - vui chơi giải trí.

Một số chỉ tiêu cụ thể đến năm 2030:

- Tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân: $\geq 12\%$.
- Giá trị sản xuất thương mại - dịch vụ, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trong cơ cấu kinh tế của phường: chiếm $\geq 90\%$.
- Cân đối thu - chi ngân sách: Từ đủ đến có dư.
- Thu nhập bình quân đầu người: Đạt 130 triệu đồng/người/năm (tăng bình quân $10\%/năm$).
- Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp chiếm: $\geq 90\%$.
- Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều: $< 0,5\%$.
- Tỷ lệ gia đình văn hóa: $\geq 98\%$.
- Tỷ lệ người dân tham gia BHYT: $\geq 95\%$.
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo: $\geq 90\%$.
- Giải quyết việc làm cho người lao động/năm: ≥ 200 lao động.
- Nâng cao chất lượng hạ tầng đô thị, bảo đảm tiêu chuẩn phường thuộc thị xã là đô thị loại III.

4. Phường Thi Sơn

Nằm trong khu vực trung tâm của thị xã Kim Bảng; nơi có các công trình hạ tầng xã hội (trụ sở cơ quan, văn phòng, khách sạn; bệnh viện, trường học, trung tâm thương mại, công viên,...); địa bàn xã chạy dọc theo đường tỉnh 494. Định hướng phát triển phường Thi Sơn là khu vực phát triển công nghiệp với các KCN Kim Bảng 3, CCN Thi Sơn và CCN Thi Sơn 1; các khu vực sản xuất, khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng được quy hoạch tập trung.

Một số chỉ tiêu cụ thể đến năm 2030:

- Tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân: $\geq 15\%$.
- Giá trị sản xuất thương mại - dịch vụ, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trong cơ cấu kinh tế của phường: chiếm $\geq 95\%$.
- Cân đối thu - chi ngân sách: Từ đủ đến có dư.
- Thu nhập bình quân đầu người: Đạt 135 triệu đồng/người/năm (tăng bình quân 10%/năm).
- Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp chiếm: $\geq 95\%$.
- Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều: $< 0,7\%$.
- Tỷ lệ gia đình văn hóa: $\geq 95\%$.
- Tỷ lệ người dân tham gia BHYT: $\geq 95\%$.
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo: $\geq 95\%$.
- Giải quyết việc làm cho người lao động/năm: ≥ 250 lao động.
- Nâng cao chất lượng hạ tầng đô thị, bảo đảm tiêu chuẩn phường thuộc thị xã là đô thị loại III.

5. Phường Đồng Hóa

Nằm trong khu vực đô thị trung tâm (bên bờ sông Đáy); có các tuyến giao thông quan trọng đi qua như đường vành đai 5 vùng Thủ đô; đường nối các đường vành đai 4,5,...; đô thị được phát triển theo kiểu dạng nén (tập trung mức độ cao) tại khu vực trung tâm, đồng thời tạo ra các hành lang xanh hướng tâm, đan xen với các khu vực phát triển đô thị.

Một số chỉ tiêu cụ thể đến năm 2030:

- Tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân: $\geq 12\%$.
- Giá trị sản xuất thương mại - dịch vụ, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trong cơ cấu kinh tế của phường: chiếm $\geq 90\%$.
- Cân đối thu - chi ngân sách: Từ đủ đến có dư.
- Thu nhập bình quân đầu người: Đạt 130 triệu đồng/người/năm (tăng bình quân 10%/năm).
- Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp chiếm: $\geq 90\%$.
- Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều: $< 0,7\%$.

- Tỷ lệ gia đình văn hóa: $\geq 95\%$.
- Tỷ lệ người dân tham gia BHYT: $\geq 90\%$.
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo: $\geq 85\%$.
- Giải quyết việc làm cho người lao động/năm: ≥ 200 lao động.
- Nâng cao chất lượng hạ tầng đô thị, bảo đảm tiêu chuẩn phường thuộc thị xã là đô thị loại III.

6. Phường Ngọc Sơn

Nằm trong khu vực đô thị trung tâm (bên bờ Bắc sông Đáy); cách trung tâm thị xã khoảng 1 km, cách thành phố Phủ Lý khoảng 5km; đô thị được phát triển theo kiểu dạng nén, đồng thời tạo ra các hành lang xanh hướng tâm, đan xen với các khu vực phát triển đô thị; là trung tâm văn hóa, thể dục thể thao, thương mại, dịch vụ của thị xã Kim Bảng.

Một số chỉ tiêu cụ thể đến năm 2030:

- Tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân: $\geq 10\%$.
- Giá trị sản xuất thương mại - dịch vụ, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trong cơ cấu kinh tế của phường: chiếm $\geq 90\%$.
- Cân đối thu - chi ngân sách: Từ đủ đến có dư.
- Thu nhập bình quân đầu người: Đạt 130 triệu đồng/người/năm (tăng bình quân 10%/năm).
- Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp chiếm: $\geq 85\%$.
- Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều: $< 0,75\%$.
- Tỷ lệ gia đình văn hóa: $\geq 95\%$.
- Tỷ lệ người dân tham gia BHYT: $\geq 95\%$.
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo: $\geq 90\%$.
- Giải quyết việc làm cho người lao động/năm: ≥ 190 lao động.
- Nâng cao chất lượng hạ tầng đô thị, bảo đảm tiêu chuẩn phường thuộc thị xã là đô thị loại III.

7. Phường Đại Cường

Nằm trong khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ phía Bắc của thị xã Kim Bảng. Định hướng phát triển công nghiệp - đô thị - dịch vụ đồng bộ, hiện đại, với dự án trọng điểm là Khu công nghiệp Đồng Văn 4, KCN Kim Bảng 1,2, CCN Đồng Hóa; với sự hỗ trợ của hành lang dịch vụ - thương mại từ sông Nhuệ đến sông Đáy (bố trí liền kề ở về phía Nam khu công nghiệp).

Một số chỉ tiêu cụ thể đến năm 2030:

- Tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân: $\geq 12\%$.

- Giá trị sản xuất thương mại - dịch vụ, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trong cơ cấu kinh tế của phường: chiếm $\geq 90\%$.
- Cân đối thu - chi ngân sách: Từ đủ đến có dư.
- Thu nhập bình quân đầu người: Đạt 130 triệu đồng/người/năm (tăng bình quân 10%/năm).
- Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp chiếm: $\geq 85\%$.
- Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều: $< 0,5\%$.
- Tỷ lệ gia đình văn hóa: $\geq 95\%$.
- Tỷ lệ người dân tham gia BHYT: $\geq 93\%$.
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo: $\geq 80\%$.
- Giải quyết việc làm cho người lao động/năm: ≥ 260 lao động.
- Nâng cao chất lượng hạ tầng đô thị, bảo đảm tiêu chuẩn phường thuộc thị xã là đô thị loại III.

8. Phường Lê Hồ

Nằm trong khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ phía Bắc của thị xã Kim Bảng. Định hướng phát triển công nghiệp - đô thị - dịch vụ đồng bộ, hiện đại, với dự án trọng điểm là Khu công nghiệp Đông Văn 4, KCN Kim Bảng 1,2, CCN Lê Hồ; phát triển khu đô thị mới; hệ thống trường học, trạm y tế, phòng khám đa khoa, trung tâm thương mại.

Một số chỉ tiêu cụ thể đến năm 2030:

- Tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân: $\geq 15\%$.
- Giá trị sản xuất thương mại - dịch vụ, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trong cơ cấu kinh tế của phường: chiếm $\geq 95\%$.
- Cân đối thu - chi ngân sách: Từ đủ đến có dư.
- Thu nhập bình quân đầu người: Đạt 145 triệu đồng/người/năm (tăng bình quân 10%/năm).
- Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp chiếm: $\geq 95\%$.
- Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều: $< 0,75\%$.
- Tỷ lệ gia đình văn hóa: $\geq 97\%$.
- Tỷ lệ người dân tham gia BHYT: $\geq 95\%$.
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo: $\geq 90\%$.
- Giải quyết việc làm cho người lao động/năm: ≥ 300 lao động.
- Nâng cao chất lượng hạ tầng đô thị, bảo đảm tiêu chuẩn phường thuộc thị xã là đô thị loại III.

9. Phường Tân Sơn

Nằm trong khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ phía Bắc của thị xã Kim Bảng. Định hướng phát triển khu du lịch, vui chơi, giải trí, nghỉ dưỡng; khu thương mại, dịch vụ hậu cần của thị xã Kim Bảng.

Một số chỉ tiêu cụ thể đến năm 2030:

- Tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân: $\geq 13\%$.
- Giá trị sản xuất thương mại - dịch vụ, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trong cơ cấu kinh tế của phường: chiếm $\geq 90\%$.
- Cân đối thu - chi ngân sách: Từ đủ đến có dư.
- Thu nhập bình quân đầu người: Đạt 130 triệu đồng/người/năm (tăng bình quân $10\%/năm$).
- Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp chiếm: $\geq 85\%$.
- Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều: $< 0,5\%$.
- Tỷ lệ gia đình văn hóa: $\geq 96\%$.
- Tỷ lệ người dân tham gia BHYT: $\geq 95\%$.
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo: $\geq 90\%$.
- Giải quyết việc làm cho người lao động/năm: ≥ 310 lao động.
- Nâng cao chất lượng hạ tầng đô thị, bảo đảm tiêu chuẩn phường thuộc thị xã là đô thị loại III.

10. Phường Tân Trụ

Là khu đô thị - dịch vụ - thương mại (hành lang dịch vụ - thương mại từ sông Nhuệ đến sông Đáy); là trung tâm hậu cần khu công nghiệp, cung cấp các dịch vụ tiện ích xã hội cho khu công nghiệp và các khu dân cư hiện có.

Một số chỉ tiêu cụ thể đến năm 2030:

- Tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân: $\geq 12\%$.
- Giá trị sản xuất thương mại - dịch vụ, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trong cơ cấu kinh tế của phường: chiếm $\geq 90\%$.
- Cân đối thu - chi ngân sách: Từ đủ đến có dư.
- Thu nhập bình quân đầu người: Đạt 125 triệu đồng/người/năm (tăng bình quân $10\%/năm$).
- Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp chiếm: $\geq 90\%$.
- Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều: $< 0,75\%$.
- Tỷ lệ gia đình văn hóa: $\geq 95\%$.
- Tỷ lệ người dân tham gia BHYT: $\geq 97\%$.
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo: $\geq 85\%$.
- Giải quyết việc làm cho người lao động/năm: ≥ 290 lao động.

- Nâng cao chất lượng hạ tầng đô thị, bảo đảm tiêu chuẩn phường thuộc thị xã là đô thị loại III.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Về phát triển kinh tế

1.1. Phát triển công nghiệp - xây dựng

- Tập trung phát triển công nghiệp - tiêu thụ công nghiệp với tốc độ cao, chú trọng phát triển các ngành nghề ở nông thôn; duy trì và phát triển làng nghề, làng có nghề.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực công nghiệp, thực hiện tốt quy hoạch phát triển công nghiệp và đảm bảo môi trường trong các khu, cụm công nghiệp. Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp để thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển. Từng bước xây dựng hạ tầng đồng bộ, nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ gắn với tăng cường quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh trong các cụm công nghiệp. Khuyến khích phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ. Đẩy mạnh công tác giải phóng mặt bằng, hỗ trợ nhà đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Đông Văn 4 (giai đoạn 2), phấn đấu đến 2030 có khoảng 60% doanh nghiệp đăng ký hoạt động trong Khu công nghiệp có sản phẩm, đóng góp ngân sách, thúc đẩy tăng giá trị sản xuất ngành công nghiệp chế tạo, công nghiệp hỗ trợ, giải quyết việc làm cho lao động địa phương.

- Phát triển các sản phẩm tiêu thụ công nghiệp gắn với thương mại, dịch vụ, du lịch, chú trọng giải quyết ô nhiễm môi trường trên địa bàn. Tăng cường quảng bá, tìm kiếm đầu ra cho sản phẩm; phấn đấu mỗi xã/phường một sản phẩm. Tiếp tục phát triển các làng nghề, làng có nghề trên địa bàn thị xã theo hướng phát huy tối đa lợi thế của địa phương gắn với định hướng phát triển du lịch, dịch vụ, đô thị và công nghiệp; đổi mới quản lý, đưa khoa học công nghệ vào sản xuất để nâng cao năng suất, mẫu mã, chất lượng sản phẩm và giải quyết ô nhiễm môi trường; trong đó ưu tiên phát triển làng nghề truyền thống nổi bật như: gốm sành, gốm son, gốm mỹ nghệ,... Quảng bá, giới thiệu và cung cấp sản phẩm chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu thị trường trong và ngoài nước.

1.2. Phát triển thương mại - dịch vụ

- Phát triển mạnh thương mại, dịch vụ, du lịch là động lực chính tạo sự chuyển biến rõ nét trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế của thị xã

- Tiếp tục triển khai thực hiện tốt quy hoạch liên quan du lịch, dịch vụ, thương mại, dành quỹ đất thích hợp, đảm bảo không gian phát triển các trung tâm thương mại, siêu thị, chợ, khu nghỉ dưỡng, nhà hàng, khách sạn, khu vui chơi giải trí, các dịch vụ tài chính, ngân hàng, giáo dục, y tế, truyền thông tại các khu dân cư đô thị, điểm dân cư nông thôn kết nối với các địa phương.

- Tăng cường kết nối giao thông đến các vùng sản xuất, các điểm du lịch, các khu đô thị; phát triển đồng bộ các dịch vụ về vận tải, điện, nước, thông tin truyền thông phục vụ tốt nhu cầu sản xuất và đời sống xã hội. Đầu tư xây mới, nâng cấp một số chợ, đẩy mạnh phát triển hệ thống phân phối, giao thương, mua bán, trao

đổi hàng hóa. Triển khai các chương trình phát triển thương mại điện tử, khuyến khích phát triển các hình thức mua sắm hiện đại, thông minh.

- Tập trung hỗ trợ nhà đầu tư đưa vào khai thác sử dụng khu du lịch quốc tế đa chức năng tại Trượng Lĩnh; khu đô thị Louis City với tính chất là khu đô thị xanh, đô thị hậu cần phục vụ công nghiệp, dịch vụ, y tế, du lịch; khu du lịch sinh thái hồ Ba Hang; khu nghỉ dưỡng cao cấp và dịch vụ thương mại tại Thi Sơn, Liên Sơn; khu du lịch thương mại tổng hợp Thi Sơn,... để hình thành các khu thương mại, dịch vụ, nghỉ dưỡng cao cấp, khu du lịch trọng điểm.

- Đẩy mạnh các hoạt động quảng bá, xúc tiến du lịch, liên kết vùng, tạo kết nối Khu du lịch Quốc gia Tam Chúc (Ba Sao) với Chùa Hương (Hà Nội), Bái Đính (Ninh Bình), Chùa Tiên (Hòa Bình) và các điểm danh thắng, tâm linh trên địa bàn thị xã; hình thành tuyến du lịch sông Đáy kết nối Kim Bảng - Phủ Lý để phát triển du lịch theo tuyến. Khai thác, phát triển các loại hình du lịch: du lịch thể thao, du lịch làng nghề, du lịch văn hóa tâm linh, du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, du lịch cộng đồng trải nghiệm, du lịch nông thôn,... Hình thành các sản phẩm du lịch đặc trưng của Kim Bảng: ẩm thực, sản phẩm làng nghề thủ công truyền thống, sản phẩm nông nghiệp,...; hoàn thiện cơ sở hạ tầng, chất lượng dịch vụ phục vụ tốt nhu cầu của du khách.

1.3. Phát triển nông - lâm nghiệp, thủy sản

- Tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa nông nghiệp, nông thôn; tích tụ, tập trung ruộng đất phát triển nông nghiệp công nghệ cao, hữu cơ; chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành theo hướng tích cực, chủ động phòng, chống thiên tai, dịch bệnh. Xây dựng nông thôn mới bền vững và kiểu mẫu theo hướng đô thị hóa

- Đẩy mạnh công nghiệp hóa nông nghiệp gắn với sản xuất nông nghiệp sạch; thủy lợi hóa gắn với cải tạo nguồn nước, cơ giới hóa các khâu sản xuất; tích cực tích tụ, tập trung ruộng đất để tạo vùng sản xuất hàng hóa tập trung. Sử dụng có hiệu quả diện tích đất nông nghiệp theo quy hoạch, phát huy hiệu quả cánh đồng mẫu, các mô hình nông sản sạch. Khuyến khích các doanh nghiệp, hộ tư nhân đầu tư xây dựng các mô hình sản xuất nông sản sạch, chế biến nông sản. Tiếp tục chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa, phát triển các vùng sản xuất cây ăn quả, lúa chất lượng hàng hóa, cây hàng hóa, cây xuất khẩu, vùng sản xuất lúa, rau, củ quả sạch, các khu chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản tập trung. Mở rộng diện tích lúa hàng hóa chất lượng cao trên 60% diện tích cả năm; tăng diện tích cây xuất khẩu vụ xuân; diện tích cây vụ đông bình quân đạt 1.500 ha/năm. Phân đấu đến năm 2030, giá trị sản xuất lĩnh vực trồng trọt và thủy sản đạt 170 triệu đồng/ha/năm. Thực hiện tốt các biện pháp bảo vệ, phát triển rừng.

- Phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm, con nuôi đặc sản phù hợp với điều kiện tự nhiên của thị xã gắn với bảo vệ môi trường, chủ động phòng chống dịch bệnh; phát triển đàn bò sữa, đàn bò thịt, bò sinh sản theo quy hoạch ở Khả Phong và Trượng Lĩnh. Phân đấu đến năm 2030, tổng đàn lợn đạt 95.000 con, đàn bò thịt, bò sinh sản 8.000 con, bò sữa 1.000 con, đàn gia cầm 2,1 triệu con, đàn dê 15.150 con. Sử dụng có hiệu quả diện tích chuyển dịch, diện tích nuôi trồng thủy sản, nhân rộng mô hình nuôi cá công nghệ cao "Sông trong ao", sản lượng thủy sản đạt 8.000

tấn; giá trị sản xuất diện tích đa canh và diện tích nuôi trồng thủy sản bình quân đạt 385 triệu đồng/ha/năm.

- Chủ động trong công tác phòng chống thiên tai, bảo vệ, củng cố hệ thống đê và công trình thủy lợi. Nâng cao chất lượng hoạt động của các Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp, chú trọng phát triển các Hợp tác xã ít thành viên hoạt động sản xuất nông sản sạch, cây ăn quả, chăn nuôi, thủy sản, chế biến và tiêu thụ nông sản. Tiếp tục chỉ đạo củng cố, nâng cao chất lượng tiêu chí nông thôn mới theo hướng đô thị hóa. Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu.

1.4. Về thu, chi ngân sách

Duy trì thu ngân sách với tốc độ tăng trưởng cao; chi ngân sách tiết kiệm, hiệu quả; giải quyết, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, hộ kinh doanh phát triển, nuôi dưỡng nguồn thu ổn định, lâu dài. Tăng cường quản lý thu thuế, đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời các khoản thuế, phí theo quy định vào ngân sách Nhà nước. Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra; quản lý và cưỡng chế nợ thuế, không để nợ thuế phát sinh.

Các xã, phường trên cơ sở quy hoạch, rà soát các quỹ đất xen kẹt, kết hợp với chỉnh trang khu dân cư hình thành quỹ đất để đấu giá quyền sử dụng đất tạo nguồn thu xây dựng hạ tầng kinh tế, xã hội đáp ứng tiêu chí nông thôn mới kiểu mẫu, tiêu chí đô thị. Phân đấu tốc độ tăng thu ngân sách tăng bình quân 15%/năm, đến năm 2030, thu cân đối ngân sách trên địa bàn đạt khoảng 1.300 tỷ đồng.

Quản lý chi ngân sách chặt chẽ, đúng luật; thực hiện tốt chủ trương thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Hàng năm, sắp xếp các nhiệm vụ chi đảm bảo sử dụng kinh phí ngân sách tiết kiệm, hiệu quả, hoàn thành các nhiệm vụ chính trị của địa phương. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản, chương trình mục tiêu, công tác thanh, quyết toán trong đầu tư.

2. Về phát triển văn hóa - xã hội

2.1. Về giáo dục, đào tạo

- Tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và hiệu quả ứng dụng khoa học - công nghệ đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội

- Ổn định quy mô trường lớp; duy trì nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học, trung học cơ sở mức độ 3, đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2; nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, tăng cường giáo dục đạo đức, kỹ năng sống, giáo dục thể chất cho học sinh, đảm bảo an toàn trường học; chú trọng công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, phân đấu hàng năm có trên 65% học sinh tham gia thi học sinh giỏi cấp tỉnh đạt giải.

- Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập. Triển khai thực hiện tốt các Chương trình, Đề án giai đoạn 2025-2030. Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục các cấp; ứng

dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy, học tập và quản lý giáo dục. Đẩy mạnh phân cấp và thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các cơ sở giáo dục.

- Đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo nghề đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, đô thị hóa; liên kết, hợp tác với các trường đào tạo gắn với nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp; phấn đấu trên 95% lao động sau đào tạo có việc làm ổn định, thu nhập cao hơn.

- Tiếp cận nhanh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật và công nghệ mới góp phần tăng năng suất lao động và chất lượng sản phẩm, phát triển kinh tế - xã hội. Thực hiện có hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước về Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

- Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp-Giáo dục thường xuyên nhằm đáp ứng quy mô đào tạo nguồn nhân lực, phân luồng sau tốt nghiệp THCS trên địa bàn. rà soát, quy hoạch diện tích đất của trường học các cấp của từng phường để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất nâng mức độ đạt chuẩn phù hợp với xu thế phát triển kinh tế xã hội sau khi nâng cấp thành đô thị và cho nhiều năm tiếp theo.

- Thu hút các cơ sở giáo dục ngoài công lập có chất lượng đáp ứng nhu cầu học tập của người dân, thực hiện phổ cập giáo dục, phát triển kinh tế-xã hội và sự dịch chuyển tập trung dân số trong khu đô thị.

- Bảo đảm quỹ đất để xây dựng các cơ sở giáo dục phù hợp với quy hoạch mạng lưới trường, lớp học, bảo đảm hiệu quả đầu tư lâu dài đáp ứng được với việc dịch chuyển dân số và tăng dân số cơ học. Ưu tiên quỹ đất để xây dựng trường, lớp học ở các khu tái định cư, phường có đông dân cư, gần khu công nghiệp, khu công nghệ cao. Quy hoạch quỹ đất xây dựng dành cho phát triển giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông ngoài công lập tại những khu vực có mật độ dân số cao và ở những khu vực dự báo có dân số phát triển nhanh về mặt cơ học.

2.2. Về y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân

- Củng cố, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của y tế dự phòng; công tác dân số và phát triển, công tác vệ sinh an toàn thực phẩm, thực hiện các chính sách về dinh dưỡng, bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe của nhân dân, trong đó tập trung nâng cao hiệu quả hoạt động của y tế tuyến cơ sở trong việc chăm sóc sức khỏe ban đầu; quan tâm chất lượng dân số, cải thiện tình trạng sức khỏe sinh sản, duy trì vững chắc mức sinh thay thế, tỷ lệ tăng dân số hàng năm dưới 01%.

- Thực hiện kết hợp y học cổ truyền và y học hiện đại. Quan tâm bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ y, bác sĩ. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ trong chuẩn đoán và điều trị. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động hành nghề y dược tư nhân và vệ sinh an toàn thực phẩm. Phấn đấu đến năm 2030, tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe đạt 95%. Chủ động kiểm soát và ứng phó kịp thời các dịch bệnh, đảm bảo công tác vệ sinh an toàn thực phẩm.

2.3. Về thực hiện chính sách xã hội

- Triển khai thực hiện nghiêm túc, kịp thời các chính sách đảm bảo an sinh xã hội; thực hiện tốt các chế độ, chính sách ưu đãi cho người có công với cách mạng. Đẩy mạnh phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”, thực hiện công tác xã hội hóa, huy động nguồn lực xã hội để góp phần cải thiện đời sống cho người có công, đối tượng bảo trợ xã hội, hộ nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn, cứu trợ đột xuất.

- Triển khai thực hiện các Chương trình giảm nghèo bền vững, thực hiện các mô hình giảm nghèo, ổn định và nâng cao chất lượng cuộc sống cho người nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội. Quan tâm bảo vệ và chăm sóc người cao tuổi, thực hiện các chương trình, đề án chăm lo bảo vệ quyền lợi cho trẻ em, đối tượng bảo trợ xã hội, thực hiện bình đẳng giới, công tác dân số. Thực hiện các giải pháp nâng cao tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp. Phấn đấu, tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đến năm 2030 đạt trên 97%.

Đẩy mạnh công tác giải quyết việc làm; duy trì và mở rộng thị trường xuất khẩu lao động.

2.4. Về văn hóa, thể thao

Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động tuyên truyền, văn hóa, văn nghệ, thể thao phục vụ các nhiệm vụ chính trị, các ngày lễ lớn, ngày kỷ niệm của đất nước và của địa phương. Nâng cao chất lượng Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”. Chỉ đạo xây dựng nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội. Thực hiện tốt công tác gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình.

Bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, mang nét đặc trưng của Kim Bảng, khích lệ sáng tạo các giá trị văn hóa mới, phù hợp, làm giàu nét đẹp văn hóa địa phương. Giải quyết hợp lý, hài hoà giữa bảo tồn, phát huy di sản văn hóa với phát triển kinh tế - xã hội. Khai thác, giới thiệu, quảng bá những đặc trưng tự nhiên, văn hóa riêng biệt, tạo nên điểm nhấn nổi bật. Xây dựng một số công trình văn hóa tiêu biểu cấp đô thị. Phát triển và nâng cao chất lượng các phong trào thể dục, thể thao quần chúng; quan tâm phát triển sân bãi thể dục, thể thao ở cơ sở, trang bị một số thiết bị tập luyện ngoài trời ở một số khu công cộng; chú trọng phát triển thể dục - thể thao học đường. Đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động thể dục, thể thao gắn với đổi mới quản lý, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về thể dục, thể thao. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, các nền tảng số vào quản lý điều hành và đem lại nhiều tiện ích cho người dân, doanh nghiệp.

2.5. Về phát triển khoa học - công nghệ

Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ trong một số ngành, lĩnh vực chủ yếu như: nông nghiệp, công nghiệp chế biến, môi trường; hình thành các khu sản xuất công nghệ cao; đẩy mạnh hoạt động đổi mới sáng tạo trong các ngành công nghiệp, nông nghiệp dịch vụ gắn với các chuỗi giá trị, liên kết ngành; xây dựng các mô hình, đề tài, dự án gắn với phát triển kinh tế của địa phương; trọng tâm là truy xuất nguồn gốc sản phẩm nông nghiệp, phát triển thương hiệu, bảo hộ thương hiệu

các sản phẩm chủ lực; đẩy mạnh truyền thông nội dung hỗ trợ của nhà nước đối với các hoạt động sáng kiến, cải tiến kỹ thuật trên địa bàn thị xã.

2.6. Xây dựng quốc phòng an ninh vững mạnh, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội

- Tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, nâng cao tinh thần cảnh giác, ý thức trách nhiệm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân trong công tác quốc phòng, an ninh. Hoàn thành 100% nội dung chương trình bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh cho các đối tượng. Hàng năm, hoàn thành tốt nhiệm vụ tuyển chọn công dân nhập ngũ. Chỉ đạo và tổ chức tốt diễn tập khu vực phòng thủ huyện và diễn tập chiến đấu phòng thủ xã, phường. Chủ động nắm chắc tình hình, ứng phó kịp thời, có hiệu quả không để xảy ra đột xuất, bất ngờ. Kết hợp chặt chẽ giữa xây dựng phát triển kinh tế - xã hội với xây dựng tiềm lực, thế trận quân sự khu vực phòng thủ. Tập trung chỉ đạo hoàn thành xây dựng sở chỉ huy cơ bản trong căn cứ chiến đấu. Thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội.

- Giữ vững ổn định về an ninh chính trị trong mọi tình huống, đảm bảo an ninh trên các lĩnh vực; giải quyết hiệu quả những vấn đề nổi lên về an ninh trật tự, các vụ việc tranh chấp, khiếu kiện phức tạp. Đẩy mạnh công tác phòng ngừa, đấu tranh với các loại tội phạm, vi phạm pháp luật; kiểm chế, giảm phạm pháp hình sự, tệ nạn xã hội, tai nạn giao thông, cháy, nổ; phấn đấu giảm tai nạn giao thông bình quân 5%/năm trở lên ở cả 3 tiêu chí. Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng, hiệu quả phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, đảm bảo cuộc sống yên bình của nhân dân. Tiếp tục xây dựng lực lượng công an nhân dân trong sạch, vững mạnh toàn diện.

3. Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư, phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ

Đẩy mạnh đầu tư phát triển hạ tầng, hoàn thành các tiêu chí đô thị loại IV còn chưa đạt; tập trung thu hút đầu tư các dự án phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội và không gian đô thị, đảm bảo tính liên kết và thống nhất theo quy hoạch. Phấn đấu đến năm 2030, tỷ lệ số phường trên tổng số đơn vị hành chính của thị xã đạt từ 65% trở lên, là cơ sở để đưa Kim Bảng trở thành thành phố trước năm 2035.

Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cho đầu tư phát triển, tăng cường xã hội hóa, huy động các nguồn vốn đầu tư ngoài ngân sách; phấn đấu tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội tăng 15%/năm, đến năm 2030 đạt 20.000 tỷ đồng. Thực hiện đấu giá các vị trí đất lợi thế phát triển dịch vụ, thương mại, nhà ở theo quy hoạch. Thực hiện hiệu quả kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030. Tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng thực hiện các dự án phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

4. Tăng cường công tác bảo vệ môi trường; quản lý, sử dụng tài nguyên tiết kiệm, hiệu quả; thích ứng với biến đổi khí hậu

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, sử dụng đất đai. Hoàn thành việc đăng ký đất đai, đo đạc bản đồ, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình. Hoàn thành xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và đưa vào sử

dụng. Từng bước xử lý dứt điểm các vi phạm đất đai, vướng mắc chưa được xử lý trước đây, không để vi phạm mới phát sinh.

Tăng cường quản lý nhà nước đối với các đơn vị khai thác tài nguyên, khoáng sản trong việc bảo đảm các điều kiện về an toàn lao động, vệ sinh môi trường. Quản lý các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước và xả thải vào nguồn nước, bảo vệ môi trường sinh thái, phát triển du lịch, dịch vụ, thực hiện mục tiêu phát triển bền vững.

Thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường, xác định đây là nhiệm vụ quan trọng trong quá trình xây dựng và phát triển của huyện; nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của người dân, doanh nghiệp và các tổ chức; phấn đấu đến năm 2025, hoàn thiện hệ thống rãnh thoát nước thải sinh hoạt trong khu dân cư, đảm bảo môi trường, 98% rác thải được thu gom và xử lý đáp ứng yêu cầu theo quy định; 100% địa phương tổ chức thu gom rác thải trực tiếp không qua bể trung chuyển nhằm tiết kiệm chi phí. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả, chất lượng Đề án giảm thiểu ô nhiễm môi trường vùng Tây Đáy xã Thanh Sơn, Liên Sơn, Tân Sơn. Quy hoạch, kêu gọi đầu tư xử lý nước thải tại các cụm công nghiệp. Hoàn thành hệ thống cấp nước sạch tập trung ở các xã, thị trấn. Phấn đấu đến năm 2025, 3/3 cụm công nghiệp (Thị Sơn, Biên Hòa, Nhật Tân) có hệ thống xử lý nước thải tập trung theo quy định..

5. Xây dựng chính quyền địa phương các cấp liêm chính, phục vụ, thực sự “của dân, do dân, vì dân”, hoạt động hiệu lực, hiệu quả

Đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của HĐND các cấp, trọng tâm là nâng cao năng lực giám sát, kỹ năng hoạt động của đại biểu HĐND. Xây dựng UBND các cấp năng động, thân thiện. Nâng cao trách nhiệm và năng lực quản trị xã hội, quản lý nhà nước, năng lực điều hành, thực thi chính sách, pháp luật và xử lý tình huống của các cấp, các ngành, nhất là cấp cơ sở, đặc biệt là người đứng đầu, bảo đảm quyết liệt, thiết thực, căn bản, chi tiết. Tăng cường công khai, minh bạch, thanh tra, kiểm tra, giám sát để siết chặt kỷ luật công vụ, kỷ cương hành chính, gắn với thực hiện trách nhiệm giải trình.

Chú trọng phối hợp giữa các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; khắc phục tình trạng cấp dưới đùn đẩy lên cấp trên những nhiệm vụ thuộc thẩm quyền hoặc tình trạng cấp trên né tránh, chậm trả lời hoặc trả lời cấp dưới chung chung nội dung thuộc trách nhiệm. Đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng sâu rộng công nghệ thông tin, thúc đẩy chuyển đổi số; nâng cấp bộ phận một cửa huyện và phát huy hiệu quả bộ phận một cửa cấp xã. Tăng cường phân cấp, phân quyền, ủy quyền, cá thể hóa trách nhiệm người đứng đầu.

Thực hiện nghiêm chế độ tiếp công dân của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp. Nâng cao chất lượng giải quyết ý kiến cử tri và phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của nhân dân. Tập trung giải quyết hiệu quả các đơn, thư khiếu nại, tố cáo ngay từ khi mới phát sinh ở cơ sở; rà soát, giải quyết dứt điểm các đơn, thư khiếu nại, tố cáo phức tạp, kéo dài, tồn đọng.

Tăng cường phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, phát hiện, xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng, tiêu cực. Thực hiện nghiêm việc minh bạch trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị, nhất là trong quản lý tài chính, sử dụng ngân sách nhà nước, đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản công, quản lý và sử dụng đất đai, công tác tổ chức cán bộ.

6. Phát triển hệ thống hạ tầng đô thị

6.1. Hạ tầng xã hội

a) Hệ thống cơ quan, công sở

Cải tạo, nâng cấp các cơ quan hiện có nhằm phát triển hệ thống cơ quan, công sở phù hợp với yêu cầu, xu thế phát triển tổ chức hành chính mới và định hướng phát triển không gian đô thị.

b) Hệ thống công trình văn hóa

Tại khu trung tâm mới của đô thị tiếp giáp đường vành đai 5 vùng Thủ đô, dành quỹ đất có diện tích khoảng 25 ha, để xây dựng quần thể các công trình văn hóa, như: Nhà hát, Trung tâm hội nghị, Thư viện, Bảo tàng, trung tâm triển lãm, cung thiếu nhi, cung văn hóa. Tại khu vực công viên trung tâm (công viên ngũ phúc) xây dựng khu vui chơi giải trí hiện đại cho thanh thiếu niên.

c) Hệ thống giáo dục, đào tạo

Bố trí quỹ đất phù hợp cho các cơ sở đào tạo, dạy nghề phù hợp với quy mô đào tạo và khả năng cung ứng hạ tầng kỹ thuật và các dịch vụ đi kèm. Bố trí quỹ đất cho các cơ sở giáo dục phổ thông phù hợp với quy mô dân số và dự trữ cho các kế hoạch phát triển dài hạn.

d) Hệ thống y tế, chăm sóc sức khỏe

Xây dựng và phát triển hệ thống y tế chăm sóc sức khỏe chất lượng cao; mở rộng, nâng cấp, hiện đại hóa Trung tâm y tế huyện; tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế phát triển hệ thống y tế tư nhân.

đ) Hệ thống thể dục thể thao và công viên, cây xanh

Trung tâm thể dục thể thao chính đô thị tại khu đô thị phía Tây đường D7, quy mô không nhỏ hơn 20ha. Xây dựng mới 5 công viên tại đô thị Kim Bảng theo từng chức năng và chủ đề khác nhau.

e) Phát triển nhà ở

- Tôn tạo, nâng cấp cảnh quan các khu phố cũ tại các thị trấn hiện hữu. Kiểm soát chặt chẽ việc cho phép xây dựng và cải tạo.

- Nhà ở trong các khu đô thị mới khuyến khích xây dựng mô hình nhà ở kết hợp thương mại, dịch vụ, văn phòng, nhằm khai thác tối đa lợi thế không gian cảnh quan, kết nối giao thông, tạo nên các khu phố thương mại - dịch vụ - du lịch hấp dẫn. Khu vực nhà ở tại các khu đô thị mới như khu vực phía Bắc QL.38 và phía Tây đường D7 phát triển mô hình khu đô thị xanh gắn với nhà ở mật độ xây dựng thấp, tỷ lệ cây xanh cao, tạo sự gắn kết hài hòa với cảnh quan tự nhiên.

6.2. Hạ tầng kỹ thuật

a) Giao thông

- Giao thông đối ngoại:

+ Xây dựng mới đường vành đai 5 vùng Thủ đô; tiếp tục đầu tư hoàn thiện tuyến đường nối vành đai 4 và vành đai 5 vùng Thủ đô, trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

+ Đầu tư nâng cấp, cải tạo các tuyến quốc lộ 1, QL.21, QL.21B, QL.38 đoạn qua địa bàn huyện Kim Bảng theo quy mô quy hoạch (gồm cả hệ thống đường gom, đường song hành 2 bên tuyến) được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 và Quyết định số 1686/QĐ-TTg ngày 26/12/2023.

+ Nâng cấp, cải tạo hiện trạng các tuyến đường tỉnh: ĐT.494; ĐT.494B; ĐT.498C; ĐT.498 và ĐT.498B.

+ Xây dựng mới cầu Tân Lang và tuyến đường liên kết vùng, nối từ đường nối VD4 - VD5 qua Quốc lộ 38 đến Quốc lộ 21.

- Bến xe

Xây mới 01 bến xe; Quy hoạch 06 bến khách dọc sông Đáy với chức năng du lịch, đi lại nội vùng.

- Bãi đỗ xe

Diện tích đất bãi đỗ xe toàn thị xã đạt chỉ tiêu 4 m²/người, vị trí các bãi sẽ được cụ thể hóa tại các đồ án phân khu, đồ án chi tiết sau này.

- Giao thông công cộng:

Vận tải hành khách trên địa bàn gồm có 02 phương thức là đường bộ và đường thủy nội địa.

+ Đường bộ là phương thức chủ đạo ở các các tuyến liên tỉnh; vận tải hành khách đường bộ gồm có các loại hình: tuyến cố định liên tỉnh, tuyến xe buýt và các loại hình taxi, hợp đồng, du lịch.

+ Đường thủy đảm nhận vai trò vận chuyên dọc sông Đáy và ngang sông, tuyến vận chuyên phục vụ du lịch, sản xuất nông nghiệp, thông thương giữa hai bờ.

b) Về cấp nước

- Nguồn nước

+ Nguồn nước sử dụng cho thị xã Kim Bảng chủ yếu sẽ sử dụng nước mặt sông Hồng, sông Đáy.

+ Thị xã Kim Bảng được phân ra làm 2 phân vùng cấp nước chính: Khu vực Tả Đáy được cấp nước từ nhà máy nước Sông Hồng, Kim Bình, Tân Sơn 1, Tân Sơn 2, Ngọc Sơn và Phú Lý 2. Khu vực Hữu Đáy được cấp nước từ nhà máy nước Sông Hồng, Khả Phong, Ngọc Sơn, Phú Lý 2.

- Các công trình đầu mối:

+ Mở rộng, nâng công suất nhà máy nước Kim Bình từ 8.000 m³/ngđ lên 12.000 m³/ngđ. Khai thác nguồn nước mặt Sông Đáy.

+ Cải tạo, nâng công suất nhà máy nước Khả Phong từ 1.200 m³/ngđ lên 8.000 m³/ngđ. Khai thác nguồn nước mặt Sông Đáy.

+ Mở rộng, nâng công suất nhà máy nước Phú Lý 2 từ 20.000 m³/ngđ lên 30.000 m³/ngđ. Khai thác nguồn nước mặt Sông Đáy.

+ Mở rộng, nâng công suất nhà máy nước Sông Hồng từ 100.000 m³/ngđ lên 200.000-300.000 m³/ngđ. Khai thác nguồn nước mặt Sông Hồng.

+ Xây mới nhà máy nước Tân Sơn 1, công suất 10.000 m³/ngđ. Khai thác nguồn nước mặt Sông Đáy.

+ Xây mới nhà máy nước Tân Sơn 2, công suất 10.000 m³/ngđ. Khai thác nguồn nước mặt Sông Đáy.

+ Xây mới nhà máy nước Ngọc Sơn, công suất 10.000 m³/ngđ. Khai thác nguồn nước mặt Sông Đáy.

+ Xây mới trạm bơm tăng áp Kim Bảng 1, công suất 40.000 m³/ngđ. Nguồn từ nhà máy nước Sông Hồng.

- Mạng lưới đường ống

+ Mạng lưới đường ống cấp nước sạch được thiết kế dạng mạch vòng kết hợp với một số tuyến ống nhánh đảm bảo cấp nước an toàn và thuận tiện.

+ Mạng lưới đường ống cấp nước sạch được tính toán bằng chương trình tính toán thủy lực mạng lưới trên máy tính trong 2 trường hợp giờ dùng nước max và giờ có cháy trong giờ dùng nước max.

+ Cải tạo nâng cấp hệ thống đường ống cấp nước hiện trạng dọc theo các tuyến đường giao thông theo quy hoạch.

- Chữa cháy

Sử dụng mạng lưới cấp nước chữa cháy chung với mạng lưới cấp nước của toàn thị xã Kim Bảng. Bố trí các trụ cứu hỏa trên mạng lưới tại những điểm lấy nước thuận lợi và đảm bảo khoảng cách theo quy định. Mạng lưới đường ống được tính toán kiểm tra trong giờ có cháy trong giờ dùng nước max với 3 đám cháy xảy ra đồng thời, lưu lượng của một đám cháy là 25 lít/giây.

c) Về thoát nước

- Hệ thống thoát nước:

Những khu vực được xây dựng mới đồng bộ, hệ thống thoát nước được lựa chọn là hệ thống riêng hoàn toàn. Khu vực dân cư hiện hữu không có điều kiện tách riêng hệ thống thoát nước mưa và nước thải, sẽ xây dựng hệ thống thoát nước nửa riêng.

- Lưu vực thoát nước chính:

+ Lưu vực 1: là khu vực phía Đông Bắc được giới hạn bởi đường trục dọc D3, trục đường T3, sông Ngãm và sông Nhuệ. Vào mùa mưa mực nước các sông lên cao cần có sự phục vụ của các trạm bơm Giáp Ba, Hoàng Tây,...

+ Lưu vực 2: khu vực nằm trong ranh giới được giới hạn bởi sông Nhuệ, trục đường T3 và QL1A. Nước mưa của khu vực này thoát ra kênh A3-4a, kênh A3-4-2, kênh A3-2 sau đó thoát ra sông Nhuệ và sông Đáy. Vào mùa mưa mực nước các sông lên cao cần có sự phục vụ của các trạm bơm Kim Bình, Trần Châu (nằm trên địa bàn thành phố Phú Lý).

+ Lưu vực 3: bao gồm những khu vực còn lại của lưu vực tả Đáy. Nước mưa của khu vực này thoát ra hệ thống kênh PK... sau đó thoát ra sông Đáy và sông Ngãm. Vào mùa mưa mực nước các sông lên cao cần có sự phục vụ của các trạm bơm Quế I, II, III, trạm bơm Đan Xuyên I, II, trạm bơm Tân Sơn I, II, trạm bơm Hoàng Long.

d) Về cấp điện

- Nguồn điện:

+ Nguồn điện chính cấp điện cho thị xã Kim Bảng là các trạm biến áp: Trạm 110 KV Kim Bảng; Trạm 110KV Xi măng Bút Sơn 2; Trạm 110KV Long thành; Trạm 110KV Ba Sao; Trạm 110KV Đồng Văn 4. Ngoài ra, thị xã còn được cấp điện từ các trạm 110KV Châu Sơn, trạm 110KV Phú lý.

+ Xây mới các trạm 110kV tại các khu công nghiệp.

- Lưới điện:

+ Lưới 500KV: Tuyến 500KV mạch kép từ Nho Quan đi Thường Tín chạy ngang qua địa bàn thị xã giữ nguyên và cần được tuyệt đối đảm bảo hành lang bảo vệ an toàn lưới điện Quốc Gia theo quy định của ngành điện. Xây dựng mới tuyến 500kV từ Nho Quan đi Thường Tín qua địa bàn các xã Lê Hồ, Thụy Lôi, Ngọc Sơn, Ba Sao với chiều dài 10,3km.

+ Lưới 220KV: Tuyến 220KV Nho Quan - Ba La và nhánh rẽ cấp cho trạm 220KV Phú Lý cũng cần được đảm bảo hành lang bảo vệ an toàn lưới điện Quốc Gia theo quy định của ngành điện.

+ Lưới 110KV: Xây dựng mới 0,9km tuyến 110KV nổi dây dẫn AC185 rẽ nhánh trên tuyến 110KV Phú Lý - Đồng Văn cấp điện cho các trạm 110KV khu công nghiệp 1. Xây dựng mới 4,9km tuyến 110KV nổi dây dẫn AC185 từ trạm 220KV Phú Lý cấp điện cho trạm 110KV Ba Sao. Xây dựng mới 0,3km tuyến 110KV nổi dây dẫn AC185 rẽ nhánh trên đường dây 110kV Kim Bảng-Vân Đình cấp điện cho trạm 110kV khu công nghiệp 3.

+ Lưới 35,22,10KV: Lưới trung thế 22KV xây dựng theo kết cấu mạch vòng, bình thường vận hành hở. Các khu đô thị mới và khu vực trung tâm lưới trung thế về lâu dài cần được đầu tư ngầm hóa để đảm bảo mỹ quan đô thị, dần đồng bộ nâng áp về cấp điện áp tiêu chuẩn 22KV, bố trí đi ngầm sử dụng cáp ngầm trung thế.

+ Các tuyến trung thế 10KV cần tập trung xóa bỏ và nâng cấp điện áp lên 22kV, các tuyến 35KV hiện có không phù hợp với quy hoạch cần được đầu tư di chuyển cải tạo nâng cấp điện áp lên 22KV và đi theo các tuyến đường quy hoạch.

đ) Thông tin liên lạc

- Về chuyên mạch:

+ Phát triển hệ thống thông tin liên lạc Kim Bảng theo định hướng chung của tỉnh Hà Nam, hệ thống này đồng bộ với hệ thống tỉnh cũng như hệ thống vùng thủ đô.

+ Phát triển mạng chú trọng ứng dụng công nghệ, chất lượng, xây dựng mạng đồng bộ theo mô hình mạng thế hệ mới (NGN). Khu vực nào còn công nghệ cũ dần chuyển đổi sang công nghệ mới theo từng giai đoạn.

- Về truyền dẫn

Mạng truyền dẫn thế hệ mới phải được áp dụng công nghệ truyền dẫn tiên tiến, có cấu trúc đơn giản trên cơ sở mạng truyền dẫn hiện có sau: (VTN): Hà Nội - Hà Nam; Hà Nam - Nam Định; Viettel: Hà Nam - Hà Nội; Hà Nam - Nam Định; FPT: Hà Nam - Hà Nội; Hà Nam - Nam Định; Phủ Lý - Bãi Xếp.

Các tuyến cáp quang mới sẽ được bổ sung đáp ứng nhu cầu mới và dự phòng gồm có các tuyến từ trạm trung tâm đến các điểm xây dựng mới.

Các mạch vòng được kết nối với nhau để thực hiện định tuyến luồng quang. Khu vực có lưu lượng lớn mà vòng Ring đi qua sẽ được trang bị các thiết bị xen kẽ như: khu trung tâm thị trấn Quế, phân khu phía Đông, phía Tây - Quốc lộ 1,...

- Truyền hình, truyền thanh và dịch vụ khác

Tuyến tín hiệu hữu tuyến: Tín hiệu được các nhà khai thác cung cấp cho các thuê bao dựa trên hạ tầng dùng chung với các hạ tầng kỹ thuật khác.

- Bưu chính

Mạng lưới bưu cục vẫn được tổ chức theo 3 cấp như hiện nay, gồm bưu cục cấp I, cấp II và cấp III. Các bưu cục được nâng cấp đầu tư các thiết bị hiện đại, linh động trong việc khai thác nhằm sử dụng tài nguyên hiệu quả.

e) Thoát nước thải

- Nước thải sinh hoạt

Nước thải sinh hoạt của thị xã Kim Bảng được thu gom bằng các đường cống tự chảy D300 - D800 và các trạm bơm chuyên tiếp dẫn nước thải về các trạm xử lý tập trung theo từng lưu vực thoát nước. Trên cơ sở nền địa hình tự nhiên và bản đồ định hướng chuẩn bị kỹ thuật, dự kiến khu vực nghiên cứu chia thành 5 lưu vực thoát nước chính. Đối với các công trình, nhóm công trình du lịch mang tính chất độc lập. Nước thải sẽ xử lý cục bộ đảm bảo quy định tại các công trình, sau đó thoát ra hệ thống thoát nước chung trong khu vực. Khu vực ngoại thị: từng bước xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải khu vực ngoại thị đối với các khu vực mật độ cao, dự phòng quỹ đất xây dựng trạm xử lý công nghệ chi phí thấp. Đối với

các khu vực mật độ thấp, áp dụng mô hình xử lý nước thải tại chỗ như bể tự hoại cải tiến kết hợp với hệ thống xử lý sinh học trong điều kiện tự nhiên.

- Nước thải công nghiệp

Mỗi loại công nghiệp có tính chất và thành phần nước thải khác nhau nên việc xử lý cũng theo các công nghệ khác nhau, do đó xây dựng hệ thống thoát nước và trạm làm sạch tập trung theo dự án riêng của từng loại hình công nghiệp.

- Nước thải y tế

Bệnh viện cấp huyện phải có hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung. Thường chọn công nghệ DEWATS dựa trên nguyên tắc hoạt động của vi sinh vật yếm, hiếu khí để xử lý triệt để các chất hữu cơ có trong nước thải.

g) Chất thải rắn (CTR)

Tiến hành phân loại tại nguồn gồm CTR hữu cơ và vô cơ. CTR hữu cơ được thu gom xử lý chế biến thành phân vi sinh, CTR vô cơ thu hồi mua bán với các cơ sở tái chế. Các chất thải như thức ăn thừa, rau, củ, quả ... người dân tái chế, tái sử dụng ngay tại gia đình làm thức ăn cho gia súc, gia cầm. Còn lại CTR dạng tro không dùng được đem chôn lấp hợp vệ sinh. Trong giai đoạn trước mắt các thị trấn, xã sử dụng các bãi chôn lấp, lò đốt rác theo quy hoạch nông thôn mới. Tương lai cần xây dựng khu xử lý tập trung cấp vùng huyện khoảng 15ha, có công nghệ tổng hợp, vị trí chọn ở phía Đông Nam xã Thanh Sơn. Các bãi chôn lấp quy mô thị trấn, thôn, xã đã được xây dựng sẽ thành các điểm trung chuyển CTR.

Ngoài ra có thể sử dụng khu liên hiệp xử lý chất thải rắn cấp vùng tỉnh tại thung Đám Gai, xã Thanh Thủy, huyện Thanh Liêm.

h) Nghĩa trang

- Nghĩa trang

Về cơ bản mỗi phường/xã được sử dụng 01 nghĩa trang hiện có, đến năm 2030 tiếp tục sử dụng 05 nghĩa trang hiện hữu trở thành nghĩa trang liên xã; sau năm 2030, quy hoạch nghĩa trang tập trung của đô thị tại khu vực Lê Hồ, Tượng Lĩnh, diện tích khoảng 10ha.

- Nhà tang lễ

Xây dựng 01 nhà tang lễ khoảng 500-1000 m² thuộc khu vực phường trung tâm thị xã, có thể gắn với đất trung tâm y tế thị xã để thuận tiện phục vụ cho dân cư đô thị và các xã trong vùng.

7. Nhu cầu và khả năng huy động vốn đầu tư

7.1. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư:

- Dự án Khu du lịch Quốc gia Tam Chúc;
- Dự án tuyến đường vành đai V (đoạn qua địa phận Kim Bảng), nút giao và đường kết nối vào Khu du lịch Quốc gia Tam Chúc;
- Dự án sân golf Tượng Lĩnh và khu nghỉ dưỡng Thiên Đường;

- Dự án mở rộng Khu công nghiệp Đồng Văn IV;
- Dự án các khu nghỉ dưỡng, du lịch, thương mại dịch vụ, đô thị;
- Dự án tuyến đường nối các đường vành đai 4,5;
- Dự án đường cầu Tân Lang và tuyến đường kết nối liên khu vực;
- Cầu Sông Đáy và tuyến đường kết nối liên vùng qua Vành đai 5, kết nối Quốc lộ 1;
- Các tuyến trục dọc từ D1 đến D10;
- Các tuyến trục ngang từ N1 đến N9;
- Dự án Khu dịch vụ hậu cần Khu công nghiệp phía Nam đường N3, gắn với dự án xây dựng trung tâm thương mại, dịch vụ tổng hợp,... gắn với sự hình thành phát triển các khu công nghiệp trên địa bàn.
- Dự án cải tạo vùng bãi sông Đáy - không gian xanh, vui chơi, giải trí.
- Dự án Khu trung tâm đô thị Kim Bảng.
- Dự án xây dựng các công trình công cộng cấp đô thị như bệnh viện, trường học đáp ứng nhu cầu phát triển và sự gia tăng dân số đô thị.
- Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Đồng Văn IV giai đoạn II (tiếp tục mở rộng lên 733 ha)
- Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật các Khu công nghiệp Kim Bảng I, II, III, IV.
- Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật các Cụm công nghiệp.
- Dự án xây dựng hồ điều hòa gắn với công viên trung tâm đô thị.
- Dự án xây dựng trạm làm sạch nước thải sinh hoạt của đô thị tại Nhật Tựu, Đồng Hóa, Thanh Sơn và Khả Phong.

7.2. Các giải pháp huy động, sử dụng hiệu quả nguồn vốn thực hiện dự án ưu tiên đầu tư

a) Để đáp ứng được nhu cầu vốn đầu tư trên cần có hệ thống các giải pháp huy động vốn tích cực, chủ động và đồng bộ, trong đó tập trung vào các giải pháp như sau:

- Vốn ngân sách nhà nước

Ưu tiên nguồn vốn ngân sách tỉnh, đồng thời tranh thủ tối đa các nguồn vốn Trung ương hỗ trợ có mục tiêu, Chương trình mục tiêu Quốc gia, vốn tín dụng ưu đãi đầu tư, vốn nhân rồi của Kho bạc Nhà nước để đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội. Tăng cường phối hợp với các Bộ, Ngành ngay từ khâu xây dựng quy hoạch và kế hoạch, đảm bảo các công trình, dự án trọng điểm của tỉnh, nhất là các dự án lớn về giao thông, công nghiệp, du lịch, quốc phòng, an ninh,... được thể hiện đầy đủ trong quy hoạch, kế hoạch đầu tư phát triển của Bộ, ngành chủ quản nhằm đảm bảo nguồn vốn cho đầu tư phát triển.

Trong khuôn khổ của pháp luật về đất đai, có biện pháp phù hợp để huy động tối đa nguồn vốn từ khai thác quỹ đất cho phát triển đô thị, công nghiệp.

- Vốn ngoài ngân sách nhà nước

Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác xúc tiến đầu tư. Tích cực và chủ động lựa chọn các dự án có quy mô lớn, sử dụng công nghệ cao để tập trung thu hút đầu tư vào các khu kinh tế trọng điểm, khu công nghiệp và các trục phát triển; thu hút vốn đầu tư từ nước ngoài có tiềm năng về vốn, công nghệ và kinh nghiệm quản lý; mở rộng hợp tác với các tổ chức tài chính lớn, ngân hàng và các tổ chức phi chính phủ để tranh thủ sự hỗ trợ, hợp tác về đầu tư.

Tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa các lĩnh vực giáo dục và đào tạo, y tế, văn hóa, thông tin, thể dục thể thao, nhằm huy động mọi nguồn lực xã hội cho đầu tư phát triển các lĩnh vực này.

Tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng, bàn giao đất cho các nhà đầu tư đúng tiến độ; đồng thời, tăng cường kiểm tra tình hình thực hiện của các dự án đầu tư trực tiếp, kiên quyết thu hồi các dự án không chấp hành các quy định của pháp luật; dự án thực hiện chậm so với cam kết mà không có lý do chính đáng, để tạo môi trường đầu tư lành mạnh, công bằng, minh bạch cho các nhà đầu tư.

b) Định hướng sử dụng nguồn vốn

Để đáp ứng nhu cầu đầu tư, cần tập trung thực hiện các biện pháp phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư theo định hướng như sau:

- Vốn ngân sách nhà nước

Nguồn vốn ngân sách tỉnh tập trung đầu tư các công trình lớn, quan trọng, không đầu tư lan trải, phân tán, thiếu đồng bộ; hạn chế tối đa xây dựng mới trụ sở các cấp, ban, ngành; đồng thời, ưu tiên đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển công nghiệp: hạ tầng đô thị, khu công nghiệp tập trung, các công trình cấp, thoát nước, xử lý môi trường; nâng cấp các công trình thủy lợi; hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng ngoài hàng rào các dự án phát triển sản xuất, kinh doanh theo cơ chế ưu đãi khuyến khích đầu tư.

Tranh thủ sự hỗ trợ của trung ương, các nhà tài trợ để thu hút các nguồn vốn ngân sách, TPCP, vốn ODA đầu tư các dự án lớn về kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi và các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng xã hội.

- Vốn ngoài ngân sách nhà nước:

Ưu tiên thu hút sản xuất hạ tầng các khu công nghiệp; xây dựng khách sạn, nhà hàng, các khu vui chơi giải trí; sản xuất và chế biến nông, lâm sản,...

Phần thứ năm
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, quá trình đô thị hóa trên địa bàn huyện Kim Bảng thời gian qua đã tác động đến mọi mặt của đời sống người dân của các xã, thị trấn thuộc huyện Kim Bảng. Công tác tổ chức, quản lý, điều hành của chính quyền địa phương huyện Kim Bảng theo mô hình nông thôn như hiện nay không còn phù hợp, cần thiết phải thành lập thị xã và thành lập phường để đáp ứng yêu cầu phát triển và quản lý đô thị.

Thành lập thị xã Kim Bảng và các phường thuộc thị xã Kim Bảng tạo điều kiện khai thác tốt hơn tiềm năng, lợi thế của địa phương; sắp xếp hợp lý nguồn lao động, tạo động lực cho phát triển, góp phần đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước, đảm bảo quốc phòng, an ninh.

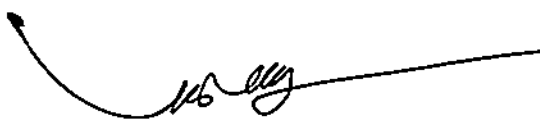
Thành lập thị xã Kim Bảng và các phường thuộc thị xã Kim Bảng phù hợp với Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Hà Nam; các định hướng, quy hoạch đặt ra tại Quy hoạch tỉnh Hà Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quy hoạch chung đô thị Kim Bảng; Chương trình phát triển đô thị tỉnh Hà Nam, Chương trình phát triển đô thị Kim Bảng,... được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đồng thời, đáp ứng đủ các điều kiện, đạt các tiêu chuẩn của thị xã thuộc tỉnh và phường thuộc thị xã theo quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 (sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15).

Trên đây là Đề án thành lập thị xã Kim Bảng và các phường thuộc thị xã Kim Bảng, UBND tỉnh Hà Nam kính trình các cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- UBND huyện Kim Bảng;
- VPUB: LĐVP, TCDNC, TH;
- Lưu: VT, TCDNC(T).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Trương Quốc Huy